NGHIỆP VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HOÁ XNK



Biên soạn: ***ThS. Nguyễn Đăng Khoa***

Đâu là

Kiến thức cần thiết khi đi phỏng vấn ngành Logistics



Điều số 1

Incoterms



Điều số 2

Thanh toán quốc tế



Điều số 3

Các loại chứng từ liên quan



Điều số 4

Khai báo hải quan



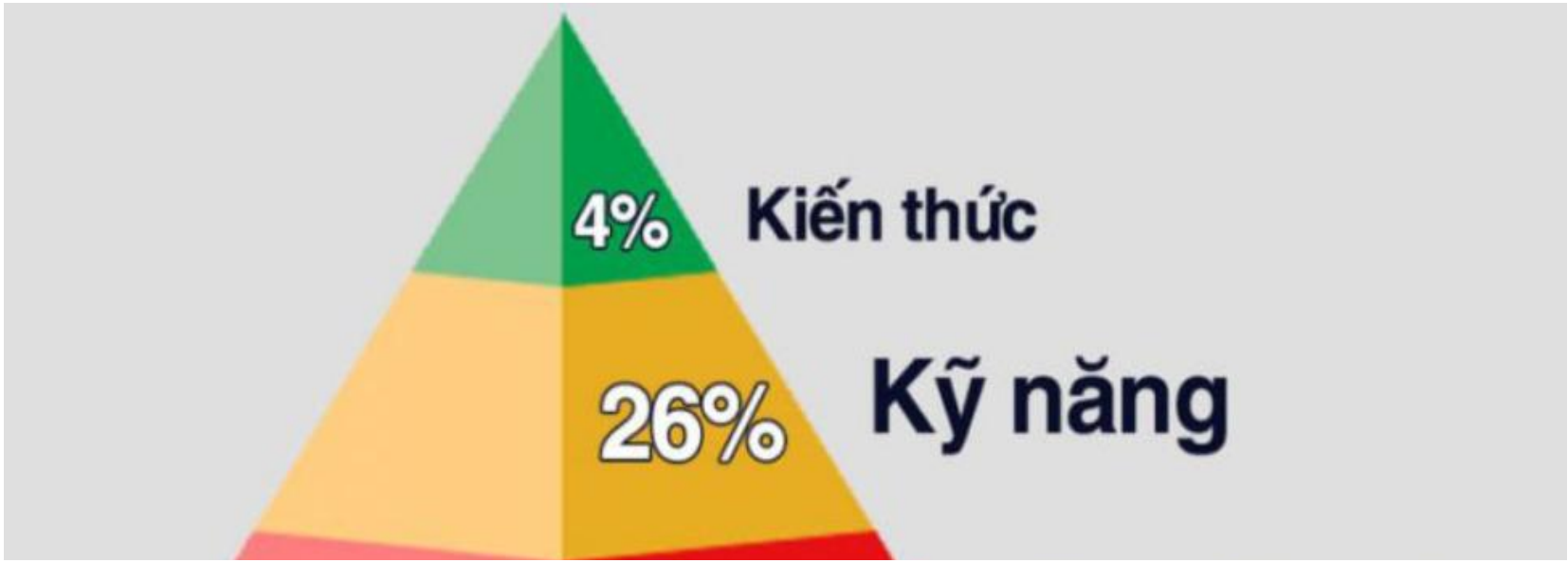
Điều số 5

Giao nhận hàng hóa



Điều số 1→ 5




4%
Kiến thức
26%
Kỹ năng


4%
Kiến thức
26%
Kỹ năng
70%
Thái độ

Điều số 6



1


THÁI ĐỘ
Quan trọng hơn
TRÌNH ĐỘ
KIẾN THỨC
4%
KỸ NĂNG
26%
70%
THÁI ĐỘ

2



3

DANH SÁCH CHIA NHÓM

LƯU Ý: Nhập sau DEADLINE = KHÔNG CÓ TÊN TRONG DANH SÁCH CHIA NHÓM / HỌC





Lấy tài liệu trên Classroom. Đọc và nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp!

TẠI LỚP (50%)

Kiểm tra các kiểu, các loại, mọi lúc, mọi nơi…..

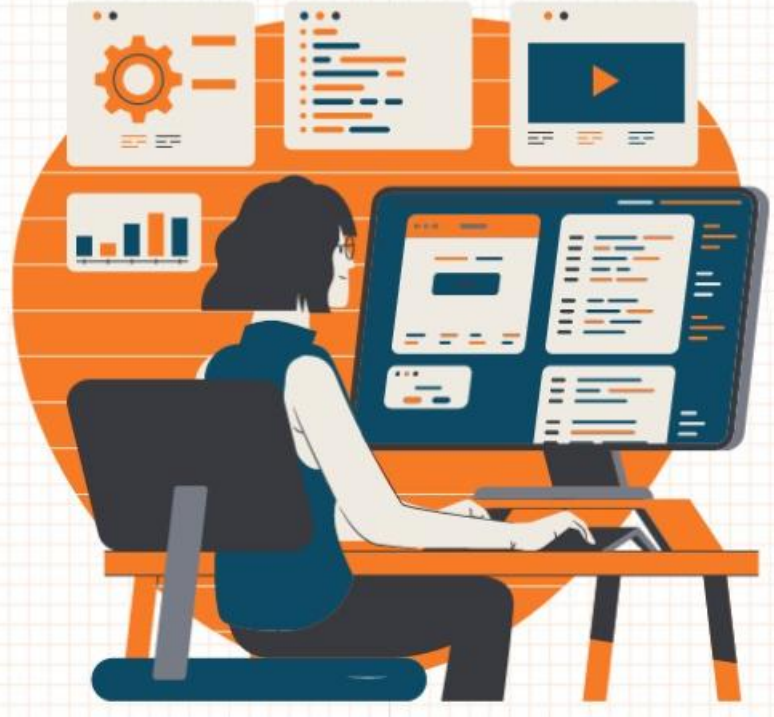
THI TỰ LUẬN (50%)

Đề ĐÓNG

Trắc nghiệm + bài tính

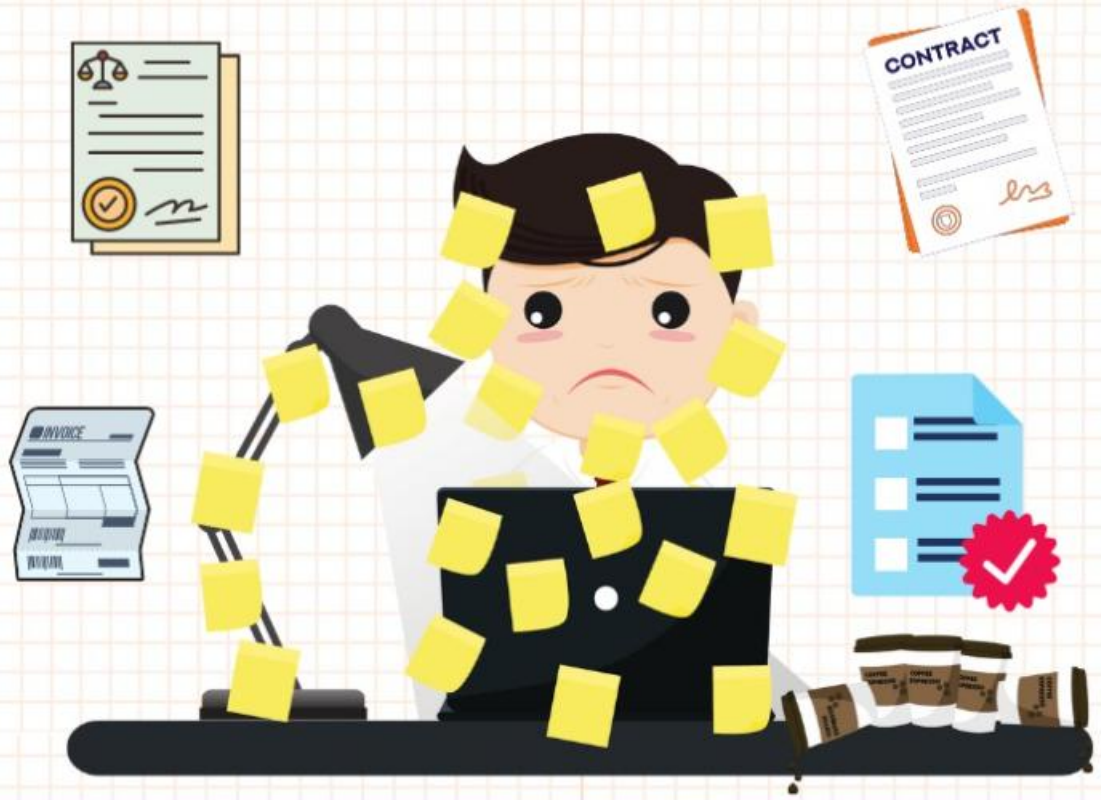
SỰ THẬT LỜI ĐỒN

"Lương tiền việt - Đền tiền đô"



Mr. Tít Hải Phòng

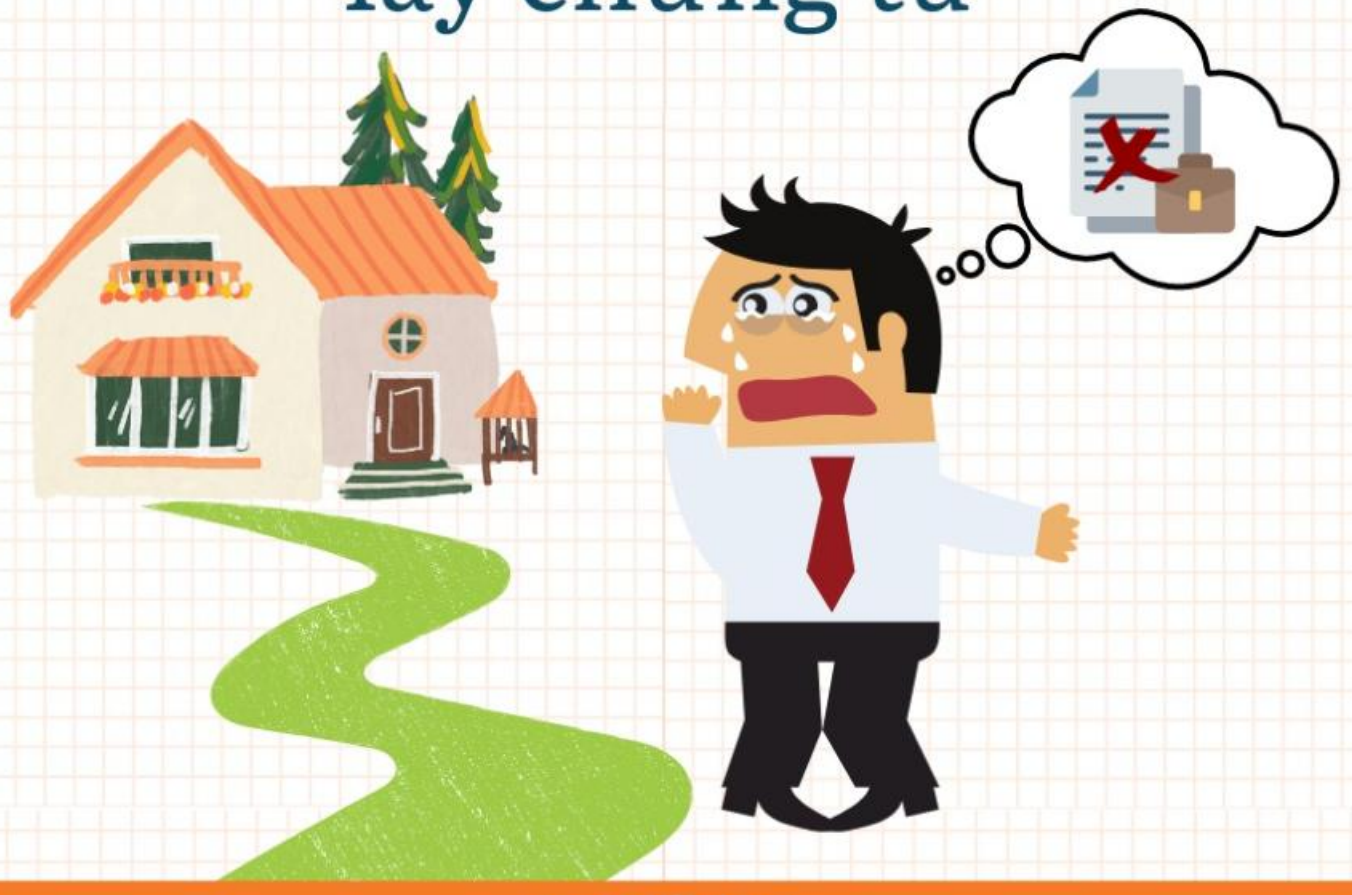
Áp lực của Deadline



Cảm xúc tiêu cực, chán nản



Đội nắng, đội mưa đi lấy chứng từ



SALES LOGISTICS NÊN UỐNG GÌ KHI GẶP MUÔN VÀN TÌNH HUỐNG KHÓ ĐỠ ???


@chuyện đọc sách
Sếp bảo tôi phải biết giữ chân khách hàng. Tôi quyết định giấu dép khách

Cho em order

TRÀ ĐÀO CAM SẢ

stress áp lực doanh số



ORDER NOW

Cho em order một cốc

TRÀ SỮA BÓNG ĐÊM

thức đợi hàng lên tàu



ORDER NOW

Cho em order một

BẠC XỈU

lên xỉu xuống vì khách hủy booking



ORDER NOW

Cho em order một

TRÀ ĐÀO CAM

chịu khách ép, hãng tàu ép



ORDER NOW

Cho em một ly

NƯỚC ÉP CÀ RỐT

cuộc bao giờ mới được

lương tiền đô, đền tiền Việt



ORDER NOW


CÙNG TÍT "TRINH THÁM"
VÙNG ĐẤT LOGISTICS


NHÂN VIÊN CHỨNG TỪ
Soạn thảo chứng từ
Theo dõi, cập nhật liên tục
Đàm phán điều kiện
Lưu trữ hồ sơ, chứng từ


NHÂN VIÊN HIỆN TRƯỜNG
Làm thủ tục thông quan
Chọn vỏ container tại các kho, cảng...
Kiểm tra hàng hóa
Thực hiện giao nhận


NHÂN VIÊN THU MUA
Lập kế hoạch thu mua
Theo dõi đơn hàng
Tìm kiếm nhà cung cấp
Thực hiện giao dịch, thỏa thuận


NHÂN VIÊN KINH DOANH XNK VÀ LOGISTICS
Tìm kiếm khách hàng
uy trì mối quan hệ với khách hàng
Giao dịch với khách hàng
Chăm sóc khách hàng


TÍNH CÁCH của bạn
phù hợp với NGHỀ nào trong
Logistics ?
Tư vấn miễn phí tại Mr.Tít


NHÂN VIÊN THU MUA
Cẩn trọng, tỉ mỉ
Cứng rắn
Biết nắm bắt tâm lý


NHÂN VIÊN CHỨNG TỪ
Kiên nhẫn
Thích an toàn
Kỹ tính


NHÂN VIÊN SALES LOGISTICS
Thích giao tiếp
Biết thuyết phục
Chịu được áp lực
CONTRACT


NHÂN VIÊN HIỆN TRƯỜNG
Năng động
Thích rong ruổi
Chịu khó

Bài 1

Các chứng từ trong giao nhận

Bài 2

Cước vận chuyển và chi phí trong giao nhận

Bài 3

Nghiệp vụ giao hàng XUẤT KHẨU

Bài 4

Nghiệp vụ nhận hàng NHẬP KHẨU

Bài 5

Hoạt động của Freight Forwarder

Bài 1



Các chứng từ cơ bản trong giao nhận

KIỂM TRA BÀI 1

1. Vòng quay
2. QUIZ 1A
3. Đọc AWB
4. Classroom 1 (EIR / VGM / eBL)
5. QUIZ 1B
6. KT1 – giấy

QUI TRÌNH XUẤT KHẨU

Báo giá, P/I → ký HĐ

Xin giấy phép xuất khẩu

Thực hiện công việc giai đoạn đầu của khâu thanh toán

Thuê phương tiện vận chuyển

Dùng booking note kéo container rỗng / đưa hàng ra cảng

Kiểm tra liên ngành

Mua bảo hiểm

Làm thủ tục hải quan & nộp thuế XK (nếu có)

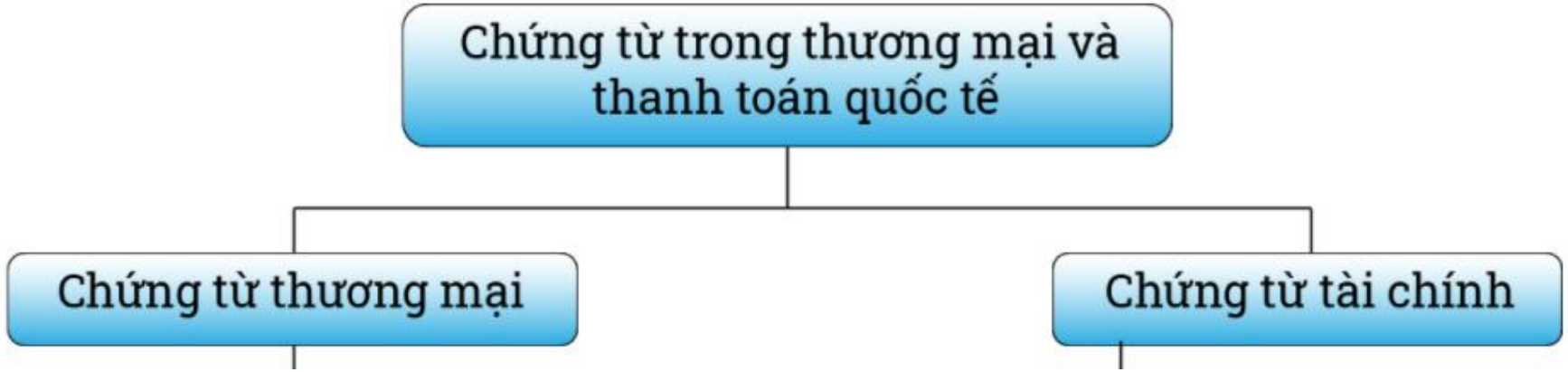


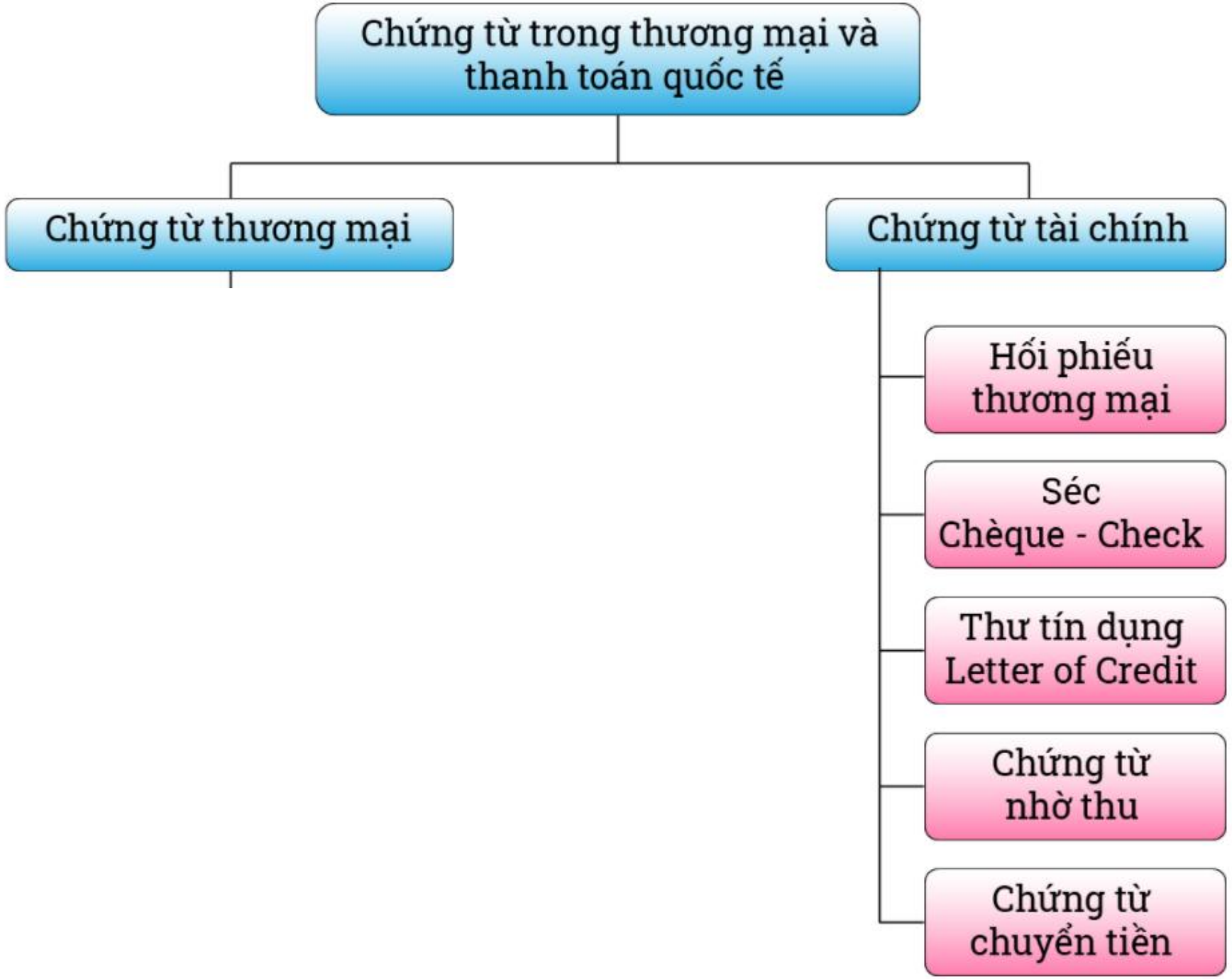
Giao hàng lên tàu

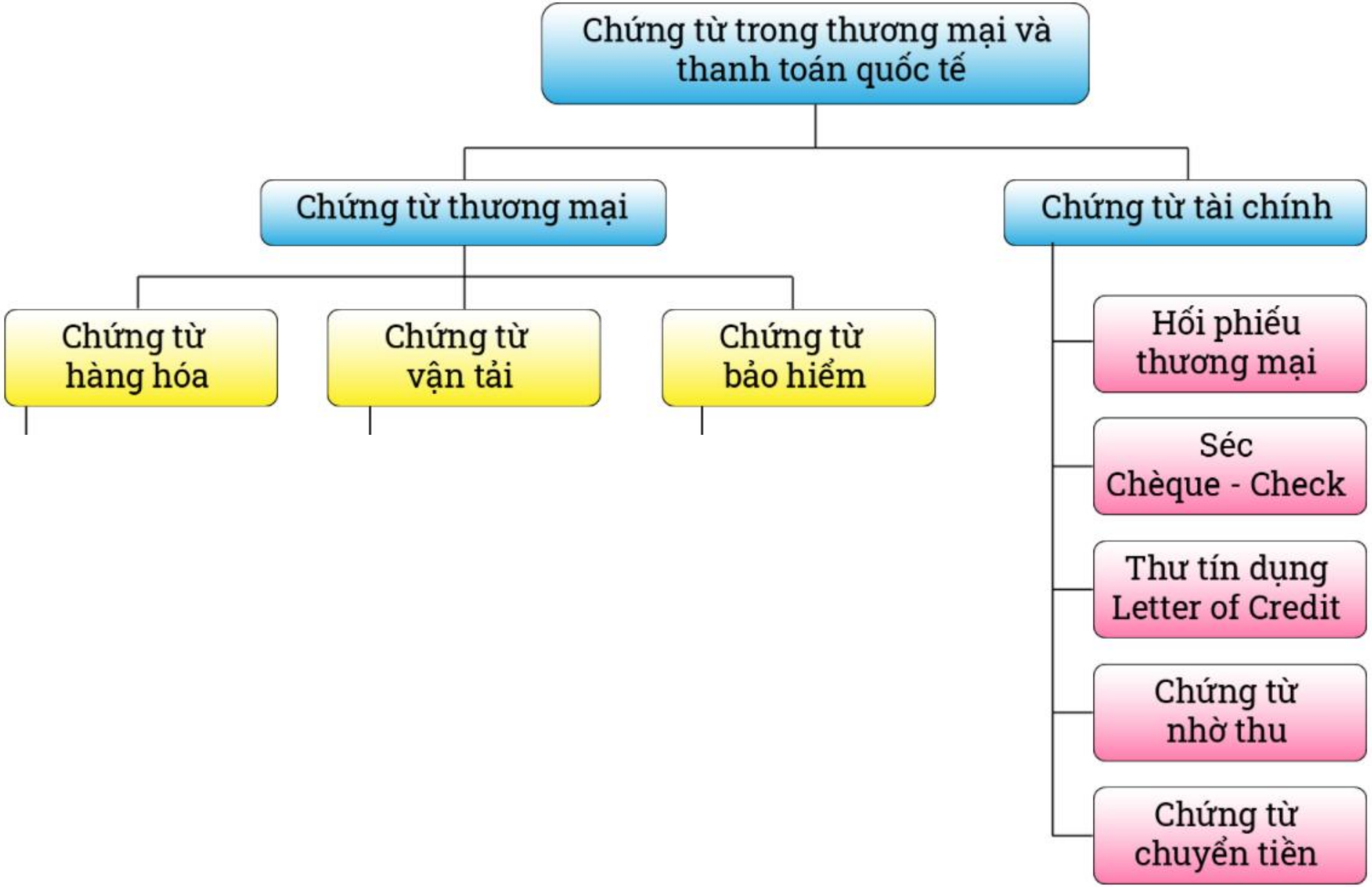
Lập bộ chứng từ thanh toán, khiếu nại (nếu có)

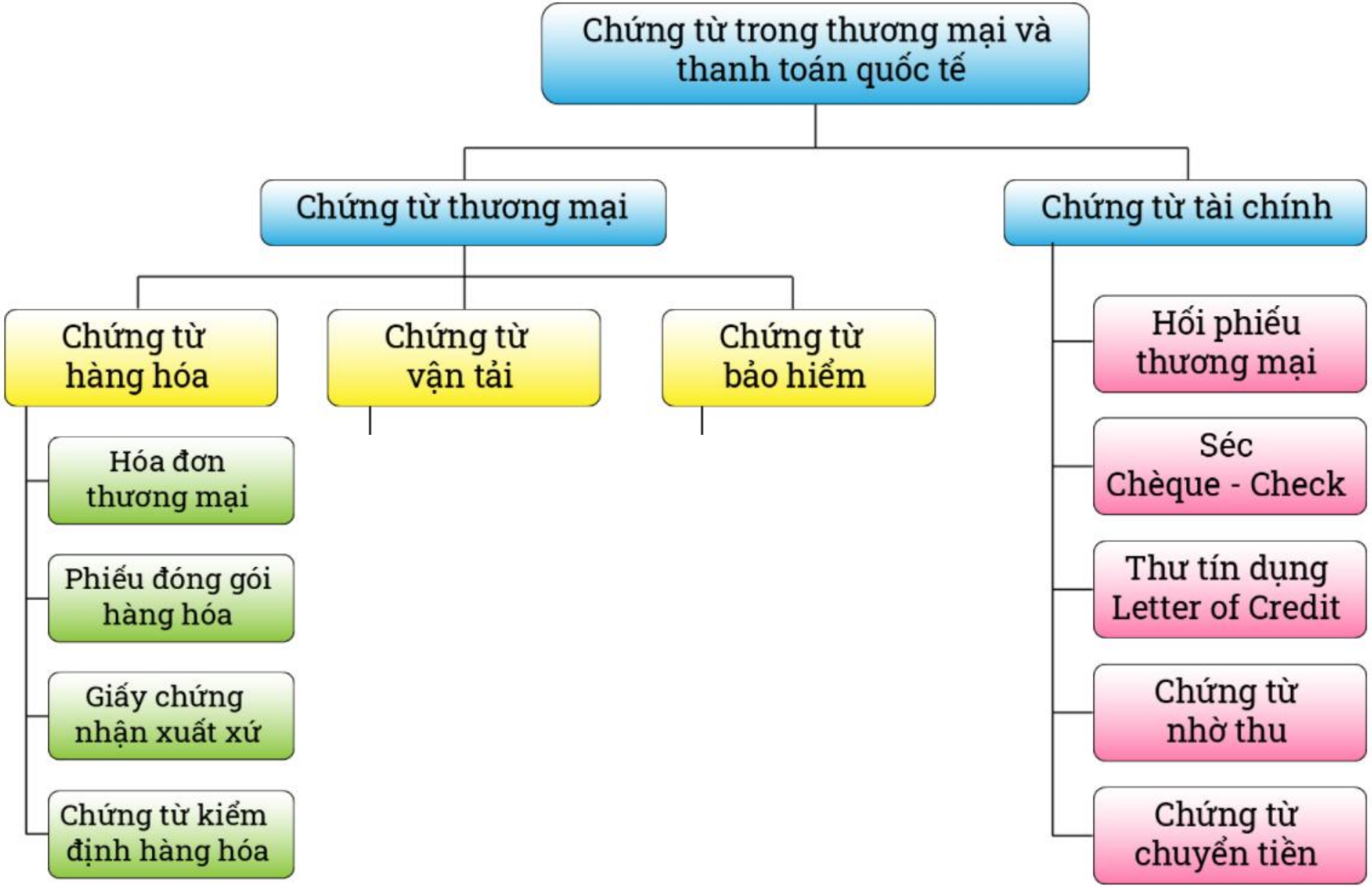
Thanh lý hợp đồng

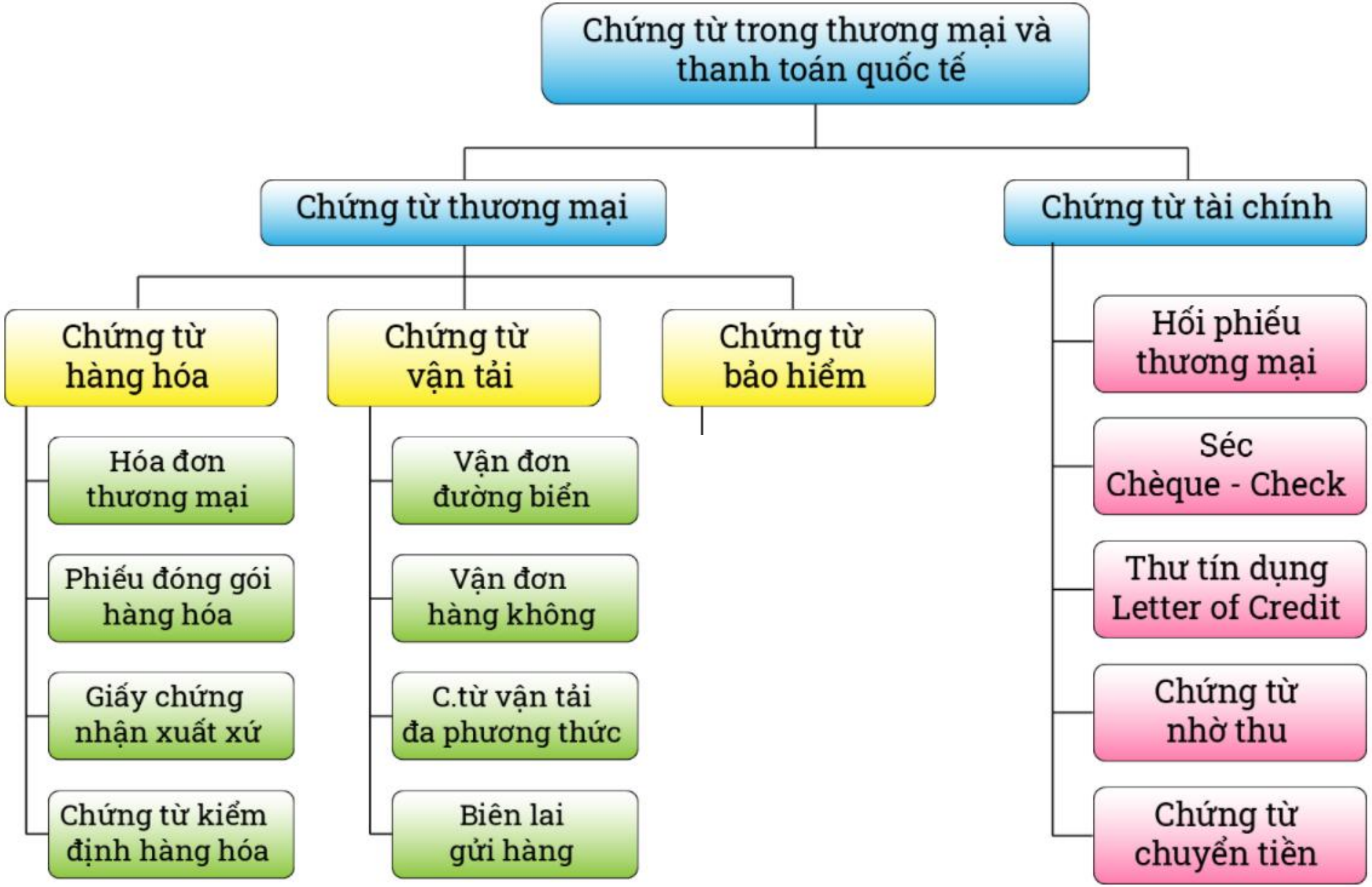
Chứng từ trong thương mại và thanh toán quốc tế


Chứng từ trong thương mại và thanh toán quốc tế
Chứng từ thương mại
Chứng từ tài chính


Chứng từ trong thương mại và thanh toán quốc tế
Chứng từ thương mại
Chứng từ tài chính
Hối phiếu thương mại
Séc Chèque - Check
Thư tín dụng Letter of Credit
Chứng từ nhờ thu
Chứng từ chuyển tiền


Chứng từ trong thương mại và thanh toán quốc tế
Chứng từ thương mại
Chứng từ tài chính
Chứng từ hàng hóa
Chứng từ vận tải
Chứng từ bảo hiểm
Hối phiếu thương mại
Séc Chèque - Check
Thư tín dụng Letter of Credit
Chứng từ nhờ thu
Chứng từ chuyển tiền


Chứng từ trong thương mại và thanh toán quốc tế
Chứng từ thương mại
Chứng từ tài chính
Chứng từ hàng hóa
Chứng từ vận tải
Chứng từ bảo hiểm
Hóa đơn thương mại
Phiếu đóng gói hàng hóa
Giấy chứng nhận xuất xứ
Chứng từ kiểm định hàng hóa
Hối phiếu thương mại
Séc Chèque - Check
Thư tín dụng Letter of Credit
Chứng từ nhờ thu
Chứng từ chuyển tiền


Chứng từ trong thương mại và thanh toán quốc tế
Chứng từ thương mại
Chứng từ tài chính
Chứng từ hàng hóa
Chứng từ vận tải
Chứng từ bảo hiểm
Hóa đơn thương mại
Phiếu đóng gói hàng hóa
Giấy chứng nhận xuất xứ
Chứng từ kiểm định hàng hóa
Vận đơn đường biển
Vận đơn hàng không
C.từ vận tải đa phương thức
Biên lai gửi hàng
Hối phiếu thương mại
Séc Chèque - Check
Thư tín dụng Letter of Credit
Chứng từ nhờ thu
Chứng từ chuyển tiền


Chứng từ trong thương mại và thanh toán quốc tế
Chứng từ thương mại
Chứng từ tài chính
Chứng từ hàng hóa
Chứng từ vận tải
Chứng từ bảo hiểm
Hóa đơn thương mại
Phiếu đóng gói hàng hóa
Giấy chứng nhận xuất xứ
Chứng từ kiểm định hàng hóa
Vận đơn đường biển
Vận đơn hàng không
C.từ vận tải đa phương thức
Biên lai gửi hàng
Bảo hiểm đơn
Giấy chứng nhận bảo hiểm
Hợp đồng bảo hiểm
Phiếu bảo hiểm
Hối phiếu thương mại
Séc Chèque - Check
Thư tín dụng Letter of Credit
Chứng từ nhờ thu
Chứng từ chuyển tiền

CHỨNG TỪ XUẤT NHẬP KHẨU



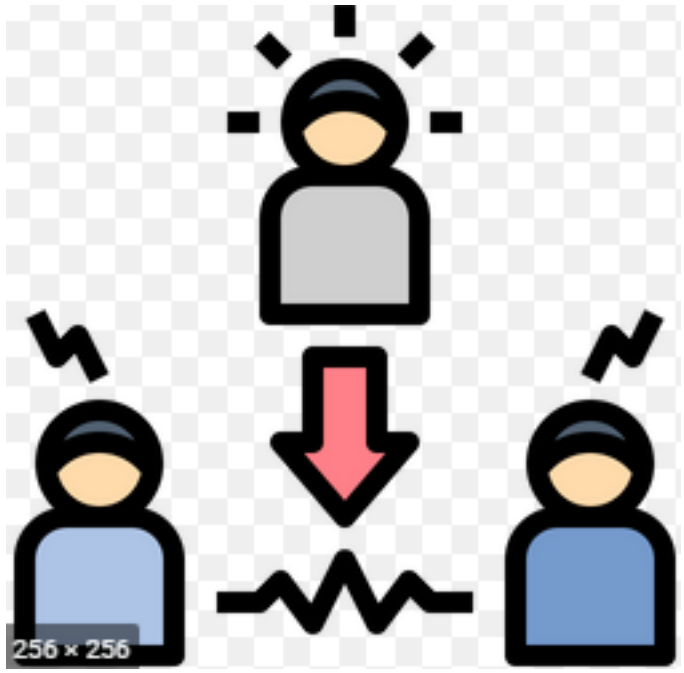
LC, TT , BE

- **Giấy kiểm định số lượng, chất lượng** (Quantity / Quality certificate)
- **Giấy chứng nhận y tế** (Health certificate)
- **Giấy chứng nhận khử trùng** (Fumigation certificate)
- **Chứng từ khác theo yêu cầu của nhà nhập khẩu.**

WHO	1	Ai phát hành?
WHAT	2	Để làm gì? Nội dung?
WHEN	3	Phát hành khi nào?

WHO 1

Seller	3RD Party	Buyer



WHAT 2

- Mục đích của chứng từ
- Nội dung cơ bản



WHEN 3





- Trước tàu chạy
- Ngay khi tàu chạy
- Sau tàu chạy

1. VÒNG QUAY

VÒNG QUAY MAY MẮN

1	2	3
4	5	6
7	8	



QUAY

VÒNG QUAY MAY MẮN

9	10	11
12	13	6
14	15	



QUAY

Sales Contract

Do người bán và người mua ký kết để thỏa thuận các điều khoản, điều kiện để mua bán hàng hóa.

Commercial Invoice

Người bán lập để đòi tiền người mua hoặc để thông quan hàng hóa.





Packing List



Người sản xuất / nhà xuất khẩu lập ra để liệt kê tất cả hàng hóa được đóng gói trong từng kiện hàng, thùng, container.

Shipping Instruction (SI)

Là chi tiết lô hàng mà nhà xuất khẩu gởi cho **nhà chuyên chở (carrier)** để làm vận đơn.

- Shipping line (hãng tàu)
- Airline (hãng hàng không)
- Forwarder (công ty giao nhận)

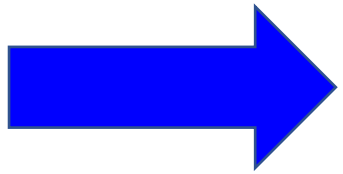
Certificate of origin (C/O)

Phát hành sau khi giao hàng bởi phòng thương mại bộ công thương cơ quan hải quan….tùy theo qui định mỗi nước.

Mục đích:

- C/O để xác nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.
- Nộp C/O cho Hải quan để hưởng chế độ ưu đãi khi tính thuế xuất nhập khẩu

GSP (thuế quan phổ cập) ***:ưu đãi một chiều***

Nước phát triển  Nước đang / kém pt

Vd: CO Form A

FTA (HĐTM tự do)*: ưu đãi hai chiều*

Nước A  Nước B

Vd: CO Form D, E, EUR1, AANZ

- C/O mẫu A (Mẫu C/O ưu đãi dùng cho hàng xuất khẩu của Việt Nam)
- CO form B (Mẫu C/O không ưu đãi dùng cho hàng xuất khẩu của Việt Nam)
- C/O mẫu D (các nước trong khối ASEAN)
- C/O mẫu E (ASEAN - Trung Quốc). *Chi tiết về CO mẫu E tại đây*.
- C/O form EAV (Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu)
- C/O mẫu AK (ASEAN - Hàn Quốc), mẫu KV (Việt Nam - Hàn Quốc)
- C/O mẫu AJ (ASEAN - Nhật Bản)
- C/O mẫu VJ (Việt nam - Nhật Bản)
- C/O mẫu AI (ASEAN - Ấn Độ)
- C/O mẫu AANZ (ASEAN - Australia - New Zealand)
- C/O mẫu VC (Việt Nam - Chile)
- C/O mẫu S (Việt Nam - Lào; Việt Nam - Campuchia)

BỐN LOẠI C/O MỚI

LOẠI	NHỮNG NƯỚC YÊU CẦU	CƠ QUAN CẤP
C/O form CPTPP ***(11 nước)***	(AU,BN,CA,CL,JP,MY,MX ,NZ,PE,SG,VN)	BCT (14/01/2019)
C/O form EUR1 ***(seri AB)***	VN và 27 nước EU	BCT (1/8/2020)
C/O form EUR1 ***(seri AA)***	VN và UK	BCT (1/1/2021)

C/O MỚI

LOẠI	NHỮNG NƯỚC YÊU CẦU	CƠ QUAN CẤP
C/O RCEP ***(15 nước)***	(Asean, CN,JP,KR,AU,NZ)	BCT (01/01/2022)

Certificate of origin (C/O)

Phòng thương mại:

http://comis.covcci.com.vn/

Bộ công thương:

http://www.ecosys.gov.vn/Homepage/HomePage.aspx

1. Tận dụng các FTA đã có hiệu lực đối với Việt Nam

1.AFTA:	1993
2.ACFTA:	2003
3.AKFTA:	2007
4.AJCEP:	2008
5.VJEPA:	2009
6.AIFTA:	2010
7.AANZFTA:	2010
8.VCFTA:	2014
9.VKFTA:	2015
10.VN-EAEU FTA	2016
11.CPTPP:	2019
12.AHKFTA:	2019
13.EVFTA:	2020
14.UKVFTA:	2021
15.RCEP:	2022

Insurance policy

Là chứng từ do người bảo hiểm cấp cho người được bảo hiểm để xác nhận hàng hóa bảo hiểm theo điều kiện hợp đồng.

Insurance policy

Incoterm 2010 / 2020 :
CIF, CIP bắt buộc người bán mua BH

Incoterm 2010/2020 :
các điều kiện còn lại tùy thuộc vào nhà XK,NK

Insurance

- Trách nhiệm và quyền lợi của bên bán và bên mua trong bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu quyết định bởi **Incoterm**.

Điều kiện bảo hiểm A,B,C

CARGO INSURANCE POLICY

Policy No.: P-16/TCT/HHA/1200/0072 Date of issue: 29/02/2016

Based on request and payment of the premium, as agreed, of the Assured, Petrolimex Insurance Corporation (PJICO) hereby agree to insure the following cargo subject to condition(s) and/or clause(s) of insurance stated in this policy or endorsements if any

Name and address of the Assured:	DONGKUK TRADING CO., LTD. DONGKUK BLDG. 556-27, SINSA-DONG KANGNAM-KU, SEOUL, KOREA		
Name of Vessel or No. of flight:	SARA 0008N	**Sailing on or about:**	03/03/2016
Voyage at and from: DONGKUK VIETNAM CO., LTD,'S WAREHOUSE PORT OF LOADING: HAIPHONG, VIETNAM	**Transhipment:** ALLOWED	**To:** DONGKUK TRADING CO., LTD'S WAREHOUSE PORT OF DISCHARGE: BUSAN, KOREA	
Subject - matter insured: CONDOMS (HALF-FINISHED PRODUCTS) RUBBER FINGER COTS TOTAL: 2,950,880 PCS, 195 CARTONS INVOICE NO.: 160229CF DATE FEBRUARY 29, 2016 ORDER NO.: DK-160125CF DATE JANUARY 25, 2016 110% CIF INVOICE VALUE: USD 36.518,35			
Sum insured:	USD 36,518.35 (110% INVOICE)	**Premium rate:**	0.15000 %
Premium: USD 54.78	**VAT:** USD 5.48	**Total amount of payment:**	USD 60.26

Clauses, conditions, endorsements and warranties:

INSTITUTE CARGO CLAUSES (A) 1/1/82 CL252
CARGO ISM ENDORSEMENT CLAUSE;
CARGO ISPS ENDORSEMENT CLAUSE;
INSTITUTE RADIOACTIVE CONTAMINATION, CHEMICAL, BIOLOGICAL, BIO-CHEMICAL AND ELECTROMAGNETIC WEAPONS EXCLUSION CLAUSE (10.11.03) - CL370);
INSTITUTE CYBER ATTACK EXCLUSION CLAUSE (11.10.03) - CL380);


Insurance

Other certificates

Phytosanitary certificate
Quality / Quantity certificate
Health certificate
Fumigation certificate
Inspection certificate
……

Certificate of quality/ quantity

Phát hành bởi người bán hoặc bởi cơ quan giám định có thẩm quyền do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Vd: Vinacontrol, Davicontrol, SIC, SGS….



Vinacontrol CanTho
14/10AB Le Hong Phong Str.,
Binh Thuy Dist., Can Tho City
Tel : (84.71) 3887911
Fax: (84.71) 3887944
vinacontrolct@hcm.vnn.vn
www.vinacontrol.com.vn

CERTIFICATE OF QUALITY

NO. : 16G11HX00205-01
DATE : MAR. 08, 2016

Shipper	:	ALLIED DEVELOPMENT COMPANY 101 PHAN DINH PHUNG ST., NINH KIEU DIST., CAN THO CITY VIETNAM
Consignee	:	CHINA RESOURCES NG FUNG INTERNATIONAL DISTRIBUTION COMPANY LIMITED. 4/F, YUEN FAT BUILDING, 89 YEN CHOW STREET WEST, WEST KOWLOON, HONGKONG.
Notify party	:	SAME AS CONSIGNEE
Commodity	:	VIETNAM JASMINE RICE 5% BROKEN
Quantity / Weight	:	02 x 20DC CONTAINERS/ 2,000 BAGS/ 50.000 MTS NET WEIGHT
Vessel / Voy.	:	VAN MANILA N018
B/L No.	:	0396A05247
Port of Loading	:	HO CHI MINH, VIETNAM
Port of Discharge	:	HONG KONG

RESULTS OF INSPECTION

The representative sample of the lot was taken at random of bags and analysis in the laboratory. The results are as follows:

ITEMS	AS PER CONTRACT	ACTUAL RESULTS	METHODS
Broken (basic ¼)	5.0 % max	4.8 %	
Purity	92 % min	94 %	
Moisture	14.0 % max	13.6 %	
Foreign matter	0.1 % max	0.1 %	
Damaged kernels	0.5 % max	0.3 %	
Immature kernels	0.2 % max	0.1 %	
Yellow kernels	0.3 % max	0.2 %	
Chalky kernels (basic ¼)	2.0 % max	1.4 %	TCVN 5644:2008
Glutinous kernels	0.4 % max	0.2 %	TCVN 1643:2008

Phytosanitary certificate

Phát hành bởi cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền sau khi cơ quan này đã tiến hành kiểm tra hàng hóa.



Phyto

ORIGINAL

88_8568700

88493_๑

แบบ พ.ก. ๗-๑
Form P.Q. 7-1

Department of Agriculture
Ministry of Agriculture and Cooperatives, Bangkok, Thailand

Phytosanitary Certificate

Plant Protection Organization of Thailand

TO : Plant Protection Organization (s) of VIETNAM

No. 8568970

1. Name and address of exporter : SRI TRANG AGRO-INDUSTRY PUBLIC COMPANY LIMITED NO.10 SOI 10 PHETKASEM ROAD, HATYAI, HATYAI SONGKHLA 90110 THAILAND TEL. +66 7434 4663	2. Declared name and address of consignee : TO ORDER NOTIFY PARTY : THE SOUTHERN RUBBER INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY (CASUMINA)180 NGUYEN THI MINH KHAI STREET, WARD 6,DISTRICT 3, HO CHI MINH CITY, VIETNAM NOTIFY PARTY : AS ABOVE
3. Number and description of packages : 80 SHRINK WRAPPED WOODEN PALLETS	4. Distinguishing marks : STR20 PRODUCE OF THAILAND DOP: 13/06/2020
5. Place of origin :	6. Declared means of conveyance : / 7. Declared point of entry :

Fumigation certificate

Phát hành bởi cơ quan trừ mối khử trùng sau khi cơ quan này đã hoàn tất thủ tục khử trùng cho lô hàng.



Fumi

MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT
VIETNAM FUMIGATION COMPANY
HEAD OFFICE : 29 Ton Duc Thang St., Dist. 1, HCMC • Tel : 84.8.8225069 - 8251774 Fax : 84-8-8299517

ISO 9001

CERTIFICATE OF FUMIGATION

No. 3494C/V.F.C

ORIGINAL

We hereby certify that the cargo with following details :

- Name of the commodity : WOODEN HANDICRAFTS BOATS
- Weight : Gross Weight : 2000 KGS
- Quantity : 1 CTNS
- Means of conveyance : TS YOKOHAMA V.N503
  B/L NO. SUNVN/MON/241S08
- Has been fumigated with : METHYL BROMIDE (CH3Br)
- Dosage : 50 GR/M3

Health certificate

Phát hành bởi cơ quan có thẩm quyền (bộ y tế) cấp cho chủ hàng sau khi cơ quan này đã hoàn tất thủ tục kiểm tra về an toàn y tế của lô hàng.

MINISTRY OF HEALTH OF VIETNAM
VIETNAM FOOD ADMINISTRATION

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Number: 4909/ATTP-PCTT

Hanoi, 28/ 9/ 2018

HEALTH CERTIFICATE

To Whom It May Concern,

Based on Testing Report number: 1809656 dated 21th September 2018 of Saigon Analytical Center of High Technology - Saigon Science and Technology Company Limited (SAIGONSTC Hi-Tech Analytical Center), Vietnam Food Administration has certified that:

Name of product: Mango Puree

Lot number: 81841

Manufactured date: 3rd July 2018; Expiry date: 3rd July 2019

Manufactured by Tien Thinh Agriculture Product Processing One Member Limited Liability Company

Exported by Tien Thinh Agriculture Product Processing One Member Limited Liability Company

This above product has been complied with current regulations on food safety in Vietnam, fits for human consumption.

VINACARE .com Bạn chọn niềm tin người tiêu dùng chọn!

Arrival Notice THÔNG BÁO HÀNG ĐẾN

Do người vận chuyển / đại lý phát hành để thông báo cho người nhận hàng biết hàng sẽ đến vào một ngày nhất định nào đó.

Phát hành ở nước nhập khẩu

PANTOS LOGISTICS VIET NAM, CO., LTD.
25th Floor, Keangnam Hanoi Landmark 72 Tower, 70-storey Bld.,
Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Hanoi

ARRIVAL NOTICE

10-Feb-17

MESSRS : MINH KHOI CO.,LTD
SỐ 128 TON DUC THANG, LE CHAN DISTRICT, HAI PHONG CITY

Shipper	LG CHEM, LTD.		
Consignee	MINH KHOI CO.,LTD		
Vessel Name	SINAR BANGKA 1703S		
Commodity	AS PER BILL		
House B/L No.	**PLIHQ4711743**	MB/L	**NSSLBSHPC1700122**
Q'ty	01X20'DR		
POL / POD	BUSAN, KOREA		HAIPHONG PORT
ETD	6-FEB	ETA HAI PHONG	12-FEB
Remarks.	HÀNG VỀ CẬP CẢNG: ĐÌNH VŨ Term : CIF HAI PHONG		
	Free demurrage : 05 days		Free Det : 03 days

AN

Delivery Order LỆNH GIAO HÀNG

Do người vận chuyển / đại lý phát hành để yêu cầu cảng hoặc bộ phận quản lý hàng hóa chuyển giao quyền cầm giữ hàng hóa cho người nhận hàng.

Delivery Order LỆNH GIAO HÀNG

Lệnh giao hàng được ký phát sau khi người nhận hàng xuất trình vận đơn hợp lệ và thanh toán các khoản chi phí liên quan.

OOCL
We take it personally

DELIVERY ORDER

Version 2
DO ISSUE DATE:
Jun 15 2020
BILL OF LADING NO.:
OOLU2640752200

AGENT	CONSIGNEE	NOTIFY PARTY
OOCL (Vietnam) Co., Ltd Unit 1301-1305, 13rd Floor, Saigon Trade Center, 37 Ton Duc Thang St., District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.	AITC LOGISTICS (VIET NAM) CO., LTD 08th Floor, Phuoc Thanh Tower, 199 Dien Bien Phu Str., Ward 15 Ho Chi Minh Vietnam	TAX ID:0314350975 AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD. 08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER, 199 DIEN BIEN PHU STR., **

VESSEL / VOYAGE		PORT OF LOADING	DEPARTURE	PORT OF DISCHARGE	ETA
CIMBRIA 047S		Shanghai	Jun 07 2020	Ho Chi Minh (Cat Lai)	Jun 16 2020
VESSEL CALL SIGN	**REGISTRATION NO.**	**PLACE OF DELIVERY**		**ESTIMATED CARGO ARRIVAL DATE**	
A8HJ4		Ho Chi Minh, Vietnam		Jun 16 2020	

DELIVERY ORDER (PIN) **52880756**

MARKS	PACKAGE	DESCRIPTION OF GOODS	WEIGHT	MEASUREMENT
I V C HO CHI MINH CITY MODEL: QKR77H LOT NO.: 655-674 CASE NO.: 80-81,84-86 ISUZU CHINA	16 Cases	ISUZU LIGHT DUTY TRUCKS IN CKD CONDITION WITH ED PAINTED FRAME MODEL:QKR77HE4 HS CODE: 8708 9401	17496 KG	53.84 CBM
	16 Cases		17496 KG	53.84 CBM
	16 Cases		19872 KG	59.2 CBM
	16 Cases		11952 KG	53.84 CBM
	16 Cases		14724 KG	53.84 CBM
	16 Cases		11952 KG	53.84 CBM
	4 Cases		4968 KG	14.91 CBM

Danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan

Sau khi hoàn tất thủ tục hải quan, người nhận hàng sẽ khai trên eport (FCL) hoặc vào website customs.gov.vn (LCL) để in ra danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan (có mã vạch).

Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh
CC HQ quản lý hàng đầu tư HCM

Ngày 27 tháng 07 năm 2020

DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong

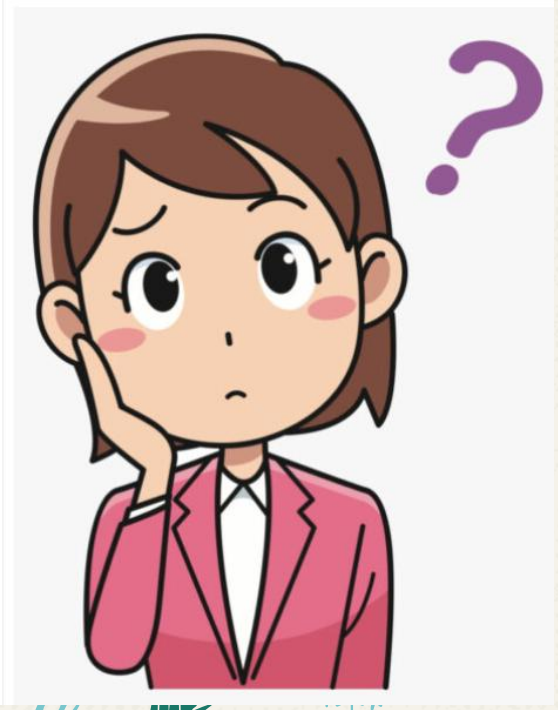
1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I - 02CIRCI: CCHQCK CANG SG KV I - 3
2. Đơn vị XNK: Công Ty TNHH Akzo Nobel Coatings Vietnam
3. Mã số thuế: 0300850801
4. Số tờ khai: 103440037960
5. Trạng thái tờ khai: Thông quan
6. Ngày tờ khai: 27/07/2020 - 23/07/2020
7. Loại hình: Nhập kinh doanh sản xuất
8. Luồng: Vàng
9. Số quản lý hàng hóa: 040620NYC/HOC/D81710

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
1	1.0 PALLET & …	952.55 Kilogam		

Kết xuất dữ liệu lúc: 27/07/2020 05:25 PM

Ghi chú:
- Cột số (1) lấy từ tiêu chí "Số lượng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí "Tổng trọng lượng hàng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:

2. QUIZ 1A



Liệt kê 15 chứng từ
1/ TV –TA
2/ Mục đích

3.CLASSROOM 1

CLASSROOM 1 – NHÓM



CHỦ ĐỀ: **PHIẾU VGM**

SLIDE (Canva) – DÙNG HÌNH ẢNH, ÍT CHỮ

1. Tên chủ đề
2. Nội dung trình bày
3. Nội dung 1 : Khái niệm
4. Nội dung 2 : Mẫu VGM
5. Nội dung 3 : Thông tin trên VGM
6. Nội dung 4 : Cách thực hiện
7. Tóm tắt toàn bộ nội dung (mindmap)
8. Cảm ơn.

NỘP BÀI TRÊN CLASSROOM ĐÚNG HẠN

NHÓM nộp

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : CÁ NHÂN BẤT KỲ (GV MỜI)

CLASSROOM 1 – NHÓM



CHỦ ĐỀ: **PHIẾU EIR**

SLIDE (Canva) – DÙNG HÌNH ẢNH, ÍT CHỮ

1. Tên chủ đề
2. Nội dung trình bày
3. Nội dung 1 : Khái niệm
4. Nội dung 2 : Người cấp phát? Thời gian cấp?
5. Nội dung 3 : Thông tin trên EIR
6. Nội dung 4 : Mẫu EIR
7. Tóm tắt toàn bộ nội dung (mindmap)
8. Cảm ơn.

NỘP BÀI TRÊN CLASSROOM ĐÚNG HẠN

FILE PDF / PP (không nộp link)

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : CÁ NHÂN BẤT KỲ (GV MỜI)

CLASSROOM 1 – NHÓM



CHỦ ĐỀ: **E- BILL OF LADING**

SLIDE (Canva) – DÙNG HÌNH ẢNH, ÍT CHỮ

1. Tên chủ đề
2. Nội dung trình bày
3. Nội dung 1 : Khái niệm
4. Nội dung 2 : Lợi ích eBL?
5. Nội dung 3 : Thông tin trên EBL
6. Nội dung 4 : Mẫu EBL
7. Tóm tắt toàn bộ nội dung (mindmap)
8. Cảm ơn.

NỘP BÀI TRÊN CLASSROOM ĐÚNG HẠN

FILE PDF / PP (không nộp link)

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : CÁ NHÂN BẤT KỲ (GV MỜI)

Equipment Interchange Receipt

PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER

Do phòng thương vụ cảng in phát hành cho người làm dịch vụ giao nhận container tại cảng cho cả hàng xuất và nhập.

CÔNG TY LIÊN DOANH PHÁT TRIỂN TIẾP VẬN SỐ 1 - CẢNG CONTAINER QUỐC TẾ VIỆT NAM
First Logistics Development (JV) Company - Vietnam International Container Terminals

PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER
EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT (EIR)

Số: 000000 *(No.)*

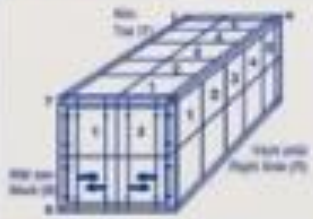
Ngày *(Date)*: .....

Giá trị đến ngày: ..... *(Validity of EIR to date)*

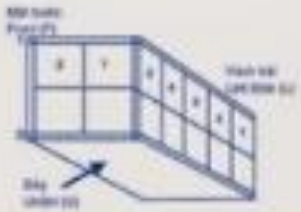
Giao cho / Nhận của: ..... *(Deliver to / Receive from)*

Bill/D.O/Booking số: .....

Container số *(Container No.)*				Hãng Cont *(Cntr Operator)*		Tàu/Chuyến *(Vessel/Voyage)*		Vị trí thực tế *(Act. Location)*	
Số Seal *(Seal No.)*		Loại *(Type)*		Trạng thái *(Status)*		Cảng xếp/dỡ/đích *(PL/POD/FD)*		Vị trí dự kiến *(Pre. Location)*	
Trọng lượng (Kg) *(Gross Weight in kg)*		Cỡ *(Size)*							
Nhiệt độ *(Tempt)*		Loại nguy hiểm *(IMO DG Class)*							
Siêu trường/Siêu trọng *(OH/OW/OL/UC)*		CC							







Ghi chú: Nếu không ghi chú gì, Container được coi giao nhận trong tình trạng tốt *(If there is no remark, container is considered to be in good condition).*

Ghi chú *(Remarks)*: .....

B Cong *(Bent)* C Rách *(Cut)* D Vết lõm *(Dent)* Cr Vết rạn *(Crack)* H Lỗ thủng *(Hole)* L Rò rỉ *(Leak)* Dy Bẩn *(Dirty)* M Tổng hợp *(Multiple)*

Thời gian *(Date/time)*		Xe vào *(ARRIVAL - AT GATE)*	Nâng hạ trong bãi *(Off load/Mount)*	Xe ra *(EXIT - GATE)*
Số Xe:				

Người phát hành *(Issued)* Bạn Bãi Container *(CY/C)* Khách hàng *(Customer)*

Từ 01/12/2020, EIR ĐIỆN TỬ CẢNG SP-ITC.

Bước 1: Vào website eport.sp-itc.com.vn chọn mục EIR No.

Bước 2: Nhập số PINcode, số container.

Bước 3: Xem chi tiết EIR và lưu trữ

Khi trả rỗng, in phiếu hoặc đưa thông tin mã PIN cho Depot/ICD hoặc trình eEIR

CẢNG CONTAINER QUỐC TẾ SP-ITC
SP-ITC INTERNATIONAL CONTAINER TERMINAL

PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER - EIR
EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT

Pin Code: E10823093

Ký ngày: 05/12/2020

Số lệnh: 2012030360
(Order No.)

Số hóa đơn: SP/20E0015191
(Invoice No.)

Ngày hết hạn: 08-12-2020 23:59:59
(Expired Date)

Phương án hoạt động: Lấy Nguyên
(Transaction Model)

Khách hàng: Công Ty TNHH Yuan Jin Technology
(Customer)

Số booking/ BL: CMZ0474339
(Booking/ BL No)

Ngày xếp dỡ:
(Load/ Discharge Time)

Tàu chuyến: NORDOCELOT / 0BP1QN1NC/0BP1QN1NC
(Vessel/ Voy)

Cảng xếp/ dỡ/ đích: CNSHK/VNITC/VNITC
(POL/ POD/ FPOD)

Số Container: BMOU4088959
(Container No)

Số Seal: P8189969
(Seal No)

Hãng tàu: CNC
(OprID)

Trạng thái: F
(Status)

Trọng lượng: 28.97
(Gross Weight)

Kích cỡ: 40HC
(Size/ type)

Loại hàng: General
(Commodity)

Nhiệt độ cài đặt:
(Setting Temperature)

Thông gió:
(Ventilation)

DG: /
(IMO/ UN No)

OOG: 0.00/0.00/0.00
(OH/ OI/ OW)

Số ngày miễn lưu:
(Freetimes)

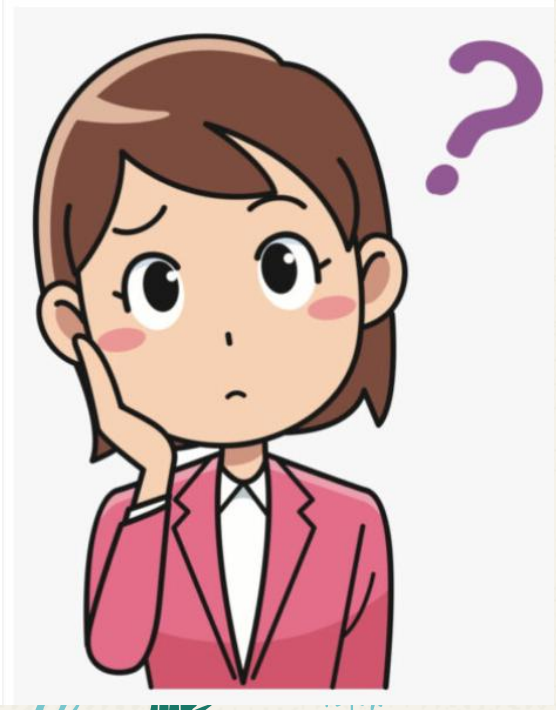
Nơi trả rỗng:
(Empty return place)

Ghi chú (Remark) mop vach trai 1x1m; mop da day,san dinh

Số xe (TruckID)	Thời gian vào (Container In Time)	Thời gian ra (Container Out Time)
61C40598/61R03652	04-12-2020 09:28:56	04-12-2020 10:21:05

Chứng từ này được xuất từ hệ thống cảng SP-ITC. Đã được xác thực và có giá trị tương đương với phiếu EIR.

Nhân viên giám sát
Chu Quang Vinh



Phiếu VGM

Tìm hiểu ba vấn đề

01 VGM là gì?

02 Thông tin trên VGM?

03 Cách khai báo trên eVGM?

Verified Gross Mass (VGM)

VIDEO GIẢI THÍCH VGM – HAY

https://www.youtube.com/watch?v=bIJNmxSrUrQ

Khai eVGM : https://www.youtube.com/watch?v=5NQRcgRFvt8

Verified Gross Mass (VGM)



https://www.youtube.com/watch?v=bIJNmxSrUrQ

❖ **Chính thức từ 7h thứ 2 ngày 4/7/2016:** Container **không có VGM** sẽ **không được làm thủ tục hạ container vào Cảng**

❖ Cảng **chỉ tiếp nhận mẫu biên bản VGM này** (không thêm hoặc bớt bất kỳ mục nào trong biên bản)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày....tháng.....năm 2016

BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG TOÀN BỘ CỦA CONTAINER VẬN CHUYỂN QUỐC TẾ (VGM)
VERIFIED GROSS MASS OF CONTAINER ON INTERNATIONAL TRANPORT (VGM)

1. Tên người gửi hàng, địa chỉ, số điện thoại/ *Name of shiper, address, phone number:*.....

.....

2. Thông số container/ *Container's particular:*

Stt *Seq*	Số cont *Container No*	Loại *Size* 20'	40'	45'	Khối lượng sử dụng lớn nhất *Max gross weight (Kg)*	Xác nhận khối lượng toàn bộ của container *Verified gross mass of packed container*	Tên đơn vị, địa chỉ cân *Name of weighing scale/ Address*
1							
2							
3							
4							
5							

T/H 1. DN tự cân: ghi tên cty DN
T/H 2. DN nhờ 1 đơn vị DV cân: ghi tên đơn vị cân

Trọng lượng tối đa của toàn bộ container hàng(Max Gross được quy định trong bảng CSC safety cũng như trên cửa container- phần Max gross)

VGM: Tổng trọng lượng(TL) của toàn bộ container hàng =TL Hàng+TL các vật chèn lót...+ TL Vỏ cont (ghi trên cánh cửa cont- Tare)

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm việc xác nhận khối lượng toàn bộ của container nói trên là đúng sự thật.
We are committed to and responsible for the VGM of the container above is true

ĐƠN VỊ CÂN
WEIGHING SCALE
(ký, ghi rõ họ tên)
(Signed, full name)

Ký, ghi rõ họ tên (cho cả 2 trường hợp DN tự cân hoặc thuê dịch vụ cân)

NGƯỜI GỬI HÀNG
SHIPER
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signed, full name, stamped)

Ký, ghi rõ họ tên + Đóng mộc tròn hoặc dấu mộc treo của DN người gửi hàng.

Cách 1: Cân toàn bộ lượng hàng trước khi đóng vào container, sau đó cộng thêm khối lượng vỏ container nữa, thì sẽ có số liệu cần thiết.

Cách 2: Cân cả xe container hàng, sau đó cân xe không có container hàng (đã hạ xuống cảng). Lấy số liệu trừ đi sẽ biết container hàng nặng bao nhiêu.



- **Method 1:** Weighing the whole container after it has been packed (e.g. weighing the whole truck and containers at certified weighbridge and subtracting truck and chassis weight).



- **Method 2:** Weighing all the cargo and contents of the container individually, and adding those weights to the container's tare weight. Factor in additional loading equipment weight, if any.

Transportation document

Là chứng từ chuyên chở hàng hóa do người chuyên chở/ đại lý cấp cho chủ hàng sau khi hàng xếp lên tàu.

Vd: B/L, AWB, FCR…

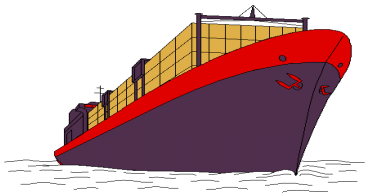


Transportation document

BILL OF LADING (B/L)

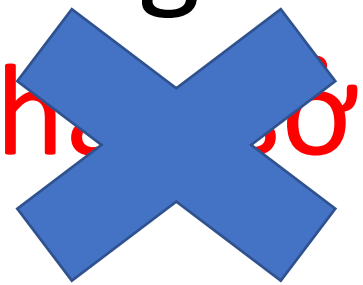
FCR

- Là biên lai nhận hàng
- Là bằng chứng về hợp đồng chuyên chở
- Là chứng nhận sở hữu đối với hàng hóa



AIRWAY BILL

- Là biên lai nhận hàng
- Là bằng chứng về hợp đồng chuyên chở
- Là chứng nhận sở hữu đối với hàng hóa

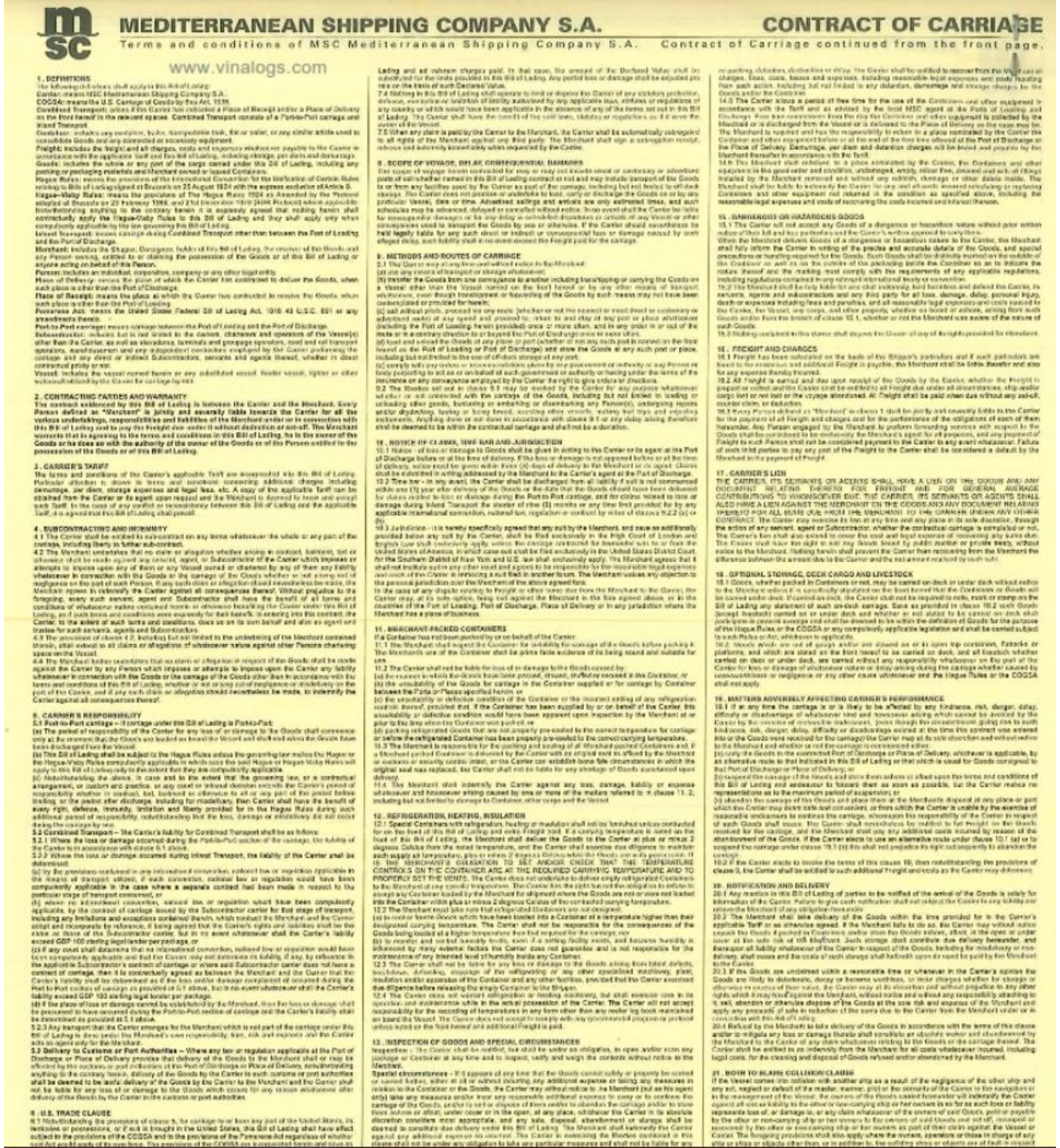


Lưu ý: AWB không được sử dụng ký hậu trong L/C, cần có thư đảm bảo của NH

Mặt sau của B/L, AWB

- In sẵn
- Điều khoản chung
- Điều khoản trách nhiệm người chuyên chở
- Điều khoản phụ phí
- Người thuê tàu mặc nhiên chấp nhận các điều khoản này.

Mặt sau của B/L, AWB



MEDITERRANEAN SHIPPING COMPANY S.A.

CONTRACT OF CARRIAGE

Terms and conditions of MSC Mediterranean Shipping Company S.A.

Contract of Carriage continued from the front page.

www.vinalogs.com

1. DEFINITIONS

2. CONTRACTING PARTIES AND WARRANTY

3. CARRIER'S TARIFF

4. SUBCONTRACTING AND INDEMNITY

5. CARRIER'S RESPONSIBILITY

6. U.S. TRADE CLAUSE

7. REFERENCE TO STATUTES, CONVENTIONS, ETC.

8. SCOPE OF VOYAGE, DEVIATION, CONSEQUENTIAL DAMAGES

9. METHODS AND ROUTES OF CARRIAGE

10. NOTICE OF CLAIMS, TIME BAR AND JURISDICTION

11. MERCHANT-PACKED CONTAINERS

12. REFRIGERATION, HEATING, INSULATION

13. INSPECTION OF GOODS AND SPECIAL CIRCUMSTANCES

14. CARRIER'S LIEN

15. DANGEROUS OR HAZARDOUS GOODS

16. FREIGHT AND CHARGES

17. GENERAL AVERAGE

18. OPTIONAL STOWAGE, DECK CARGO AND LIVESTOCK

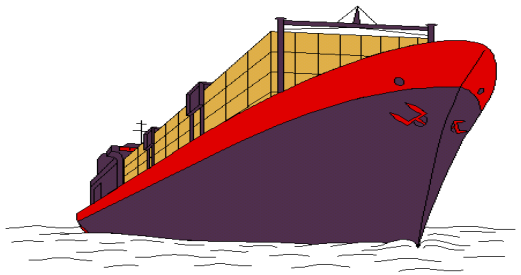
19. MATTERS ADVERSELY AFFECTING CARRIER'S PERFORMANCE

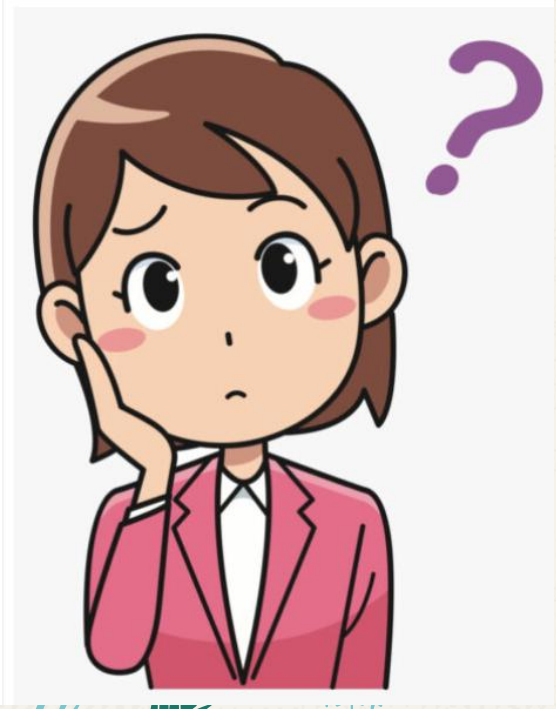
20. NOTIFICATION AND DELIVERY

21. BOTH TO BLAME COLLISION CLAUSE

BILL OF LADING (B/L)

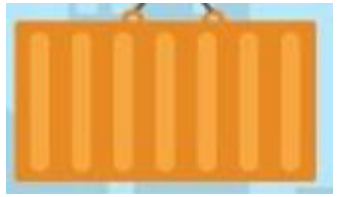
Các loại vận đơn: master, house, original, surrendered, eBL,seawaybill ……

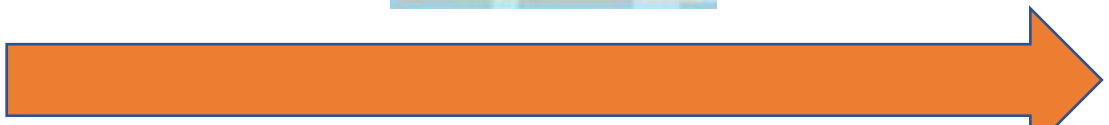




MASTER BILL
&
HOUSE BILL







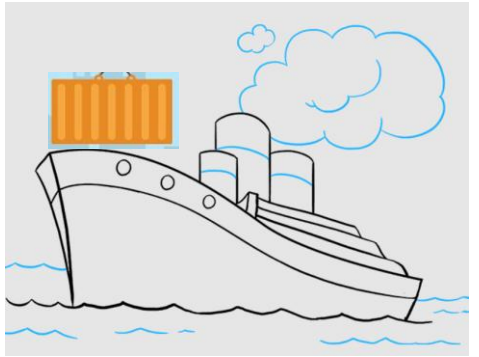


Master B/L



Exporter
Importer

Shipping Line







House B/L





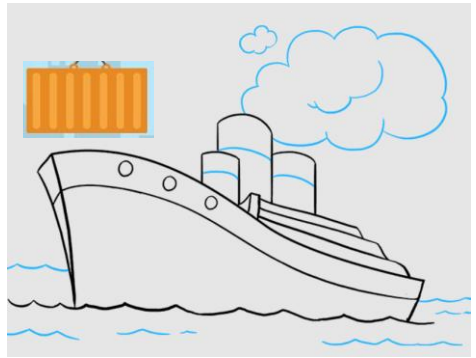
Master B/L



Exporter
Importer

Forwarder

Shipping Line



[QUY TRÌNH]

GIAO NHẬN VỚI MASTER BL VÀ HOUSE BL





QINGDAO SONE MACHINERY CO., LTD
C02 ,THE 2ND. INDUSTRIAL ZONE OF PIAN, JIAOZHOU,
QINGDAO, CHINA.
TEL: 0086-532-87258779 FAX: 0086-532-82271967

Booking No. CMD1716739 B/L No. KMDCEN01324940

KMTC LINE
KOREA MARINE TRANSPORT CO.,LTD.
www.ekmtc.com
Port-to-Port or Combined Transport
BILL OF LADING

Logo hãng tàu KMTC

Consignee (Not Negotiable unless consigned "to order")

Notify Party (Carrier not responsible for failure to notify)
THE SAME AS ABOVE

Forwarding Agent-Reference

Place of Receipt (Combined Transport Only)
QINGDAO, CHINA

Pre-carriage by (Combined or Through Transport Only)

Place of Delivery (Combined Transport Only)
JNP DADRI, INDIA

Vessel / Voy No.
HYUNDAI PARAMOUNT /1502W

Port of Loading
QINGDAO, CHINA

Port of Discharge
JNP DADRI, INDIA

PARTICULARS FURNISHED BY SHIPPER

Container No. / Seal No. Marks & Numbers	No. of Containers or P'kgs	Description of Goods	Gross Weight (KGS)	Measurement (CBM)
GAOU6017191/CN381919 S/N	"SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL" "SAID TO CONTAIN" 1X20' 5PACKAGES		2,800.000	13.3900
		COVER MOLD SND 45 CRUSHER SCP CRILLER FLC ETC INCOTERMS CIF DADRI TOLERANCE1 IG TOLERANCE2 IG		
	2015 IEC CODE: 0507003438			

Bill gốc

"FREIGHT PREPAID"
"CONTINUED ATTACHED SHEET"

Total Number of Containers or Packages (in words) SAY : ONE (1) CONTAINER ONLY.

Above particulars as declared by shipper, but without responsibility of or representation by carrier.

Freight & Charges	Basis	Rate	Per	Curr.	Payable At: Prepaid	Collect	Elsewhere
FREIGHT PREPAID AS ARRANGED							

Ex. Rate: | Freight Payable in: QINGDAO,CHINA | Type of Movement: CY-CY

Total Prepaid in Local Currency: | No. of Original B/L: THREE(3) | Place and Date of Issue: QINGDAO, CHINA Nov.13,2015

Shipped On Board: FIRST ORIGINAL

Date: Nov.13,2015

Korea Marine Transport Co., Ltd
By AS AGENT FOR THE CARRIER:KMTC LINE

COPY

BILL OF LADING

TRANSOCEAN
DENİZCİLİK ULUSLARARASI TAŞIMACILIK VE DIŞ TİC. LTD. ŞTİ.
SHIPPING INT'L TRANSPORT & FOREIGN TRADE CO., LTD.

Logo công ty Forwarder TRANSOCEAN

Bill gốc

ORIGINAL

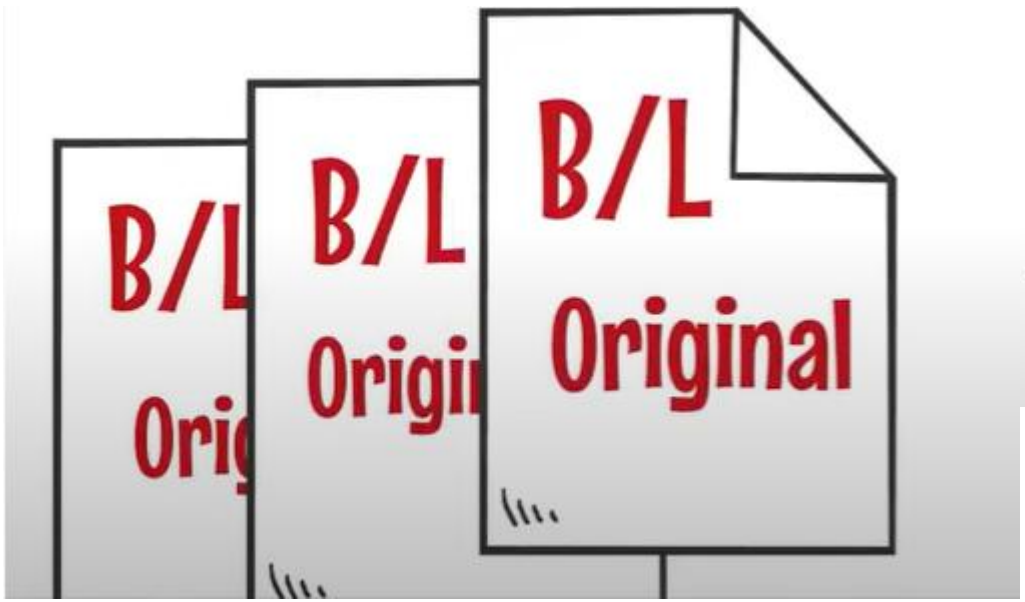
AS CARRIER

ORIGINAL LOGISTICS SÔNG ÁNH



BL ORIGINAL
&
BL SURRENDERED
&
SEA WAYBILL

Original B/L



issued 3/set



B/L NO.
TINHPH000129

中海集装箱运输(香港)有限公司
CHINA SHIPPING CONTAINER LINES (HONG KONG) CO., LTD.

Cable : CSHKAC Telex : 87086 CSHKAHX

Port-to-Port or Combined Transport
BILL OF LADING

RECEIVED in external apparent good order and condition, except otherwise noted. The total number of containers or other packages or units shown in this Bill of Lading receipt, is said by the shipper to contain the goods described above, which description the carrier has no reasonable means or checking and is not part of the sea or Lading. One original sea or Lading should be surrendered, except clause 22 paragraph 5, in exchange for delivery of the shipment. Signed by the consigned or duly endorsed by the holder in due course. Whereupon the other original(s) issued shall be void. In accepting this Bill of Lading, the Merchants agree to be bound by all the terms on the face and back hereof as if each had personally signed this Bill of Lading.
WHEN the Place of Receipt of the Goods is an inland point and is so named herein, any notation of "ON BOARD" "SHIPPED ON BOARD" or words to like effect on this Bill of Lading shall be deemed to mean on board the truck, rail car, or craft at after inland conveyance (as the case may be), performing carriage from the Place of Receipt of the Goods to the Port of Loading.
SEE clause 4 on the back of this Bill of Lading (Terms continued on the back hereof Read Carefully)

ORIGINAL

1. Shipper

SHILOH OIL NIG COMPANY
16 OSHI STREET BODIJA, IBADAN
OYO STATE NIGERIA
TEL:+234-8182066626

2. Consignee

DUONG MINH THY TRADING & PRODUCTION COMPANY LIMITED
ADDRESS :GROUP 23-YEN SO WARD, HOANG
MAI DISTRICT,HANOI ,VIETNAM.

3. Notify Party (Carrier not to be responsible for failure to notify)
SAME AS CONSIGNEE

4. Pre-carriage by*	5. Place of Receipt*
PRE CARL	PLACE
6. Ocean Vessel / Voy.No.	7. Port of Loading
BALAO V1405E	TINCAN ISLAND
8. Port of discharge	9. Place of Delivery* / 10. Final Destination (of the goods-not the ship)
HAIPHONG	HAIPHONG / HAIPHONG

11. Marks & Nos. container seal No.	12. No. of containers or P'kgs.	13. Kind of Packages : Description of Goods	14. Gross Weight kgs	15. Measurement
CAIU9114644 U653683	373PCS	1 X 40FT CONTAINERS S.T.C 373PCS OF PROCESSED WOOD	23000KG	28.5CBM
		SHIPPERS LOAD, COUNT AND SEAL.		
1	373PCS	SHIPPED ON BOARD:28/8/2014 FREIGHT COLLECT AT DESTINATION.		
		1 X 40GP CONTAINER.		

Particulars Furnished by the Merchants

16. Description of Contents for Shipper's Use Only (CARRIER NOT RESPONSIBLE)

17. TOTAL NO. CONTAINERS OR PACKAGES (IN WORDS)

18. FREIGHT & CHARGES	19. Revenue Tons	20. Rate	21. Per	22. Prepaid	23. Collect
FREIGHT COLLECT AT DESTINATION.					

DESTINATION LAGOS

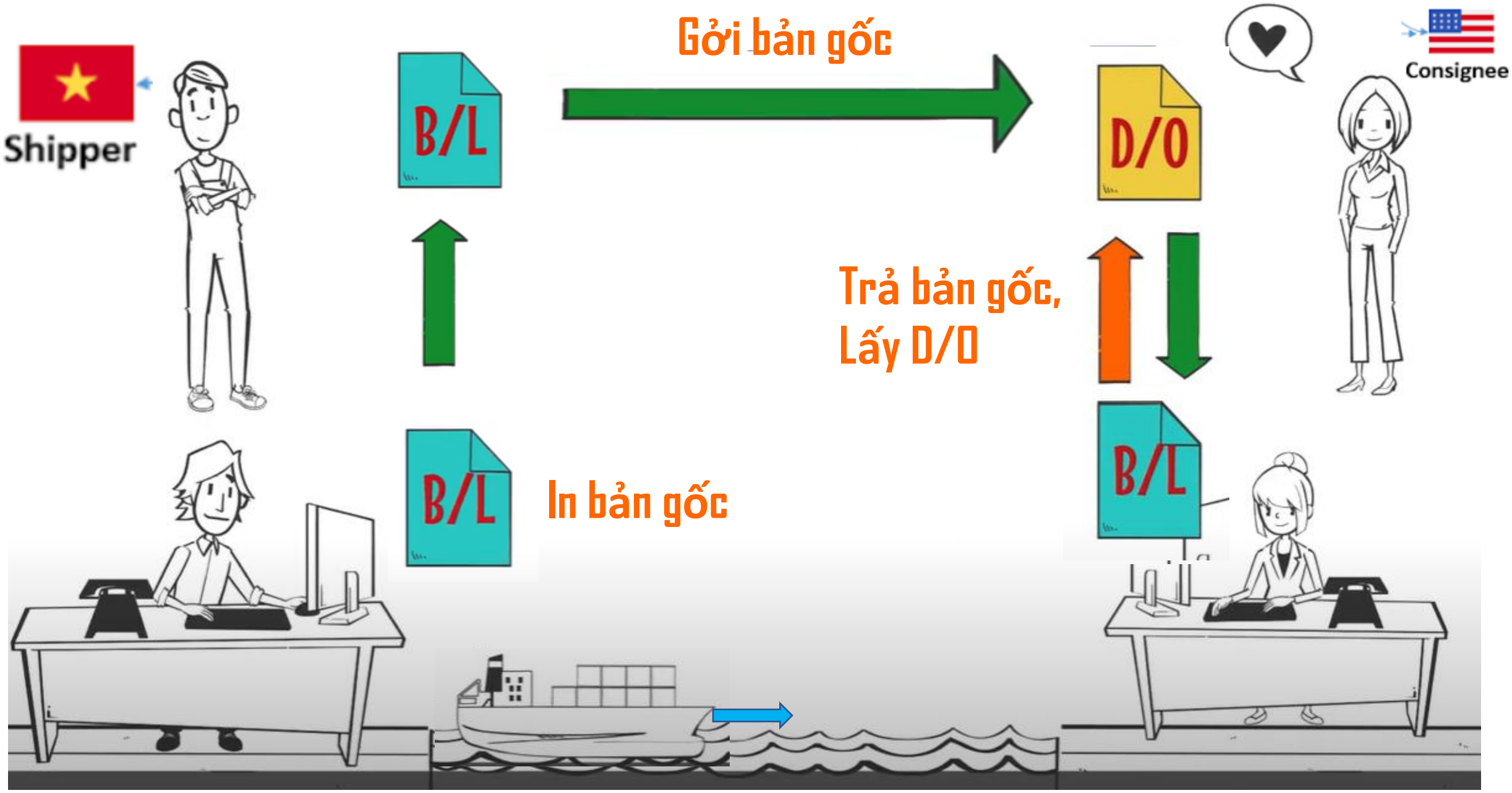
24. Ex. Rate:	25. Prepaid at	26. Payable at	27. Place and Date of Issue
28/8/2014			11/11/2014
	28. Total prepaid in	29. No. of Original B(s)/L	Signed for the Carrier
		3/THREE	

DATE

BY .....

CHINA SHIPPING (NIGERIA) AGENCY LT
4, Balogun Bisi Ortidiora Road,
(Formerly Hindorf Road,)
Apapa, Lagos Nigeria.

Foxit Reader PDF Document



Shipping Line (export)

Shipping Line (import)

Surrendered B/L

FEATURE OF SURRENDERED B/L

- Fast Speed
- Copy is OK



SURRENDERED

= COLLECTED AT EXPORTING SIDE

Telex Release



WAN HAI

BILL OF LADING

B/L No. 0396A05247

copy
non-negotiable

Shipper
ALLIED DEVELOPMENT COMPANY
101 PHAN DINH PHUNG ST., NINH KIEU
DIST., CAN THO CITY VIETNAM

Consignee
China Resources Ng Fung
International Distribution Company
Limited.
4/F, Yuen fat Building, 89 Yen Chow
Street West, West Kowloon, Hongkong

Notify party (carrier not to be responsible for failure to notify)
SAME AS CONSIGNEE

SHIPPING AGENT REFERENCES (COMPLETE NAME AND ADDRESS)
WAN HAI LINES (H.K.) LTD.
3FL SINGGA COMMERCIAL CENTRE 148 CONNAUGHT ROAD
WEST HONG KONG
TEL : 2859-6100 FAX : 2858-6521

Ocean vessel / Voy No.
VAN MANILA N018

Port of loading
HO CHI MINH, VIETNAM

Place of receipt
HO CHI MINH, VIETNAM

Pre-carriage by

Port of discharge
HONG KONG

Place of delivery
HONG KONG

Marks & Nos. / Container No. / Seal No.	No. of packages or containers	Kind of Packages; Description of goods	Gross weight / Measurement
N.M FCL/FCL WHLU2792090 20SD86 WHL9226830 WHLU2796290 20SD86 WHL9226824	2 CTRS (2,000 BAG (S))	"SHIPPER'S PACK LOAD COUNT & SEAL" "SAID TO CONTAIN" VIETNAM JASMINE RICE 5% BROKEN NW: 50.000 MTS GW: 50.200 MTS "FREIGHT PREPAID" SAY : TWO CONTAINERS ONLY	50,200.000 KGS

LOADED ON M/V
VAN MANILA
VOY:N018
AT:HO CHI MINH,
VIETNAM
ON:MAR 08 2016

Particulars furnished by Shipper

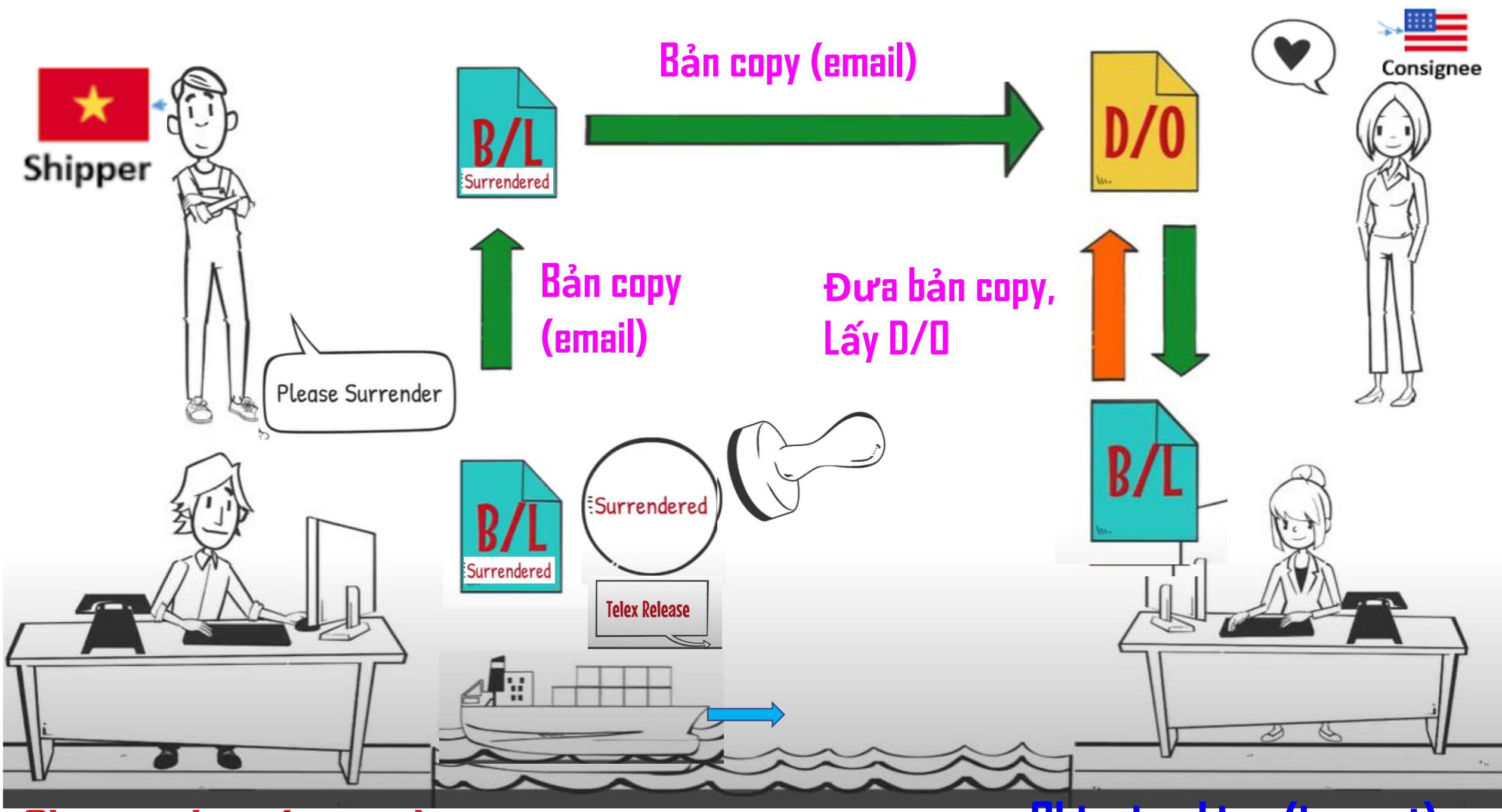
Freight payable at	Ex. Rate	No. of original B(s)/L	Place and date of issue	
HO CHI MINH, VIETNAM		ZERO (0)	VIETNAM	MAR 08 2016

ALL AS ARRANGED

SURRENDER
REF. NO: RVN SGN

WAN HAI VIETNAM
(HO CHI MINH OFFICE)
AS AGENT FOR THE CARRIER
WAN HAI LINES LTD.
DINH THI THU HOA

Foxit Reader PDF Document


Shipper
Please Surrender
B/L
Surrendered
Bản copy (email)
D/O
Consignee
Bản copy
(email)
Đưa bản copy,
Lấy D/O
B/L
Surrendered
Surrendered
Telex Release
B/L
Shipping Line (export)
Shipping Line (import)


Cannot use
in L/C deal
Features of Sea Waybill
• Not a Security
• Very Easy to receive the cargo
• No additional charges
Sea Waybill is a bit different from B/L and it is not a security.

EVERGREEN LINE

A Joint Service Agreement

SEA WAYBILL

NON-NEGOTIABLE

(2) Shipper / Exporter
THANH LONG PRODUCING TRADING CO., LTD
MIDDLE HAMLET, TAN PHU TRUNG TOWN,
CU CHI DISTRICT,HO CHI MINH CITY,
VIETNAM.
TEL:84028 37960263*

(5) Document No.
235100271389

(6) Export References

(3) Consignee(complete name and address)
SUMITOMO RUBBER INDUSTRIES LTD
IMPORT/EXPORT PROCUREMENT SUPPLY &
DEMAND MANAGEMENT DEPT
6-9 3 CHOME, WAKINOHAMA-CHO,
CHUO-KU, KOBE 651-0072 JAPAN**
TEL:81-78-265-3017

(7) Forwarding Agent-References

(4) Notify Party (complete name and address)
SUMITOMO RUBBER INDUSTRIES LTD
IMPORT/EXPORT PROCUREMENT SUPPLY &
DEMAND MANAGEMENT DEPT
6-9 3 CHOME, WAKINOHAMA-CHO,
CHUO-KU, KOBE 651-0072 JAPAN**
TEL:81-78-265-3017

(8) Point and Country of Origin (for the Merchant's reference only)

(9) Also Notify Party (complete name and address)

(12) Pre-carriage by

(13) Place of Receipt/Date
HOCHIMINH PORT, VIETNAM

This Sea Waybill is issued at the request and for the convenience of the Merchant, but is nevertheless subject to the terms and conditions of the Carrier's standard long form Bill of Lading for this trade which may be viewed online at [http://www.evergreen-line.com] or a copy obtained from the Carrier or its agents.

(14) Ocean Vessel/Voy. No.
UNI-PATRIOT 0098-328N

(15) Port of Loading
HOCHIMINH PORT, VIETNAM

(10) Onward Inland Routing/Export Instructions (which are contracted separately by Merchants entirely for their own account and risk)

(16) Port of Discharge
OSAKA,JAPAN

(17) Place of Delivery
OSAKA,JAPAN

Particulars furnished by the Merchant

(18) Container No. And Seal No. Marks & Nos.	(19) Quantity And Kind of Packages	(20) Description of Goods	(21) Measurement (M³) Gross Weight (KGS)
CONTAINER NO./SEAL NO.			25.0000 CBM 19,125.000 KGS
TEMU3454846/20'/EMCLAR1290/ 1 X 20'	15 PLTS	15 SHRINK WRAPPED PLASTIC PALLETS HS CODE: 4001.22 NATURAL RUBBER SVR-3L S/I NO: S0109509 QUANTITY : 18.900MTS PO NO: 21000360 NET WEIGHT : 18,900.00KGS GROSS WEIGHT: 19,125.00KGS PRODUCER CODE: V-ANL * THE BALANCE OF BILL OF LADING SEE ATTACHED LIST * TOTAL NUMBER OF ATTACHED 1 PAGE "OCEAN FREIGHT PREPAID AT SINGAPORE" SHIPPER'S LOAD & COUNT 15 PALLETS	
MARKING: AS PER SUMITOMO'S PACKAGING SPECIFICATIONS SUMITOMO RUBBER INDUSTRIES LTD TRADE NAME: SVR-3L(0024-D) S/I NO: S0109509 PO NO: 21000360 PRODUCER CODE: V-ANL			

(22)TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES (IN WORDS): ONE(1) CONTAINER ONLY

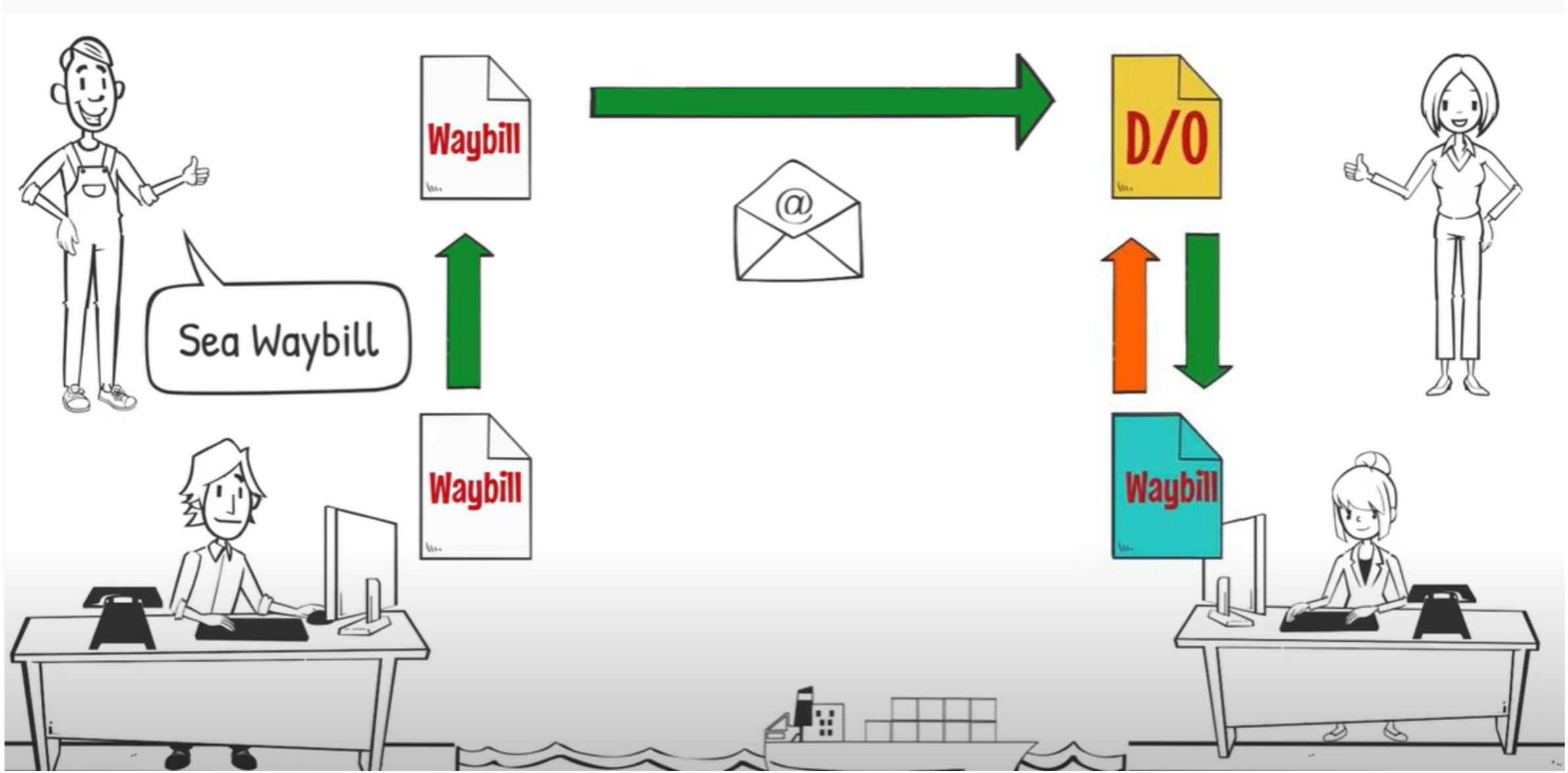
(23) Declared Value: For Ad Valorem Charges, enter actual value of Goods. For Carriage not applicable ad valorem Charges, Carrier's package limitation shall apply.

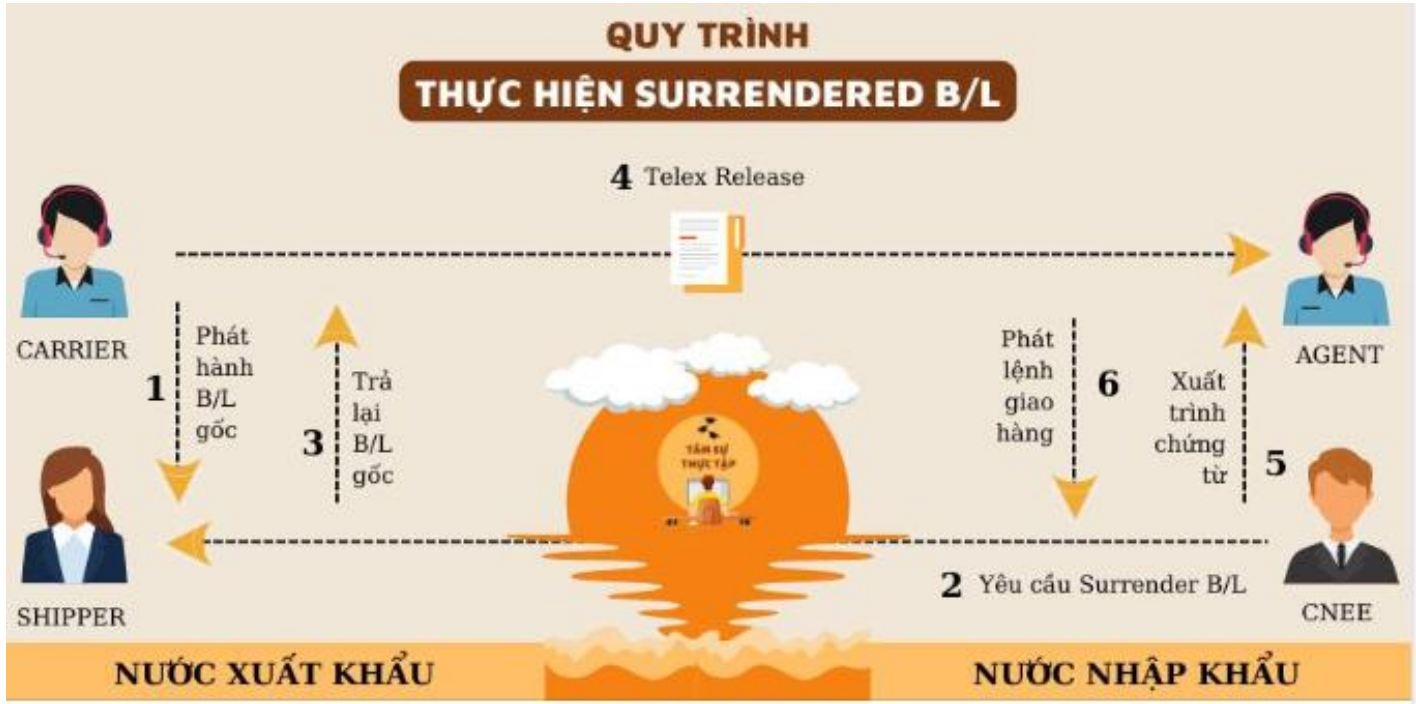
(24) FREIGHT & CHARGES	Revenue Tons	Rate	Per	Prepaid	Collect
		AS	ARRANGED		

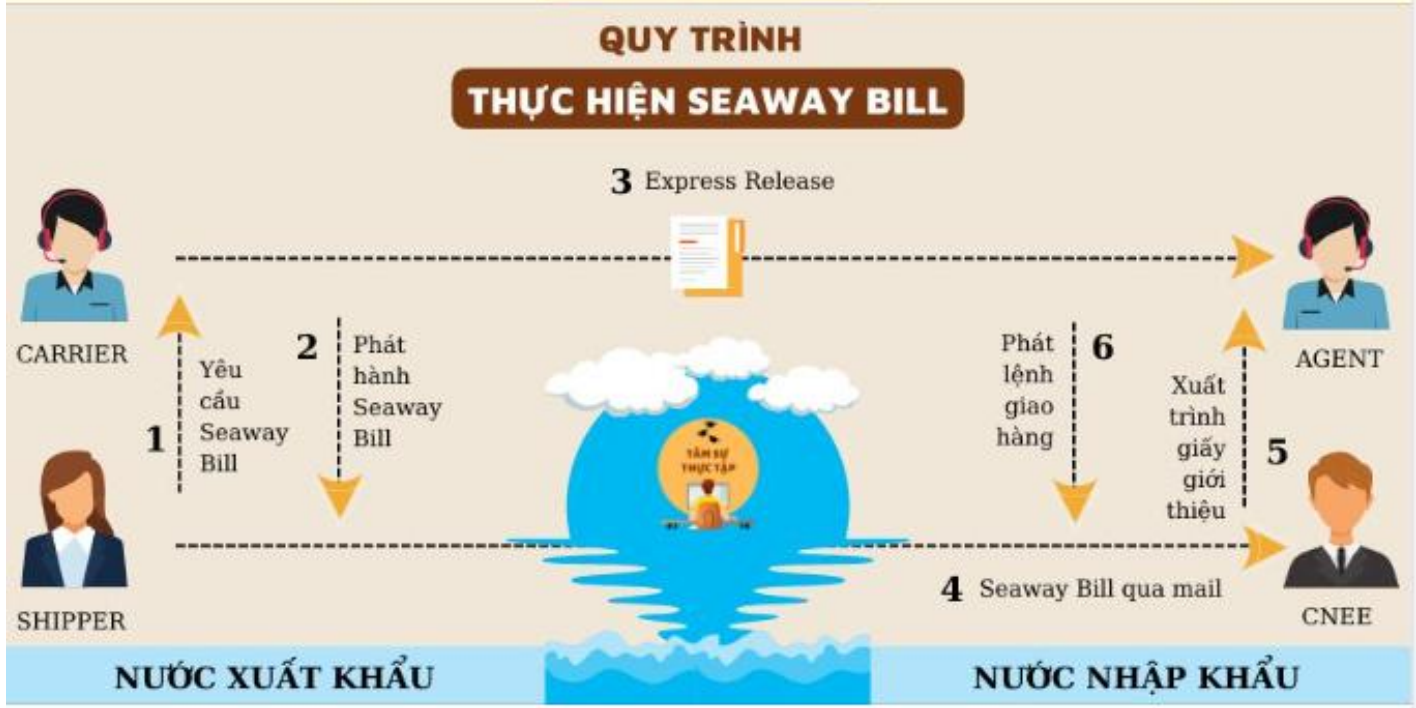
(25) Waybill No.	(27) Number of Original Waybills	(29) Prepaid at	(30) Collect at
EGLV 235100271389	NIL (0)	SINGAPORE	
	(28) Place and Date of Issue: HO CHI MINH FEB.25,2021	(31) Exchange Rate	(32) Exchange Rate
(26) Service Type/Mode: FCL/FCL O/O	(33) Laden on Board: FEB.25,2021	EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LTD. As agent for the Carrier and the Vessel/ process for Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd.	

NON-NEGOTIABLE
NON-NEGOTIABLE
NON-NEGOTIABLE

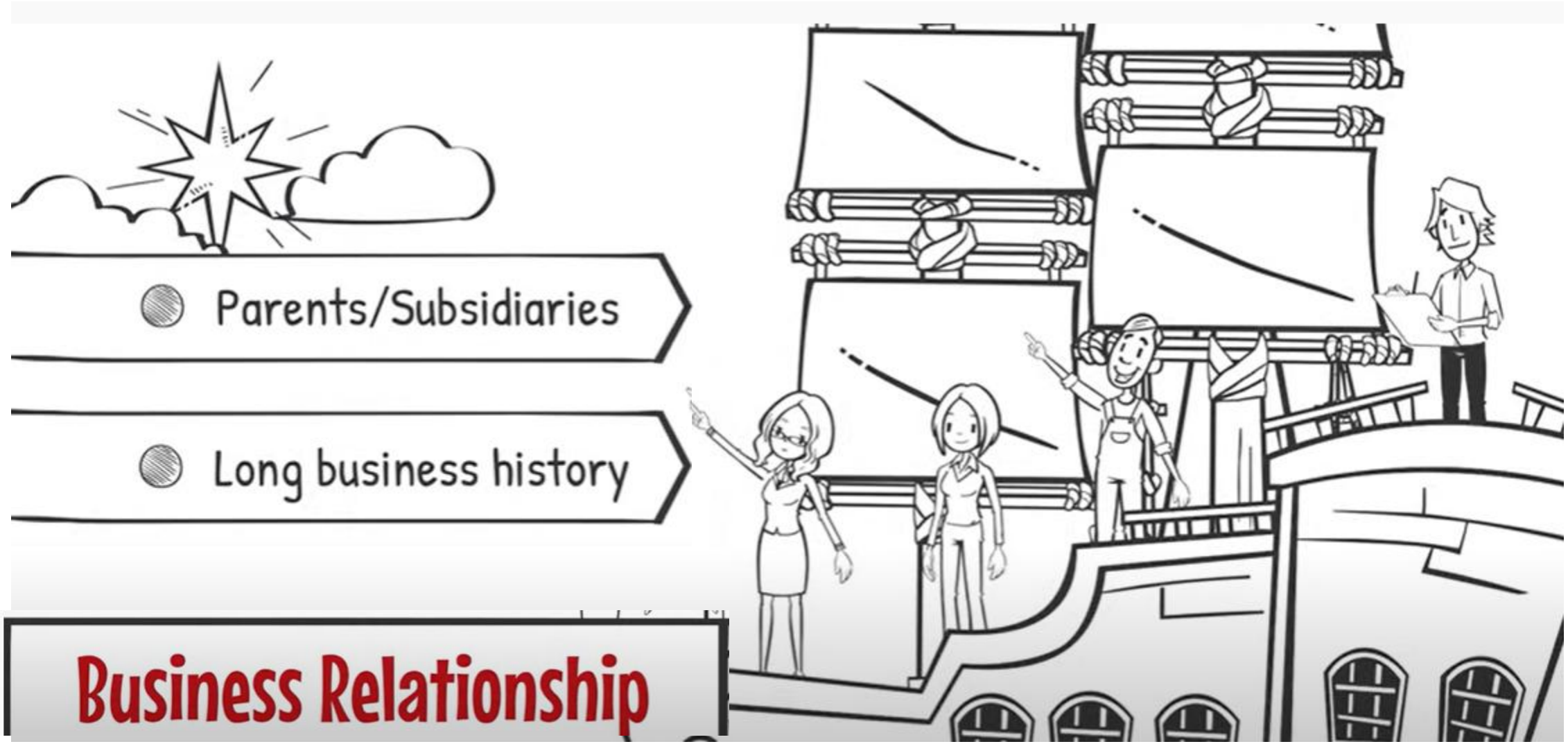
Foxit Reader PDF Document


Waybill
D/O
Sea Waybill
@
Waybill
Waybill


QUY TRÌNH
THỰC HIỆN SURRENDERED B/L
4 Telex Release
CARRIER
AGENT
1 Phát hành B/L gốc
3 Trả lại B/L gốc
Phát lệnh giao hàng
6
Xuất trình chứng từ
5
SHIPPER
CNEE
2 Yêu cầu Surrender B/L
NƯỚC XUẤT KHẨU
NƯỚC NHẬP KHẨU


QUY TRÌNH
THỰC HIỆN SEAWAY BILL
3 Express Release
CARRIER
AGENT
1 Yêu cầu Seaway Bill
2 Phát hành Seaway Bill
Phát lệnh giao hàng
6
Xuất trình giấy giới thiệu
5
SHIPPER
CNEE
4 Seaway Bill qua mail
NƯỚC XUẤT KHẨU
NƯỚC NHẬP KHẨU


Waybill
I will pay later
RISK OF SEA WAYBI


Parents/Subsidiaries
Long business history
Business Relationship

SEAWAY BILL

- SWB cho tốc độ giải phóng hàng nhanh
- Hãng tàu không cần ký lên bill và người mua, người bán cũng không lo bill bị thất lạc.

SEAWAY BILL

Trường hợp sử dụng:

- Công ty đã **làm ăn uy tín** với nhau, công ty mẹ - con, HĐ đã chuyển đủ tiền, các đơn vị forwarder và gom hàng lẻ consolidator là agent của nhau.
- Hàng mẫu, cho tặng, triển lãm thì nên dùng seaway bill.



Origin Port

shiplyst
Your shipping catalyst



On Board Vessel



Destination Port

Original Bill of Lading	Origin Documents signed & stamped	Sent by Courier	Documents checked Released to buyer
Sea Way Bill of Lading	No Origin Documents are printed		Goods automatically released

SEAWAY BILL

TH1: B/L gốc + chứng từ đến chậm

→ đổi **BL surrender** để lấy hàng nhanh

TH2: **Surrendered B/L** ngay từ đầu

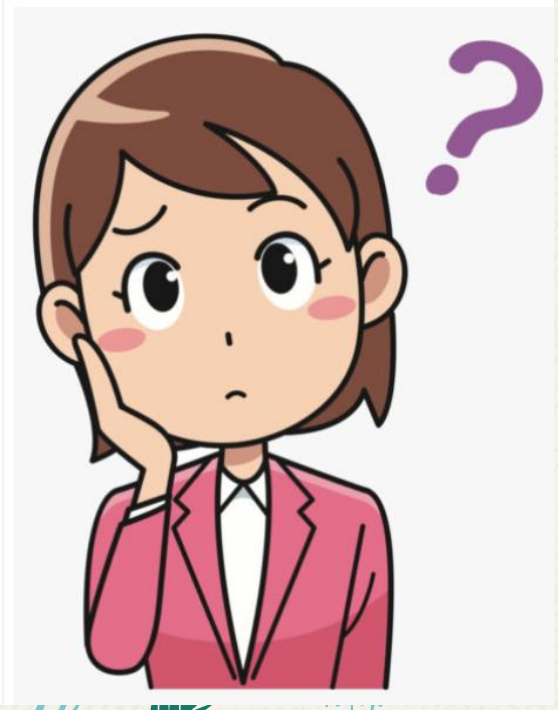


B/L gốc + chứng từ đến chậm



đổi **Seaway bill** để lấy hàng nhanh

TH4: **Sea Way bill** ngay từ đầu



FCR
E-BL
Switch BL

FCR = FORWARDER CARGO RECEIPT

Hàng hóa sẽ được giao cho Consignee được ghi đích danh trong FCR, bất kể người này có xuất trình được FCR gốc/scaned hay không, chỉ cần xuất được giấy tờ chứng minh mình là người nhận hàng (giấy giới thiệu…).

FCR = FORWARDER CARGO RECEIPT

- Là biên lai nhận hàng
- Là bằng chứng về hợp đồng chuyên chở

FCR = FORWARDER CARGO RECEIPT

- Là biên lai nhận hàng

FCR

Had: https://www.youtube.com/watch?v=fK6aeyEQMGk



APL Logistics

ORIGINAL FORWARDERS CARGO RECEIPT

NO: CHT308283

SELLER (PRINCIPAL OR LICENSEE)
ARTISTIC DESIGN LTD
232,233 EAST NARASHINGPUR, ASHULIA
SAVAR, DHAKA-1341, BANGLADESH.

10 JUL 2020

COUNTRY OF ORIGIN
BANGLADESH

BUYER (NAME AND ADDRESS)
UNTO THE ORDER OF:
PUBALI BANK LIMITED,MOTIJHEEL
BRANCH, 195 MOTIJHEEL C/A.
S.K. BHABAN, DHAKA-1000,
BANGLADESH.

ALSO NOTIFY PARTY
EXPEDITORS INT'L OF WASHINGTON,INC.
245 ROGER AVENUE
INWOOD, NY 11096, U.S.A
ATTN: MARION THOMPSON
TEL: 516-371-3330,FAX:516-371-2979

EXPORT CARRIER (VESSEL, VOYAGE)
X-PRESS KOHIMA 246X4NAPL
CMA CGM CHENNAI 0TUDT61PL

NOTIFY PARTY (NAME AND ADDRESS)
BLUE STAR IMPORTS L.P.
77 HOT METAL STREET PITTSBURGH,
PA 15203-2382 ATT:MEGAN DIMARTINO
TEL:1 412-432-0857
EMAIL: DIMARTINOM@AE.COM

EXPORT REFERENCE

PLACE OF RECEIPT
CHITTAGONG, BANGLADESH

PORT OF LOADING
CHITTAGONG, BANGLADESH

PORT OF DISCHARGE
NEW YORK, NY

PLACE OF DELIVERY
NEW YORK, NY

DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS

MARKS AND NUMBERS	NO. OF PKGS.	PARTICULAR FURNISHED BY SELLER	GROSS WEIGHT	MEASUREMENT
	315 CTNS		FREIGHT COLLECT KGS. 3301.820	CBM. 13.191
MAIN MARK SHIP TO # 2922 COUNRTY OF ORIGIN : BANGLADESH CARTON DIMENSIONS : GROSS CARTON WEIGHT:		HTS CODE NO. : 6204628011 WEARING APPAREL LADIES 80% COTTON 12% POLYESTER 6% VISCOSE 2% ELASTANE WOVEN DENIM PANT P.O. # : 717136 STYLE# : 2734 QUANTITY : 5,500 PCS AE INVOICE NO. : 3072536 INVOICE NO. : ADLAEO201381 DT: 02-07-2020 EXP NO. : 0195-013294-20 DT: 02-07-2020 S/C NO. : LF/A1D/01/2020 DT: 01-01-2020 *** SEE ATTACHMENT PAGE 2 THRU 2 *** THREE HUNDRED FIFTEEN CTNS ONLY		

STATEMENT : IN ACCORDANCE WITH INSTRUCTIONS OF
BLUE STAR IMPORTS L.P

WE RECEIVED 1 ORIGINAL 4 COPIES OF THE FOLLOWING DOCUMENTS WHICH PLUS 2/3 ORIGINAL BILLS OF LADING WILL BE DISPATCHED TO THE PARTIES AT PORT OF DISCHARGE AT THE TIME OF SHIPMENT AS INSTRUCTED BY THE CUSTOMER
COMMERCIAL INVOICE
PACKING LIST

C/R ISSUE DATE
16 JUL 2020

APL LOGISTICS LTD ("APLL") HEREBY ACKNOWLEDGES RECEIPT OF THE PACKAGES OR OTHER SHIPPING UNITS SAID TO CONTAIN THE GOODS ABOVE("THE GOODS") IN APPARENT EXTERNAL GOOD ORDER AND CONDITION UNLESS OTHERWISE STATED. THE SELLER, BUYER AND ALL OTHERS HAVING AN INTEREST IN THE GOODS(THE "CARGO OWNERS") ARE ADVISED, AND BY DELIVERING THE GOODS AND ACCEPTING THIS RECEIPT AGREE, THAT THE RECEIPT, CUSTODY, CONSOLIDATION AND FORWARDING OF THE GOODS BY APLL ARE SUBJECT TO ALL THE TERMS AND CONDITIONS SET FORTH ON THE REVERSE SIDE OF THIS FORWARDERS CARGO RECEIPT AND INCORPORATED BY REFERENCE ON THIS SIDE AND HEREOF. THE NUMBER ON THIS FORWARDERS CARGO RECEIPT MAY BE WRITTEN, STAMPED, OR PRINTED.

ORIGINAL OF THE FORWARDERS CARGO RECEIPT, ISSUED BY
APL LOGISTICS LTD., AS AGENT FOR BUYER

1 BY:
BANGLA TRIDENT FORWARDING AGENCY COMPANY LTD.
As a service provider for and on behalf of APL Logistics Ltd

E-BILL OF LADING



See website for large version of the reverse | Ver página Web para términos y condiciones | Смотрите веб-сайт для ознакомления с условиями и положениями | 提单的条款和条件详请见网站 | www.mscgva.ch

MEDITERRANEAN SHIPPING COMPANY S.A.

12-14, chemin Rieu, 1208 GENEVA, Switzerland
Website : www.mscgva.ch

SCAC Code: MSCU

BILL OF LADING No. MEDU 999999999

Original electronically issued, not valid on paper

"Port-to-Port" or "Combined Transport" (see Clause 1)

NO. & SEQUENCE OF ORIGINAL B/L's	NO. OF RIDER PAGES

SHIPPER:

CARRIER'S AGENTS ENDORSEMENTS: (Include Agent(s) at POD)

Digital Document contains 2 pages
(Mainpage-1, Riderpage-0, Terms & Conditions-1)

CONSIGNEE: This B/L is not negotiable unless marked "To Order" or "To Order of..." here.

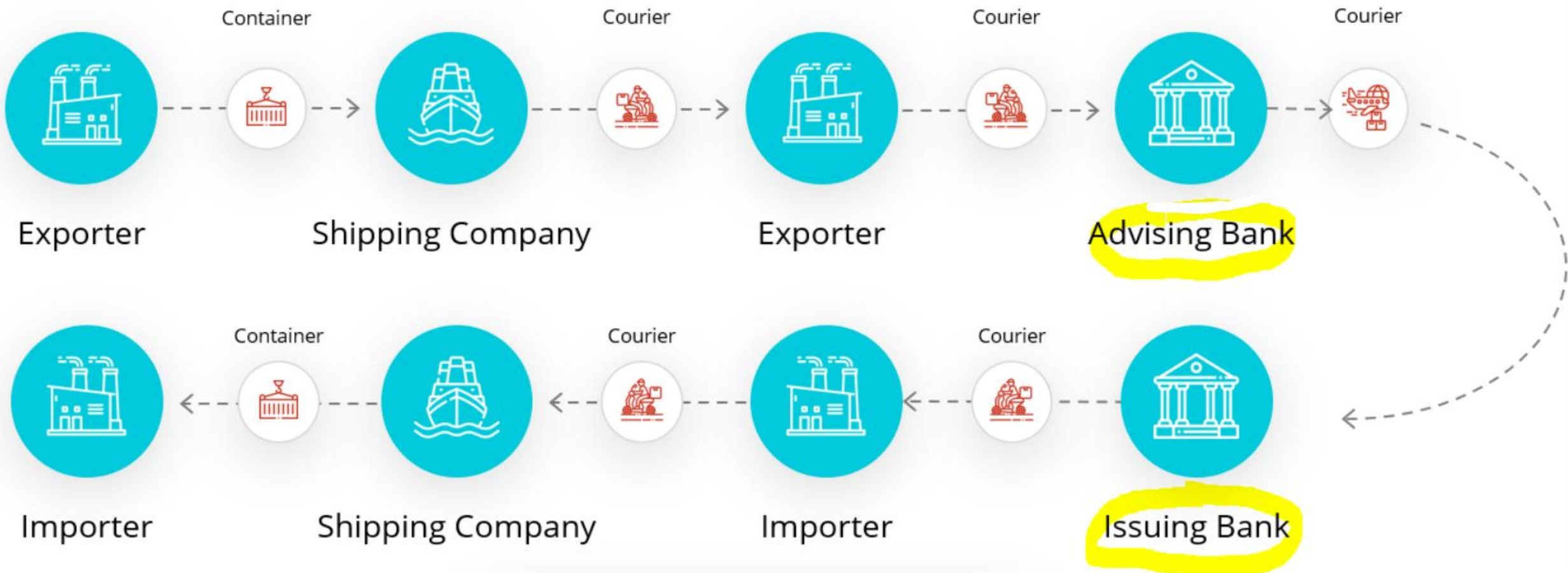
NOTIFY PARTIES: (No responsibility shall attach to the Carrier or to his Agent for failure to notify - see Clause 20)

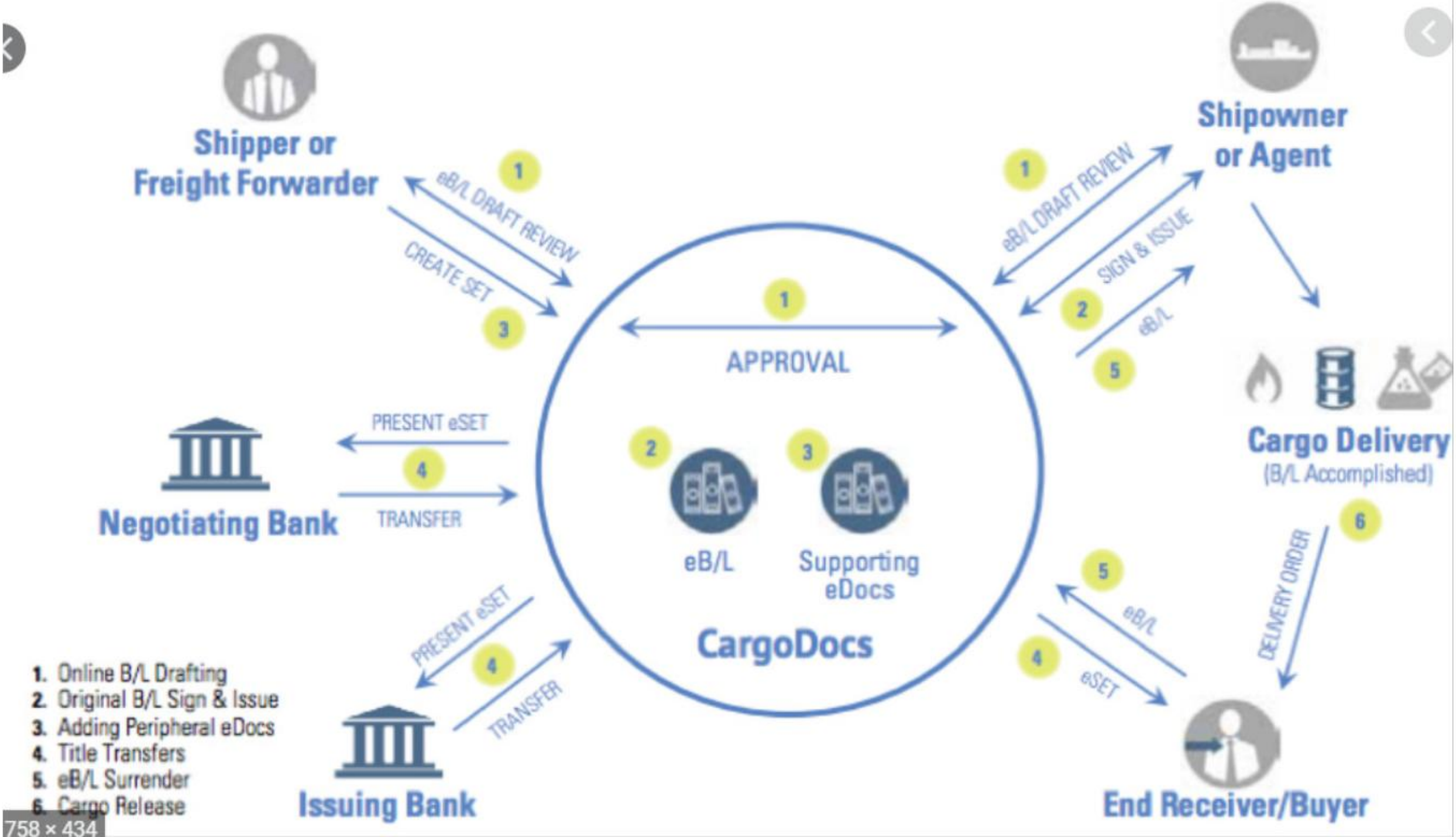
VESSEL & VOYAGE NO. (see Clauses 8 & 9)	PORT OF LOADING	PLACE OF RECEIPT: (Combined Transport ONLY - see Clauses 1 & 5.2)
BOOKING REF. (or) SHIPPER'S REF.	PORT OF DISCHARGE	PLACE OF DELIVERY: (Combined Transport ONLY - see Clauses 1 & 5.2)

PARTICULARS FURNISHED BY THE SHIPPER - NOT CHECKED BY CARRIER - CARRIER NOT RESPONSIBLE (see Clause 14)

EVERYONE NEEDS TO BE ON BOARD

WAVE BL




Shipper or Freight Forwarder
Shipowner or Agent
Negotiating Bank
Issuing Bank
End Receiver/Buyer
Cargo Delivery
(B/L Accomplished)
CargoDocs
APPROVAL
eB/L
Supporting eDocs
eB/L DRAFT REVIEW
CREATE SET
SIGN & ISSUE
eB/L
PRESENT eSET
TRANSFER
DELIVERY ORDER
eSET
1. Online B/L Drafting
2. Original B/L Sign & Issue
3. Adding Peripheral eDocs
4. Title Transfers
5. eB/L Surrender
6. Cargo Release
758 × 434

https://wavebl.com/

SWITCH BILL

– Mua bán trung gian

– Người trung gian muốn giấu thông tin của nhà xuất khẩu thực sự.

CÔNG TY A
(Nhà môi giới - trung gian thương mại Việt Nam)



HỢP ĐỒNG A và B | FOB



HỢP ĐỒNG A và C | CIF



HÀNG CHUYÊN TRỰC TIẾP TỪ TRUNG QUỐC SANG MỸ

B và C KHÔNG BIẾT NHAU



CÔNG TY B
(Nhà cung cấp Trung Quốc)

CÔNG TY C
(Nhà nhập khẩu Mỹ)

QUY TRÌNH MUA BÁN 3 BÊN
(SWITCH BILL OF LADING)



CÔNG TY A

(1)

(2)



ĐẠI LÝ FWD
TẠI TRUNG QUỐC



ĐẠI LÝ FWD
TẠI VIỆT NAM

SHIPPER **B**
CONSIGNEE **A**
CẢNG XẾP HÀNG:**TRUNG QUỐC**
CẢNG DỠ HÀNG: **VIỆT NAM**

SHIPPER **A**
CONSIGNEE **C**
CẢNG XẾP HÀNG:**TRUNG QUỐC**
CẢNG DỠ HÀNG: **MỸ**



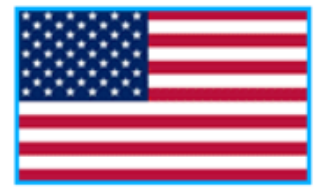
CÔNG TY B
(Nhà cung cấp Trung Quốc)

Giao hàng ra cảng theo
điều kiện FOB | bill 1



CẢNG TRUNG QUỐC

hàng giao trực tiếp từ
Trung quốc sang | bill 2



CÔNG TY C
(Nhà nhập khẩu Mỹ)

SWITCH BILL

– **Công ty Việt Nam (A)** ký hợp đồng với công ty **Trung Quốc (B)**, A với vai trò là **người nhập khẩu** nên dùng điều kiện giao hàng FOB để giành được quyền book tàu, giao hàng tại cảng Trung Quốc. Phương thức thanh toán L/C.

SWITCH BILL

– Đồng thời công ty Việt Nam (A) ký hợp đồng xuất khẩu cho **công ty Mỹ (C)**. Lúc này A trở thành vai trò người xuất khẩu. Để giành quyền book tàu, A phải ký hợp đồng theo điều kiện nhóm C, ví dụ như CIF, giao hàng tại cảng Mỹ. Phương thức thanh toán là TT.

SWITCH BILL

Forwarder hỗ trợ A thực hiện Switch bill :

– **Vận đơn thứ 1** (vận đơn ảo): trên vận đơn do đại lý của công ty forwarder tại Trung Quốc phát hành.

+ Shipper: B – **Trung Quốc**

+ Consignee: Bank (vì thanh toán L/C và chú ý L/C cần ghi chú chấp nhận house bill).

+ Cảng xếp hàng (Port of loading): **Cảng Trung Quốc**

+ Cảng dỡ hàng (Port of discharge): **Cảng tại Việt Nam**

SWITCH BILL

Chú ý là vì book tàu qua công ty forwarder lấy house bill do đó mặc dù có bill, có tên tàu nhưng thực tế hàng không được bốc lên tàu về Việt Nam. Bill 1 gần như là 1 cái Bill ảo để B nghĩ rằng hàng được chuyển về Việt Nam. Sau khi vận đơn 1 được phát hành và B đã giao hàng cho A tại cảng Trung Quốc. A tiến hành thanh toán cho B và lấy đầy đủ bộ chứng tàu. Lúc này hàng nghiễm nhiên thuộc sở hữu của A.

SWITCH BILL

Vận đơn 2 (vận đơn thật được Switch từ vận đơn 1): Sau khi đã có đủ bộ chứng từ và hàng đã sở hữu thuộc về mình (A). A tiến hành Switch bill, tức là hủy cái bill 1 đi và phát hành 1 bill mới. Bill mới này nội dung như sau:

+ Shipper: A – Việt Nam

+ Consignee: C – Mỹ

+ Cảng xếp hàng (Port of loading): Cảng Trung Quốc

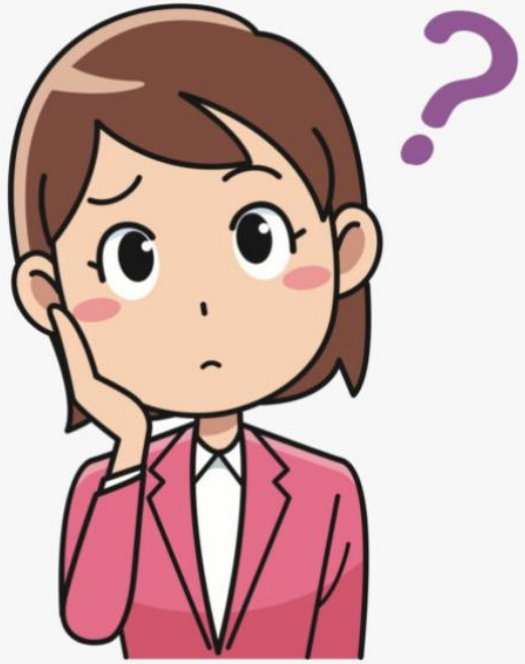
+ Cảng dỡ hàng (Port of discharge): Cảng tại Mỹ.

SWITCH BILL

Switch Bill Có Thật Sự An Toàn

Switch bill không chứa bất kì thông tin gì chỉ ra rằng nó không phải là vận đơn ban đầu. Tuy nhiên, người nhận hàng có thể hỏi hãng tàu/forwarder liệu bill có phải đã được switch không và hãng tàu có thể cung cấp thông tin nhưng không bổ sung thêm chi tiết khác cho người nhận.


AIRWAY BILL



BRAND TÂM SỰ THỰC TẬP

MAWB - VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG CÓ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KÝ HẬU ĐƯỢC KHÔNG



AIRWAY BILL

- Là biên lai nhận hàng
- Là bằng chứng về hợp đồng chuyên chở

Lưu ý: AWB không được sử dụng ký hậu trong L/C, cần có thư đảm bảo của NH

LC: B/L - Consignee : To order of open LC bank



WAN HAI

BILL OF LADING

Shipper

FZ TRADING LIMITED
ADD: RM 2105 TREND CTR 29-31 CHEUNG
LEE ST CHAI WAN HONGKONG

B/L No.
1159508357
S/O No: 1159508357 COSA7

ORIGINAL

Consignee

TO THE ORDER OF VIETNAM JOINT
STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY A
ND TRADE - DONG THAP BRANCH

Notify party (carrier not to be responsible for failure to notify)

DOANH NGHIEP TU NHAN VIET NGA
TAX ID:1400458477
304, HIGHWAY 30, MY PHU WARD, CAO
LANH CITY, DONG THAP PROVINCE,
VIETNAM

WAN HAI (VIETNAM) LTD
MEZZ & 9TH FL., MB SUNNY TOWER, 259 TRAN HUNG DAO, CO
GIANG WARD, DIST. 1, HCMC, S.R. VIETNAM

LC: B/L - Consignee : To order of open LC bank



LC: AWB - Consignee = actual buyer

217 **BKK 5837** 0000 **HPS1804HND-**000

Shipper's Name and Address
Thai International Mold Co.,Ltd
Amata Nakorn Industrial Estate
Chonburi Thailand 100100
TEL: 012-345-5678

Actual Shipper

Shipper's account Number

Not negotiable
Air Waybill
Issued by

HPS TRADE CO.,LTD.
2 K.A.N. BUILDING 8TH FL.,
SOI NARATHIWAT-RATCHANAKARIN 10 YAEK 4
THUNGWATDON, SATHORN , BANGKOK 10120

Forwarder AWB Format

BANGKOK THAILAND

Copies 1, 2 and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity

Consignee's Name and Address

BIDV VietNam
524 Ba Dinh St, HaNoi city,
VietNam

:tual Cnee

Consignee's account Number

It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.

Issuing Carrier's Agent Name and City

Accounting Information
"FREIGHT PREPAID"

Agent's IATA Code

Account No.

Airport of Departure (Addr. of first Carrier) and requested Routing
SUVARNABHUMI AIRPORT

079 - 4860 1501

079 - 4860 1501

Shipper's Name and Address | Shipper's Account Number

LF LOGISTICS C/O TL LOGISTICS CO., LTD
16B2 CUU LONG ST, WARD 2, TAN BINH DIST,
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Not Negotiable

Air Waybill

Issued by

Philippine Airlines

Copies 1, 2, and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity.

Consignee's Name and Address | Consignee's Account Number

LF LOGISTICS USA LLC
230-59 INTERNATIONAL AIRPORT CENTER BLVD
SUITE 270 SPRINGFIELD GARDENS, NY 11413
TEL: (212) 827-3308 FAX: (212) 827-3336
AIR: LFLUS-AIR@LFLOGISTICS.COM

It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.

Issuing Carrier's Agent Name and City

VECTOR AVIATION-HCMC
CUSTOMER CODE: 3700754

Accounting Information/Also Notify

RATE SHEET NO.: FF011/20
ACCOUTING CODE:

Agent's IATA Code | Account No.

Airport of Departure (Addr. of first Carrier) and requested Routing

TAN SON NHAT AIRPORT

Reference Number | Optional Shipping Information

To	By First Carrier / Routing and Destination	to	by	to	by	Currency	CHGS Code	WT/VAL PPD	WT/VAL COLL	Other PPD	Other COLL	Declared Value for Carriage	Declared Value for Customs
MNL	PR	LAX	PR			USD		PP	PP	PP		NVD	NCV

Airport of Destination	Requested Flight/Date	Amount of Insurance	INSURANCE - If Carrier offers insurance, and such insurance is requested in accordance with the conditions thereof, indicate amount to be insured in figures in box marked 'Amount of Insurance'.	TC
LOS ANGELES	PR592/19DEC	XXX		

HANDLING INFORMATION

VECTOR AVIATION HAS REVIEWED ALL AVAILABLE DOCUMENT & HAS DETERMINED THAT NONE OF THE CARGO BEING OFFERED IN THIS CONSIGNMENT OF CONSOLIDATION HAS ORIGINATED IN, TRANSFERRED FROM, OR TRANSITED THROUGH ANY POINT IN YEMEN, SOMALI, SYRIA AND EGYPT

No. of HAWB: 1

(For USA only) These commodities, technology or software were exported from the United States in accordance with the Export Administration Regulations. Diversion contrary to USA law prohibited.

No. of Pieces RCP	Gross Weight	Kg lb	Rate Class / Commodity Item No.	Chargeable Weight	Rate / Charge	Total	Nature and Quantity of Goods (incl. Dimensions or Volume)
53	854.0	K	Q	854.0	5.50	4,697.00	CONSOL SHIPMENT DOCS ATTACHED DIMS: 64*51*28CM*51 64*51*13CM*02
53	854.0					4,697.00	

Prepaid	Weight Charge	Collect	Other Charges
	4697.00		

Valuation Charge

Tax

Other Charges	
XDC :	128.10
MYC :	555.10
CCC :	5.00
SCC :	14.52

Total other Charges Due Agent

Total other Charges Due Carrier

702.72

Shipper certifies that the particulars on the face hereof are correct and that INSOFAR AS ANY PART OF THE CONSIGNMENT CONTAINS DANGEROUS GOODS, SUCH PART IS PROPERLY DESCRIBED BY NAME AND IS IN PROPER CONDITION FOR CARRIAGE BY AIR ACCORDING TO THE APPLICABLE DANGEROUS GOODS REGULATIONS.

LF LOGISTICS C/O TL LOGISTICS CO., LTD
Signature of Shipper or his Agent

Total prepaid	Total collect
5399.72	

Currency Conversion Rates | cc charges in Dest. Currency

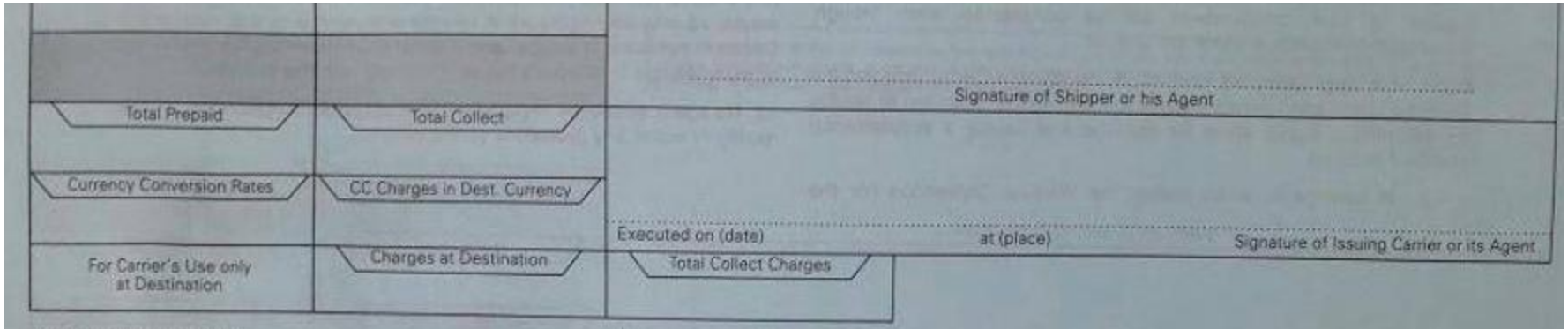
18-Dec-20 HOCHIMINH CITY

Executed on (Date) at (Place) Signature of Issuing Carrier or its Agent

For Carriers Use only at Destination | Charges at Destination | Total collect Charges

ORIGINAL 3 (FOR SHIPPER)

079 - 4860 1501



Printed in United Kingdom by Aero-Print

Original 3 (For Shipper)

Printed in United Kingdom by Aero-Print

Copy 8 (For Agent)

Printed in United Kingdom by Aero-Print

Original 1 (For Issuing Carrier)

Printed in United Kingdom by Aero-Print

Original 2 (For Consignee)

Printed in United Kingdom by Aero-Print

Copy 4 (Delivery Receipt)

Printed in United Kingdom by Aero-Print

Copy 5 (Extra Copy)

Printed in United Kingdom by Aero-Print

Copy 6 (Extra Copy)

BIDV **NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**
Chi nhánh Ba Đình

THƯ ỦY QUYỀN NHẬN HÀNG
(LETTER OF AUTHORIZATION TO RECEIVE OF SHIPMENT)

Số tham chiếu (Ref: 12610370021780)

Kính gửi *(To)*: NNR GLOBAL LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, CHI NHÁNH BA ĐÌNH
(JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM, BA DINH BRANCH)

Ủy quyền cho *(Authorize to)*: Công ty Cổ phần Belie *(Belie Joint Stock Company)*.
Địa chỉ *(Address)*: Số 81 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam *(No. 81, Thai Thinh Street, Thinh Quang Ward, Dong Da Dist, Ha Noi City, Viet Nam)*.
Được nhận lô hàng do Quý Cơ quan đang quản lý kèm vận đơn với các chi tiết liên quan như sau *(to receive the shipment which you are taking control of as per enclosed transport bill with details as follows)*:

Số vận đơn *(transport bill number)*: *NNR-51417393*
Ngày vận đơn *(transport bill date)*: *09/07/2019*
Số L/C và ngày *(L/C number and date)*:*12610370021780 ngày 19/06/2019*
Trị giá L/C *(L/C amount)*: *59,168.24 USD*
Số hóa đơn và ngày *(Invoice No. and date)*: *BJS025 (HF) ngày 03/07/2019*
Trị giá hóa đơn *(Invoice value)*: *59,168.24 USD*
Hàng hoá *(Goods description)*: *DHC Health Foods*
Khối lượng *(Quantity)*: *20,436 pcs*

MAWB Number

217 BKK 5837 1111

217-5837 1111

Shipper's Name and Address

HPS TRADE CO.,LTD.
2 K.A.N. BUILDING 8TH FL.,
SOI NARATHIWAT-RATCHANAKARIN 10 YAEK 4
THUNGWATDON, SATHORN , BANGKOK 10120

Export Forwarder

Shipper's Account Number

Not negotiable

Air Waybill

THAI

Issued by

Thai Airways International Public Company Limited
Head Office: 89 Vibhavadi Rangsit Road, Bangkok 10900, Thailand

Copies 1, 2 and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity

Consignee's Name and Address

HPS TRADE JAPAN.CO.,LTD
Yaesu, Chuo-Ku, Tokyo Japan 100000
TEL: 123-456-7899

Import Forwader

Consignee's Account Number

Airline AWB Format

Issuing Carrier's Agent Name and City

Accounting Information

"FREIGHT PREPAID"

Agent's IATA Code

Account No.

Airport of Departure (Addr. of First Carrier) and Requested Routing

SUVARNABHUMI AIRPORT,THAILAND

Reference Number

Optional Shipping Information

To	By First Carrier (Routing and Destination)	To	By	To	By	Currency	CHGS Code	WT/VAL PPD	WT/VAL COLL	Other PPD	Other COLL	Declared Value for Carriage	Declared Value for Customs
HND	TG					THB	PP	X		X		NVD	NCV

Airport of Destination	Requested Flight / Date		Amount of Insurance	INSURANCE - If Carrier offers insurance, and such insurance is requested in accordance with the conditions thereof, indicate amount to be insured in figures in box marked 'Amount of Insurance'
HANEDA,JAPAN	TG682/05		NIL	

Handling Information

ONE POUCH OF CARGO MANIFEST ATT'ED WITH.....

SCI

(For U.S.A. use only) These commodities, technology or software were exported from the United States in accordance with the Export Administration Regulations. Diversion contrary to USA law prohibited.

No. of Pieces RCP	Gross Weight	kg / lb	Rate Class / Commodity Item No.	Chargeable Weight	Rate / Charge	Total	Nature and Quantity of Goods (incl. Dimensions or Volume)
15		K	Q				CONSOLIDATION SHIPMENTS AS PER CARGO MANIFEST.. ATTD'D TO THE AWB.....

MAWB Number

217 BKK 5837 0000

HAWB Number

HPS1804HND-000

Shipper's Name and Address

Thai International Mold Co.,Ltd
Amata Nakorn Industrial Estate
Chonburi Thailand 100100
TEL: 012-345-5678

Actual Shipper

Shipper's account Number

Not negotiable

Air Waybill

Issued by

HPS TRADE CO.,LTD.
2 K.A.N. BUILDING 8TH FL.,
SOI NARATHIWAT-RATCHANAKARIN 10 YAEK 4
THUNGWATDON, SATHORN , BANGKOK 10120

Forwarder AWB Format

BANGKOK THAILAND

Copies 1, 2 and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity

Consignee's Name and Address

Mold planning Japan Co.,ltd
Kayaba-Cho, Koto-Ku, Tokyo Japan
123-456
TEL: 098-765-4321

Actual Cnee

Consignee's account Number

It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.

Issuing Carrier's Agent Name and City

Accounting Information

"FREIGHT PREPAID"

Agent's IATA Code

Account No.

Airport of Departure (Addr. of first Carrier) and requested Routing

SUVARNABHUMI AIRPORT

to	By first Carrier (Routing and Destination)	to	by	to	by	Currency	CHGS Code	WT/VAL PPD	WT/VAL COLL	Other PPD	Other COLL	Declared Value for Carriage	Declared Value for Customs
HND	TG					THB	PP	X		X		NVD	NCV

Airport of Destination	Flight/Date (For Carrier Use only)	Flight/Date	Amount of Insurance	INSURANCE - If carrier offers insurance and such insurance is requested in accordance with conditions on reverse hereof, indicate amount to be insured in figures in box marked amount of insurance.
HANEDA,JAPAN	TG682/05			

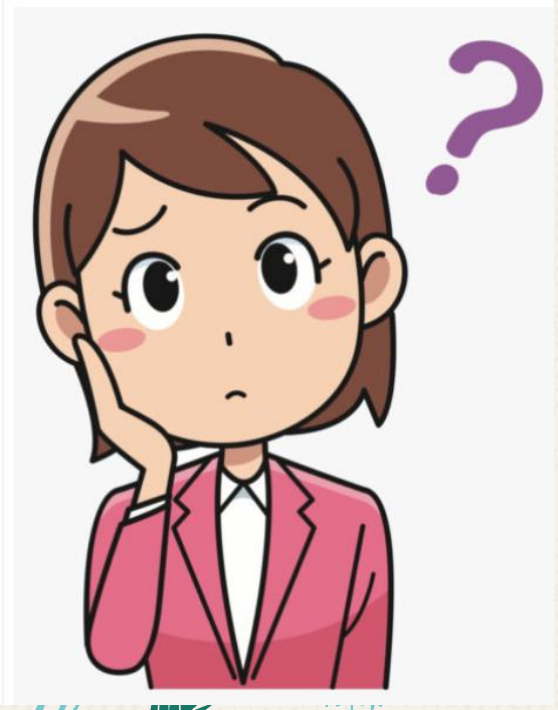
Handling Information

PLS INF CNEE IMM UPON ARRV...DOC ATT'D TO THE AWB.....

SCI

No.of Pieces RCP	Gross Weight	kg lb	Rate Class / Commodity Item No.	Chargeable Weight	Rate / Charge	Total	Nature and Quantity of Goods (incl. Dimensions or Volume)
	181.0K						New Mold 1 lot

4. ĐỌC AWB



10 HÃNG TÀU LỚN HĐ Ở VIỆT NAM

DANH BẠ *Các Hãng tàu*

KHÔNG CÓ VĂN PHÒNG TẠI *Cát Lái*

MAERSK

MAERSK

- Địa chỉ: 54-56 Nguyễn Trãi, P. Phạm Ngũ Lão, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3823 8566

SEALAND
A MAERSK COMPANY

SEALAND (MCC)

- Địa chỉ: 54-56 Nguyễn Trãi, P. Phạm Ngũ Lão, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3823 0015

EVERGREEN

EVERGREEN

- Địa chỉ: Lầu 30, Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, P. 25, Q.Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 35121888

CULINES
中 | 联 | 航 | 运

CU LINES

- Địa chỉ: Lầu 8, AB Tower, 76A Lê Lai, P. Bến Thành, Q.I, TP. Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3521 0795

PanCon

Pan Continental Shipping Co., Ltd.

PAN CONTINENTAL SHIPPING

- Địa chỉ: Số 236, đường Nguyễn Công Trứ , Q 1, TP Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3821 8491

동진상선 DONGJIN SHIPPING

DONGJIN SHIPPING

- Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Đa Kao, Q uận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 2220 2888

PAN OCEAN

PAN OCEAN

- Địa chỉ: 89 Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3822 8225

SM LINE

SM LINE

- Địa chỉ: Tầng 7, Số 217 Nguyễn Văn Thủ, P Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3823 3400

CMA CGM

CMA - CGM

- Địa chỉ: Lầu 8-9, 81-85 Hàm Nghi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3914 8400 EXT: 7123

Hapag-Lloyd

Hapag-Lloyd

- Địa chỉ: 72 Lê Thánh Tôn, Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3915 5300 EXT: 16289

ONE
OCEAN NETWORK EXPRESS

ONE

- Địa chỉ: Lầu 3 mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 4458 1261

RCL

Regional Container Lines

- Địa chỉ: Lầu 10, Tòa SGGP 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, P 5, Q 3, TP Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3818 1522

OOCL

- Địa chỉ: Lầu 13 Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3911 6088

ZIM LINE

- Địa chỉ: Tầng 3, An Phú Plaza, số 117-119, Đường Lý Chính Thắng, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh
- Số ĐT: 1800 400 248

COSCO

- Địa chỉ: Số 05 Hồ Biểu Chánh, P.12, Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3829 0000

Pacific International Lines

- Địa chỉ: Lầu 5-6, 161-163 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 38212 808

NAMSUNG
남성해운주식회사
NAMSUNG SHIPPING CO.,LTD.

NAMSUNG SHIPPING

- Địa chỉ: 30-32 Yersin, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TP. Hồ Chí Minh
- Số ĐT: 028 7307 0008

YANG MING
YANG MING MARINE TRANSPORT CORP
陽明海運股份有限公司

YANG MING

- Địa chỉ: Số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3825 4589

HMM

HMM CO.,Ltd

- Địa chỉ: Lầu 12, Ruby Tower số 81-85, đường Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q I, TP. Hồ Chí Minh.
- Số ĐT: 028 3823 3798

CON MAERSK LẮM
CON MAERSK MỎI LẮM MẸ À

Tập đoàn A.P.Moller - Maersk là một tập đoàn kinh doanh quốc tế có trụ sở chính tại Copenhagen, Đan Mạch.

Hoạt động trong nhiều lĩnh vực, chủ yếu là vận tải hàng hải, Maersk thường được biết đến là nhà vận tải lớn nhất thế giới tính về số lượng chở hàng và số đội tàu.

Ngoài ra, Maersk Line sở hữu hàng loạt con tàu container lớn nhất thế giới, ví dụ như tàu container Margrethe Maersk đã từng cập cảng Quốc tế Cái Mép (Vũng Tàu) vào ngày 26/10/2020.

MAERSK

COSCONG MÀI SẮT CÓ NGÀY NÊN KIM

COSCO Shipping (China Ocean Shipping Company - Tập đoàn Vận tải biển Trung Hoa) là hãng vận tải container đứng thứ 3 thế giới đến từ Trung Quốc, và sở hữu 3,1 triệu TEU, chiếm 12,2% thị phần trong thị trường vận tải đường biển.

Bên cạnh đó, COSCO là đơn vị vận tải có sản lượng hàng rời và hàng khô (hàng nông sản) lớn nhất Trung Quốc cũng như trên toàn thế giới.

COSCO có tổng cộng 7 công ty con niêm yết chứng khoán và có hơn 300 công ty con trong và ngoài nước, cung cấp dịch vụ trong giao nhận vận tải, đóng tàu, sửa chữa tàu biển, vận hành thiết bị bốc dỡ hay sản xuất container. **Ẩn bớt**

XUNG ONE ANH TOÀN LÀ NƯỚC EIII

ONE (Ocean Network Express) là một hãng tàu mới được thành lập từ năm 2017, với sự sát nhập của 3 hãng tàu lớn của Nhật Bản gồm NYK (Nippon Yusen Kaisha), MOL (Mitsui OSK Lines) và K Line (Kawasaki Kisen Kaisha).

Hiện nay, ONE là hãng tàu lớn thứ 6 thế giới với màu biểu tượng lấy cảm hứng từ hoa anh đào - quốc hoa của Nhật Bản và chiếm khoảng 6.6% thị trường vận tải toàn cầu.

ONE
OCEAN NETWORK EXPRESS

TOP 10 HÃNG TÀU LỚN NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

msc
MEDITERRANEAN SHIPPING COMPANY

1

HÃNG TÀU MSC

- Số lượng tàu: 700
- Sức chở: 4,511,391 TEU

HÃNG TÀU MAERSK

- Số lượng tàu: 724
- Sức chở: 4,270,893 TEU

2

MAERSK

CMA CGM

3

HÃNG TÀU CMA - CGM

- Số lượng tàu: 587
- Sức chở: 3.333,892 TEU

HÃNG TÀU COSCO

- Số lượng tàu: 464
- Sức chở: 2,871,575 TEU

4

COSCO SHIPPING

Hapag-Lloyd

5

HÃNG TÀU HAPAG-LLOYD

- Số lượng tàu: 248
- Sức chở: 1,756,237 TEU

Nguồn: Alphaliner TOP 100 - cập nhật đến ngày 13/10/2022
https://alphaliner.axsmarine.com/PublicTop100/

GEMALINK
GEMALINK INT'L PORT

TOP 10 HÃNG TÀU LỚN NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

EVERGREEN

6

HÃNG TÀU EVERGREEN

- Số lượng tàu: 204
- Sức chở: 1,606,167 TEU

HÃNG TÀU ONE

- Số lượng tàu: 201
- Sức chở: 1,506,539 TEU

7 ONE

OCEAN NETWORK EXPRESS

HMM

8

HÃNG TÀU HMM

- Số lượng tàu: 76
- Sức chở: 818,075 TEU

HÃNG TÀU YANGMING

- Số lượng tàu: 95
- Sức chở: 708.403 TEU

9 YANG MING

Yang Ming Marine Transport Corporation

ZIM | The Factor

10

HÃNG TÀU ZIM

- Số lượng tàu: 138
- Sức chở: 512,493 TEU

Nguồn: Alphaliner TOP 100 - cập nhật đến ngày 13/10/2022
https://alphaliner.axsmarine.com/PublicTop100/

GEMALINK

GEMALINK INT'L PORT

CẢNG CẠN ICD



MR.TÍT HẢI PHÒNG

Share knowledge - Build yourself

1.KHÁI NIỆM

- Một bộ phận thuộc kết cấu hạ tầng giao thông vận tải
- Đầu mối tổ chức vận tải gắn liền với hoạt động của cảng biển
- Có chức năng là cửa khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường biển.

Share knowledge - Build yourself

2.CÁC DỊCH VỤ CHÍNH

- Lưu trữ hàng hóa, kho hải quan, kho CFS
- Đóng gói hàng hóa, bốc dỡ container
- Làm thủ tục hải quan
- Đóng gói hàng hóa, bốc dỡ container
- Bãi chứa container

Share knowledge - Build yourself

3.CHỨC NĂNG

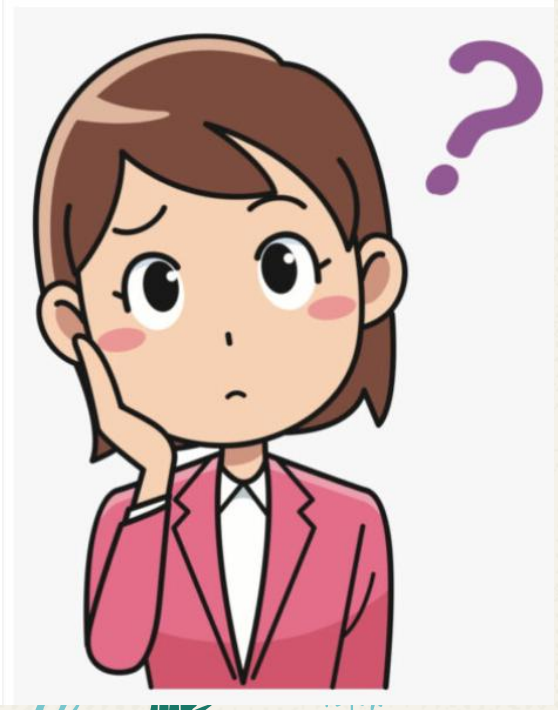
- Địa điểm tập kết hàng hóa, container
- Giảm tải, hỗ trợ cảng về thủ tục hải quan
- Trung tâm phân phối hàng hóa
- Nơi cung cấp nhiều tiện ích

Share knowledge - Build yourself

4.THỰC TRẠNG

- Có vai trò quan trọng, là cánh tay nối dài của cảng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế
- 10 cảng cạn được Bộ Giao thông Vận tải ghi nhận

Share knowledge - Build yourself



CẢNG BIỂN ĐẸP TRÊN THẾ GIỚI

Chiêm ngưỡng 5 cảng biển đẹp nhất trên thế giới







Cảng biển Hong Kong, hay còn gọi là cảng biển Victoria. Đây là cảng biển lớn thứ 4 thế giới với nhịp sống sôi động và nhộn nhịp. Đây không những là nơi giao thương buôn bán, trung tâm kinh tế của cả khu vực mà còn là một điểm đến lý tưởng cho những cuộc vui.



Singapore từ lâu đã là một trung tâm vận tải biển của cả khu vực Đông Nam Á. Điều này quyết định bởi vị trí địa lý của Singapore, nằm trên tuyến vận tải biển huyết mạch nối giữa châu Á và châu u. Xây dựng một hệ thống hải quan và năng lực hậu cần hiệu quả khiến cho quốc đảo sư tử ngày càng khẳng định được vị thế kinh tế của mình.



Cảng biển Busan, Hàn Quốc

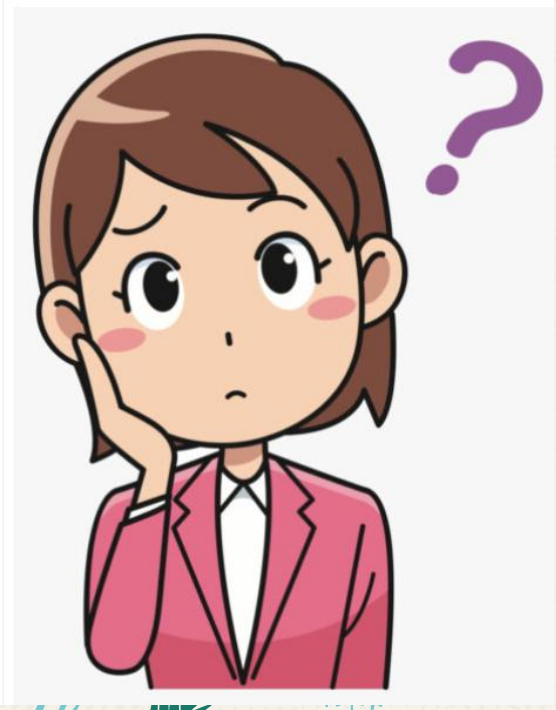
Khi nhắc đến Busan, người ta thường nghĩ ngay đến biển. Cảng biển Busan là một trong những cảng biển lớn nhất thế giới, với hàng triệu chiếc container ghé qua mỗi ngày. Nhịp sống vội vàng và sôi động cho bạn một cảm giác đầy năng lượng. Busan cho bạn một cảm giác không thể dừng chân. Hãy đến đây để cảm nhận.



Cảng biển Thượng Hải là cảng biển lớn nhất thế giới cho đến thời điểm hiện tại. Đây là nơi giao thương buôn bán sôi động, nhộn nhịp bậc nhất với hàng chục triệu đơn vị container mỗi ngày. Đến trên cảng biển Thượng Hải, những ngọn đèn từ thành phố xa xa, những âm thanh làm việc, tiếng còi tàu, tiếng người người lao xao tạo nên một bức tranh cuộc sống hiện đại đầy lý tưởng.



Cảng Rotterdam là cảng lớn nhất châu u và lớn thứ hai thế giới, được thành lập từ năm 1328. Rotterdam là trung tâm ngoại thương chính của Hà Lan, thành phố này nối trực tiếp với sông Rhine, có sự ảnh hưởng quan trọng đến nền thương mại của cả nước. Đặc biệt, khi đến với cảng Rotterdam, bạn cũng có cơ hội được đi mua sắm thỏa thích ở khu thương mại chính Rotterdam – khu mua sắm rộng rãi và hiện đại, đầy đủ tiện nghi Lijnbaan.



LADEN ON BOARD
&
SHIPPED ON BOARD

Laden on Board

vs

Shipped on Board



Laden on Board



Laden on Board

- Hàng hóa đã được load lên tàu
- Không có nghĩa rằng con tàu đã khởi hành

EVERGREEN LINE

A Joint Service Agreement

SEA WAYBILL

NON-NEGOTIABLE

(2) Shipper / Exporter
THANH LONG PRODUCING TRADING CO., LTD
MIDDLE HAMLET, TAN PHU TRUNG TOWN,
CU CHI DISTRICT,HO CHI MINH CITY,
VIETNAM.
TEL:84028 37960263*

(5) Document No.
235100271389

(6) Export References

(3) Consignee(complete name and address)
SUMITOMO RUBBER INDUSTRIES LTD
IMPORT/EXPORT PROCUREMENT SUPPLY &
DEMAND MANAGEMENT DEPT
6-9 3 CHOME, WAKINOHAMA-CHO,
CHUO-KU, KOBE 651-0072 JAPAN**
TEL:81-78-265-3017

(7) Forwarding Agent-References

(4) Notify Party (complete name and address)
SUMITOMO RUBBER INDUSTRIES LTD
IMPORT/EXPORT PROCUREMENT SUPPLY &
DEMAND MANAGEMENT DEPT
6-9 3 CHOME, WAKINOHAMA-CHO,
CHUO-KU, KOBE 651-0072 JAPAN**
TEL:81-78-265-3017

(8) Point and Country of Origin (for the Merchant's reference only)

(9) Also Notify Party (complete name and address)

(12) Pre-carriage by

(13) Place of Receipt/Date
HOCHIMINH PORT, VIETNAM

This Sea Waybill is issued at the request and for the convenience of the Merchant, but is nevertheless subject to the terms and conditions of the Carrier's standard long form Bill of Lading for this trade which may be viewed online at [http://www.evergreen-line.com] or a copy obtained from the Carrier or its agents.

(14) Ocean Vessel/Voy. No.
UNI-PATRIOT 0098-328N

(15) Port of Loading
HOCHIMINH PORT, VIETNAM

(10) Onward Inland Routing/Export Instructions (which are contracted separately by Merchants entirely for their own account and risk)

(16) Port of Discharge
OSAKA,JAPAN

(17) Place of Delivery
OSAKA,JAPAN

Particulars furnished by the Merchant

(18) Container No. And Seal No. Marks & Nos.	(19) Quantity And Kind of Packages	(20) Description of Goods	(21) Measurement (M³) Gross Weight (KGS)
CONTAINER NO./SEAL NO.			25.0000 CBM 19,125.000 KGS
TEMU3454846/20'/EMCLAR1290/ 1 X 20'	15 PLTS	15 SHRINK WRAPPED PLASIC PALLETS HS CODE: 4001.22 NATURAL RUBBER SVR-3L S/I NO: S0109509 QUANTITY : 18.90MTS PO NO: 21000360 NET WEIGHT : 18,900.00KGS GROSS WEIGHT: 19,125.00KGS	
MARKING: AS PER SUMITOMO'S PACKAGING SPECIFICATIONS SUMITOMO RUBBER INDUSTRIES LTD TRADE NAME: SVR-3L(0024-D) S/I NO: S0109509 PO NO: 21000360 PRODUCER CODE: V-ANL		PRODUCER CODE: V-ANL * THE BALANCE OF BILL OF LADING SEE ATTACHED LIST * TOTAL NUMBER OF ATTACHED 1 PAGE "OCEAN FREIGHT PREPAID AT SINGAPORE" SHIPPER'S LOAD & COUNT 15 PALLETS	

(22)TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES (IN WORDS): ONE(1) CONTAINER ONLY

(23)

(24) FREIGHT & CHARGES	Revenue Tons	Rate / Per	Prepaid	Collect
		AS ARRANGED		

(25) Waybill No.
EGLV
235100271389

(27) Number of Original Waybills
NIL (0)

(29) Prepaid at
SINGAPORE

(30) Collect at

(28) Place and Date of Issue
HO CHI MINH FEB.25,2021

(31) Exchange Rate

(32) Exchange Rate

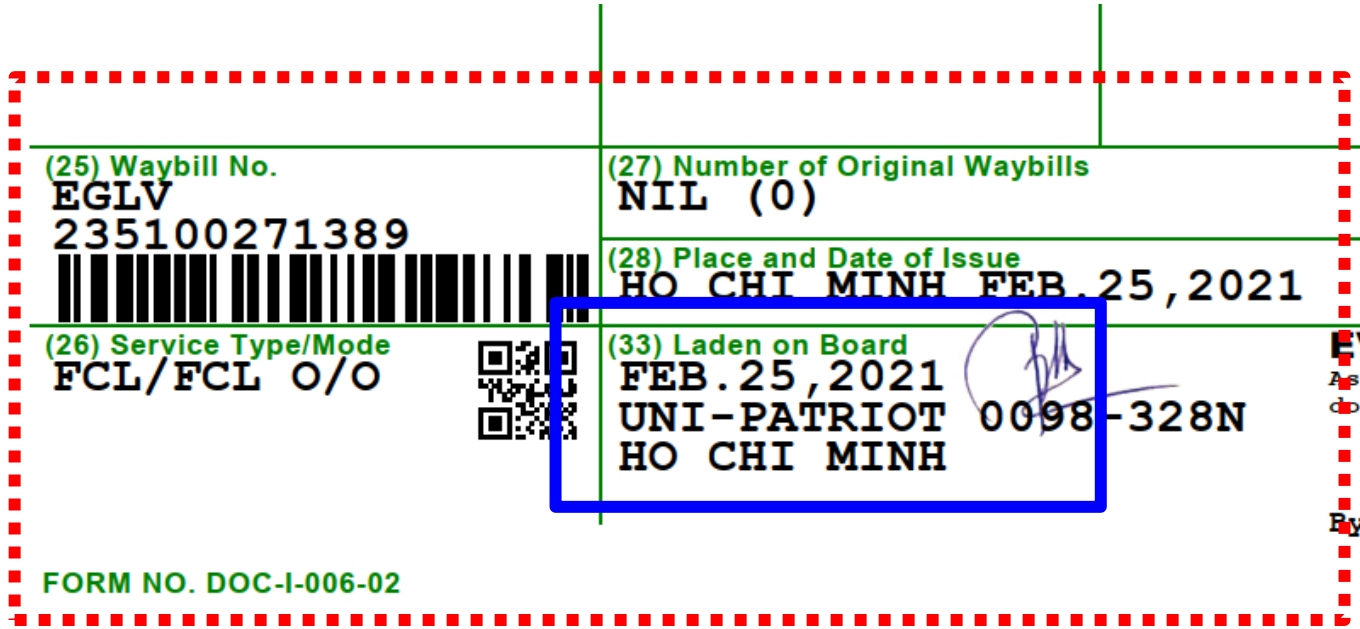
(26) Service Type/Mode
FCL/FCL O/O

(33) Laden on Board
FEB.25,2021
UNI-PATRIOT 0098-328N
HO CHI MINH

EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LTD.
As agent for the Carrier and the Vessel/Voy(s) Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd. doing business as "Evergreen Line"

NON-NEGOTIABLE

NON-NEGOTIABLE
NON-NEGOTIABLE
NON-NEGOTIABLE



Shipped on Board



Shipped on Board



Shipped on Board

- Hàng hóa đã được load lên tàu
- Con tàu đã khởi hành

YANG MING

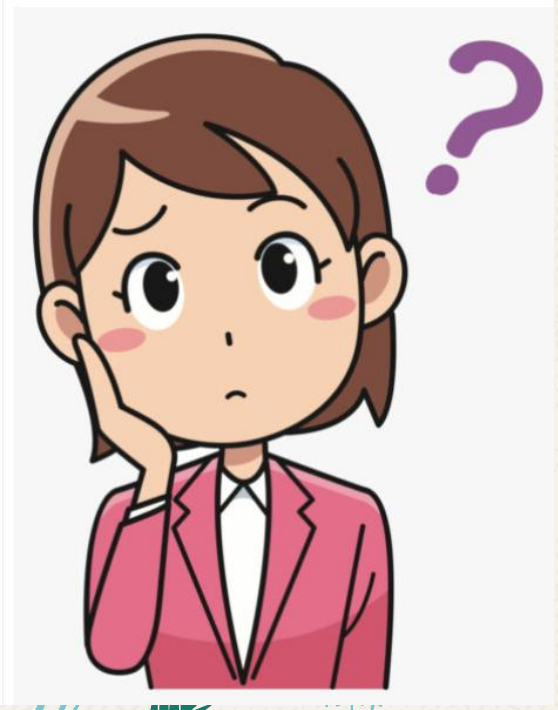
ORIGINAL BILL OF LADING

Shipper SRI TRANG AGRO-INDUSTRY PUBLIC COMPANY LIMITED NO. 10 SOI 10 PHETKASEM ROAD, HATYAI, HATYAI SONGKHLA 90110 THAILAND TEL. +66 7434 4663	Booking No. I465078184 B/L No. YMLUI465078184 Export References
Consignee (non-negotiable unless consigned to order) MERUFA JOINT STOCK COMPANY 38 TRUONG QUOC DUNG ST, PHU NHUAN, HCMC, VIETNAM TEL +0084 0283 7654160 FAX +0084 0283 7654161	Forwarding agent references Point and Country of origin of goods
Notify Party MERUFA JOINT STOCK COMPANY 38 TRUONG QUOC DUNG ST, PHU NHUAN, HCMC, VIETNAM TEL +0084 0283 7654160 FAX +0084 0283 7654161	ALSO NOTIFY

*Precarried by	*Place of Receipt PENANG,MALAYSIA	Onward inland routing
Vessel Voy No. 0IH3SN1NC NAVIOS JASMINE	Port of Loading PENANG,MALAYSIA	
Port of Discharge CAT LAI HOCHIMINH, VIETNAM	*Place of Delivery CAT LAI HOCHIMINH, VIETNAM	Delivery status CY

PARTICULARS FURNISHED BY MERCHANT

MKS & NOS/CONTAINER NOS	NO OF PKGS	DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS	Measurement(M) Gross Weight(KGS)
	1 CTNR	SHIPPER'S LOAD, STOWAGE AND COUNT S.T.C 1 FLEXIBAG	21100.000KGS 25.000CBM
STA NATURAL RUBBER LATEX 60% DRC HA NET WEIGHT: 21MT PER CONTAINER LOT NO.: KD201229-5053 PRODUCTION DATE:		1.000 FLEXIBAG (S) NATURAL RUBBER LATEX 60% DRC HA TOTAL GROSS WEIGHT: 21,100.00 KGS TOTAL NET WEIGHT: 21,000.00 KGS TOTAL QUANTITY: 21.000 MTS TRANSHIPMENT AT PORT KLANG BY YM HEIGHTS V 290C	FREIGHT PREPAID LOADED ON M/V : NAVIOS JASMINE VOY :0IH3SN1NC AT:PENANG,MALAYSIA SHIPPED ON BOARD: 12/07/2020



Place of receipt
Port of loading



1/ Cat Lai port → Tokyo port

Place of receipt = Cat Lai port

Port of Loading = Cat Lai port





2/ ICD Phuc Long → Cat Lai port → Tokyo port

Place of receipt = ICD Phuc Long
Port of Loading = Cat Lai port

Nhà máy

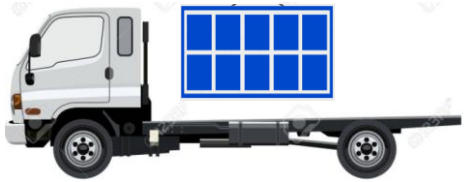


ICD Phuc Long



CÁT LÁI PORT







Hokkaido

TOKYO PORT

Nhà máy



ICD Phuc Long

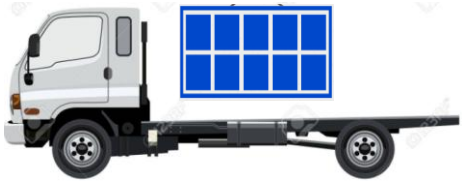
Place of receipt



CÁT LÁI PORT

Port of loading





Hokkaido

Place of delivery



TOKYO PORT

Port of discharge

Nhà máy



ICD Phuc Long

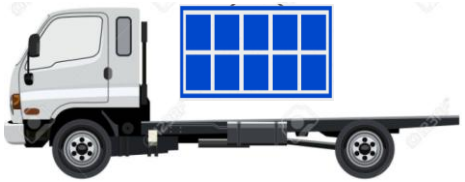
Place of receipt



CÁT LÁI PORT

Port of loading





Hokkaido

Place of delivery



TOKYO PORT

Port of discharge

Nhà máy



ICD Phuc Long

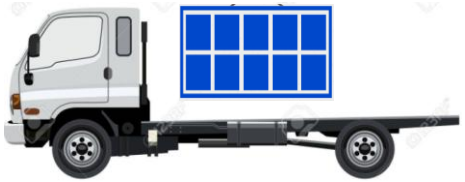
Place of receipt



CÁT LÁI PORT

Port of loading





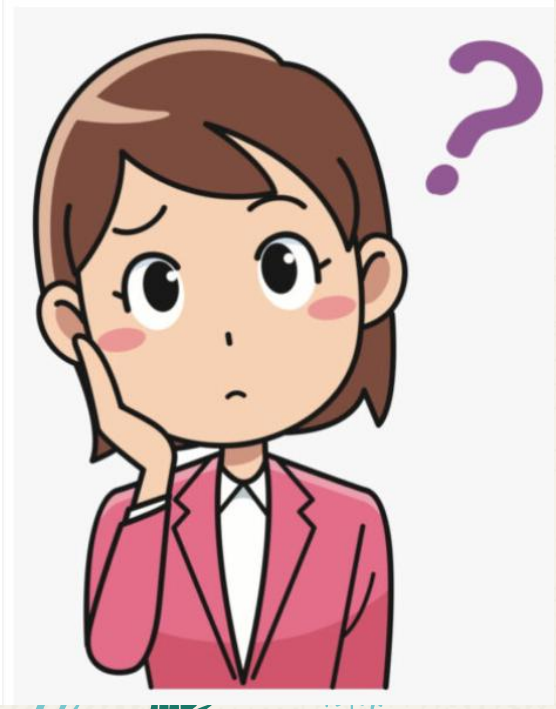
Hokkaido

Place of delivery



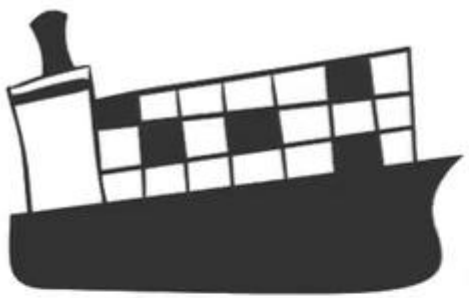
TOKYO PORT

Port of discharge



Freight Prepaid & Collect


Freight
Prepaid
Collect
Trả trước
Trả sau

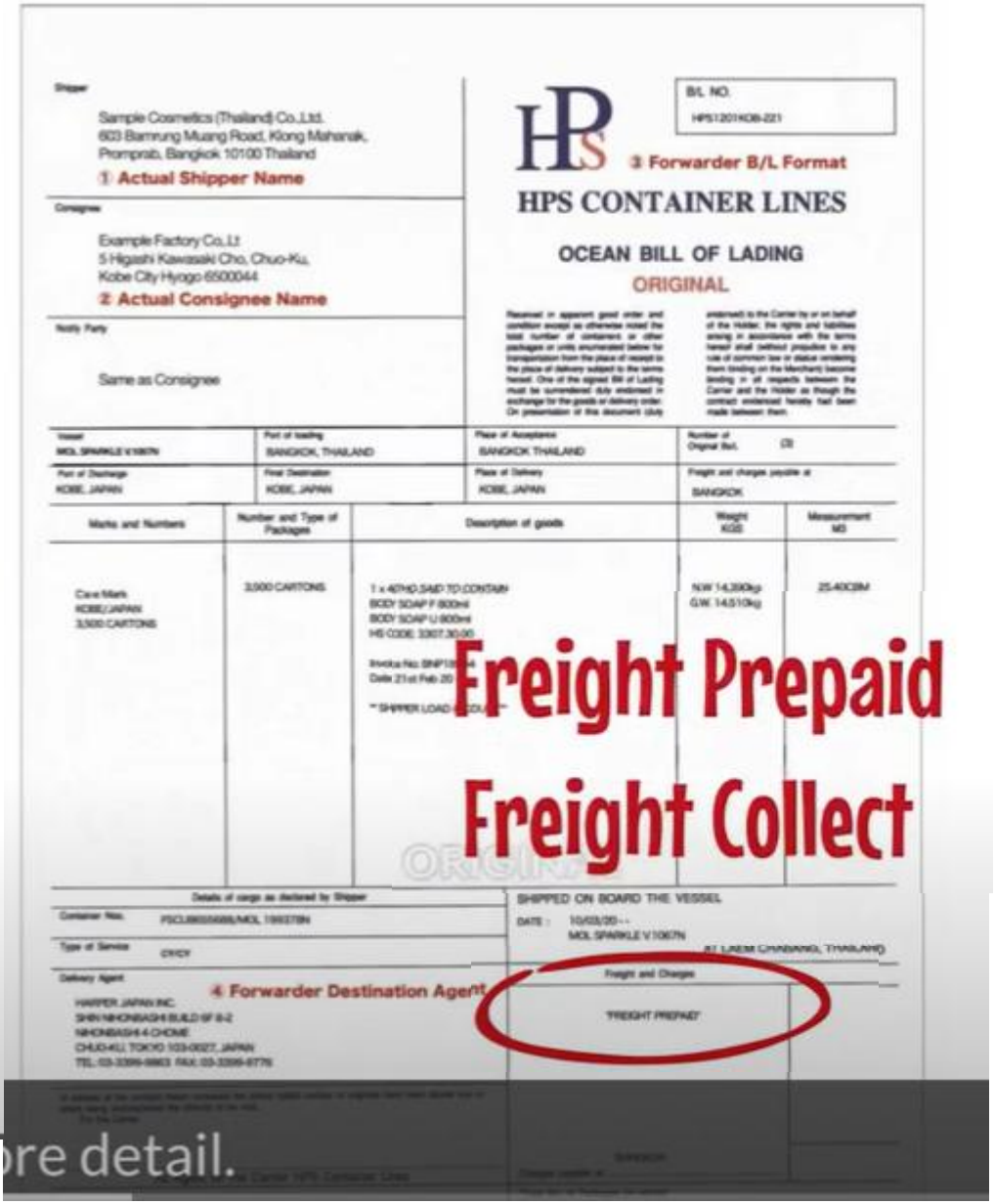




B/L and AWB

Sea Freight

Air Freight



ore detail.

5. QUIZ 1B

6. KT1 – GIẤY

Bài 2



Cước vận chuyển và chi phí trong giao nhận

KIỂM TRA BÀI 2

1. Incoterms
2. KT2A – giấy : cước,CIF,In
3. Mỗi SV tìm 3 charges → bảng
4. KT2BC – giấy : phí Sea – xuất
5. KT2DE – giấy : phí Sea – nhập
6. KT2FG – giấy : phí Air – xuất nhập
7. QUIZ 2 : 1 bài + đố vui

NỘI DUNG

- Incoterm 2020
- Giá FOB & CIF
- Cước vận chuyển quốc tế
- Phí bảo hiểm hàng hóa
- Các chi phí trong giao nhận vận tải

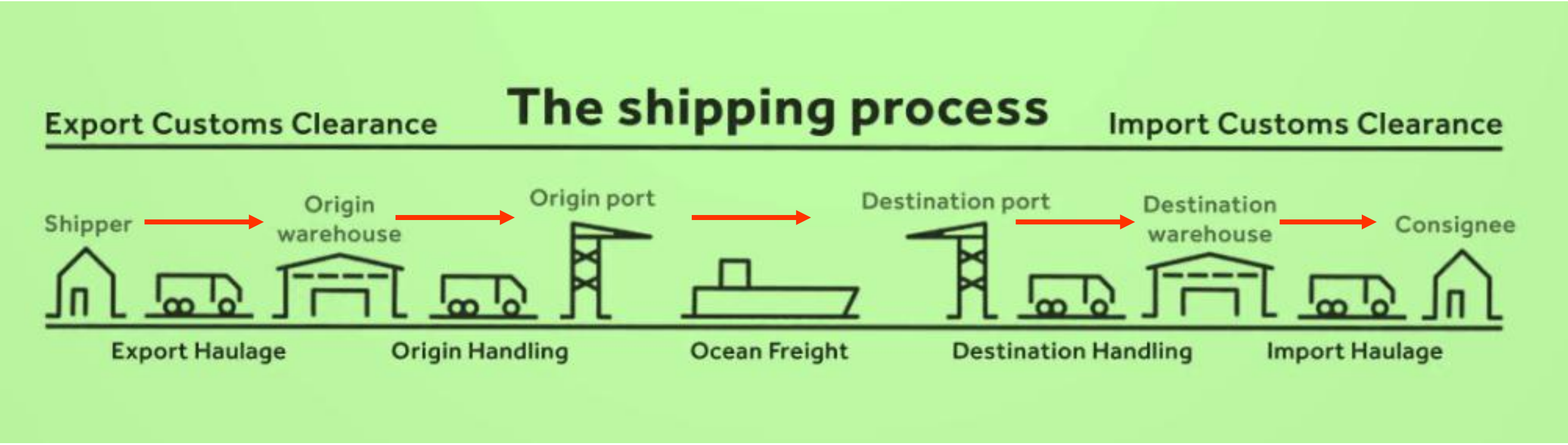


INCOTERMS

International Commercial Terms

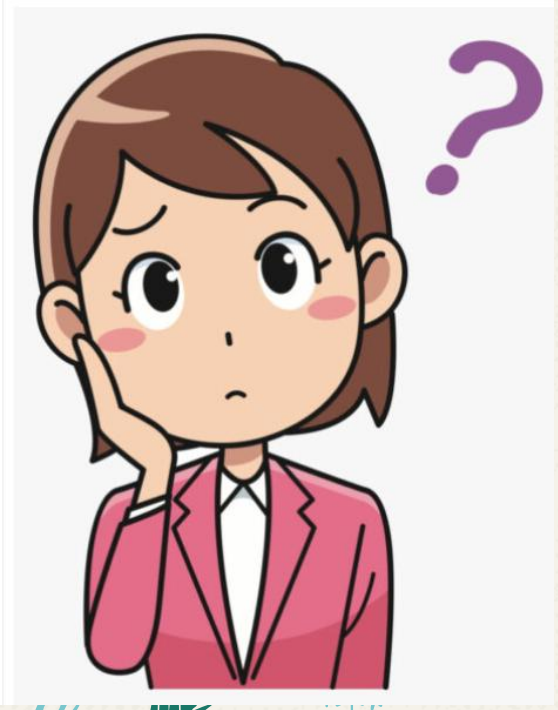
Maps

MỤC ĐÍCH


The shipping process
Export Customs Clearance
Import Customs Clearance
Shipper
Origin warehouse
Origin port
Destination port
Destination warehouse
Consignee
Export Haulage
Origin Handling
Ocean Freight
Destination Handling
Import Haulage

MỤC ĐÍCH

Incoterms là bộ qui tắc do Phòng Thương mại quốc tế (ICC) phát hành để giải thích các điều kiện thương mại.



Incoterms qui định vấn đề gì?

MỤC ĐÍCH

Incoterms

Chỉ ra sự phân chia **trách nhiệm** trong giao nhận

AI LÀM?

Chỉ ra sự phân chia **chi phí** trong giao nhận

AI TRẢ?

Xác định **địa điểm chuyển rủi ro** và tổn thất về hàng hóa

AI CHỊU?

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Incoterms là tập quán → không bắt buộc áp dụng

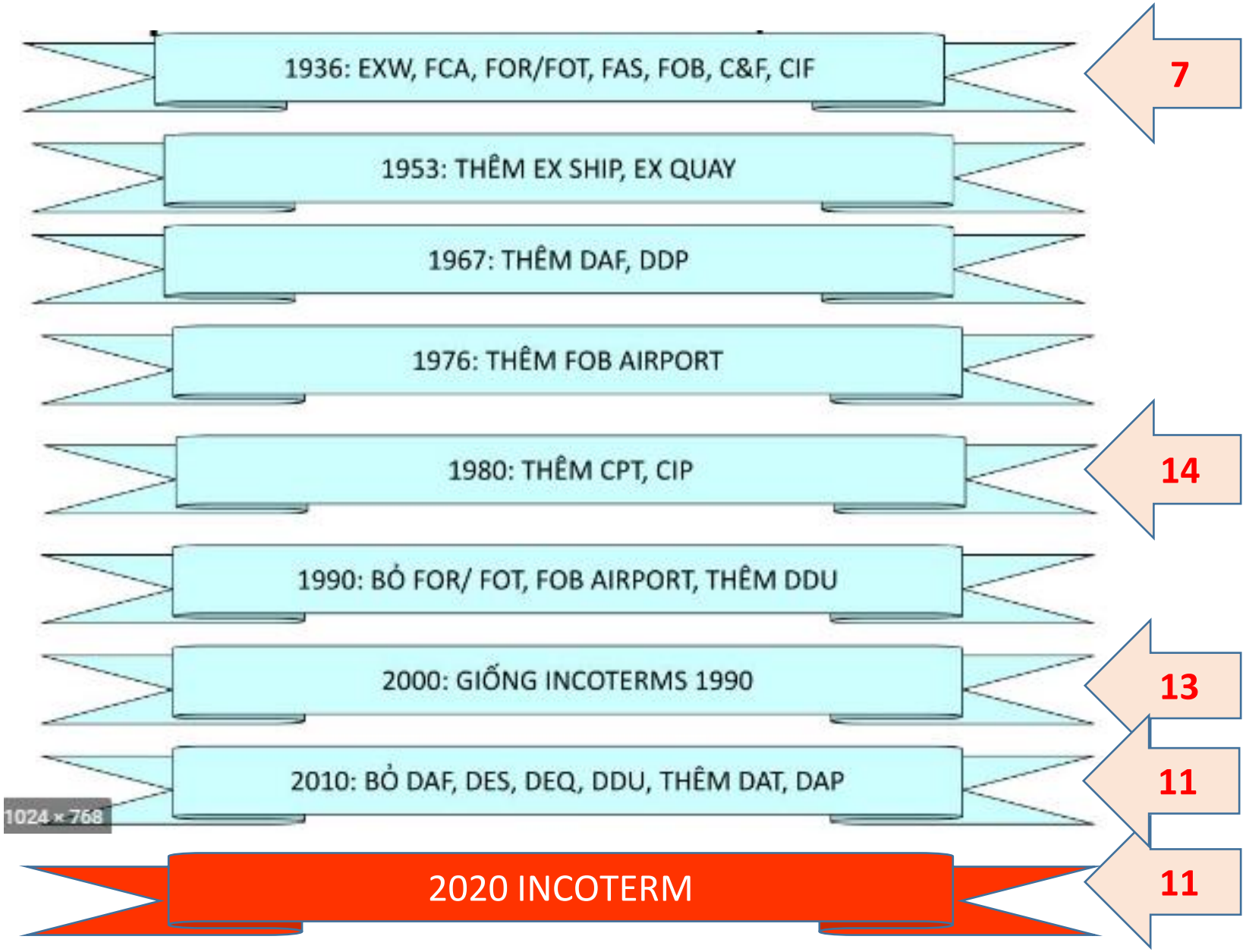
- Incoterms có thể áp dụng trong hợp đồng mua bán nội địa

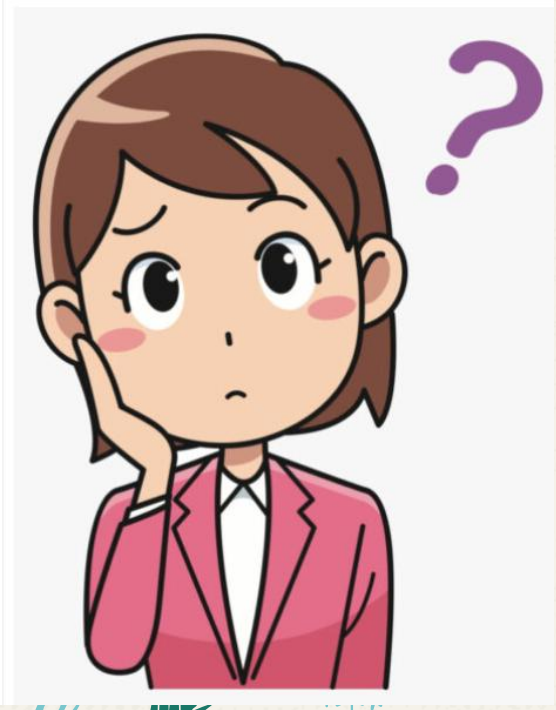
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Incoterms được xuất bản lần đầu năm 1936, sau đó được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1953, 1967, 1976, 1980, 1990, 2000, 2010, **2020**.
- Ấn bản sau ra đời không phủ nhận sự tồn tại của ấn bản trước

Phải ghi rõ trong hợp đồng ấn bản áp dụng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



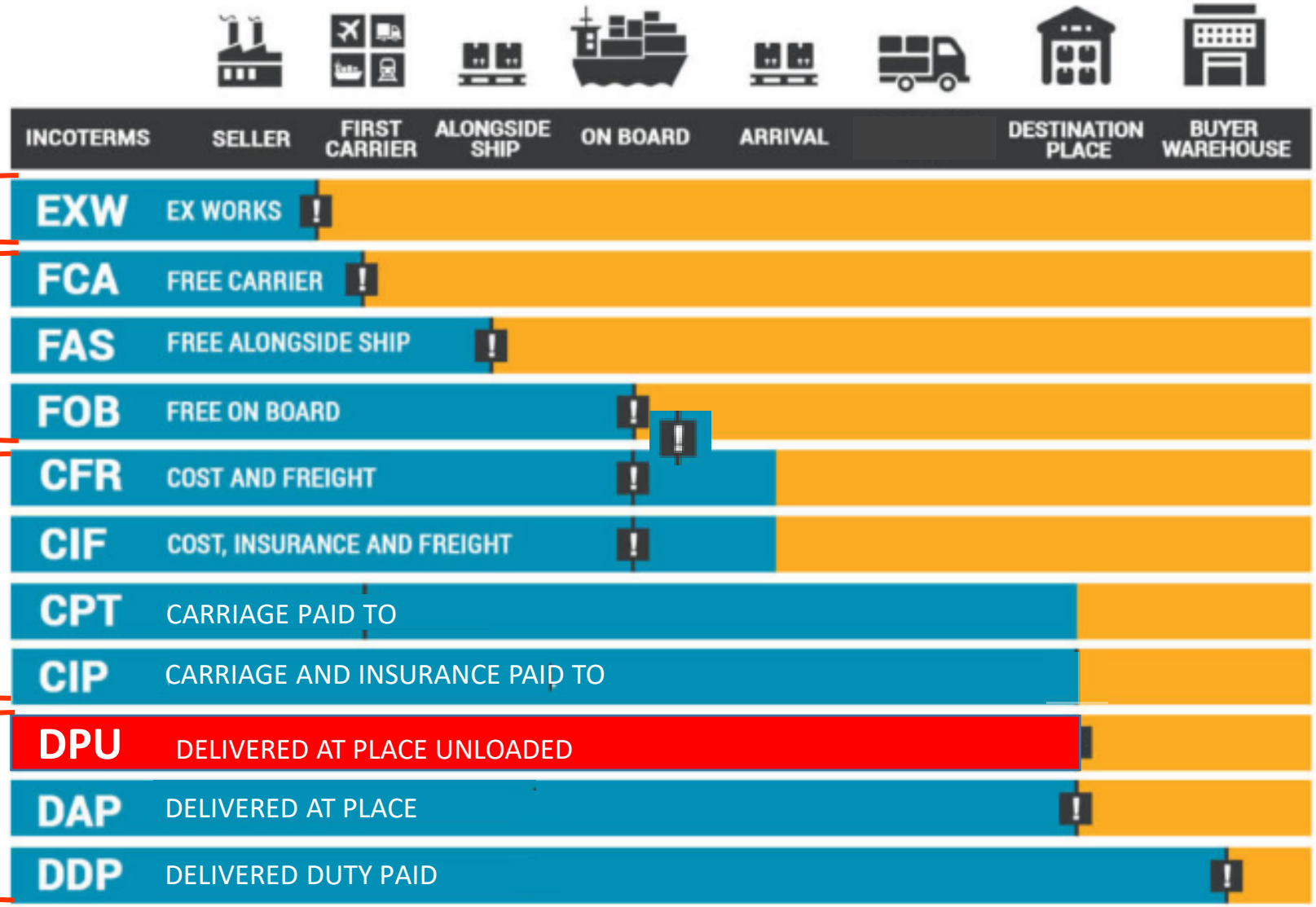


Nhóm ?

SL mỗi nhóm ?

CÁC ĐIỀU KIỆN INCOTERM 2020

INCOTERM 2020



Nhóm E: 1 — EM

Nhóm F: 3 — FẢI

Nhóm C: 4 — CỐ

Nhóm D: 3 — ĐI

Tổng cộng: 11 điều kiện

Nhóm D: 3

Nhóm C: 4

Nhóm F: 3

Nhóm E: 1

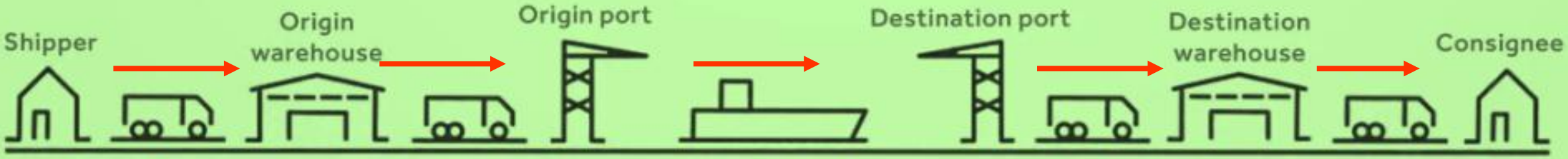


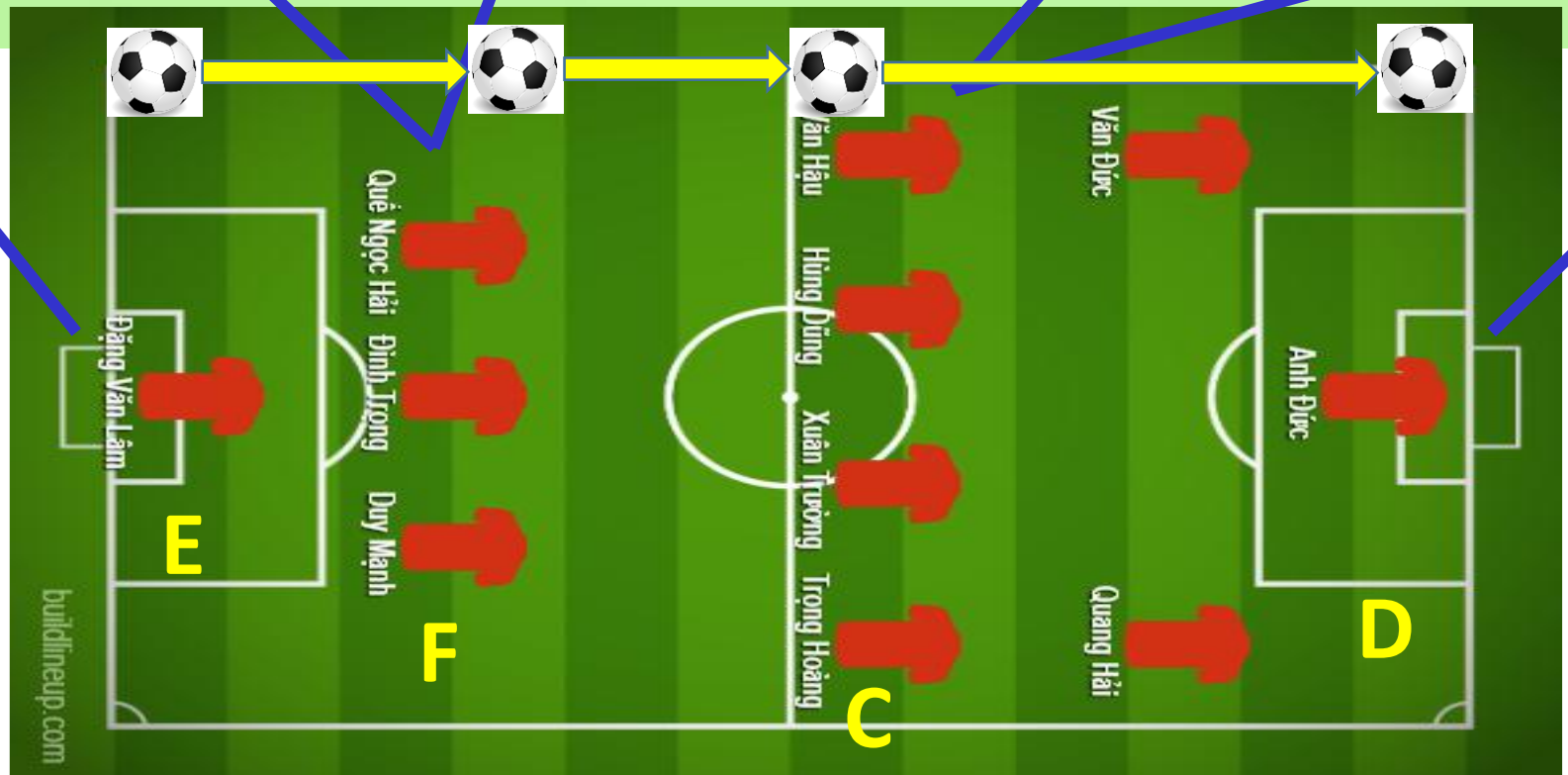
Sơ đồ 1-3-4-3

The shipping process

Export Customs Clearance

Import Customs Clearance





CÁCH VIẾT INCOTERM 2020

CÁCH VIẾT

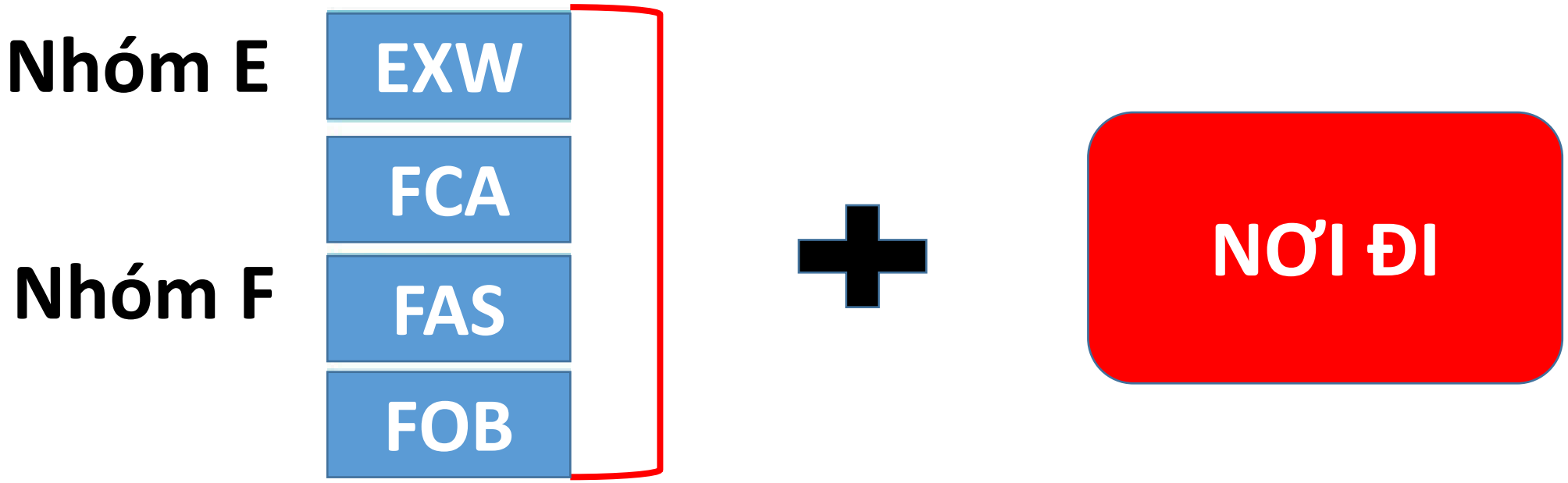
{Điều kiện được chọn} + {tên địa điểm} + Incoterm XXX

Vd: FOB HOCHIMINH PORT Incoterm 2000

CIP BANGKOK Incoterm 2010

DDP TOKYO Incoterm 2020

{tên địa điểm}



{tên địa điểm}

Nhóm C

Nhóm D

- CFR
- CIF
- CPT
- CIP
- DPU
- DAP
- DDP

+

NƠI ĐẾN



Nhà xuất khẩu

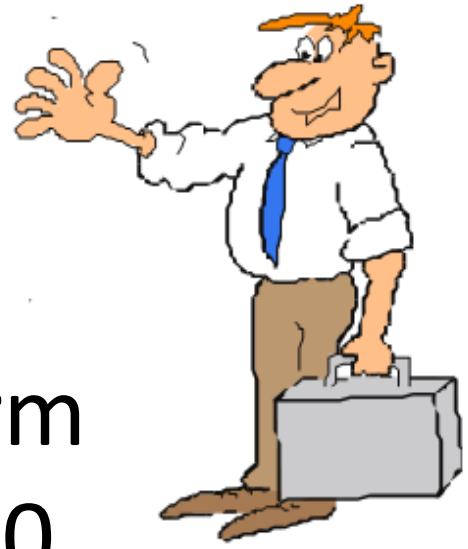
Singapore



FCA

Incoterm

2010





Nhà nhập khẩu

Japan



Nhà xuất khẩu

Singapore



DDP

Incoterm 2010





Nhà nhập khẩu

Japan

Việt Nam **xuất** giày sang Hàn Quốc điều kiện FOB Incoterm 2020

(Cảng Sài Gòn) *(Cảng Busan)*

FOB HoChiMinh port Incoterm 2020



Việt Nam **xuất** khẩu trang sang Mỹ điều kiện CIF Incoterm 2020

(Cảng Sài Gòn) *(New York)*

CIF **New York** **Incoterm 2020**

PHÂN LOẠI
INCOTERM 2020

NHÓM 1: ÁP DỤNG CHO MỌI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

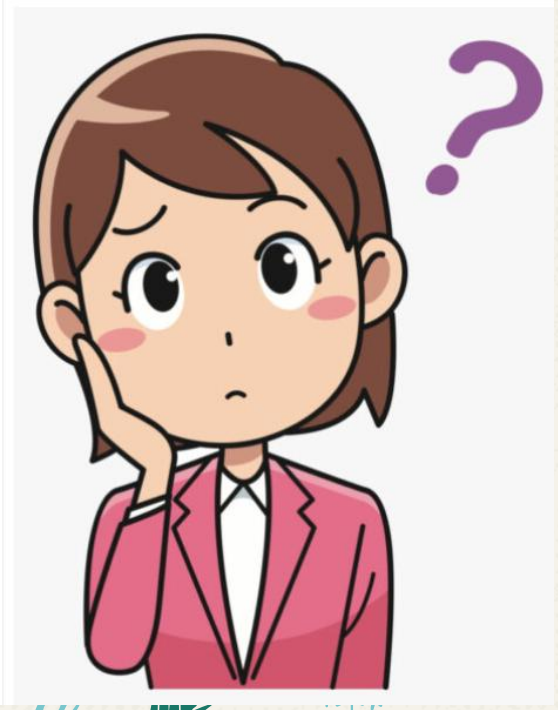
1. **EXW** (insert named place of delivery)
   EX WORKS
2. **FCA** (insert named place of delivery)
   FREE CARRIER + OPTION FOR ON-BOARD BILL OF LADING
3. **CPT** (insert named place of destination)
   CARRIAGE PAID TO
4. **CIP** (insert named place of destination)
   CARRIAGE AND INSURANCE PAID TO
5. **DAP** (insert named place of destination)
   DELIVERED AT PLACE
6. **DPU** (insert named place of destination)
   DELIVERED AT PLACE UNLOADED
7. **DDP** (insert named place of destination)
   DELIVERED DUTY PAID



NHÓM 2: ÁP DỤNG CHO VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN

8	**FAS** (insert named port of shipment) FREE ALONGSIDE SHIP
9	**FOB** (insert named port of shipment) FREE ON BOARD
10	**CFR** (insert named port of destination) COST AND FREIGHT
11	**CIF** (insert named port of destination) COST INSURANCE AND FREIGHT





CÁCH NHỚ

AI LÀM?

AI TRẢ?

AI CHỊU?

1 AI LÀM?

EXW : người mua làm hết

DDP : người bán làm hết

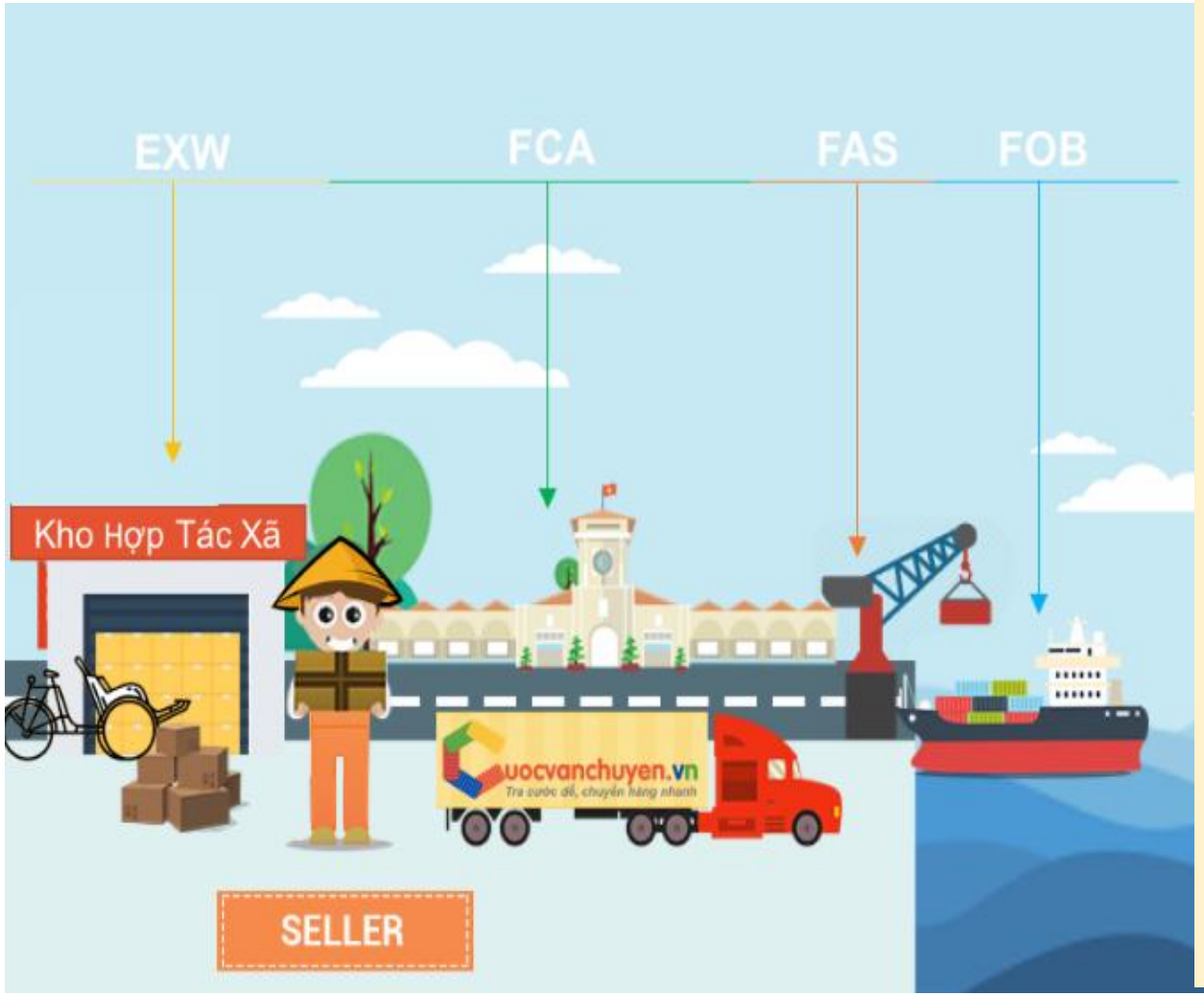
9 điều kiện còn lại : của ai nấy làm



AI LÀM?

1. Việt Nam xuất gạo sang Philippines EXW 2020
2. Việt Nam xuất gạo sang Philippines FOB 2020
3. Việt Nam xuất gạo sang Philippines CIF 2020
4. Việt Nam xuất gạo sang Philippines FCA 2020
5. Việt Nam xuất gạo sang Philippines DPU 2020
6. Việt Nam xuất gạo sang Philippines DDP 2020
7. Việt Nam xuất gạo sang Philippines CPT 2020

2 Ai trả cước vận chuyển quốc tế ?



Nhóm E, F : người mua trả



Nhà XK

Singapore



FCA

Incoterm 2010



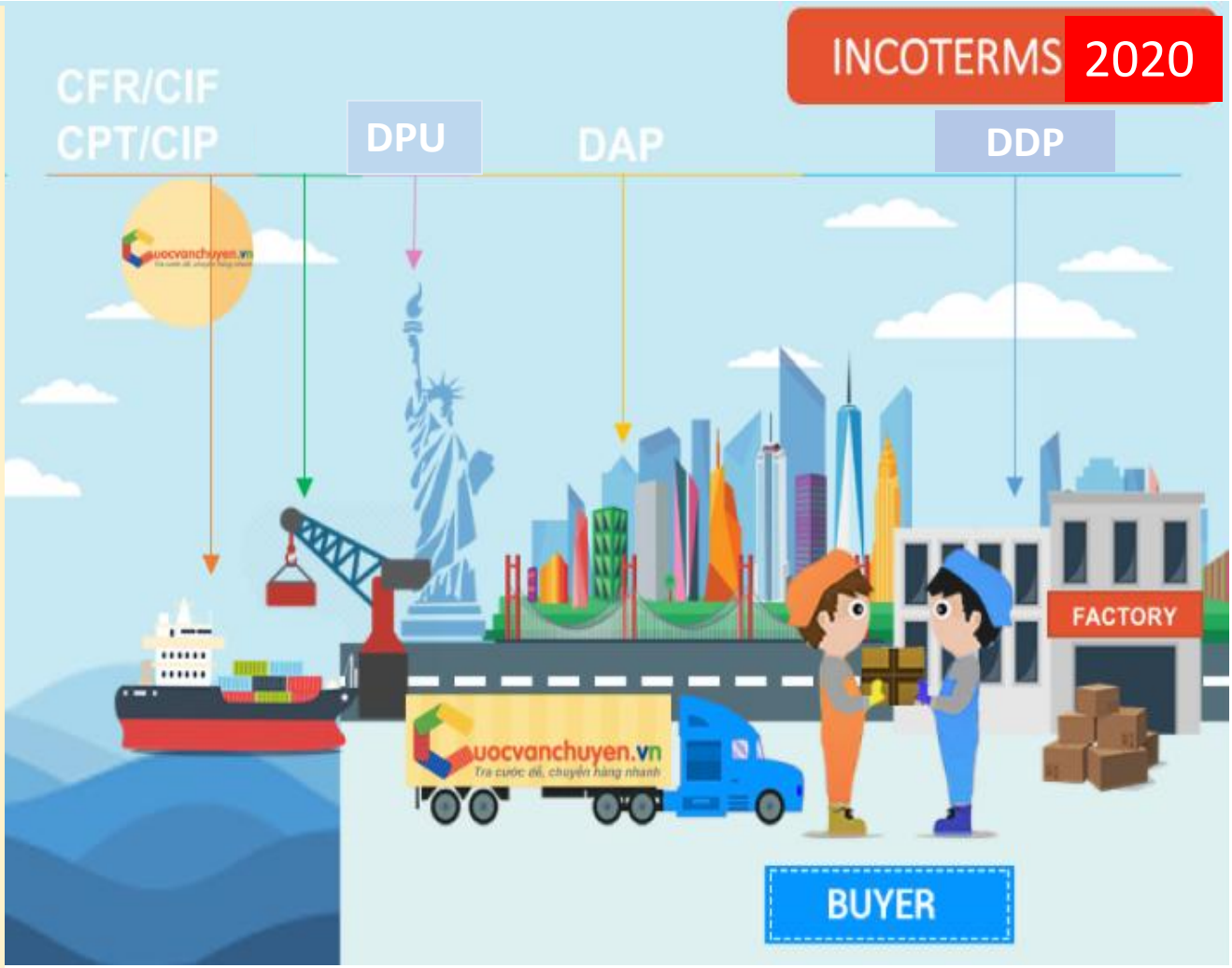


Nhà nhập khẩu Japan

→ Người trả cước: Nhà nhập khẩu Japan

2 Ai trả cước vận chuyển quốc tế ?

Nhóm C, D :
người bán trả





Nhà xuất khẩu

Singapore



DDP

Incoterm 2010



Nhà nhập khẩu

Japan



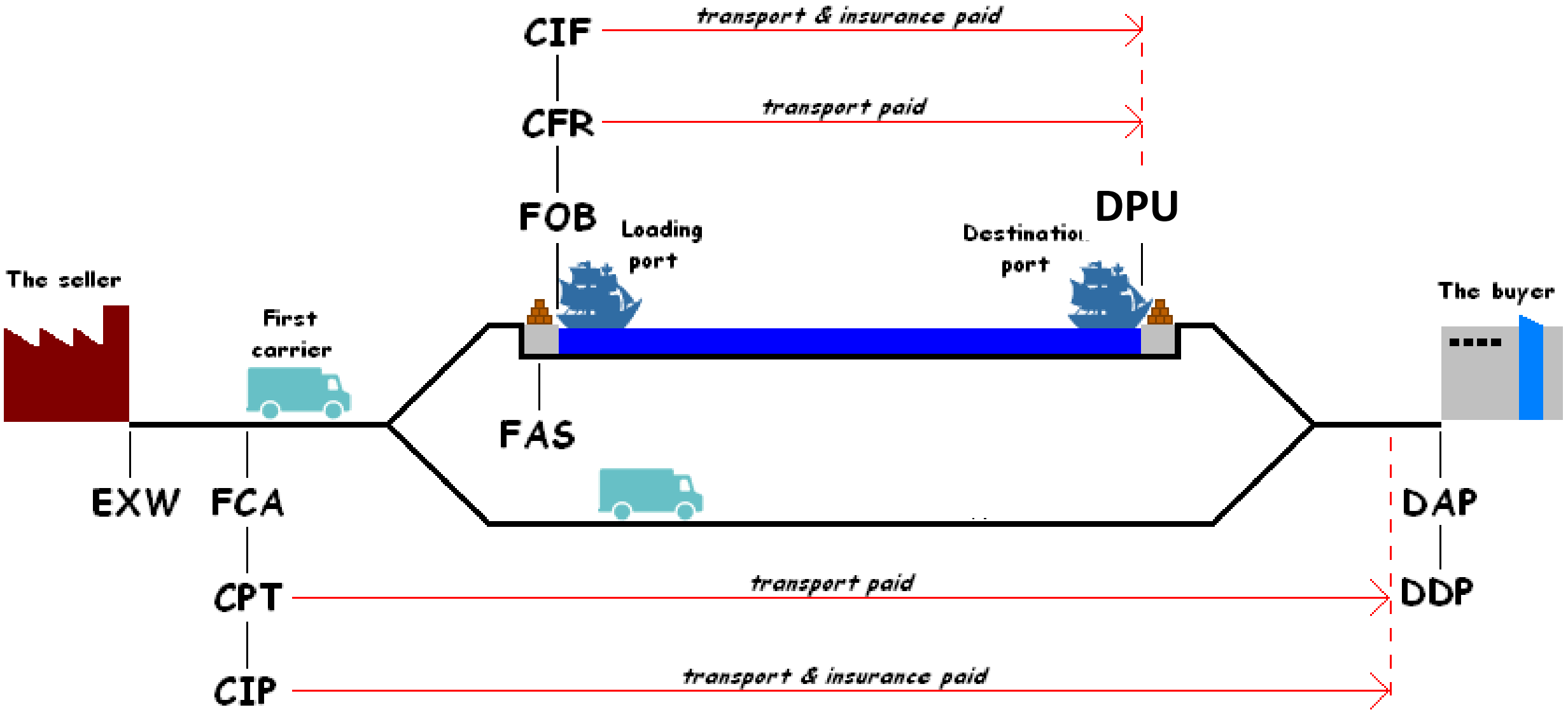
→ Người trả cước: Nhà xuất khẩu Singapore



AI TRẢ?

1. Việt Nam xuất gạo sang Philippines EXW 2020
2. Việt Nam xuất gạo sang Philippines FOB 2020
3. Việt Nam xuất gạo sang Philippines CIF 2020
4. Việt Nam xuất gạo sang Philippines FCA 2020
5. Việt Nam xuất gạo sang Philippines DPU 2020
6. Việt Nam xuất gạo sang Philippines DDP 2020
7. Việt Nam xuất gạo sang Philippines CPT 2020

3 Ai chịu?


CIF
transport & insurance paid
CFR
transport paid
FOB
Loading port
DPU
Destination port
The seller
First carrier
The buyer
FAS
EXW
FCA
DAP
CPT
transport paid
DDP
CIP
transport & insurance paid

1. INCOTERMS

AI LÀM ? AI TRẢ ? AI CHIU?

1/ Công ty Vinatex xuất lô hàng áo sơ mi từ cảng Hải Phòng sang cảng Los Angeles theo điều kiện CFR Incoterm 2020

2/ Công ty Itochu nhập lô hàng hóa chất từ cảng Hamburg, Germany về cảng Kobe theo điều kiện FOB Incoterm 2020

3/ Công ty Sritrang xuất lô hàng găng tay từ cảng Cát Lái đến cảng Penang, Malaysia theo điều kiện CIF Incoterm 2020

4/ Công ty Lumber (New Zealand) xuất lô hàng bàn ghế từ kho riêng ABC cho công ty Wall mart (US) điều kiện EXW Incoterm 2020

5/ Công ty Siam Houseware (Thailand) nhập lô hàng đồ gia dụng từ nhà cung cấp ABC CO., LTD ở UK theo điều kiện FCA Incoterm 2020. Nơi giao hàng là kho của ABC, nơi nhận hàng là cảng Bangkok.

6/ Công ty Cristiano Ronaldo xuất lô hàng quả bóng từ cảng Lisbon đến cảng HoChiMinh cho công ty PN theo điều kiện FAS Incoterm 2020

7/ Công ty Park Hang Seo giao lô hàng xuất dép guốc từ kho riêng tên Itaewon (Korea) cho công ty Bato (UAE) điều kiện CPT Incoterm 2020

8/ Công ty Chenchen nhập lô hàng áo mưa về sân bay Taoyuan theo điều kiện CIP Incoterm 2020 từ công ty Rạng Đông. Nơi giao hàng là sân bay Tân Sơn Nhất.

9/ Công ty Bali xuất lô hàng đồ lưu niệm sang Sydney theo điều kiện DAP Incoterm 2020. Hàng xuất đi từ sân bay Denpasa và giao đến kho ABC, Sydney.

10/ Công ty Lotus nhập lô hàng trái cấy sấy khô từ Vinamit theo điều kiện DPU Incoterm 2020. Hàng đi từ sân bay Tân Sơn Nhất đến sân bay Changi, nơi nhận hàng là kho riêng của công ty Lotus.

11/ Công ty may Binh Minh xuất lô hàng mẫu áo kimono sang cho công ty Itochu điều kiện DDP Incoterm 2020. Hàng xuất đi từ sân bay Nội Bài và giao đến cửa hàng Kimono Store ở Tokyo.





AI LÀM , AI TRẢ?, AI CHỊU

1. Thailand xuất quần áo sang Mỹ EXW 2020
2. Korea xuất điện thoại sang Anh FOB 2020
3. China xuất giày dép sang Germany CIF 2020
4. Taiwan xuất da sang Philippines FCA 2020
5. Japan xuất gạo sang Brunei DPU 2020
6. New Zealand xuất gạo sang Philippines DDP 2020
7. Australia xuất rượu vang sang China CPT 2020





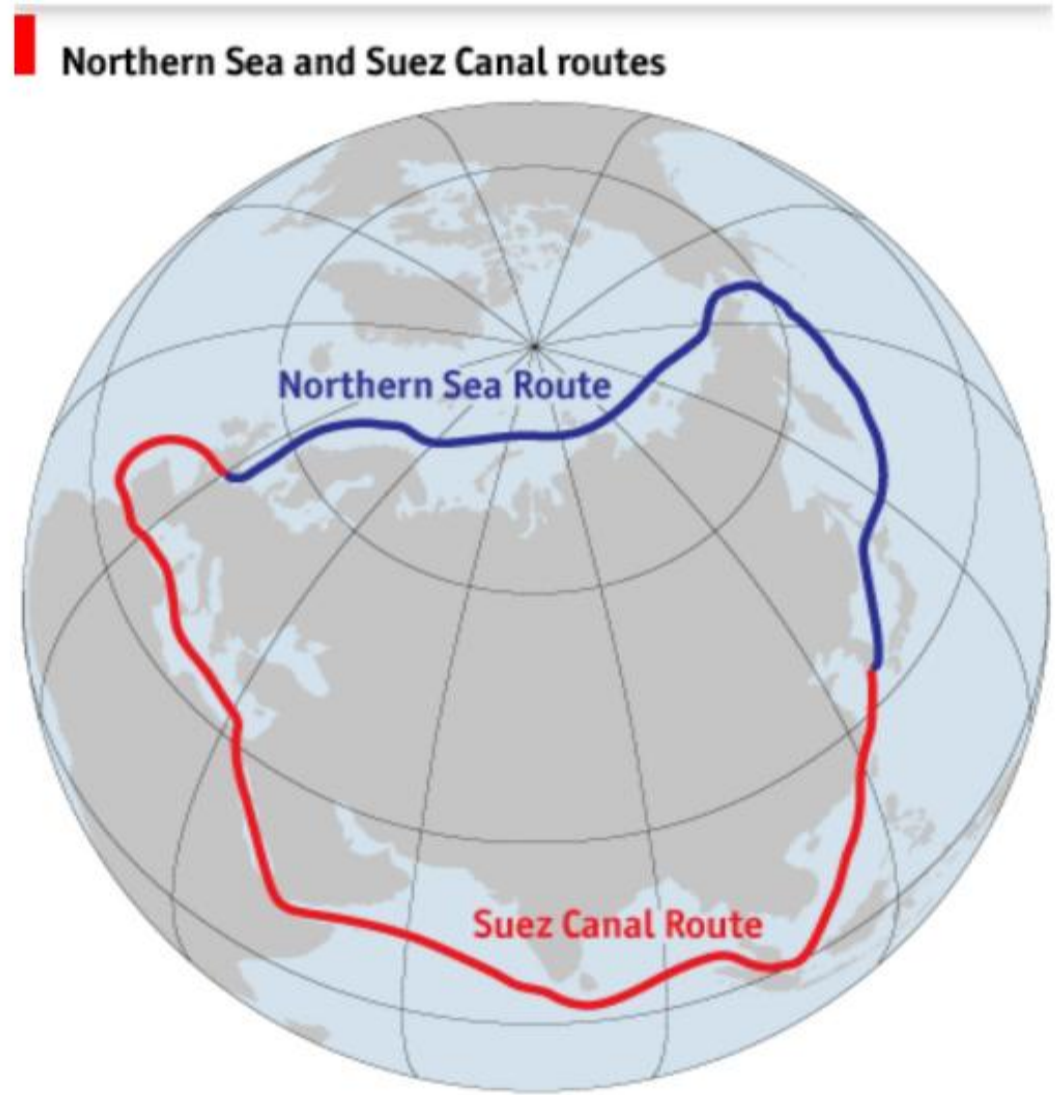
AI LÀM , AI TRẢ?, AI CHỊU

8. Bangladesh xuất quần áo sang Holland DAP 2020
9. Indonesia xuất mì gói sang Việt Nam CFR 2020
10. Singapore xuất ipad sang France CIP 2020
11. Laos xuất gỗ sang Russia FAS 2020

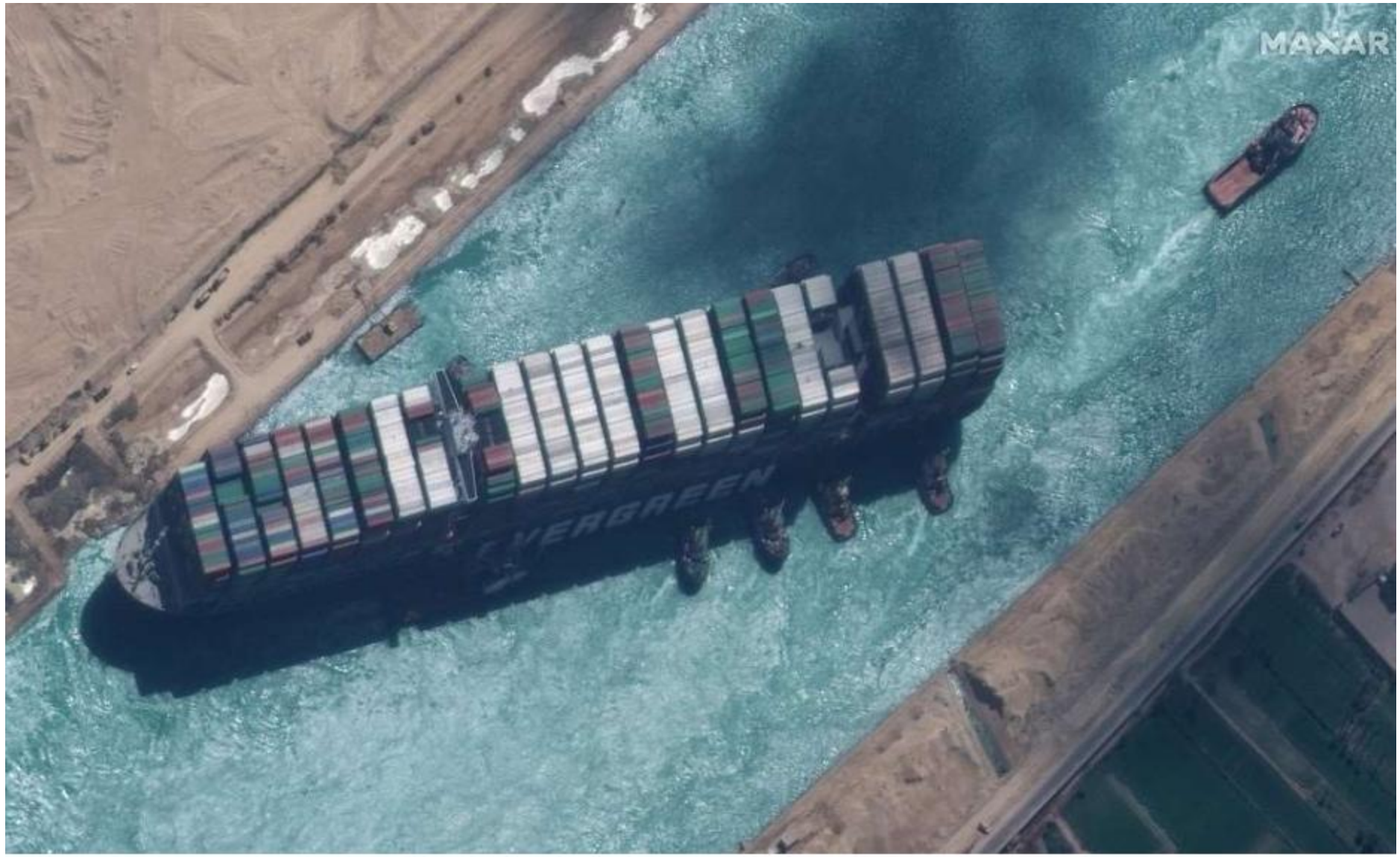
Trong 6 ngày, hàng tỷ USD hàng hóa quốc tế nằm tê liệt ở hai đầu kênh đào Suez, do siêu tàu container Ever Given mắc cạn.

Khoảng 1,5 triệu nhân công đã phải làm việc suốt 10 năm để xây dựng tuyến kênh đào Suez tại Ai Cập vào thế kỷ 19. Nhưng siêu tàu hàng Ever Given do hãng vận tải biển Evergreen vận hành chỉ mất một ngày để khiến nó tê liệt hoàn toàn. Sự cố xảy ra vào ngày 23/3, khi con tàu dài 400 m đâm chéo vào bờ kênh đào, chắn ngang tuyến hàng hải huyết mạch của thế giới.

Nhưng phải đến ngày thứ bảy, nhờ triều cường cao bất thường, con tàu mới hết mắc kẹt vào khoảng 15h, khiến 400 con tàu đang chờ đợi có thể tiếp tục hành trình vào tối 29/3.



Tuyến đường Biển Bắc (xanh) và tuyến hàng hải qua kênh Suez (đỏ). Đồ họa: *EIU*.



Tàu Ever Given tại kênh đào Suez ngày 29/3. Ảnh: *Maxar*.

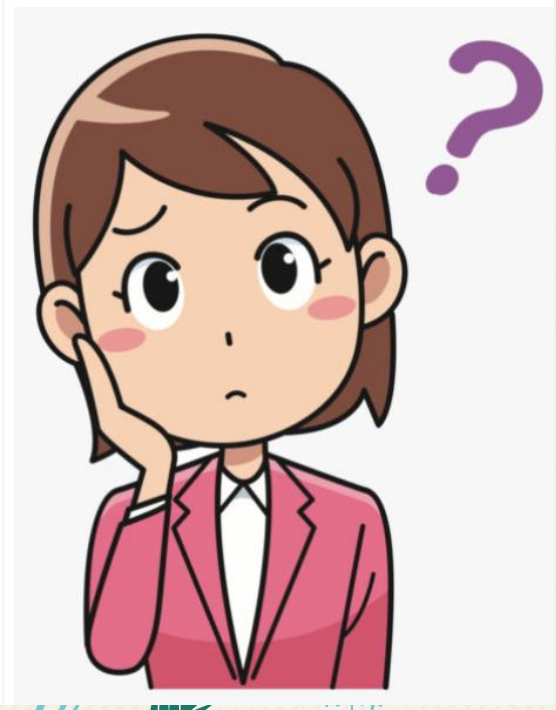
Sập container trên tàu ONE Apus, hàng hóa bị thiệt hại có thể vượt quá con số 1.900 container

Một tàu container của hãng vận tải ONE (Ocean Network Express) đã báo cáo về một vụ sập container, vào ngày 30 tháng 11, có thể đã mất tới 25% số lượng hàng hóa do những hình ảnh về vụ sập container cho thấy đây là một sự kiện thảm khốc, với hầu hết tất cả các chồng container hàng hóa ở phía trước bị ảnh hưởng.



Tàu container ONE Apus có thể đã thiệt hại hơn một phần tư hàng hóa trên tàu (ONE)

https://phaata.com/thi-truong-logistics/sap-container-tren-tau-one-apus-hang-hoa-bi-thiet-hai-co-the-vuot-qua-con-so-1900-container-vi-620.html?fbclid=IwAR32Pe9Qa2DywUMtZfhWzP0giSkGZHweRi786wbM7wmgLBphZD5-W8X-1a4



Đọc

Lịch tàu

Lịch bay

- Đọc booking note



Booking note
ONE

- Các loại container



Container Type

- Lịch tàu – lịch bay



Lich bay



Lich tau


CONTAINER

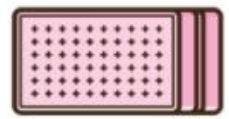
https://www.youtube.com/watch?v=sWIMrlJ6SPc

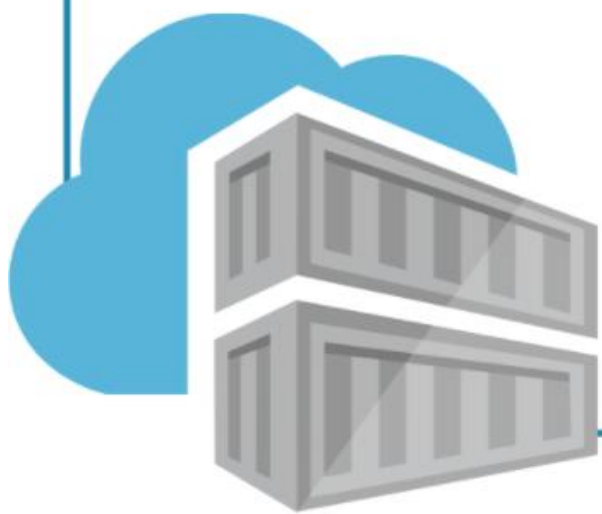


WorldCraft Logistics

#Có thể bạn chưa biết

1 container 20ft có thể xếp được

- 48.000 quả cam 
- 200 tấm nệm 1m4x2m 
- 18.000 iPad 



*Container 40ft có thể xếp được gấp đôi lượng hàng hoá


NHỮNG LOẠI CONTAINER
PHỔ BIẾN HIỆN NAY



Dry container, còn được gọi là container khô hay conatiner bách hóa, thường được sử dụng để chở hàng khô. Loại container này được sử dụng phổ biến nhất trong dịch vụ vận chuyển đường biển. **Ẩn bớt**

TEU

Twenty foot equivalent unit



= 1 TEU



= 2 TEU

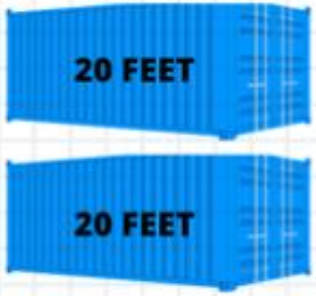
FEU

Forty foot equivalent unit

1 FEU =



=





2. Named cargo containers (container chuyên dụng), được thiết kế đặc thù để chuyên để chở một loại hàng nào đó như ô tô, súc vật sống...

- Container chở ô tô: cấu trúc gồm một bộ khung liên kết với mặt sàn, không vách với mái che bọc, chuyên để chở ô tô, và có thể xếp bên trong 1 hoặc 2 tầng tùy theo chiều cao xe (Hiện nay, người ta vẫn chở ô tô



3. Open top container (container hở mái), được thiết kế không có phần nóc. Điều này giúp cho viết đóng hàng, bốc rút hàng đơn giản và thuận tiện hơn. Sau khi hàng hóa đã được đóng xếp xong, nóc container sẽ được phủ bằng tấm bạt. Nhằm tránh thời tiết mưa gió gây ảnh hưởng đến hàng hóa. Mọi người thường dùng container mở nóc để chuyên chở máy móc, gỗ có thân dài, thiết bị xây dựng hoặc những loại hàng cồng kềnh khác....



Flatform container (container mặt bằng), mặt bằng được thiết kế không vách, không mái, nói đơn giản thì nó là một mặt bằng vững chắc, chuyên dùng để vận chuyển hàng nặng như máy móc thiết bị, sắt thép... **Ẩn bớt**



Flat rack container (container mặt bằng), khác với flatform container, flat rack container sẽ có vách 2 đầu, vách này có thể cố định, gập lên, gập xuống, hoặc có thể tháo ra. **Ẩn bớt**



Refrigerated container (container lạnh), có chức năng cấp đông, làm lạnh với nhiệt độ thấp. Loại container này dùng để chuyên chở các mặt hàng thực phẩm, nông sản cần bảo quản ở nhiệt độ thấp. Vỏ ngoài container lạnh được làm từ 2 chất liệu: hoặc sắt hoặc nhôm. Mặt trong đều được làm từ inox không rỉ. **Ẩn**



Tank container (container bồn), được thiết kế để chứa hàng hóa chất lỏng, ví dụ như xăng, dầu, nước... Kích cỡ của loại container này thường được dựa trên nguyên mẫu cơ bản 20DC hoặc 40DC. Container bồn có nắp mở phía trên và van xả phía dưới để đổ và rút hàng hóa ra. Chất liệu của loại container này thường là thép hoặc inox **Ẩn bớt**



Bulk container (container hàng rời) là loại container đặc biệt dùng cho những loại hàng dạng lỏng, dạng bột, dạng viên nhỏ có thể chảy được. Khi muốn lấp đầy container, người ta sẽ mở phần miệng ở trên để rót hàng hóa vào. Còn khi muốn lấy hàng ra, chỉ cần mở cửa dưới đáy hoặc ở bên cạnh để hàng chảy ra.
Loại container này phù hợp dùng cho những loại hàng như xi măng, ngũ cốc, quặng... Container hàng rời có thiết kế khá giống container bách hóa ngoại trừ phần miệng, cửa bên và đáy có thể mở đóng linh hoạt. **Ẩn**

CÁC CÁCH ĐÓNG HÀNG LÊN CONTAINER THÔNG DỤNG NHẤT



Thùng Cartoon



Bao Jumbo



Bao 10kg-20kg-50kg



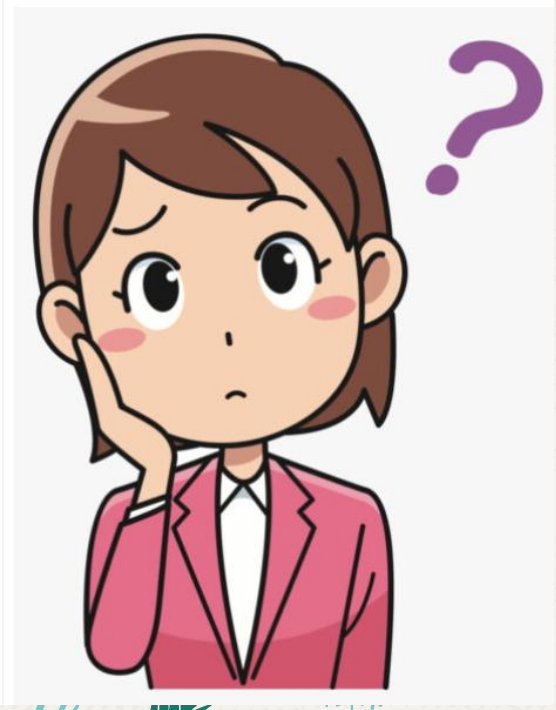
Pallet



Túi mềm Flexitank



Thùng gỗ



FOB & CIF

Tính giá CIF

Cách 1:

CIF = FOB + Freight + Insurance

Cách 2:

CIF = (FOB + Freight) / (1 – R)

Tính giá CIF / CIP

$$\text{CIP} = \underbrace{\text{FCA} + \text{Freight}}_{\text{CPT}} + \text{Insurance}$$

- C = FOB = Giá hàng
- F = Freight = Cước vận chuyển
- I = Insurance = Phí bảo hiểm
- R = Rate = Tỉ lệ bảo hiểm (*)

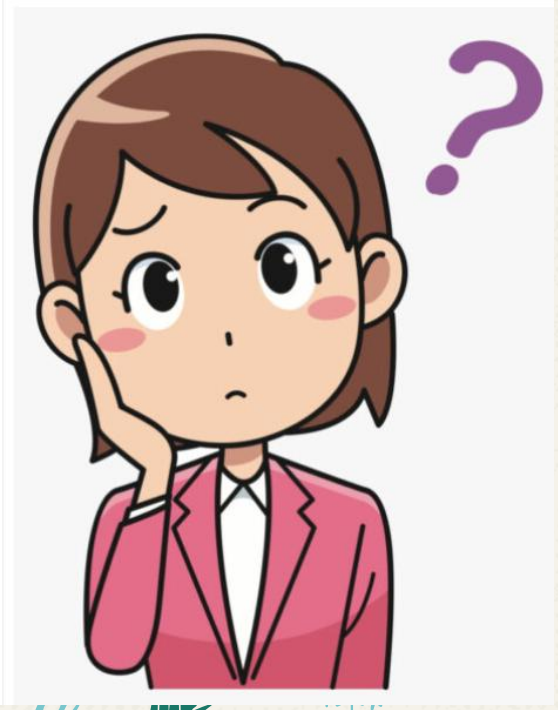
CIF = FOB + Freight + Insurance

FOB

- Giá hàng mua vào
- Chi phí liên quan đến hàng
- Chi phí giao dịch
- Chi phí liên quan đến xuất hàng
- Các chi phí cố định, chi phí biến đổi
- Lãi ước tính

Cost = FOB

CIF = FOB + Freight + Insurance



Liệt kê các phương thức vận chuyển


VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC



ĐƯỜNG THỦY



ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG



ĐƯỜNG SẮT



ĐƯỜNG BỘ


750 x 500



Chuyến tàu đến Bỉ khởi hành ở ga Yên Viên. Ảnh: *Anh Duy.*

Đường sắt chở hàng container sang châu Âu

Ngày 20/7, đoàn tàu đầu tiên vận chuyển container dệt may, da giày đã chạy thẳng từ Việt Nam sang Bỉ, mở tuyến vận tải mới đến châu Âu.

Theo lãnh đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR), tàu xuất phát từ ga Yên Viên, điểm đến là thành phố Liege (Bỉ), sau đó tiếp chuyển container bằng đường bộ đến nơi trả hàng là thành phố Rotterdam (Hà Lan).

Tàu chở 23 container 40 feet với các hàng dệt may, da giày. Từ Việt Nam, đoàn tàu sẽ đến Trịnh Châu (Trung Quốc) và kết nối vào đoàn tàu Á - Âu để đến đích. Tổng thời gian hành trình khoảng 25-27 ngày.

Viện Vil
13 Tháng 1 lúc 11:17 ·

Đại diện Công ty CP Vận tải và thương mại đường sắt (Ratraco) cho biết, ngay từ tháng 12/2022, Việt Nam đã phối hợp với các đại lý thuộc đường sắt các nước Trung Quốc, Kazakhstan khởi động chạy đoàn tàu chuyên container giữa Việt Nam và Kazakhstan.
Hàng hoá vận chuyển là đồ điện tử được xuất phát từ TP.HCM đưa ra Hà Nội, sau đó tiếp tục vận chuyển tới Tây An (Trung Quốc) và tiếp chuyển đến Almaty - Kazakhstan.
Đoàn tàu chuyên container liên vận quốc tế xuất phát tại ga Yên Viên với khoảng 24 container đi sang đường sắt Trung Quốc. Riêng tháng 12/2022, đường sắt đã tổ chức vận chuyển được khoảng 70 container.



VIETNAMNET.VN
Đường sắt chạy tàu liên vận qua Trung Quốc đi Kazakhstan
Đường sắt Việt Nam đã tổ chức chạy tàu liên vận chuyên container sang Trung Quốc đi Kazak...

Từ 28-11, Vietnam Airlines được bay thẳng thường lệ đến Mỹ

16/11/2021 17:18 GMT+7

17

0

Zalo

Lưu

TTO - Từ ngày 28-11, Vietnam Airlines sẽ tổ chức bay thẳng thường lệ đến Mỹ và duy trì tần suất 2 chuyến/tuần, sau đó tăng lên 7 chuyến/tuần sau khi dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát.

- **HỎI - ĐÁP về dịch COVID-19: Cục yêu cầu dừng mở bán vé, tại sao Vietnam Airlines vẫn bán?**
- **Chủ tịch Vietnam Airlines không ủng hộ hạ giá vé máy bay**
- **Cho Vietnam Airlines đặc cách trên thị trường chứng khoán, có tạo tiền lệ xấu?**



Ông Lê Hồng Hà - tổng giám đốc Vietnam Airlines - cho biết từ cuối tháng 11 này, hãng sẽ chính thức khai thác thường lệ đường bay giữa TP.HCM và San Francisco. Chuyến bay đầu tiên sẽ cất cánh vào ngày 28-11.

"Trong tương lai, chắc chắn chúng tôi sẽ tiếp tục mở rộng điểm đến trên đường bay giữa Việt Nam và Mỹ để duy trì chiến lược phủ rộng mạng bay, cũng như đáp ứng nhu cầu giao thương, đi lại của người dân hai nước", ông Hà Nói.

Hiện tại Vietnam Airlines đã xây dựng kế hoạch thực hiện các chuyến bay thẳng thương mại thường lệ đầu tiên giữa Việt Nam và Mỹ. Dự kiến chuyến bay chiều đi sẽ khởi hành vào tối 28-11 với hành trình từ TP.HCM đến San Francisco kéo dài 13 tiếng 50 phút. Chuyến bay chiều về xuất phát từ San Francisco vào đêm 29-11 (giờ địa phương) và hạ cánh tại TP.HCM vào sáng 1-12, với thời gian bay khoảng 16 tiếng 40 phút.

Các chuyến bay sẽ được khai thác bằng máy bay thân rộng Boeing 787-9 Dreamliner.

Bamboo Airways công bố đường bay thường lệ Việt - Úc từ đầu năm 2022

17/12/2021 14:40 GMT+7

Đường bay thẳng thường lệ của Bamboo Airways giữa TP.HCM với TP Melbourne (Úc) sẽ khai thác từ đầu năm 2022 được kỳ vọng sẽ tối ưu hóa lợi ích của hành khách giữa hai quốc gia, góp phần thúc đẩy hợp tác song phương giữa Việt Nam và Úc.

8
0
Zalo
Lưu

- Bamboo Airways tăng tần suất các đường bay giữa Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng
- Thủ tướng chứng kiến Bamboo Airways ký thỏa thuận 2 tỉ Euro mua động cơ, thiết bị máy bay
- Bamboo Airways công bố đường bay thẳng Việt - Anh với sự chứng kiến của Thủ tướng



Đại diện sân bay quốc tế Melbourne và đại diện Bamboo Airways tại lễ ký kết thỏa thuận hỗ trợ song phương -

Theo kế hoạch, Bamboo Airways sẽ triển khai đường bay thẳng thường lệ kết nối TP.HCM (Việt Nam) với thành phố Melbourne (Úc) ngay từ đầu năm 2022, khi điều kiện thị trường cho phép. Tần suất khai thác dự kiến ban đầu 2 chuyến khứ hồi/tuần. Tần suất này sẽ được nâng dần lên 4 chuyến/tuần, theo nhu cầu thị trường.

Đồng thời, Bamboo Airways cũng xem xét xúc tiến đường bay thẳng thường lệ kết nối thủ đô Hà Nội với Melbourne.

Các đường bay sẽ được khai thác bằng máy bay Boeing 787-9 Dreamliner, dòng máy bay thân rộng hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu bậc nhất hiện tại với nhiều tiện ích, dịch vụ vượt trội. Đường bay thẳng của Bamboo Airways sẽ giúp rút ngắn thời gian di chuyển giữa Việt Nam và Australia xuống chỉ còn hơn 8 giờ bay, tiết kiệm đến 8 giờ so với các chuyến bay quá cảnh.

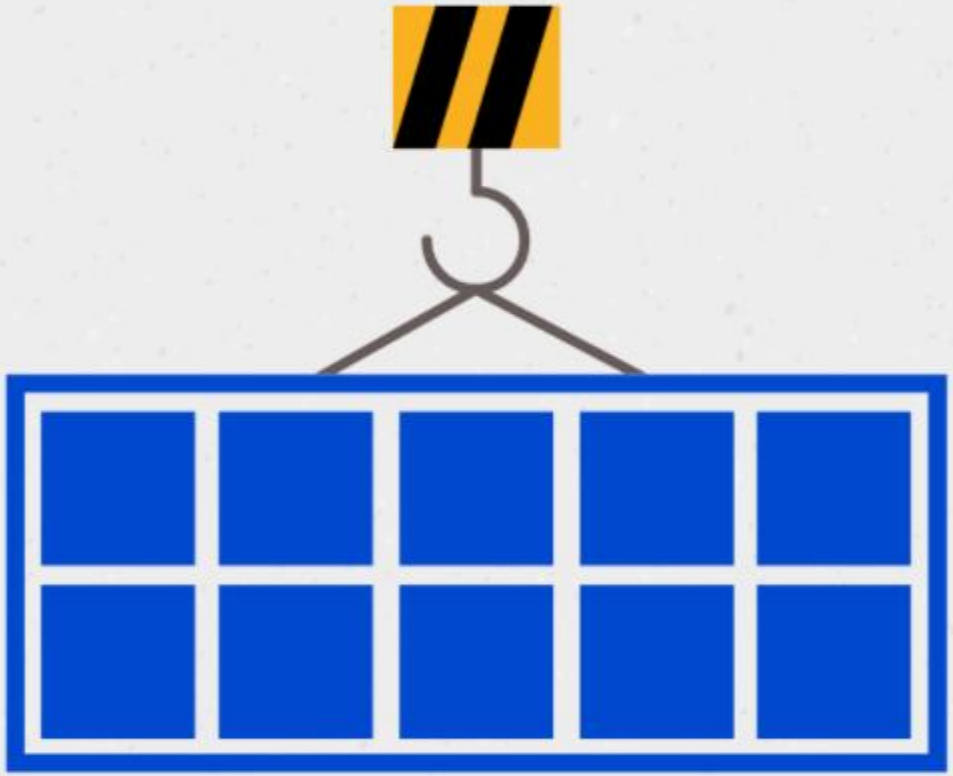
Sau khi đưa vào khai thác đường bay thẳng Việt Nam - Úc, Bamboo Airways sẽ trở thành hãng hàng không quốc tế mở mới đường bay tới sân bay Melbourne đầu tiên kể từ khi dịch bệnh COVID-19 xuất hiện.

Úc là quốc gia có cộng đồng người Việt đông đảo hàng đầu thế giới, với hơn 300.000 người, chủ yếu tập trung tại Sydney (bang New South Wales) và Melbourne (bang Victoria). Năm 2018, dung lượng khách bay thẳng giữa Việt Nam và Úc đạt 562.000 lượt.

CIF = FOB + Freight + Insurance


SEA
FCL & LCL

FCL
(Full Container Load)



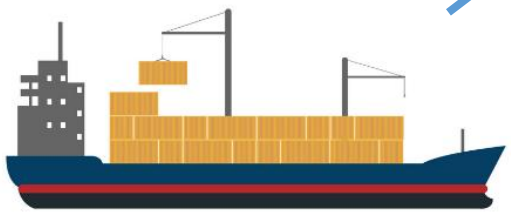
Hàng của bạn

LCL
(Less than Container Load)



Hàng của bên khác

Freight (sea)



FCL = hàng nguyên cont

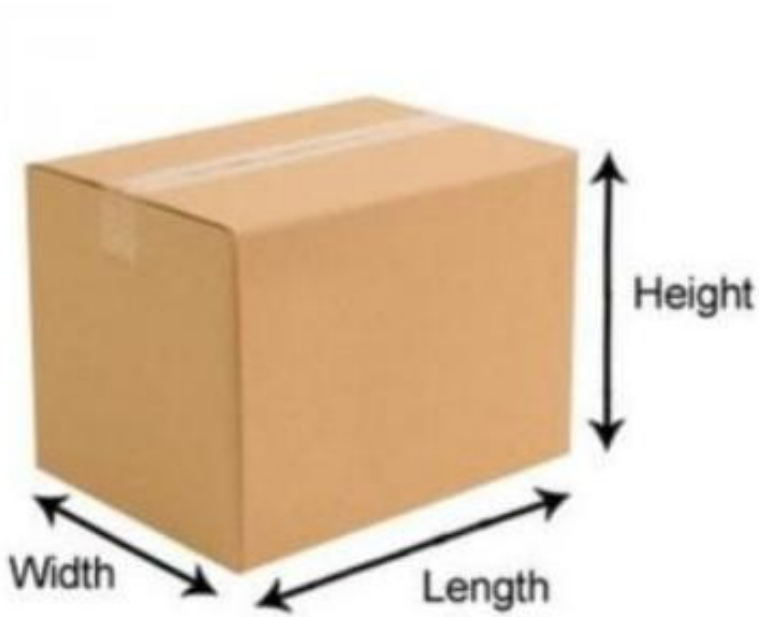
Vd : USD 200 / 20’

USD 400 / 40DC

Container Size

LCL = hàng lẻ

Vd : USD 15.00 / CBM


Height
Width
Length

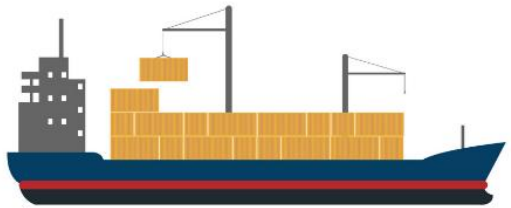

54.80 cm.
42.10 cm.
33.50 cm.
International
FedEx
Express
The World On Time
25 kg Box

Freight (sea) LCL = hàng lẻ

CBM = D x R x C x số thùng

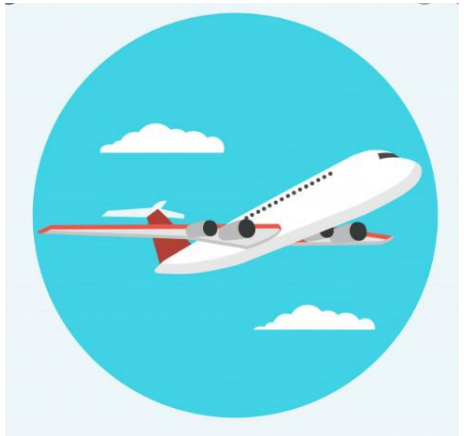
(cubic meter) (m)

Vd : 3 CBM * $15/CBM = $45



Freight (air)

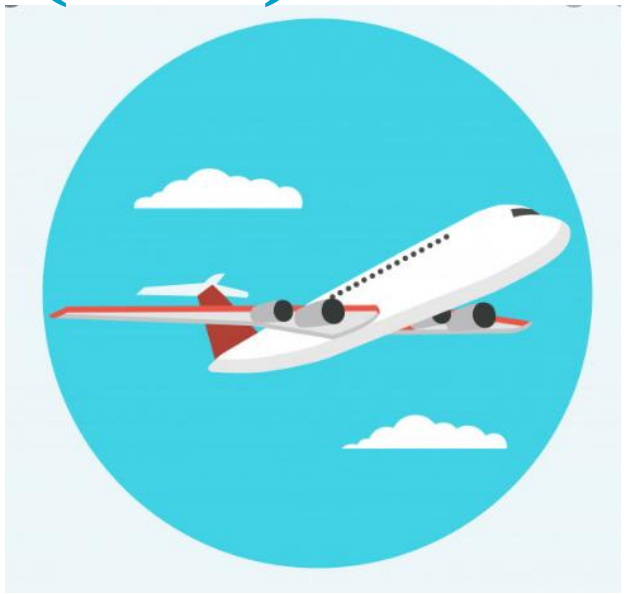
- **GW = gross weight**
  = trọng lượng cả bì



- **VW = volume weight**

$$VW = \frac{(cm)\ D \times R \times C \times \text{số thùng}}{6000}$$

Freight (air)



- **GW = gross weight**
- **VW = volume weight**

So sánh GW và VW, cước tính theo số lớn hơn

Freight (air)

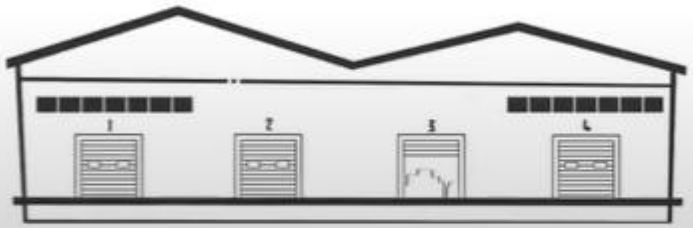
- **GW = 1,000 kgs**
- **VW = 1,200 kgs**
- **Giá cước : USD 1.5 / kg**

Freight = 1.5 * 1,200 = 1,800 USD

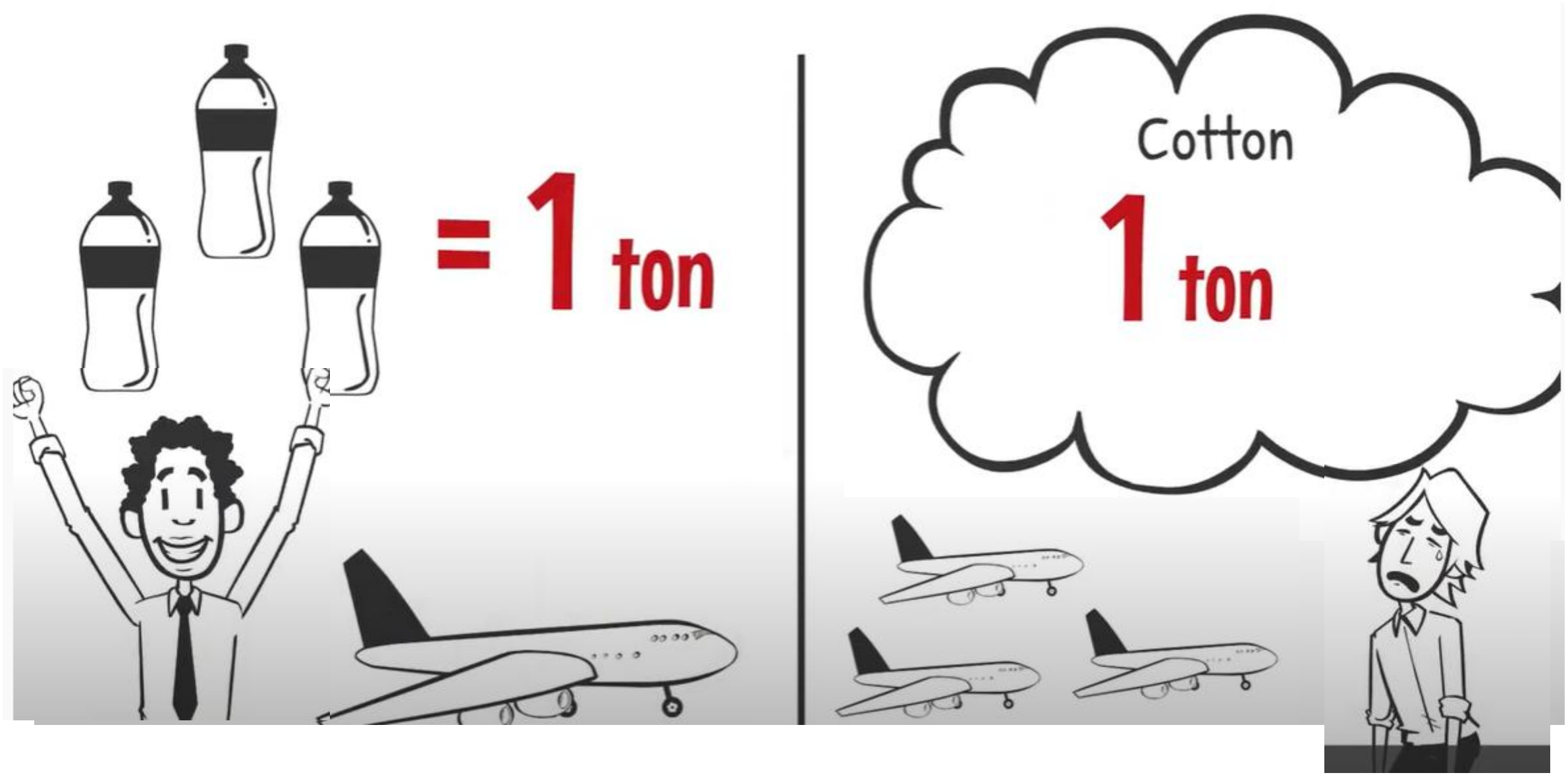


Air Shipment

Limited Space



Warehouse


= 1 ton
Cotton
1 ton

Compare

greater one is used as "Chargeable Weight"



Air Shipment

Basic Rule

Volume (cm3) ÷ 6,000

= Volume Weight(kg)

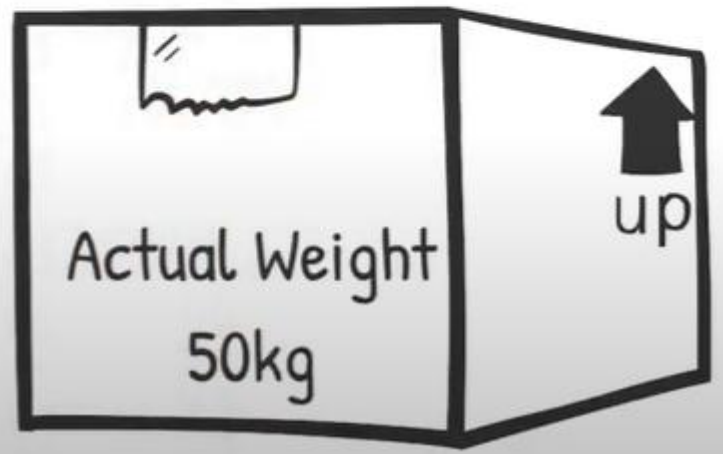
Some courie services adopt 5,000.

Volume Weight

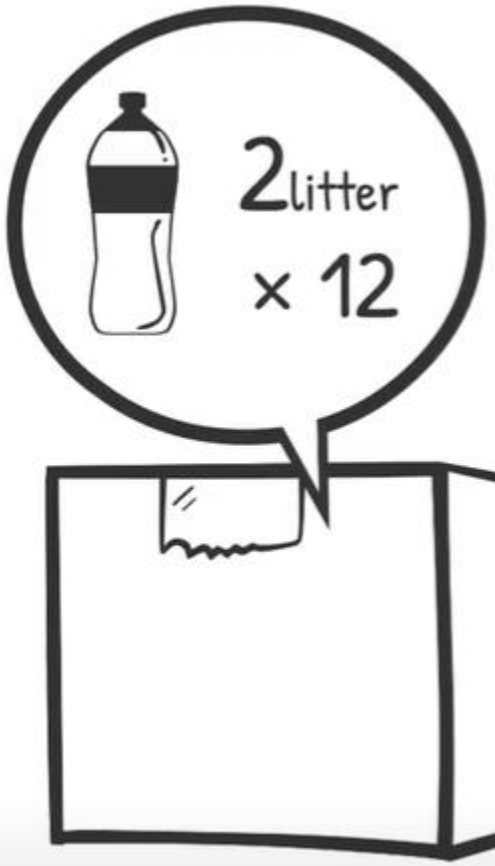
70cm(L) × 90cm(W) × 90cm(H)

= 567,000cm3 ÷ 6,000

= 94.5kg



Case Study



Let's calculate!

× 100 box

Box Size : 90cm x 30cm x 40cm



Chargeable Weigh = ??kg

Case Study

Let's calculate!



The answer of Case Study

Actual Weight: 2 litter(2kg) x 12bottles/box x 100box = 2,400kg

Volume Weight: (90cm × 30cm × 40cm) x 100box ÷ 6,000 = 1,800kg

Chargeable Weight: 2,400kg(Actual Weight)




AKE90000KE
KOREAN AIR

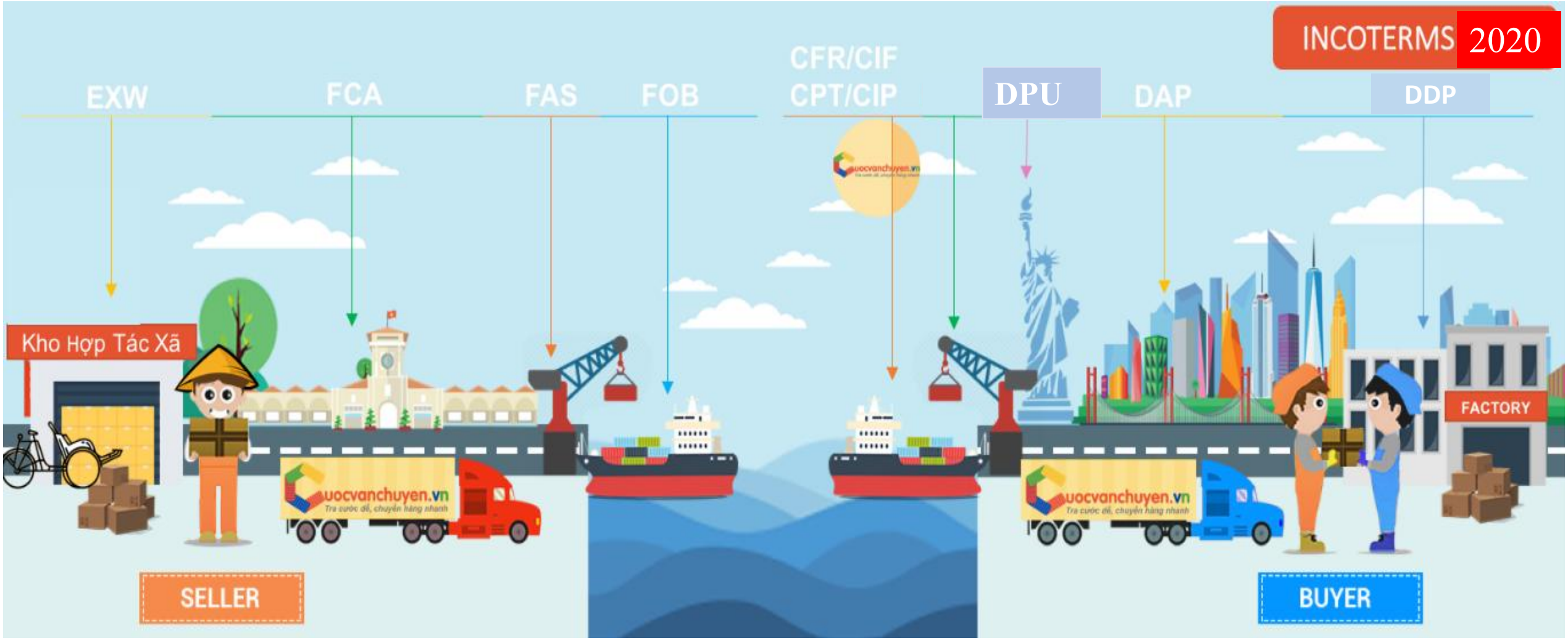

DHL
DHL
DHL
DHL
DHL

CIF = FOB + Freight + Insurance

Insurance

- 3 chặng: nội địa nước xuất khẩu
  vận tải quốc tế
  nội địa nước nhập khẩu.

- *Mua bảo hiểm cho chặng vận tải quốc tế* vì đây là chặng dài nhất và rủi ro nhất.


INCOTERMS 2020
EXW
FCA
FAS
FOB
CFR/CIF
CPT/CIP
DPU
DAP
DDP
Kho Hợp Tác Xã
FACTORY
SELLER
BUYER
1
2
3

Insurance

- Trách nhiệm và quyền lợi của bên bán và bên mua trong bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu quyết định bởi **Incoterm**.

Điều kiện bảo hiểm A,B,C


RENA
MONROVIA
msc

	Bảo hiểm loại A	Bảo hiểm loại B	Bảo hiểm loại C
Nguyên nhân trực tiếp			
Hi sinh tổn thất chung	X	X	X
Ném hàng khỏi tàu (vứt xuống biển trong lúc vận chuyển)	X	X	X
Hàng hóa bị thất lạc do tàu bị mất tích (trừ trường hợp bị cướp)	X	X	X
Nước cuốn trôi khỏi tàu	X	X	
Nước tràn vào tàu, xà lan, hầm hàng hoặc nơi chứa hàng (trừ trường hợp nước mưa)	X	X	
Tổn thất toàn bộ của bất kỳ kiện hàng nào rơi trong quá trình bốc xếp	X	X	
Hành vi chủ ý phá vỡ hàng của thủy thủ đoàn	X		
Cướp biển	X		
Các rủi ro phụ khác	X		
Mất trộm, mất cắp	X		
Hư hỏng, đổ vỡ, cong, bẹp,...	X		
Không giao hàng, thiếu hàng	X		
Tất cả các rủi ro khác	X		
Nguyên nhân gián tiếp			
Cháy, nổ	X	X	X
Phương tiện vận chuyển bị mắc cạn hoặc bị đắm, lật úp	X	X	X
Phương tiện di chuyển va vào nhau hoặc đâm phải các vật cản trên đường đi nhưng không phải nước	X	X	X
Dỡ hàng tại một cảng nơi tàu gặp mặt	X	X	X
Phương tiện vận chuyển bằng đường bộ bị lật đổ hoặc trật bánh trong quá trình di chuyển	X	X	X
Động đất, núi lửa hoặc sét đánh trong quá trình vận chuyển	X	X	

Insurance

I = Giá trị BH * R

- GTBH = 100% hoặc 110% FOB,CIF,CFR…..
- I = Insurance = Phí bảo hiểm
- R = Rate = Tỉ lệ bảo hiểm (*)

Tính giá CIF

Cách 1:

CIF = FOB + Freight + Insurance

Cách 2:

CIF = (FOB + Freight) / (1 – R)

Insurance

(*) tùy thuộc vào hàng hóa, đóng gói, phương tiện vận chuyển, tuyến đường, điều kiện bảo hiểm

Vd : tỷ lệ phí chính 0.3% (A)

phụ phí tuyến Châu Âu + 0.02%

---

tỷ lệ phí BH = 0.3% + 0.02% = 0.32%

Insurance

(*) tùy thuộc vào hàng hóa, đóng gói, phương tiện vận chuyển, tuyến đường, điều kiện bảo hiểm

Vd : tỷ lệ phí chính 0.3% (A)

tỷ lệ phí tàu già 0.125%

---

tỷ lệ phí BH = 0.3% + 0.125% = 0.425%

2. KT2A : cước, bảo hiểm, CIF

BÀI TẬP 1

Công ty Đức Phúc xuất lô hàng áo kimono sang công ty Itochu (Nhật Bản):

- Số lượng : 300 cái
- Giá bán (Inv): USD 1,000 / cái (FOB)
- Số thùng : 50 thùng
- Kích cỡ thùng: 35 x 40 x 55 (cm)
- Gross weight : 600 kgs

BÀI TẬP

1. AIR : giá cước : $2.50 / kgs

Tính Air Freight ?

BÀI TẬP

2. SEA : giá cước : $ 15.00 / CBM

Tính Ocean Freight ?

BÀI TẬP

3. R = 0.30% , loại A. VAT = 10%

Tính phí bảo hiểm cho 110% giá trị Inv?

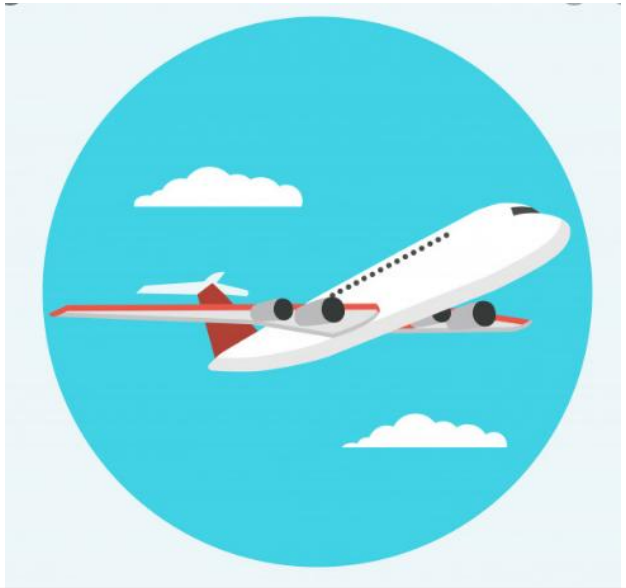
BÀI TẬP

4. Tính CIF?

BÀI GIẢI

AIR : giá cước : $2.50 / kgs

Tính Air Freight ?



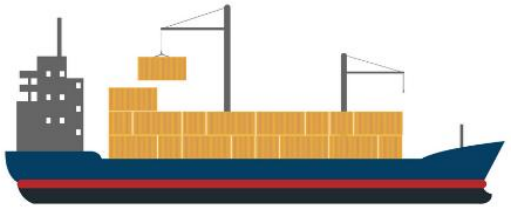
GW = 600 kgs

VW = (35 x 40 x 55 x 50 cartons) / 6000

= 642 kgs

AF = 642 x $ 2.50 = $ 1,605

BÀI GIẢI



SEA : giá cước : $ 15.00 / CBM

Tính Ocean Freight ?

CBM = 0.35 x 0.4 x 0.55 x 50 cartons

= 3.85 CBM

OF = 3.85 x $15.00 = $ 57.75

BÀI GIẢI

R = 0.30% , loại A. VAT = 10%

Tính phí bảo hiểm cho 110% giá trị Inv?

$$\text{Premium} = 110\% * \text{FOB} * R$$

$$= 110\% * (300*1000) * 0.3\%$$

$$= \$\ 990$$

$$\text{VAT} = 990 * 10\% = \$\ 99$$

$$I = \text{Premium} + \text{VAT} = 990 + 99 = \$1089$$

BÀI GIẢI

CIF = FOB + F + I

$$CIF = (300*1000) + 57.75 + 1089$$

$$= \$\ 301,146.75$$

BÀI TẬP 2

Công ty ABC xuất lô hàng giày dép sang công ty Tokumasu (Nhật Bản):

- Số lượng : 1000 đôi
- Giá bán (Inv): USD 50 / đôi (FOB)
- Số thùng : 100 thùng
- Kích cỡ thùng: 35 x 40 x 55 (cm)
- Gross weight : 800 kgs

BÀI TẬP

1. AIR : giá cước : $1.50 / kgs

Tính Air Freight ?

BÀI TẬP

2. SEA : giá cước : $ 20.00 / CBM

Tính Ocean Freight ?

BÀI TẬP

3. R = 0.10% , loại C. VAT = 10%

Tính phí bảo hiểm cho 110% giá trị Inv?

BÀI TẬP

4. Tính trị giá CIF?

BÀI TẬP

1. AIR : giá cước : $1.50 / kgs

Tính Air Freight ?

2. SEA : giá cước : $ 20.00 / CBM

Tính Ocean Freight ?

3. R = 0.10% , loại C. VAT = 10%

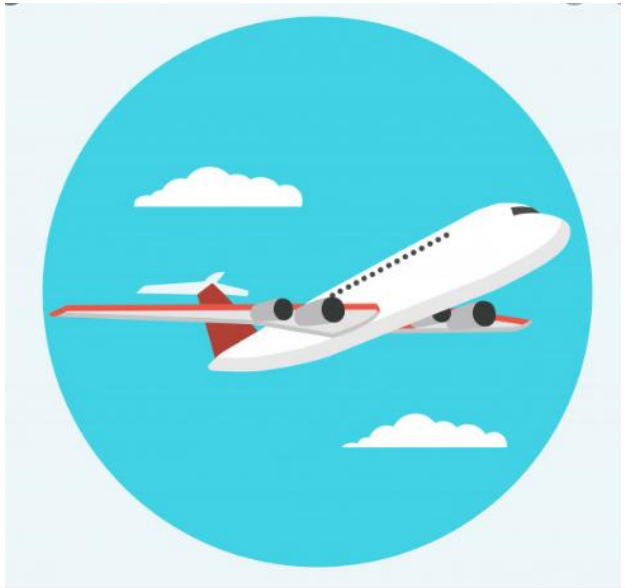
Tính phí bảo hiểm cho 110% giá trị Inv?

4. Tính CIF?

BÀI GIẢI

AIR : giá cước : $1.50 / kgs

Tính Air Freight ?



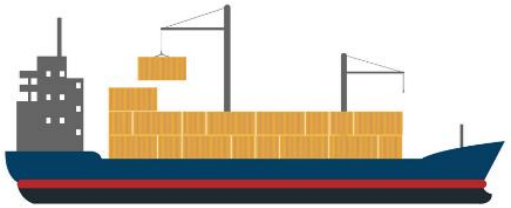
GW = 600 kgs

VW =(35 x 40 x 55 x 100cartons) / 6000

= 1,283.30kgs

AF = 1,283.30 x $ 1.50 = $ 1,925

BÀI GIẢI



SEA : giá cước : $ 20.00 / CBM

Tính Ocean Freight ?

CBM = 0.35 x 0.4 x 0.55 x 100 cartons

= 7.70 CBM

OF = 7.70 x $20.00 = $ 154

BÀI GIẢI

R = 0.1% , loại C. VAT = 10%

Tính phí bảo hiểm cho 110% giá trị Inv?

$$\text{Premium} = 110\% * \text{Inv} * R$$

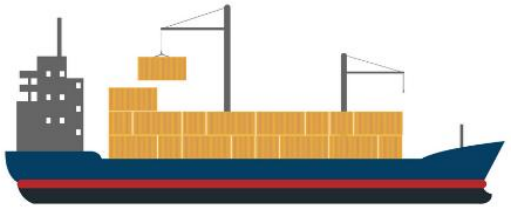
$$= 110\% * (50*1000) * 0.1\%$$

$$= \$\ 55$$

$$\text{VAT} = 55 * 10\% = \$\ 5.5$$

$$I = \text{Premium} + \text{VAT} = 55 + 5 = \$60.50$$

BÀI GIẢI



$$CIF = FOB + F + I$$

$$CIF = (1000*50) + 154 + 60.5$$

$$= $$

3. LIỆT KÊ PHÍ HÀNG SEA

CHI PHÍ TRONG VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN



Phí Trucking

Phí Trucking (Tiếng Việt là **Phí vận chuyển nội địa**) là một loại phí trong quá trình xuất nhập khẩu

Tùy vào đặc điểm của phương tiện mà chi phí vận chuyển sẽ khác nhau:





Phụ phí THC

Phụ Phí THC viết đầy đủ là **Terminal Handling Charge**), hay tên tiếng Việt gọi là **Phụ phí xếp dỡ tại cảng** là khoản phụ phí thu trên **mỗi container** để **bù đắp chi phí** cho các hoạt động làm cảng

Mục đích



Minh bạch



Tránh được sự biến động tiền tệ



Phí D/O

Phí D/O, tiếng Anh viết đầy đủ là **Delivery Order fee**, có nghĩa là **phí lệnh giao hàng**. Là loại phí phát sinh khi **lệnh giao hàng được phát hành**



CE SALES & SERVICES SDN BHD (ROC:369976-A)
54, JALAN SENTOSA, 41300 KLANG
SELANGOR, MALAYSIA.
Tel: 03-33732588, Fax: 03-33732588

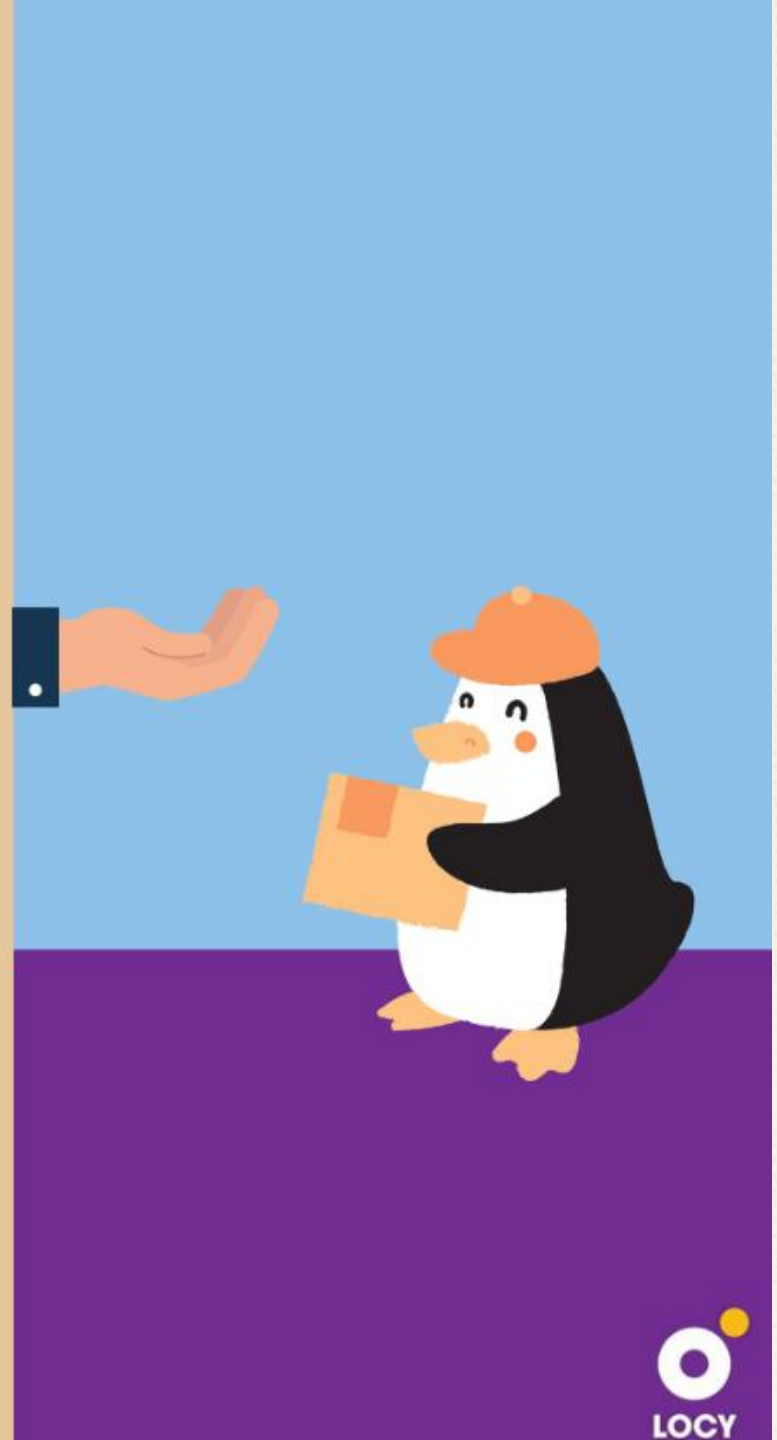
DELIVERY ORDER No. :

CONTROL MANUFACTURING
406-2 (TINGKAT SATU)
BATU 1/2,
JALAN PAHANG,
51600 KUALA LUMPUR
TEL : 03-6632588 FAX : 03-6632588

Your P.O No :
Invoice No :
Terms : Net 60 days
Date : 09/04/2000
Page : 1 of 1

Item No	Description	UOM	Qty
1	ACCOUNTING 2000 PLUS *GL, AR, AP & STOCK *FINANCIAL REPORT *STUDY GUIDE *LICENSE AGREEMENT	UNIT	20
2	DISKETTE	SET	50
3	CE MOUSE PAD	PCS	20
4	PRINTER PANASONIC KX-1121	UNIT	3

Lệnh giao hàng là chứng từ được phát hành dùng để **nhận hàng** và để **trình cho cơ quan giám sát kho hàng** (cảng đến) trước khi có thể rút hàng ra khỏi container, kho, bãi, ...



Phí CCF

Phí CCF (Viết đầy đủ là **Cleaning Container Fee**) là **phí vệ sinh container** mà người nhập khẩu phải trả cho hãng tàu để làm vệ sinh vỏ container rỗng sau khi người nhập khẩu sử dụng container để vận chuyển hàng và trả tại các **Depot** (Điểm thông quan nội địa)





LOCY

Phí BAF

Phí BAF (Viết đầy đủ là **Bunker Adjustment Fee**) có tên tiếng Việt là **Phụ phí Nhiên liệu**. Là khoản phụ phí (ngoài cước biển) hãng tàu thu từ chủ hàng để bù đắp chi phí phát sinh do biến động giá nhiên liệu.

Từ đồng nghĩa: FAF (Fuel Adjustment Factor)

Lý do



Chi phí nhiên liệu lớn



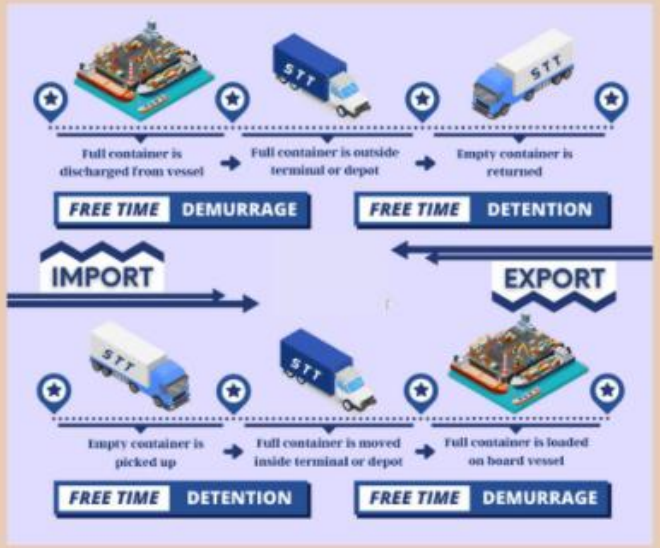
Giá cước khó thay đổi kịp thời



Phí DET

Phí DET (viết đầy đủ là **Detention Charge**) là phí lưu container tại **KHO** được đóng cho hãng tàu

Cần phân biệt rõ **DET** với **DEM** (**Demurrage Charge**) là phí lưu container tại **CẢNG** do hãng tàu thu



Tùy hàng xuất hay nhập sẽ có những cách tính phí khác nhau



LOCY

CHI PHÍ HÀNG XUẤT By sea

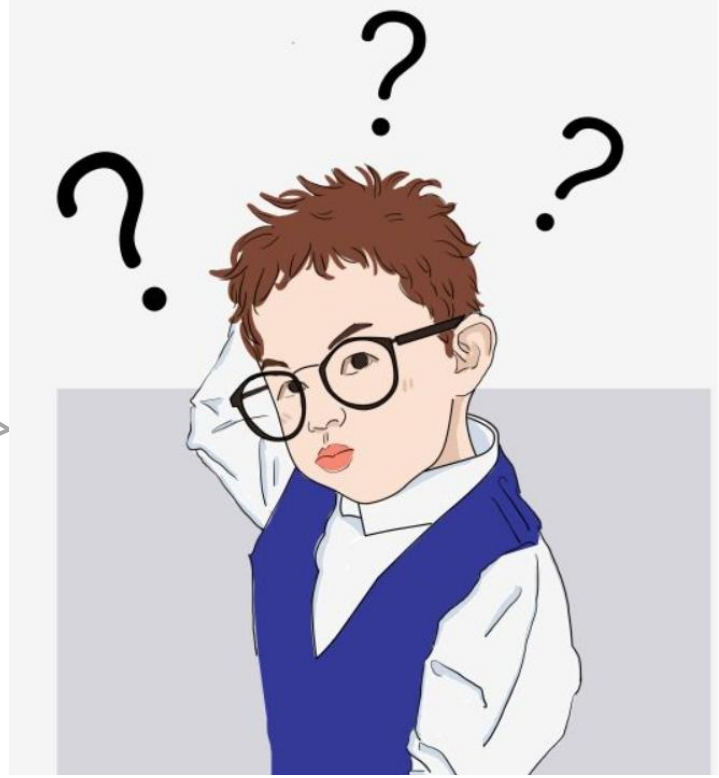
A. SEA – Xuất

- Ocean Freight (FCL & LCL)
- CFS (Container Freight Station) (LCL)

12 CBM

20'feet

LCL



https://www.youtube.com/watch?v=zZwQRa--3bk&list=RDCMUC21WNrDxJfler1sXKr3nbIA&start_radio=1&t=21s

A. SEA – Xuất

1x20’DC : Freight = 200$ (chứa được 26-28 CBM)

12 CBM : Freight + CFS = 120$+96$ = 216 $

*Freight = 12 * 10$/CBM = 120$*

*CFS = 12 * 8$/CBM = 96$*

➔ **chọn 1x20’DC**

HÀNG ĐI USA

MLB , AWT, HOUSTON

II. CHIA SẺ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN XUẤT KHẨU HÀNG VIỆT NAM ĐI CHÂU ÂU – CHÂU MỸ

Your True Logistics Partner

1) Lịch và thời gian vận chuyển hàng:

- ❑ Có đa dạng tuyến vận chuyển đường biển và đường hàng không trực tiếp/chuyển tải đi đến các cảng biển/sân bay tại nước Châu Mỹ & Châu Âu.
- ❑ **Năm 2020-2021 :** Thời gian vận chuyển lâu hơn dự kiến, có những lô hàng nằm tại cảng chuyển tải 2-3 tháng trước khi đến cảng đích.
- ❑ Các chuyến bay luôn đầy và nằm tại sân bay chuyển tải từ 5-10 ngày.

Cảng	Tuyến	Thời gian đi
USWC (LAX/OAK/LBG	Trực tiếp	18-22
USEC (NYC/ORF/SAV)	Trực tiếp	27-30
Europre (HAM/AWT/RTD)	Trực tiếp	20-25

Các nguyên nhân ảnh hưởng:

- ❑ Tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021 làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu..
- ❑ Cảng biển và sân bay trên thế giờ đều bị kẹt nghiêm trọng trong thời gian dài.
- ❑ Nhu cầu mua hàng dự trữ trong dịch làm cho các đơn hàng xuất/nhập khẩu tăng cao, các hãng vận chuyển và cảng biển/sân bay lâm vào tình trạng hoạt động quá tải.

II. CHIA SẺ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN XUẤT KHẨU HÀNG VIỆT NAM ĐI CHÂU ÂU – CHÂU MỸ

Amerasian Shipping Logistics
Your True Logistics Partner

2) Giá cước vận chuyển quốc tế:

- ❑ Cước vận tải QT tăng mạnh từ năm 2021 với tỉ lệ tăng từ 8-10 lần so với thời kỳ trước Covid (2019-2020)
- ❑ Các lô hàng bán theo điều kiện FOB thì bị ngưng đơn hàng vì người mua không thể trả cước chênh lệch quá cao.
- ❑ Các lô hàng bán theo điều kiện CIF bị hủy do các DN XNK không thể trả cước vận chuyển quá caodo giá cước vận chuyển cao hơn giá trị hàng hóa.

Các nguyên nhân ảnh hưởng:

- ❑ Tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021 làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.
- ❑ Cảng biển và sân bay trên thế giới đều bị kẹt nghiêm trọng trong thời gian dài.
- ❑ Tình trạng thiếu container rỗng trầm trọng, vòng xoay tàu giảm làm cho CẦU lớn hơn CUNG lớn dẫn đến cước vận tải quốc tế tăng kỷ lục.
- ❑ Các chuyến bay bị cắt giảm làm cho tình trạng chỗ ngày càng khan hiếm.

Từ tháng 7/2022 cước VT quốc tế đã giảm nhiều so với năm 2021 và đến quý 4/2022 cước vận tải QT đang có xu hướng trở về trạng thái bình thường như giai đoạn 2019-2020 khi mà tình trạng tắt nghẽn cảng đã được cải thiện nhiều tại các cảng trên thế giới, tình trạng khan hiếm container rỗng đã được giải quyết. Tình trạng khan hiếm chỗ nay đã không còn, các khách hàng có thể lựa chọn nhiều hãng vận chuyển phù hợp

II. CHIA SẺ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN XUẤT KHẨU HÀNG VIỆT NAM ĐI CHÂU ÂU – CHÂU MỸ

ASL Amerasian Shipping Logistics
Your True Logistics Partner

Giá cước vận chuyển quốc tế bằng đường biển năm 2022:

- Giá cước vận tải đường biển trung bình cuối năm 2022 đi các cảng chính của Bắc Mỹ khoảng $1.500/40'HC (bờ Tây), $3,000/40'HC (bờ Đông) . Các cảng chính Châu Âu như Rotterdam, Hamburg, Antwerp ($1,100/40'HC)
- Các cảng đi vào sâu bên trong (Chicago, IL, Dallas, TX) tầm 4.200-5,000/container 40'HC

Giá cước vận chuyển quốc tế bằng đường biển năm 2021:

- Giá cước vận tải đường biển trung bình cuối năm 2021 đi các cảng chính của Bắc Mỹ khoảng $11.500/40'HC (bờ Tây), $18,000/40'HC (bờ Đông) . Các cảng chính Châu Âu như Rotterdam, Hamburg, Antwerp ($11.00/40'HC)
- Các cảng đi vào sâu bên trong (Chicago, IL, Dallas, TX) tầm 14.000-15,000/container 40'HC

Cước quốc tế đường biển giảm khoảng 70-80% so với cùng kỳ năm 2021

III. CÁC GIẢI PHÁP VỀ LOGISTICS NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH

Your True Logistics Partner

1/ Giải pháp logistics:

Chi phí logistics của Việt Nam chiếm khoảng 17% giá trị hàng hoá, cao gấp đôi so với các nền kinh tế phát triển, trong đó chi phí vận tải chiếm tới 60%.

1) DN XNk nên thay đổi điều kiện bán hàng/mua hàng sang CIF thay vì FOB nhằm mục đích chủ động hơn trong việc sử dụng các lịch vận chuyển phù hợp, tìm kiếm NCC cạnh tranh uy tín nhằm tiết kiệm chi phí cước tàu và các rủi ro trong quá trình vận chuyển.

2) Swap container giữa hàng xuất – nhập.

Các nhà xuất – nhập khẩu nên thỏa thuận với các hãng vận chuyển cho phép áp dụng chính sách swap container hàng xuất – nhập nhằm giảm thiểu chi phí vận tải khi mà giá dầu liên tục biến động tăng do ảnh hưởng cuộc chiến tranh Nga - Ucraina.

3) Kiểm soát các phụ phí hàng xuất/nhập thu theo định mức tiêu chuẩn tránh thu phí tràn lan.

Ví dụ phụ phí 1 container hàng xuất theo giá thị trường tầm USD 350/40'HC, USD 280/20'dc, tuy nhiên có những khách hàng vẫn phải trả mức giá cao hơn USD 75-150 cho 1 container hàng. Nếu nhà XNK có 100 container/tháng thì sẽ tiết kiệm được từ USD 7,000-15,000/tháng..

4) Tối ưu hóa chi phí logistics bằng cách sử dụng tích hợp chuỗi dịch vụ khai báo hải quan + vận chuyển nội địa.

Nếu các DN XNK sử dụng tích hợp các dịch vụ sẽ tiết kiệm chi phí logistics từ 500,000/ container so với việc sử dụng dịch vụ đơn lẻ.

A. SEA – Xuất

- BL fee (Bill of Lading) (FCL & LCL)
- THC (Terminal Handling charge) (FCL & LCL)
- Demurrage & detention (if any) (FCL)
- Storage (FCL & LCL)

A. SEA – Xuất

- **AMS (Automated Manifest System)**

  ENS/ANS / ACI/AFR

  (FCL & LCL*)*

- **ISF (Importer Security Filing)**

  (FCL & LCL----*US only)*

A. SEA – Xuất

- Seal fee (FCL)
- CY Monitoring Fee (FCL)
- Documentation fee (FCL & LCL)

A. SEA – Xuất

Booking cancellation fee

Nơi nhận hàng *(Place of Receipt)*:				Cảng dỡ hàng *(Port of Discharge)*:				
Cảng xếp hàng *(Port of Loading)*:				Nơi giao hàng *(Final Place of Delivery)*:				
Stt *No.*	Tên hàng hóa, dịch vụ *Descriptions*	SL *Qty*	ĐVT *Unit*	Đơn giá (VND) *Unit Price*	Tiền trước thuế *Amount*	Thuế suất *VAT Rate*	Tiền thuế *VAT Amount*	Thành tiền (VND) *Total Amount*
1	Phí hủy đặt chỗ vận tải	1	Cont	580.000	580.000	x	30.526	610.526

Booking Cancellation Fee will apply for below cases:

- No-show after booking confirmation
- Request to amend booking ETD to a non-available sailing date
- Request to amend booking ETD to a sailing date without available allocation
- Cancellation request following a booking ETD amendment
- Cancellation request at less than 7 days before the actual vessel sailing date

BOOKING CANCELLATION FEE

CMA CGM

A. SEA – Xuất



A. SEA – Xuất

Thủ tục AMS

Người xuất khẩu có trách nhiệm khai AMS cho Hải quan Hoa Kỳ 48 tiếng trước khi tàu ở cảng chuyển tải (Singapore hay Kao Hsiung-Taiwan) khởi hành đến Hoa Kỳ. Nếu khai báo AMS trễ so với thời gian quy định sẽ nhận các khoản phạt tiền từ hải quan Hoa Kỳ. Không trả tiền phạt, người xuất khẩu sẽ bị đưa vào danh sách đen.

Cục Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ (CBP) yêu cầu các thông tin về lô hàng như sau:

- Tên mặt hàng
- Số lượng
- Trọng lượng
- Người bán
- Người mua
- Cảng khởi hành
- Cảng đích

A. SEA – Xuất

Mức phí AMS

Việc khai AMS rất dễ dàng và nhanh chóng. Hãng tàu/airline hoặc các công ty giao nhận vận tải (freight forwarder) sẽ giúp shipper thực hiện điều này với chi phí giao động khoảng từ 25 USD/ Bill of Lading

Đầu phí AMS không phụ thuộc vào số lượng và khối lượng của hàng mà chỉ phụ thuộc vào số lượng B/L, dù lô hàng của bạn có 10 hay 100 container thì đầu phí này vẫn chỉ giao động từ 25-40 USD.

Nếu lượng hàng đi thực tế có sự khác biệt với thời điểm kê khai ban đầu hoặc hông tin của bên nhận hàng có sai sót, bạn phải tiến hành khai sửa AMS. mức phí sửa giao động khoảng 40 – 50 USD tùy từng hãng tàu.

A. SEA – Xuất

ISF (viết tắt của từ **Importer Security Filing)** là khai báo an ninh cho người nhập khẩu khi nhập hàng hóa vào Mỹ. ISF còn được gọi là "**10 + 2**", là hồ sơ theo yêu cầu của **CBP** để ghi lại thông tin và chi tiết nhập khẩu, khi các chuyến hàng đi từ điểm này đến điểm khác.

Từ nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp:

- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất (hoặc nhà cung cấp)
- Tên và địa chỉ của người bán (hoặc chủ sở hữu)
- Tên và địa chỉ của người mua (hoặc chủ sở hữu)
- Tên và địa chỉ người giao hàng
- Nơi đóng hàng vào container
- Tên và địa chỉ của người gom hàng
- Số hồ sơ Đơn vị nhập khẩu
- Số người nhận hàng
- Nước xuất hàng
- Biểu thuế quan hài hòa hàng hóa cho từng sản phẩm của lô hàng

Từ hãng tàu:

- Kế hoạch xếp hàng lên tàu
- Thông báo trạng thái container

A. SEA – Xuất

Mức phí ISF

Chi phí cho khai ISF cũng tương tự AMS, khoảng từ 25$/Bill of Lading do nhà nhập khẩu thực hiện

Nếu chậm kê khai ISF hoặc kê khai không đầy đủ, nhà nhập khẩu có thể chịu mức phạt lên đến 5.000 USD/lô hàng.

A. SEA – Xuất

X-Ray (Soi Container)

Ngoài việc phải kê khai thông tin AMS và ISF, Hải quan Hoa Kỳ còn có thể kiểm tra ngẫu nhiên hoặc áp dụng biện pháp soi X-ray (tia X) container đối với những container nào có sự nghi ngờ về an ninh.

Việc soi container này diễn ra ở cảng chuyển tải hoặc cảng đích ở Hoa Kỳ.

Trường hợp hàng hóa bị giữ lại để soi container (X-ray): Tùy theo điều kiện thương mại (FOB hoặc CIF) mà nhà xuất khẩu hay nhà nhập khẩu Hoa Kỳ chịu trách nhiệm chi trả chi phí này.

Chi phí phát sinh bao gồm: phí soi container (thường khoảng 200-300 đô la Hoa Kỳ/container 40 feet) và chi phí lưu container ở cảng (vì thời gian để kiểm tra thường mất một tuần hoặc hơn).

A. SEA – Xuất

FCL : phí tính trên loại + số lượng container

Vd: THC 140$ / 20’DC

DEM 25$/20’DC/ day

LCL : phí tính trên CBM

Vd: THC 3$ / CBM

CFS 10$/CBM

A. SEA – Xuất

FCL / LCL : phí tính trên BL hoặc shipment

Vd: Bill fee 80$ / BL

Handling charge 40$/ shipment

SEA - Xuất FCL

CHARGES

DESCRIPTION	VAT IN VND	CHARGES IN VND
AMS / ENS / ACI / AFR Fee - Base Rate USD 40,00 USD 40,00 @ 23555.000000	Zero Rated	942,200
CY Monitoring Fee - 1 20GP Container(s) @ USD 50,00/Container USD 50,00 @ 23555.000000	Zero Rated	1,177,750
Importer Security Filing - Base Rate USD 25,00 USD 25,00 @ 23555.000000	Zero Rated	588,875
Origin Bill of Lading - Base Rate USD 45,00 USD 45,00 @ 23555.000000	Zero Rated	1,059,975
Origin Documentation Fee - FCR - Base Rate USD 25,00 USD 25,00 @ 23555.000000	Zero Rated	588,875
Origin Handling Fee - Base Rate USD 15,00 USD 15,00 @ 23555.000000	Zero Rated	353,325
Origin Terminal Handling Charges - 1 20GP Container(s) @ USD 140,00/Container USD 140,00 @ 23555.000000	Zero Rated	3,297,700
Seal Fee - 1 20GP Container(s) @ USD 10,00/Container USD 10.00 @ 23555.000000	Zero Rated	235,550

TOTAL CHARGES

Please contact us within 7 days should there be any discrepancies.

Note: All bank charges to be borne by remitter.

SUBTOTAL	8,244,250
ADD VAT	-
TOTAL VND	**8,244,250**

SEA - Xuất LCL

CHARGES

DESCRIPTION	VAT IN VND	CHARGES IN VND
AMS / ENS / ACI / AFR Fee USD 40,00 @ 23300.000000	10%=93.200	932,000
CFS Charges USD 85,80 @ 23300.000000	10%=199.914	1,999,140
Origin Bill of Lading USD 45,00 @ 23300.000000	10%=104.850	1,048,500
Origin Documentation Fee - FCR USD 25,00 @ 23300.000000	10%=58.250	582,500
Origin Handling Fee USD 15,00 @ 23300.000000	10%=34.950	349,500
Origin Terminal Handling Charges USD 85,80 @ 23300.000000	10%=199.914	1,999,140

TOTAL CHARGES

Please contact us within 7 days should there be any discrepancies.

Note: All bank charges to be borne by remitter.

SUBTOTAL	6,910,780
ADD VAT	691,078
TOTAL VND	**7,601,858**

SEA - Xuất LCL

THC (Terminal Handling Charge) trong tiếng Việt là phụ phí xếp dỡ tại cảng. THC là khoản phí thu trên mỗi container để bù đắp chi phí cho các hoạt động làm hàng tại cảng. Ví dụ như: phí xếp dỡ container hàng từ trên tàu xuống, phí vận chuyển container từ cầu tàu vào đến bãi container, phí xe nâng xếp container lên bãi, phí nhân công cảng, phí bến bãi, phí quản lý của cảng, ...

SEA - Xuất LCL

- Điều khoản về chi phí bốc dỡ, san xếp hàng: Có thể quy định chi phí bốc dỡ, phí xếp hàng theo một trong các cách sau đây:

+ Theo điều kiện miễn bốc (F.I): người chuyên chở được miễn chi phí bốc hàng lên tàu nhưng phải chịu chi phí san xếp và dỡ hàng ra khỏi tàu.

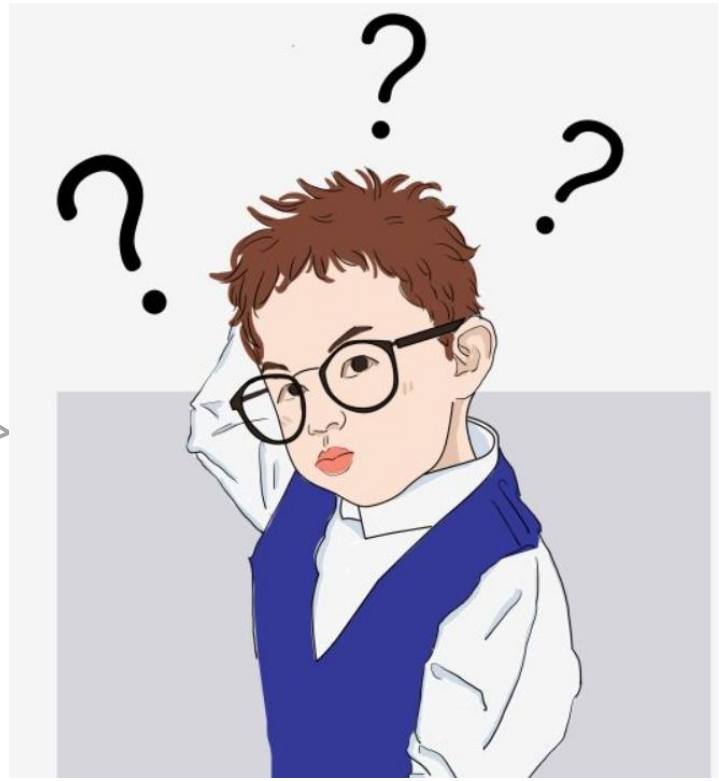
+ Theo điều kiện miễn dỡ (F.O): người chuyên chở được miễn chi phí dỡ hàng ỏ cảng đến nhưng phải chịu chi phí bốc hàng lên tàu ở cảng đi và san xếp hàng.

+ Theo điều kiện miễn bốc dỡ (F.I.O): Người chuyên chở được miễn cả chi phí bốc vác hàng, chỉ chịu chi phí san xếp hàng trong hầm tàu. Nếu miễn luôn cả chi phí san xếp cho người chuyên chỗ thì quy định theo cách miễn chi phí bốc dỡ, san xếp (F.I.O.S, F.I.O.t).

+ Theo điều kiện tàu chợ (lines terms): người chuyên chở phải chịu toàn bộ chi phí bốc dỡ san xếp.

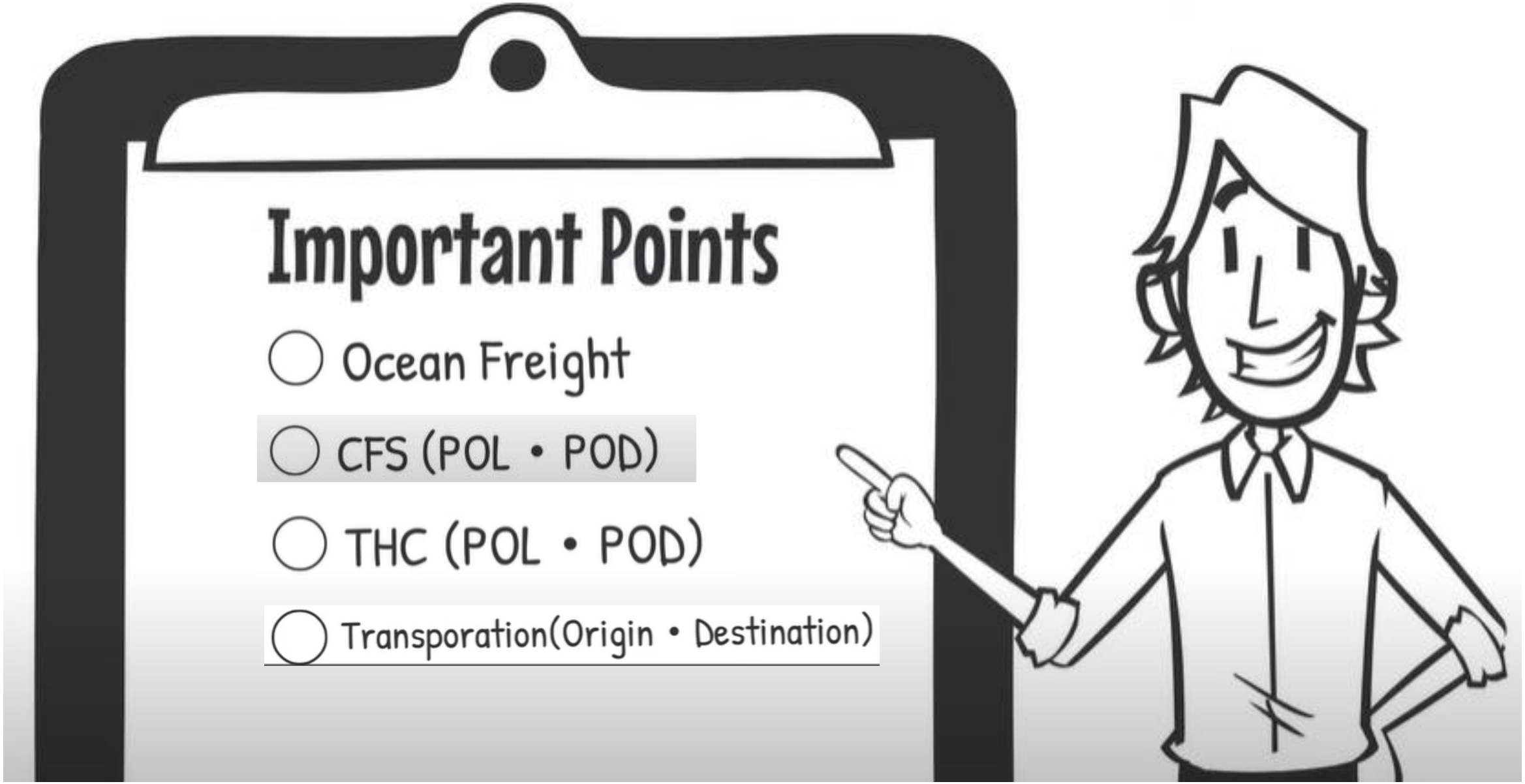
15CBM

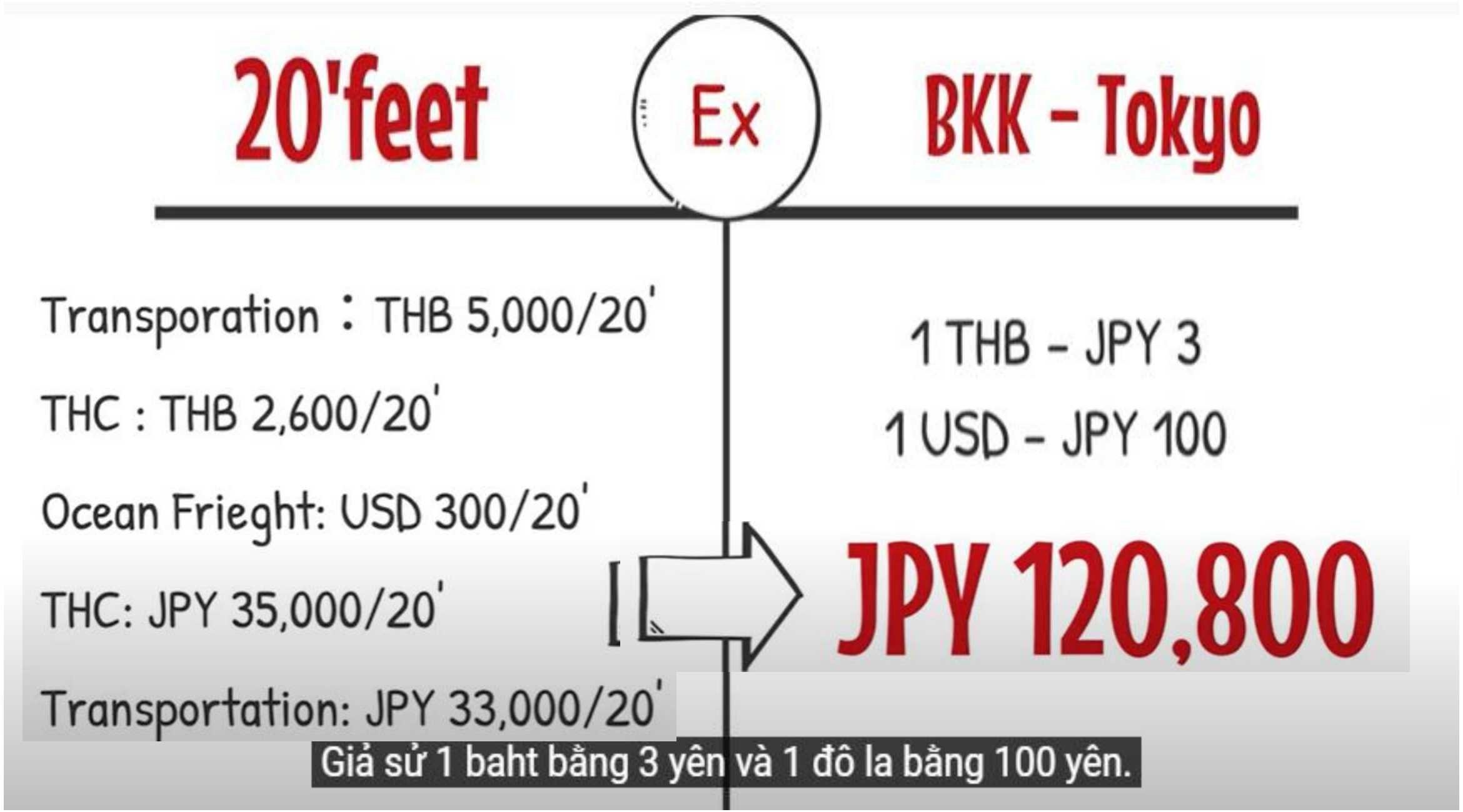
20'feet



LCL

https://www.youtube.com/watch?v=zZwQRa--3bk&list=RDCMUC21WNrDxJfler1sXKr3nbIA&start_radio=1&t=21s


Important Points
Ocean Freight
CFS (POL • POD)
THC (POL • POD)
Transporation(Origin • Destination)



Giả sử 1 baht bằng 3 yên và 1 đô la bằng 100 yên.

LCL

Ex

BKK - Tokyo

Transporation : THB 3,000/truck

THC: THB 300/CBM = THB 4,500

CFS: THB 300/CBM = THB 4,500

OF: USD 10/CBM = USD 150

THC: JPY 1,500/CBM = JPY 22,500

CFS: JPY 3,980/CBM = JPY 59,700

Transporation: JPY 20,000

1 THB - JPY 3

1 USD - JPY 100

15CBM cargo delivery

JPY 144,200

Brand Tâm sự thực tập

PHÂN BIỆT THC & LO-LO



Brand Tâm sự thực tập

TIÊU CHÍ	THC	LO-LO
BẢN CHẤT	Hoạt động nâng và hạ hàng (container) lên/ xuống **tàu**	Hoạt động nâng và hạ hàng (container) từ bãi/cảng lên **xe ô tô**
MỤC ĐÍCH THU	Phí THC được thu với mục đích bù đắp cho các hoạt động làm hàng tại cảng **như xếp dỡ hàng, vận chuyển container vào bãi, quản lý cảng, phí bến bãi,..**	Phí LO-LO được cảng thu khi shipper sử dụng dịch vụ **thuê cần cẩu nâng hạ container tại cảng** trong quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa
BÊN THU PHÍ	**Hãng tàu** thu từ Shipper (chủ hàng) tại cả cảng xếp hàng và cảng dỡ hàng	**Cảng** trực tiếp thu từ Shipper (chủ hàng)

TPHCM chính thức triển khai thu phí sử dụng hạ tầng cảng biển từ ngày 1/4/2022

TT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức phí
I	**Hàng tạm nhập tái xuất, hàng gửi kho ngoại quan, hàng chuyển khẩu**		
1	Container 20ft	đồng/cont	2.200.000
2	Container 40ft	đồng/cont	4.400.000
3	Hàng lỏng, hàng rời không đóng trong container	đồng/tấn	50.000
II	**Hàng xuất khẩu, nhập khẩu**		
1	Hàng hóa xuất, nhập khẩu mở tờ khai ngoài TP.HCM		
1.1	Container 20ft	đồng/cont	500.000
1.2	Container 40ft	đồng/cont	1.000.000
1.3	Hàng lỏng, hàng rời không đóng trong container	đồng/tấn	30.000
2	Hàng hóa xuất, nhập khẩu mở tờ khai tại TP.HCM		
2.1	Container 20ft	đồng/cont	250.000
2.2	Container 40ft	đồng/cont	500.000
2.3	Hàng lỏng, hàng rời không đóng trong container	đồng/tấn	15.000

4. KT2BC – giấy : phí Sea – xuất

CHI PHÍ HÀNG NHẬP By sea

B. SEA – Nhập

- Ocean Freight (FCL & LCL)
- CFS (Container Freight Station) (LCL)
- D/O fee (Delivery Order) (FCL & LCL)
- THC (Terminal Handling charge) (FCL & LCL)

B. SEA – Nhập

- Cleaning fee (FCL)
- Handling charge (LCL)
- Demurrage, detention, storage (FCL)
- Storage (LCL)

Demurrage

Phí lưu container **tại bãi (cảng)**

→ đóng cho hãng tàu

Detention

Phí lưu container **tại kho riêng**

→ đóng cho hãng tàu

Storage

Phí lưu container **tại bãi (cảng)**

→ đóng cho cảng

FBI LOGISTICS

FREIGHT - BEST - IMPRESSIVE CONNECTION

NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH

DEM ? DET



FBI LOGISTICS

FREIGHT · BEST · IMPRESSIVE CONNECTION

DEM ? DET

1



CHỨNG TỪ KHÔNG CHÍNH XÁC

FBI LOGISTICS

FREIGHT · BEST · IMPRESSIVE CONNECTION



2



CHỨNG TỪ GỬI ĐẾN CHẬM

FBI LOGISTICS

FREIGHT · BEST · IMPRESSIVE CONNECTION

DEM ? DET

3 CHỨNG TỪ BỊ THẤT LẠC



FBI LOGISTICS

FREIGHT · BEST · IMPRESSIVE CONNECTION



4



THỦ TỤC HẢI QUAN PHỨC TẠP

FBI LOGISTICS

FREIGHT · BEST · IMPRESSIVE CONNECTION

DEM ? DET



5 QUY TRÌNH GIẢI PHÓNG HÀNG HÓA

FBI LOGISTICS

FREIGHT - BEST - IMPRESSIVE CONNECTION

DEM ? DET

6



KHÔNG LIÊN LẠC VỚI CNEE ĐƯỢC

DEMURRAGE/ DETENTION

Hàng nhập khẩu – FREE TIME : **DEM 7 ngày – DET 4 ngày**



ETA



Lấy container đúng hạn

20/6	21/6	22/6	23/6	24/6	25/6	26/6	27/6	28/6	29/6	30/6	31/6	1/7

Miễn phí DEM

Tính phí

DEMURRAGE/ DETENTION

WorldCraft Logistics

Hàng nhập khẩu – FREE TIME : **DEM 7 ngày – DET 4 ngày**



ETA



Lấy container đúng hạn



Trả container rỗng đúng hạn



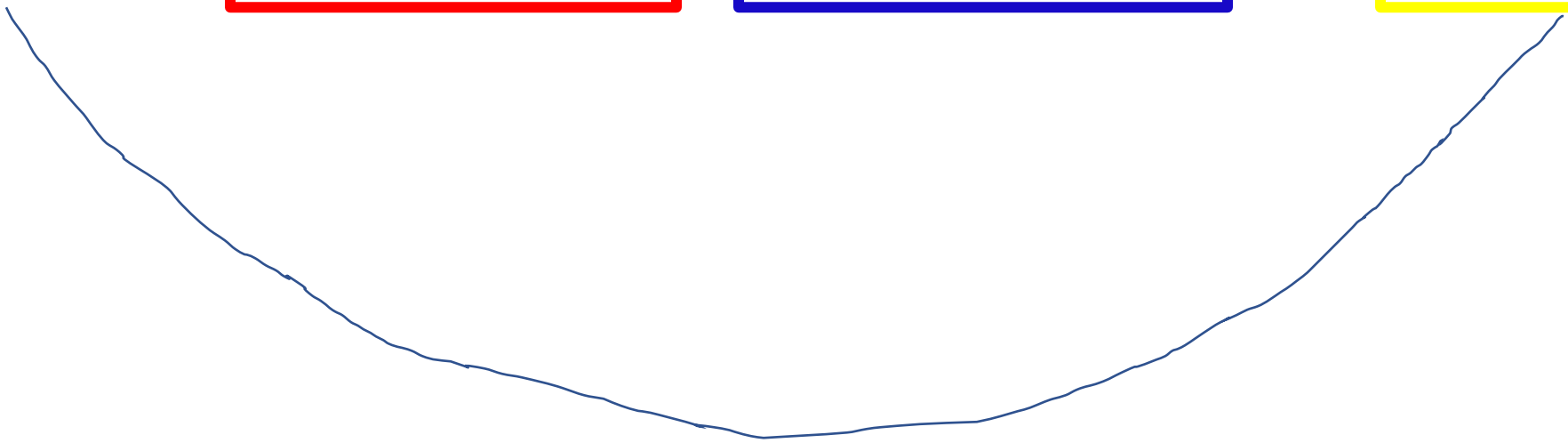
Trả container rỗng trễ hạn

20/6	21/6	22/6	23/6	24/6	25/6	26/6	27/6	28/6	29/6	30/6	31/6	1/7
Miễn phí DEM							Miễn phí DET			Tính phí DET		

ETA	ARRIVAL PORT	MANIFEST CODE	MNF DEADLINE
18-Jul-2021	CÁT LÁI		

PLS PRESENT BILL OF LADING, THE COMPANY'S RECOMMENDATION LETTER WHEN PICK UP DELIVERY ORDER

LẤY CONTAINER VỀ KHO RIÊNG	STORAGE END	DEM END DATE	DET FREE TIME
20 JUL 2021	22 Jul 2021	31 Jul 2021	2 Aug 2021



DEMURRAGE/ DETENTION

Hàng xuất khẩu - DEM 5 ngày - DET 7 ngày

1 lô hàng xuất khẩu có booking tàu ETD là ngày 29/6 và giờ cắt máng là 2h chiều cùng ngày. Hãng tàu cho DET là 7 ngày và DEM là 5 ngày.

Với DET 7 ngày (tính luôn ngày ETD): nếu lấy container từ ngày 23/6 thì sẽ được miễn phí DET. Nếu lấy container trước ngày 23/6 thì sẽ bị tính DET.

Với DEM 5 ngày (tính luôn ngày ETD): nếu hạ container từ ngày 25/6 thì sẽ được miễn phí DEM. Nếu hạ container trước ngày 25/6 hoặc sau thời hạn cắt máng thì sẽ bị tính DEM.



Lấy container sớm



Lấy container đúng hạn



Hạ container đúng hạn



ETD

21/6 | 22/6 | 23/6 | 24/6 | 25/6 | 26/6 | 27/6 | 28/6 | 29/6

Tính phí DET

Miễn phí DET

Miễn phí DEM

DEMURRAGE/ DETENTION

Hàng nhập khẩu - DEM 4 ngày - DET 4 ngày

1 lô hàng nhập khẩu có ETA là ngày 20/6 và ngày sẵn sàng để nhận hàng là 23/6. Hãng tàu cho DEM là 4 ngày và DET là 4 ngày.

Với DEM 4 ngày: nếu lấy container trước ngày 26/6 thì sẽ được miễn phí DEM. Nếu lấy container từ ngày 27/6 thì sẽ bị tính DEM.

Với DET 4 ngày (tính từ ngày lấy container 26/6): nếu trả container rỗng trước ngày 29/6 thì sẽ được miễn phí DET. Nếu trả container sau ngày 29/6 sẽ bị tính DET.



ETA



Container lưu tại bãi



Lấy container đúng hạn



Trả container rỗng đúng hạn



Trả container rỗng trễ hạn

20/6 21/6 22/6 23/6 24/6 25/6 26/6 27/6 28/6 29/6 30/6 31/6 1/7

Miễn phí DEM

Miễn phí DET

Tính phí DET

Sau khi hãng tàu release booking, bạn dùng booking để lấy cont rỗng và kéo về kho riêng của bạn đóng hàng. Thông thường, đối với hàng xuất khẩu, hãng tàu cho phép bạn được lấy container đem về kho đóng hàng trước 10 ngày tàu chạy và không được hạ cont trước 7 ngày tàu chạy ; cảng cho phép bạn 5 ngày lưu bãi miễn phí. Nghĩa là bạn được miễn phí 3 ngày DET, 7 ngày DEM, 5 ngày Storage

- Nếu sau 3 ngày mà bạn không đưa container về bãi để xuất theo lịch tàu dự kiến thì bạn bị tính phí lưu container tại kho (DET)
- Nếu bạn giao container về bãi sớm – trước 7 ngày tàu chạy thì bạn bị tính phí lưu container tại bãi (DEM) và tiền lưu bãi (Storage)
    - Hoặc bạn giao container nhưng sau giờ cut-off (closing time) quy định à dẫn đến hàng không kịp xếp lên tàu dự kiến. Hàng của bạn phải nằm tại bãi chờ đến chuyến sau thì bạn bị tính phí lưu container tại bãi (DEM) và tiền lưu bãi (Storage)
- Nếu bạn giao container về bãi trước 5 ngày tàu chạy thì bạn bị tính phí tiền lưu bãi (Storage)

- Trong trường hợp bạn đóng hàng tại cảng thì DET sẽ không phát sinh nhưng DEM và Storage vẫn tính như các trường hợp trên.

Khi hàng về đến cảng Việt Nam, thông thường hãng tàu sẽ cho bạn miễn phí 5 ngày lưu container tại cảng (DEM) , 3 ngày miễn phí lưu container tại kho riêng (DET) và cảng cho bạn miễn phí 5 ngày lưu bãi (Storage)

- Nếu bạn làm thủ tục hải quan và lấy hàng ra khỏi cảng sau 5 ngày (tính từ ngày hàng đến) thì bạn sẽ bị tính phí lưu cont tai bãi (DEM) và lưu bãi (Storage)
- Nếu bạn lấy hàng ra khỏi cảng để rút hàng và trả container lại cảng quá 3 ngày thì bạn sẽ bị tính phí lưu container tại kho riêng (DET)

Nhập FCL

	BEFORE TAX	TAX	TAX AMOUNT	Including VAT	
- DELIVERY ORDER CHARGE (D/O)	VND 900,000	10%	VND 90,000	VND 990,000	
- TERMINAL HANDLING CHARGE (THC 20')	USD 126.35	xx%	USD 6.65	USD 133.00	(THU HỘ NZL)
- CONTAINER IMBALANCE SURCHARGE (CIC 20')					
- NEW BUNKER FEE (NBF 20')					
- CLEANNING FEE (CCC 20')	VND 142,500	xx%	VND 7,500	VND 150,000	(THU HỘ NZL)
- TERMINAL HANDLING CHARGE (THC 40')					
- CONTAINER IMBALANCE SURCHARGE (CIC 40')					
- CLEANNING FEE (CCC 40')					
- NEW BUNKER FEE (NBF 40')					
- OCEAN FREIGHT					
All charge are not including VAT					
TOTAL	**VND 1,140,000 & USD 133.00**				

TỈ GIÁ BÁN CỦA VIETCOMBANK NGÀY HÓA ĐƠN

Nhập FCL

Vessel / Voyage	:CIMBRIA V.047S		ETA Date	:2020/06/14
Loading port	:SHANGHAI,CHINA			
Discharge port	:CAT LAI, VIETNAM			
B/L No.	:ILGJ132L0146001	/ 100 CASE(S)	/ 343.310 CBM/	98460.000 KGS
Container	:OOLU9522560 /40'HQ, OOCU6515220 /40'HQ, OOCU7375099 /40'HQ			
	OOCU6963631 /40'HQ, OOCU8028474 /40'HQ, OOLU9416629 /40'HQ			
	LYGU0022105 /20'			

Charge Description					Amount VND (NON-VAT)
CLEANING CHARGE	:	6 X VND	240000.000/40'		1,440,000.00
EQIUPMENT IMBALANCE	:	6 X USD	80.000/40'	@23320.0	11,193,600.00
THC 40'HQ (VN)	:	6 X USD	175.000/40'	@23320.0	24,486,000.00
DELIVERY ORDER	:	1 X USD	40.000/SHPT	@23320.0	932,800.00
HANDLING CHARGE	:	1 X USD	40.000/SHPT	@23320.0	932,800.00
CLEANING CHARGE	:	1 X VND	120000.000/20'		120,000.00
THC 20' (VN)	:	1 X USD	113.000/20'	@23320.0	2,635,160.00
EQIUPMENT IMBALANCE	:	1 X USD	40.000/20'	@23320.0	932,800.00

Nhập LCL

Vessel / Voyage :INVICTA V.1007W ETA Date :2021/10/25
Loading port :SHANGHAI
Discharge port :CAT LAI KHO 2
B/L No. :ITCSHB015206 / 1 PACKAGE(S)/ 0.083 CBM/ 45.600 KGS
Container :SMCU1262259 /40'HQ

Charge Description					Amount VND	(NON-VAT)
DELIVERY ORDER	:	1 X USD	40.000/SHPT	@23200.0	928,000.00	
TERMINAL HANDLING	:	1 X USD	9.000/CBM	@23200.0	208,800.00	
CFS CHARGE (VN)	:	1 X USD	25.000/CBM	@23200.0	580,000.00	
HANDLING CHARGE	:	1 X USD	30.000/SHPT	@23200.0	696,000.00	
CONTAINER IMBALANCE	:	1 X USD	5.000/CBM	@23200.0	116,000.00	
OCEAN FREIGHT (VN)	:	1 X USD	65.000/CBM	@23200.0		1,508,000.00
LOW SULPHUR	:	1 X USD	5.000/CBM	@23200.0	116,000.00	

PHỤ PHÍ
By sea

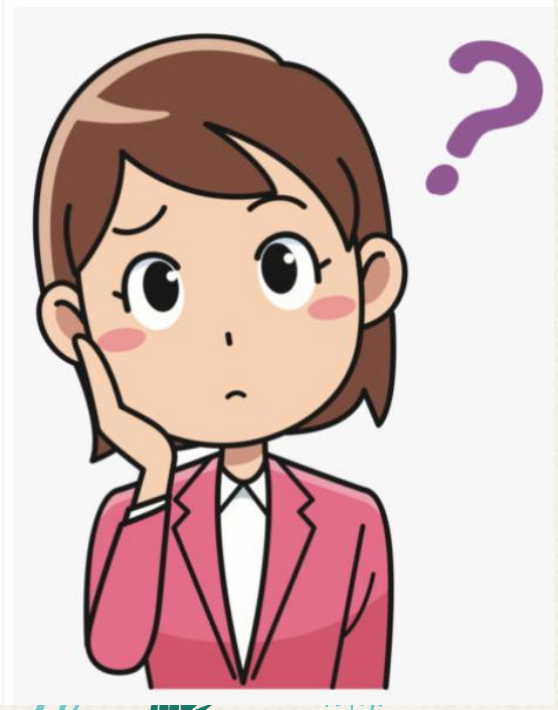
C. PHỤ PHÍ

- **BAF (Bunker Adjustment Factor) = FAF**
- **CAF (Currency Adjustment Factor)**
- **PSS (Peak Season Surcharge) = GRI**
- **WRS (War Risk Surcharge)**

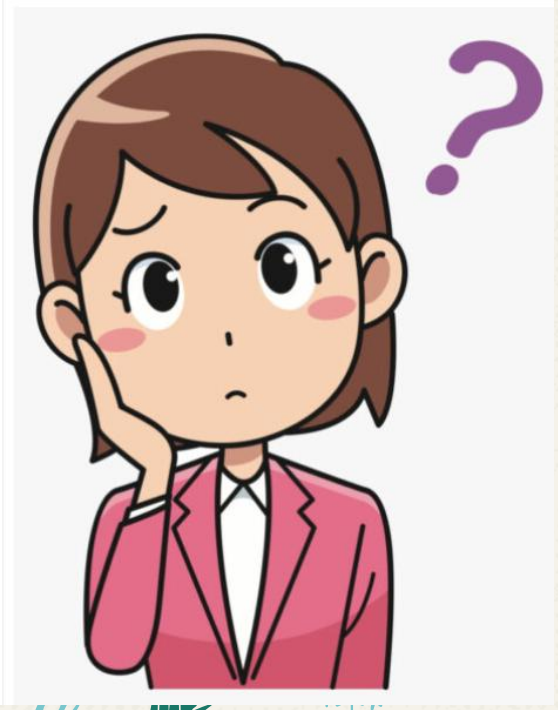
C. PHỤ PHÍ

- **CIC (Container Imbalance Charge)**
- **PCS (Panama Canal Surcharge)**
- **YAS (Yen Appreciation Surcharge)**
- **SCM (Security Compliance Management)**

5. KT2DE – giấy : phí Sea – nhập



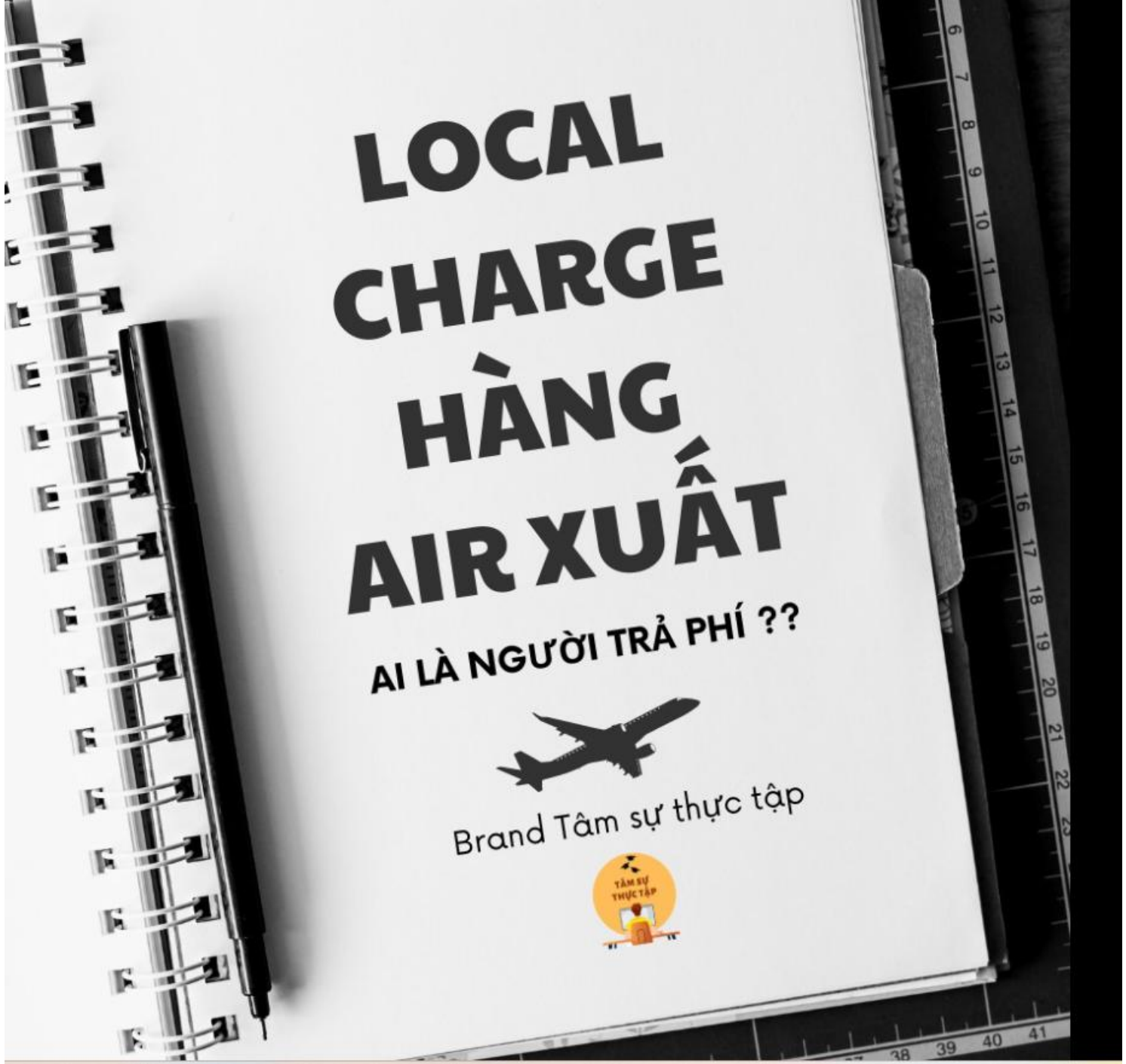
Liệt kê các phí AIR – xuất



Liệt kê các phí AIR – nhập



CHI PHÍ HÀNG XUẤT By air


LOCAL
CHARGE
HÀNG
AIR XUẤT
AI LÀ NGƯỜI TRẢ PHÍ ??
Brand Tâm sự thực tập
TÂM SỰ
THỰC TẬP

- **Cước container** (Container rate): Sẽ áp dụng mức cước thấp hơn cho các loại hàng được đóng trong container hàng không (khác với loại container đường biển).

AIR – Xuất

- Air Freight
- AWB fee (Airway Bill)
- FSC (Fuel surcharge)
- SSC (Security surcharge)
- ISS (Insurance surcharge)
- TCS
- Handling fee
- Storage charge
- X-ray fee
- WRS (War risk)

AIR – Xuất

- Air freight : Tính theo **CHARGEABLE WEIGHT**

- Các phí khác: Tính theo **GROSS WEIGHT**

AIR – Xuất

bảng giá chi tiết giá vận tải đường hàng không từ Tp.HCM đến một số sân bay của Trung Quốc:

Cân nặng Sân bay đến	+45kg (USD/kg)	+100kg (USD/kg)	+300kg (USD/kg)	+500kg (USD/kg)	+1000K (USD/kg)
PVG(Sân bay quốc tế Phố Đông Thượng Hải)	1.65	1.4	1.25	1.15	1.05
URC / HRB(Sân bay quốc tế Diwopu Ürümqi)	2.35	2.0	1.5	1.65	1.55
SHE(Sân bay quốc tế Đào Tiên Thẩm Dương)	1.95	1.7	1.6	1.45	1.35

AIR – Xuất

TÍNH CÁC CHI PHÍ CHO LÔ HÀNG AIR SAU

Total : 20 cartons –--- DIM : 35*50*60 (cm) --- GW = 250 kgs

1. Air freight	:	$ 1.20 / kg (on chargeable weight)
2. Fuel Surcharge	:	$ 0.40 / kg (on gross weight)
3. X-ray fee	:	$ 0.01 / kg (on gross weight)
4. WRS fee	:	$ 0.02 / kg (on gross weight)
5. Airwaybill	:	$ 2.00 / set
6. Handling fee	:	$ 30 / shipment

Tỷ giá: 1 USD = 24,500 VND

AIR – Xuất

TÍNH CÁC CHI PHÍ CHO LÔ HÀNG AIR SAU						
Total : 20 cartons –--- DIM : 35*50*60 (cm) --- GW = 250 kgs						CHARGEABLE WEIGH
VW = 35*50*60*20 / 6000 =		**350 KGS**				
1.Air freight	=	$ 1.20 / kg	: 350 * 1.2	=	420.00	
2.Fuel Surcharge	=	$ 0.40 / kg	: 250 * 0.4	=	100.00	
3.X-ray fee	=	$ 0.01 / kg	: 250 * 0.01	=	2.50	
4.WRS fee	=	$ 0.02 / kg	: 250 * 0.02	=	5.00	
5.Airwaybill	=	$ 2.00 / set	:	=	2.00	
6.Handling fee	=	$ 30 / shipm	:	=	30.00	
					559.50	

AIR – Xuất

local charge (cơ bản) hàng air xuất từ VN đi	local charge (cơ bản) hàng air nhập về VN
FSC: phụ phí nguyên liệu SSC: phụ phí an ninh X-ray: phụ phí máy soi Bill / doc/ awb : phí làm bill AMS/ENS/AFR (Phí truyền dữ liệu hải quan đi Mỹ/ Châu Âu/ Nhật Bản)	Xử lý hàng hóa lưu kho D/O : $30 / ship Handling : $25 / ship

AIR – Nhập

- **Air Freight**
- **D/O fee**
- **TCS**
- **Handling fee**
- **Storage charge**

Ref: https://www.tcs.com.vn/service/handling-charges/

AIR – Nhập

DEBIT NOTE
GIẤY BÁO NỢ

SMART CONVERGENCE JOINT STOCK COMPANY
Suite 608, 6th floor, Petro Vietnam Tower
1-5 Le Duan Street, District 1, HCMC, Vietnam
Tel: +84 8 3910 5566 – Fax: +84 8 3910 5577

No/ Số thứ tự :
Date/ Ngày : **5-Nov-21**
Ref/ Số file : **SVN00004658**

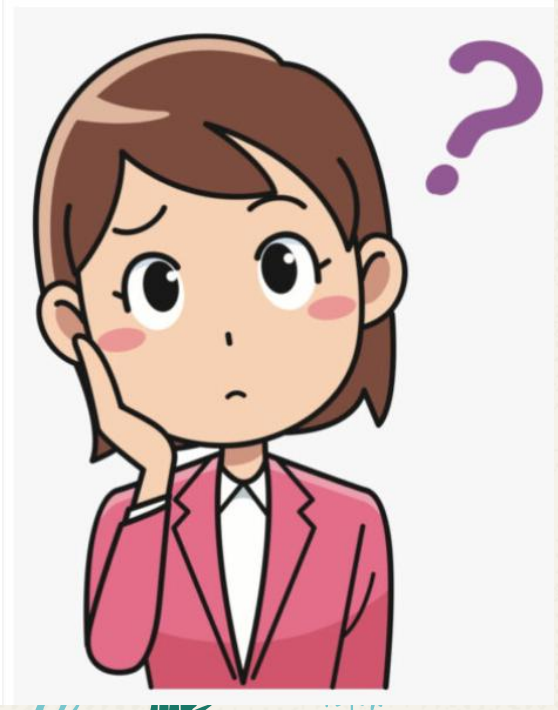
HAWB: **AIF-21912050**
AWB NO.: **297-06432473**
Shipper : **SILICON** **Cnee: SMART**
From : **TAIPEI, TAIWA** **To :** **HCMC**
ETD SZX: **5-Nov-21**
ETA SGN: **5-Nov-21**
Volume: **06 CTNS ; GW: 70.00 KGS**

We debit you all charges as follows :

NATURE/ CHI TIẾT						AMOUNT/ SỐ TIỀN	
AIR FREIGHT	USD	3.55	X	70.00 KGS	0%	USD	**248.50**
FSC	USD	0.34	X	70.00 KGS	0%	USD	**23.80**
AMS	USD	10.00	X	1 SHPT	0%	USD	**10.00**
X-Ray fee	USD	0.072	X	70.00 KGS	0%	USD	**5.04**
D/O FEE	USD	25.00	X	1 SHPT	10% VAT	USD	**27.50**
HANDLING FEE	USD	30.00	X	1 SHPT	10% VAT	USD	**33.00**
Total to your debit						**USD**	**347.84**
				EXCHANGE RATE: 22,900 VND		**VND**	**7,965,536**

6. KT2FG– giấy :
phí Air – xuất, nhập

7. QUIZ 2 + ĐỐ VUI



BÀI TẬP TÌM TỪ VIẾT TẮT VUI

LOCY

Đố vui có thưởng

Câu hỏi: Bạn nhận ra bao nhiêu từ viết tắt liên quan đến ngành Logistics trong hình dưới đây ?



Bài 1

Các chứng từ cơ bản trong **giao nhận**

Bài 2

Cước vận chuyển và chi phí trong **giao nhận**

Bài 3

Nghiệp vụ **giao hàng** XUẤT KHẨU

Bài 4

Nghiệp vụ **nhận hàng** NHẬP KHẨU

Bài 5

Thủ tục **hải quan** XUẤT NHẬP KHẨU

Bài 6

Hoạt động của Freight Forwarder

TỔNG HỢP TỪ XUẤT ĐẾN NHẬP



https://www.facebook.com/photo/?fbid=1361464192590 39&set=pcb.136150262591988

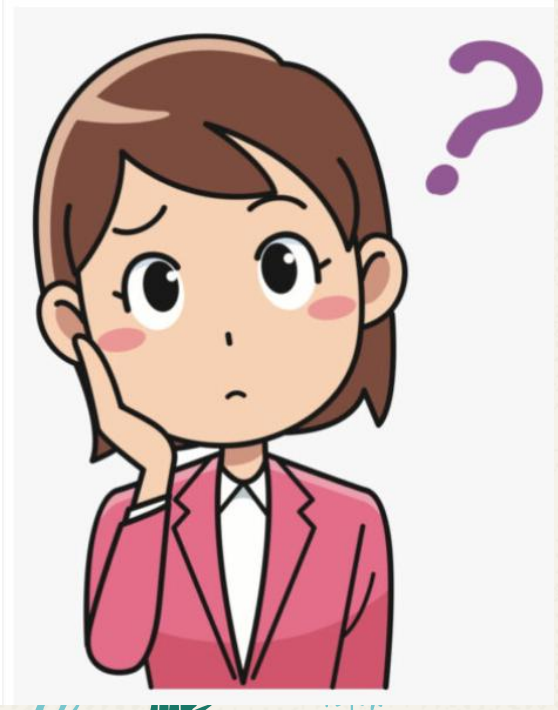
Bài 3



Nghiệp vụ giao hàng XUẤT KHẨU

KIỂM TRA BÀI 3

1. KT3A – giấy
2. Quy trình giao hàng xuất Cát Lái = poster
3. Viết tờ cân
4. KT3BCD – giấy
5. Giải quyết tình huống (classroom)



Các mặt hàng Việt Nam cấm xuất khẩu

HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU

1. **Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ (trừ vật liệu nổ CN), trang thiết bị kỹ thuật quân sự**
2. **Các sản phẩm mật mã sử dụng để bảo vệ thông tin bí mật Nhà nước**
3. **Các loại xuất bản phẩm** thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại VN
4. **Tem bưu chính** thuộc diện cấm kinh doanh…
5. **Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia** thuộc sở hữu Nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội
6. **Động vật, thực vật** hoang dã quý hiếm, các **loài thủy sản và giống vật nuôi, cây trồng** quý hiếm
7. **Hóa chất độc**
8. **Gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, SP gỗ nhóm IA**

ESE®
Worldwide Express
01/03/2016

QUI TRÌNH XUẤT KHẨU

Báo giá, P/I → ký HĐ

Xin giấy phép xuất khẩu

Thực hiện công việc giai đoạn đầu của khâu thanh toán

Thuê phương tiện vận chuyển

Dùng booking note kéo container rỗng / đưa hàng ra cảng

Kiểm tra liên ngành

Mua bảo hiểm

Làm thủ tục hải quan & nộp thuế XK (nếu có)



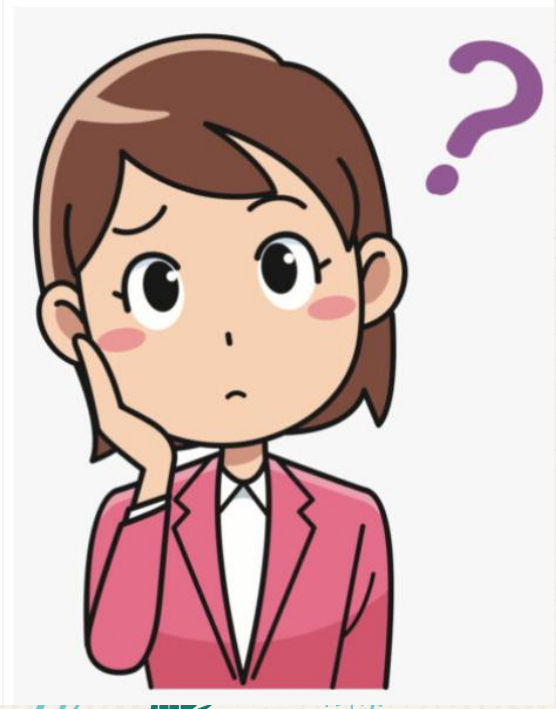
Giao hàng lên tàu

Lập bộ chứng từ thanh toán, khiếu nại (nếu có)

Thanh lý hợp đồng

Xin giấy phép xuất khẩu





Các mặt hàng xuất khẩu cần xin giấy phép?

Nhóm các mặt hàng cần xin giấy phép xuất khẩu



Nhóm các mặt hàng cần phải xin giấy phép xuất khẩu


ĐẶC SẢN SÓC TRĂNG
ISO 22000:200
HACCP
GẠO NGON NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2019 TẠI MANILA
GẠO ST 25
GẠO THƠM THƯỢNG HẠNG

Điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo

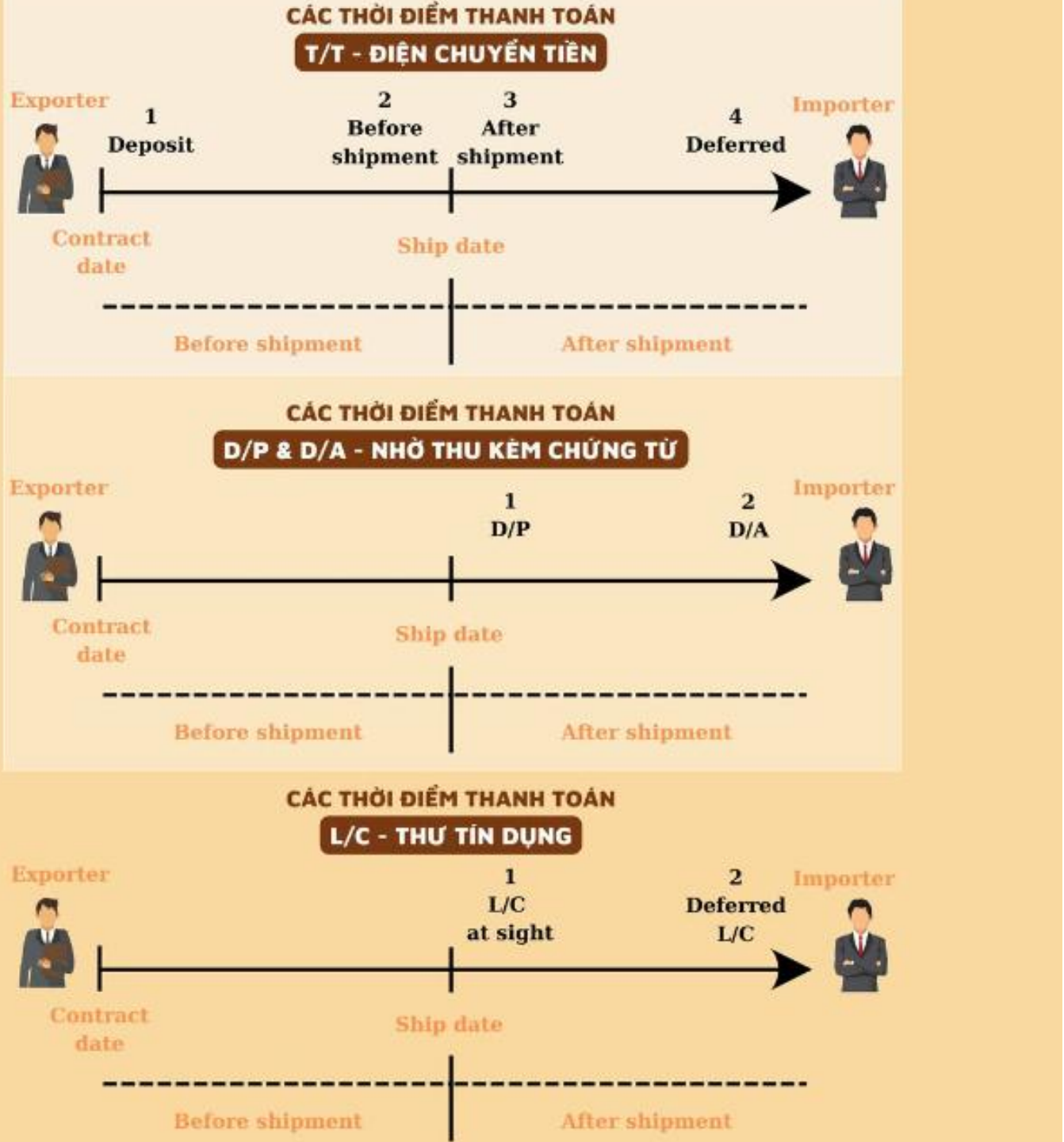
– DN được thành lập theo quy định của pháp luật.

– Có ít nhất một kho chuyên dùng với sức chứa tối thiểu 5.000 tấn thóc, phù hợp quy chuẩn chung của Bộ NN&PTNT.

– Có ít nhất 01 cơ sở xay, xát thóc, gạo với công suất tối thiểu 10 tấn thóc/giờ, phù hợp quy chuẩn chung do Bộ NN & PTNT ban hành.

Hồ sơ xin giấy phép

– Đơn đề nghị (theo mẫu)
– Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
– Bản chính bản kê kho chứa, bản chính bản kê cơ sở xay, xát theo quy


CÁC THỜI ĐIỂM THANH TOÁN
T/T - ĐIỆN CHUYỂN TIỀN
Exporter
1
Deposit
2
Before
shipment
3
After
shipment
4
Deferred
Importer
Contract
date
Ship date
Before shipment
After shipment
CÁC THỜI ĐIỂM THANH TOÁN
D/P & D/A - NHỜ THU KÈM CHỨNG TỪ
Exporter
1
D/P
2
D/A
Importer
Contract
date
Ship date
Before shipment
After shipment
CÁC THỜI ĐIỂM THANH TOÁN
L/C - THƯ TÍN DỤNG
Exporter
1
L/C
at sight
2
Deferred
L/C
Importer
Contract
date
Ship date
Before shipment
After shipment

Thực hiện công việc giai đoạn đầu của khâu thanh toán

TT in advance

- Nhắc người mua chuyển tiền đúng hạn.
- Chờ ngân hàng báo "Có" mới tiến hành giao hàng

COLLECTION

- NIL

LC

- Nhắc người mua mở LC.
- Kiểm tra LC



Thuê phương tiện vận chuyển

Incoterm E

- NIL

Incoterm F:

- Yêu cầu người mua cung cấp liên lạc của người vận chuyển
- Liên lạc người vận chuyển để lấy booking note.

Incoterm C:

- Liên lạc và cung cấp thông tin hàng cho người vận chuyển để lấy booking note.

Incoterm D:

- Liên lạc và cung cấp thông tin hàng cho người vận chuyển để lấy booking note.

Chuẩn bị kéo container / đưa hàng ra kho / bãi tập kết hàng

- Đọc booking note



Booking note ONE

- Các loại container



Container Type

- Lịch tàu – lịch bay



Lich bay



Lich tau

LIÊN MINH CÁC HÃNG TÀU

Share knowledge - Build yourself



KHÁI NIỆM

- Đại diện cho một loại thỏa thuận hợp tác giữa các hãng tàu
- Nhằm bao quát các tuyến thương mại khác nhau
- Dưới sự hợp tác của nhiều thành viên trên quy mô toàn cầu.

Share knowledge - Build yourself

LỢI ÍCH

- Hiệu quả chi phí, khai thác tối đa sức chở của tàu
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng phạm vi phục vụ
- Duy trì ổn định giá cước trên tuyến, giảm thời gian ứ đọng hàng hóa,....

Share knowledge - Build yourself

CÁC LIÊN MINH LỚN HIỆN NAY

THE ALLIANCE: ONE, HMM, Hapag-Lloyd, YANG MING

OCEAN ALLIANCE: OOCL, EVERGREEN, COSCO SHIPPING, CMA CGM

2M ALLIANCE: MAERSK, msc

Share knowledge - Build yourself

5. TRIỂN KHAI LẤY RỖNG QUA EBOOKING

- Từ 08/12/2021, bắt buộc khai báo Eport với 68 hãng tàu đã áp dụng Ebooking (*)

- Từ 01/01/2022, các hãng tàu đã đăng ký áp dụng Ebooking trong tháng 12 bắt buộc khai báo Eport 100%

(*) Lưu ý:
Bộ phận PHCT sẽ ngưng hỗ trợ tại quầy.
Khu vực áp dụng: Tân Cảng Cát Lái

💥68 Hãng tàu áp dụng Ebooking tại TCCL. KH thực hiện lấy rỗng bằng ebooking khai báo qua Eport. Danh sách vui lòng xem comment 👇

68 HÃNG TÀU ÁP DỤNG EBOOKING NGÀY 08/12/2021

ABS	CMA	HBS	MEL	QAS	UAC
AEL	COS	HSL	MGB	RCL	UAF
AGL	CSC	IAC	MNS	REL	USC
ASE	CSO	ICC	MRS	SCN	UTL
AYE	CSV	ILE	MSC	SIT	WWM
BCL	CUL	JAZ	NAL	SJJ	YML
BLK	ECO	JOT	NIL	SML	YTL
BOL	ESA	KCA	NOS	SOS	ZIM
BTL	FES	KWA	OCB	SPO	
CAY	FRL	LSC	OCS	SUT	
CDC	GMD	LTC	PCS	SWI	
CKL	GMT	MAT	PNX	TCL	

ACG
ASEAN CARGO GATEWAY

Hotline
0767 525 412

LAUCHING
CARGO CHARTER



SÀI GÒN (SGN)

INCHEON (ICN)





CẢNG SEATTLE, USA

Vận chuyển hàng hóa từ Việt Nam đi Mỹ, Seattle

Vận chuyển hàng nguyên cont từ Hải Phòng đi Mỹ, Seattle : 28 ngày

Vận chuyển hàng nguyên cont từ Hồ Chí Minh đi Mỹ, Seattle : 28 ngày





CẢNG LONG BEACH, USA

Vận chuyển hàng hóa từ Việt Nam đi Mỹ, Long Beach

Vận chuyển hàng nguyên cont từ Hải Phòng đi Mỹ, Long Beach : 23 ngày

Vận chuyển hàng nguyên cont từ Hồ Chí Minh đi Mỹ, Long Beach : 20 ngày





CẢNG NEW YORK, USA
Vận chuyển hàng hóa từ Việt Nam đi Mỹ, New York
Vận chuyển hàng nguyên cont từ Hải Phòng đi Mỹ, New York : 33 ngày
Vận chuyển hàng nguyên cont từ Hồ Chí Minh đi Mỹ, New York : 29 ngày



Chuẩn bị kéo container / đưa hàng ra kho / bãi tập kết hàng



Kiểm tra liên ngành

FUMIGATION

- Liên lạc với công ty khử trùng
- Công ty khử trùng hẹn giờ để khử trùng

PHYTOSANITARY

- Liên lạc với công ty kiểm dịch
- Công ty hẹn giờ để kiểm dịch thực vật

QUALITY & QUANTITY

- Liên lạc với công ty kiểm định
- Công ty hẹn giờ để kiểm định số lượng, chất lượng

Kiểm tra liên ngành

FUMIGATION




BEACON
BEAU 249305 3
22G1
MAX.GROSS
TARE
NET
CU.CAP.
33.2 CU.M.

Kiểm tra liên ngành

PHYTOSANITARY



Mua bảo hiểm


01
Mar
WEBSITE
TƯ VẤN BẢO HIỂM
BAOVIET Insurance
BẢO VIỆT NHÂN THỌ
RENA
MONROVIA

Mua bảo hiểm

CIF,CIP (bắt buộc):

- Liên lạc với công ty bảo hiểm
- Cung cấp thông tin vận chuyển, hàng hóa để cty BH ra chứng thư

E,F, CFR, CPT

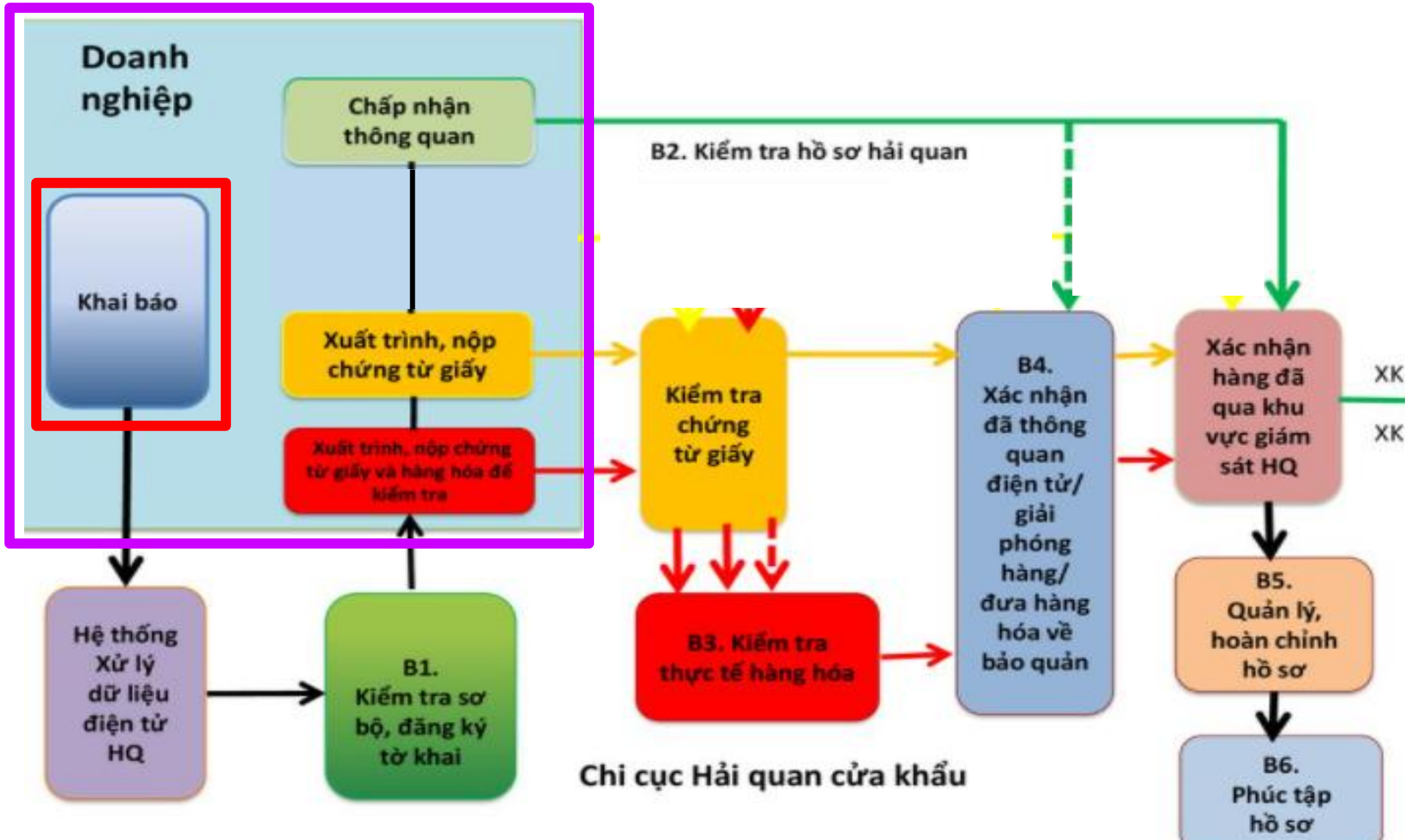
- Cung cấp thông tin về v/chuyển, h/hóa để người NK mua BH

D (tự nguyện)

- Cung cấp thông tin vận chuyển, hàng hóa để công ty BH ra chứng thư

Làm thủ tục hải quan

Quy trình thủ tục hải quan điện tử

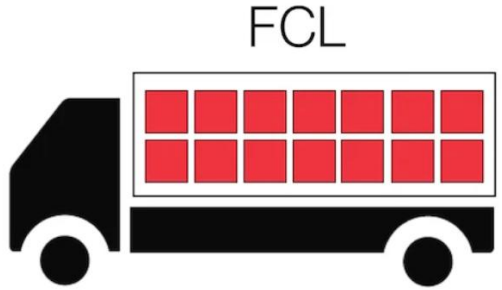


Làm thủ tục hải quan



Giao hàng tại CẢNG / SÂN BAY

SEA: FCL



SEA: LCL



AIR



Lập và gởi bộ chứng từ thanh toán

CHỨNG TỪ XUẤT NHẬP KHẨU



BE, Remittance form,Promissory note, check

- **Giấy kiểm định số lượng, chất lượng** (Quantity / Quality certificate
- **Giấy chứng nhận y tế** (Health certificate)
- **Giấy chứng nhận khử trùng** (Fumigation certificate)
- **Chứng từ khác theo yêu cầu của nhà nhập khẩu.**

Lập và gởi bộ chứng từ thanh toán

TT

- Gửi bộ chứng từ trực tiếp cho nhà NK thông qua courier (DHL, Fedex..)

LC

- Gửi bộ chứng từ cho NHNK, thông qua NH XK

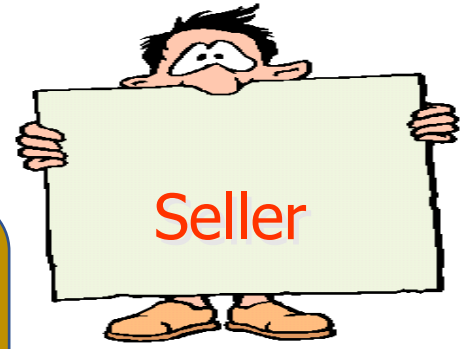
Lưu ý : 1/3 hoặc 2/3 hoặc 3/3

COLLECTION (D/P D/A)

- Gửi bộ chứng từ cho NHNK, thông qua NH XK

1. KT3A – giấy

QUI TRÌNH XUẤT KHẨU



Báo giá, P/I → ký HĐ

Xin giấy phép xuất khẩu

Thực hiện công việc giai đoạn đầu của khâu thanh toán

Thuê phương tiện vận chuyển

Dùng booking note kéo container rỗng / đưa hàng ra cảng

Kiểm tra liên ngành

Mua bảo hiểm

Làm thủ tục hải quan & nộp thuế XK (nếu có)

Giao hàng lên tàu

FCL

LCL

Lập bộ chứng từ thanh toán, khiếu nại (nếu có)

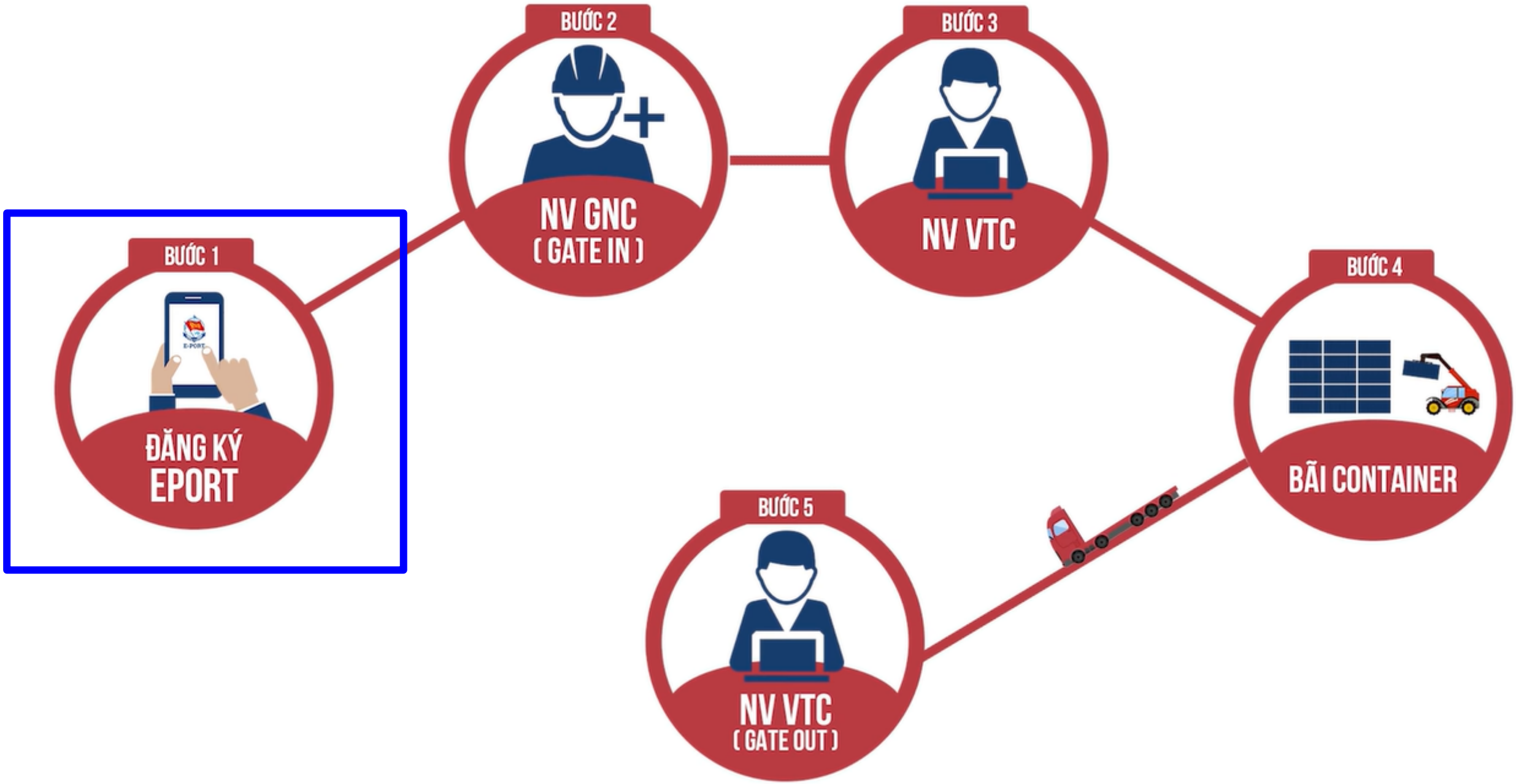
Thanh lý hợp đồng

- # Giao hàng FCL tại cảng

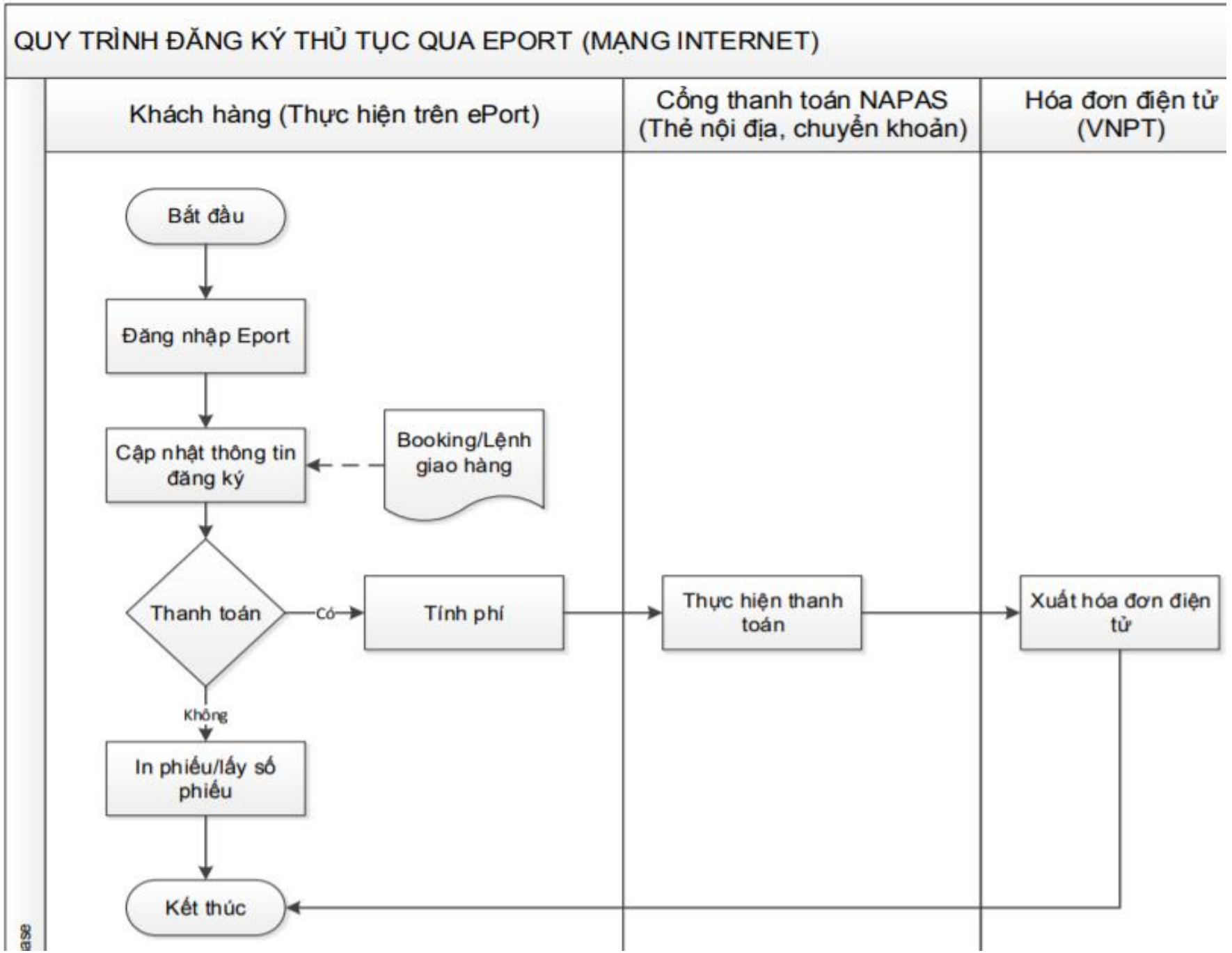


Video tổng hợp hạ bãi chờ xuất container tại Cát Lái.

https://www.youtube.com/watch?v=xPE8porrnIM


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV VTC
(GATE OUT)


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT


QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ THỦ TỤC QUA EPORT (MẠNG INTERNET)
Khách hàng (Thực hiện trên ePort)
Cổng thanh toán NAPAS (Thẻ nội địa, chuyển khoản)
Hóa đơn điện tử (VNPT)
Bắt đầu
Đăng nhập Eport
Cập nhật thông tin đăng ký
Booking/Lệnh giao hàng
Thanh toán
Có
Tính phí
Thực hiện thanh toán
Xuất hóa đơn điện tử
Không
In phiếu/lấy số phiếu
Kết thúc



Clip 1 đăng ký container with sound
https://fb.watch/5xyomN-QXZ/

Clip 1 đăng ký container no sound
https://www.youtube.com/watch?v=x6M1XdiL_Hg&t=9s



- Khai báo các thông tin trên eport
- Khai báo số tờ khai để đối chiếu với hệ thống hải quan điện tử
- Thanh toán phí
- In phiếu đăng ký làm hàng



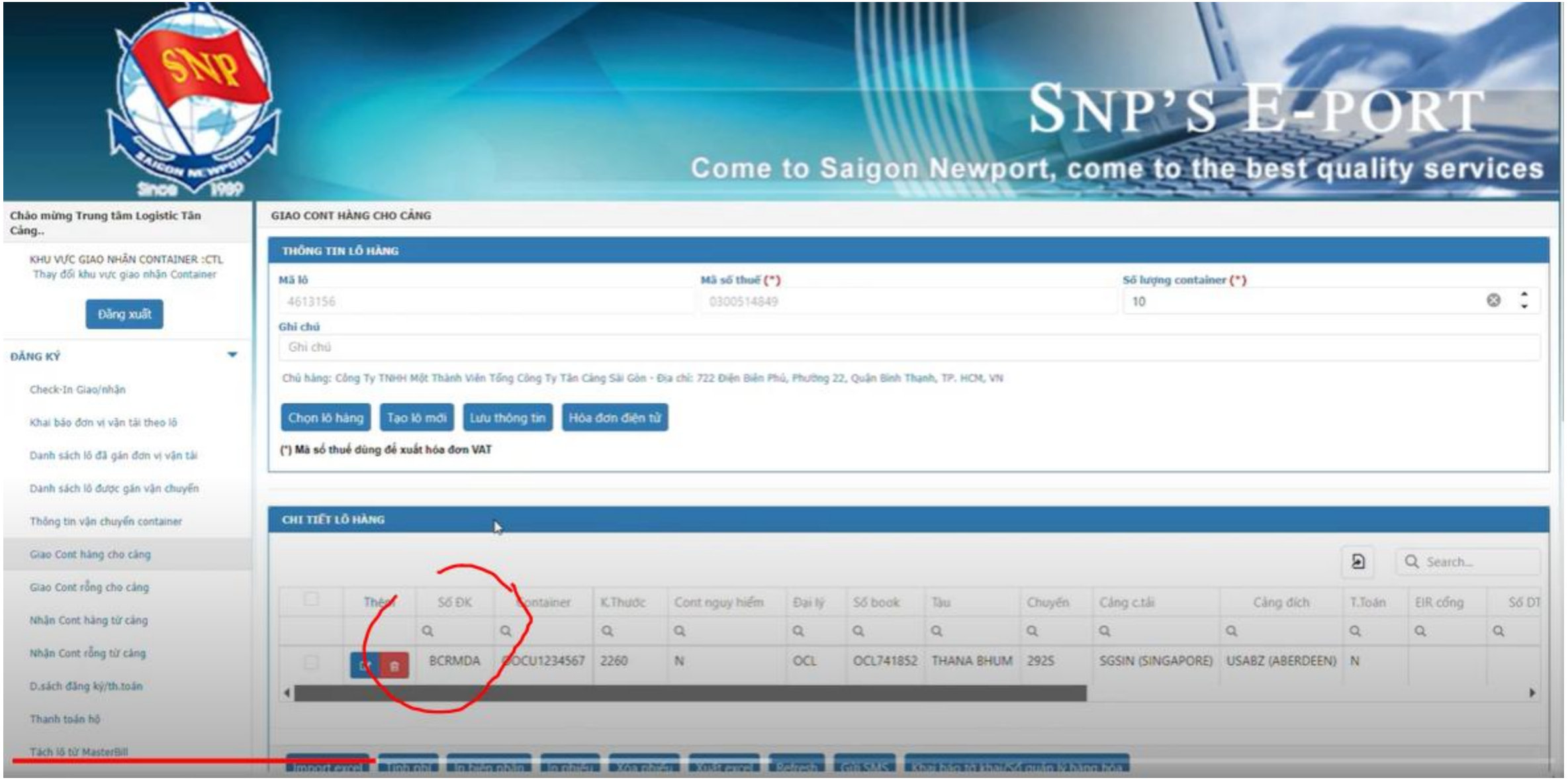
13/10/2022 : xem file PP về app eport trong phần bổ sung kien thuc thuc te

https://drive.google.com/drive/folders/1CcjnvGPrMDT36yjo6h0czra-gUHG2293?fbclid=IwAR1CMHZtYFwffe9j2fi5-wq9M_UonaaM7nwflk4xWpwX0op7Bpu2B16bYyc

E-PORT

- Đại lý/hãng tàu
- Số container
- Kích cỡ
- Số seal
- Tên tàu/ chuyến xuất
- Cảng chuyển tải
- Cảng đích....




SNP'S E-PORT
Come to Saigon Newport, come to the best quality services
Chào mừng Trung tâm Logistic Tân Cảng..
KHU VỰC GIAO NHẬN CONTAINER :CTL
Thay đổi khu vực giao nhận Container
Đăng xuất
ĐĂNG KÝ
Check-In Giao/nhận
Khai báo đơn vị vận tải theo lô
Danh sách lô đã gán đơn vị vận tải
Danh sách lô được gán vận chuyển
Thông tin vận chuyển container
Giao Cont hàng cho cảng
Giao Cont rỗng cho cảng
Nhận Cont hàng từ cảng
Nhận Cont rỗng từ cảng
D.sách đăng ký/th.toán
Thanh toán hộ
Tách lô từ MasterBill
GIAO CONT HÀNG CHO CẢNG
THÔNG TIN LÔ HÀNG
Mã lô
4613156
Mã số thuế (*)
0300514849
Số lượng container (*)
10
Ghi chú
Ghi chú
Chủ hàng: Công Ty TNHH Một Thành Viên Tổng Công Ty Tân Cảng Sài Gòn - Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. HCM, VN
Chọn lô hàng
Tạo lô mới
Lưu thông tin
Hóa đơn điện tử
(*) Mã số thuế dùng để xuất hóa đơn VAT
CHI TIẾT LÔ HÀNG
Search...
Thêm
Số ĐK
Container
K.Thước
Cont nguy hiểm
Đại lý
Số book
Tàu
Chuyến
Cảng c.tải
Cảng đích
T.Toán
EIR cổng
Số DT
BCRMDA
OCU1234567
2260
N
OCL
OCL741852
THANA BHUM
2925
SGSIN (SINGAPORE)
USABZ (ABERDEEN)
N



Chào mừng Trung tâm Logistic Tân Cảng..

KHU VỰC GIAO NHẬN CONTAINER :CTL
Thay đổi khu vực giao nhận Container

Đăng xuất

- ĐĂNG KÝ
- TRA CỨU
- TÀI KHOẢN
- HƯỚNG DẪN
- KHAI BÁO HẢI QUAN
- DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN

Khai báo tờ khai/số quản lý hàng hóa

Số tờ khai | Số quản lý hàng hóa

THÔNG TIN LÔ HÀNG

4613156 Chọn lô hàng

CHI TIẾT LÔ HÀNG Thêm mới Quay về lô đăng ký

Drag a column header here to group by that column

		Số container	Số vận đơn (hàng nhập)/Số book (hàng xuất)	Số tờ kh

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

PHIẾU ĐĂNG KÝ LÀM HÀNG

HẠ BÃI CHỜ XUẤT (HBCX)

Mã lô: 6568

Số ĐK (No) 34312

Ngày(Date) 20/01/2016 18:27

Khách hàng: Công Ty TNHH Vĩnh Hưng Long.

Số Booking: **book**

Tàu/Chuyến: **SITC SHANDONG / 1601N**

Cảng Chuyển Tải: **SHANGHAI (CNSHA)**

Cảng Đích (Dest): **TANJUNG PELEPAS (MYTPP)**

Số Container (Container No)	Kích cỡ (Sz/Tp)	Hãng tàu (Operator)	Số Seal (Seal No)	Trạng thái (Status)	Tr. lượng (Weight)	IMDG	UNNO	OH OW/OL	TEMP
TESU 1234561	2200	APL	seal	F	12			False	

Ghi chú (Remarks)

ĐÃ THANH TOÁN!

(Trọng lương ghi trên phiếu chỉ mang tính tham khảo)

Ghi chú (Khách hàng)

Y/C vào cổng: Cổng B - Lê Phụng Hiểu

Số xe VC:

Số Moọc

Kiểm tra CONTAINER

Người đăng ký: Customer 1(customer1)

Số điện thoại



Clip 2 thanh toán with sound

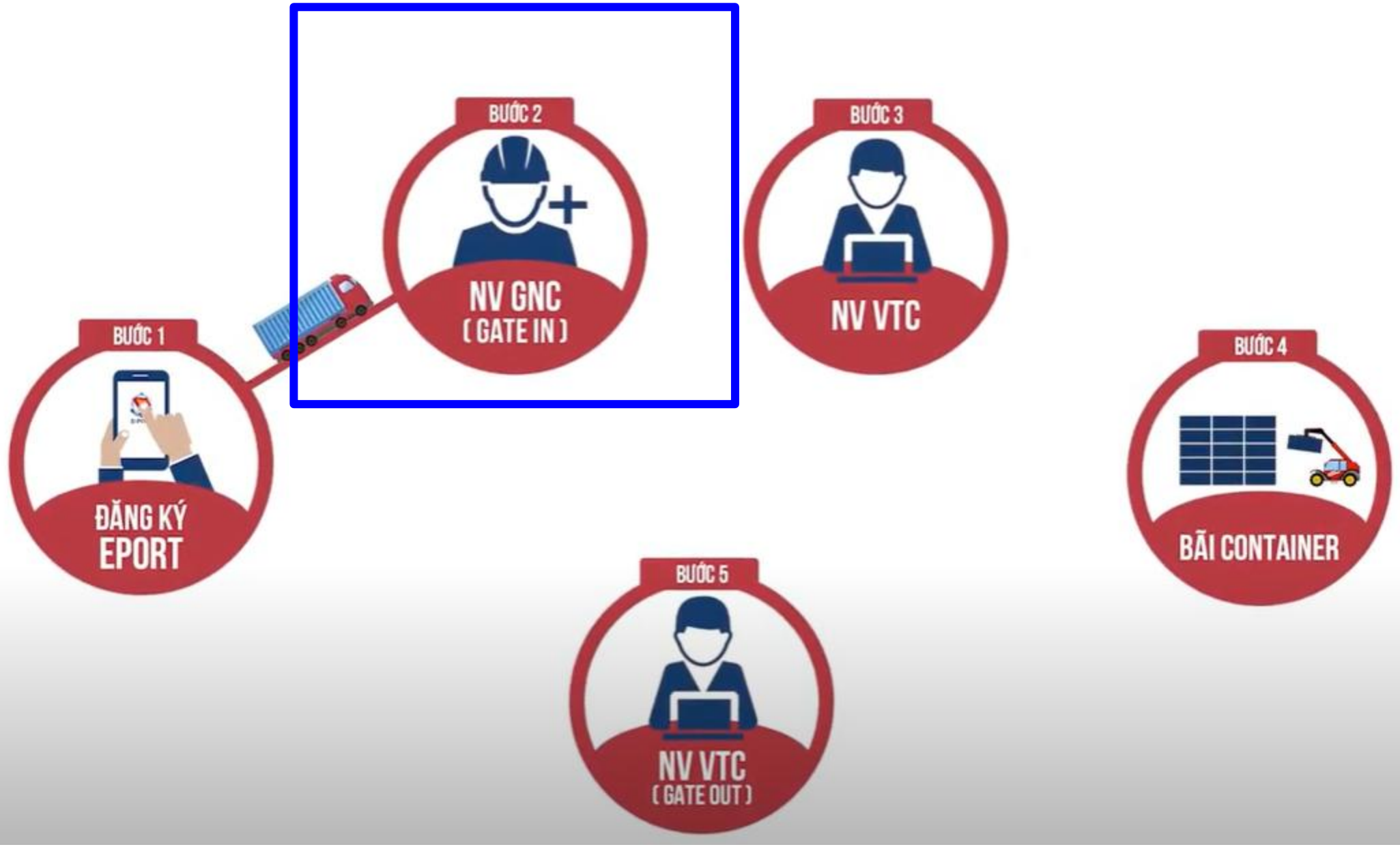
https://www.youtube.com/watch?v=8Q_LcpLKZOI


SAIGON NEWPORT CORP
SNP'S E-PORT
Come to Saigon Newport, come to the best quality services
Chi tiết thanh toán
Số thanh toán
Số CT đơn hàng
Số Container
Đơn Giá (có VAT)
Giảm Giá
Thuế VAT(%)
Tổng
Ghi chú
72365
X2E9QC
YMLU3221382
290,000
10 %
290,000
Hạ bãi chờ xuất 20GP Hàng
Count=1
Sum=290,0
Tổng tiền đã chọn: 290,000
T.Toán qua Mobivi
T.Toán qua ATM cá nhân nội địa
T.Toán qua t.khoản doanh nghiệp
qua thẻ ATM nội địa của cá nhân:
ATM
1234 5678 9876 5432
12/99
CARDHOLDER



Clip 1+2 đăng ký và thanh toán dùng APP

https://www.youtube.com/watch?v=uve0sdURwqI&t=0s


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV VTC
(GATE OUT)



KIỂM TRA CONTAINER, IN EIR TẠI CỔNG VÀO


ÁI, CỔNG B
TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEWPORT CORPORATION
GATE IN


51R
028.11
KHÁCH HÀNG CUNG CẤP SỐ ĐĂNG KÝ CHO
NHÂN VIÊN GIAO NHẬN CỔNG


KHÁCH HÀNG CUNG CẤP SỐ ĐĂNG KÝ CHO
NHÂN VIÊN GIAO NHÂN CỔNG

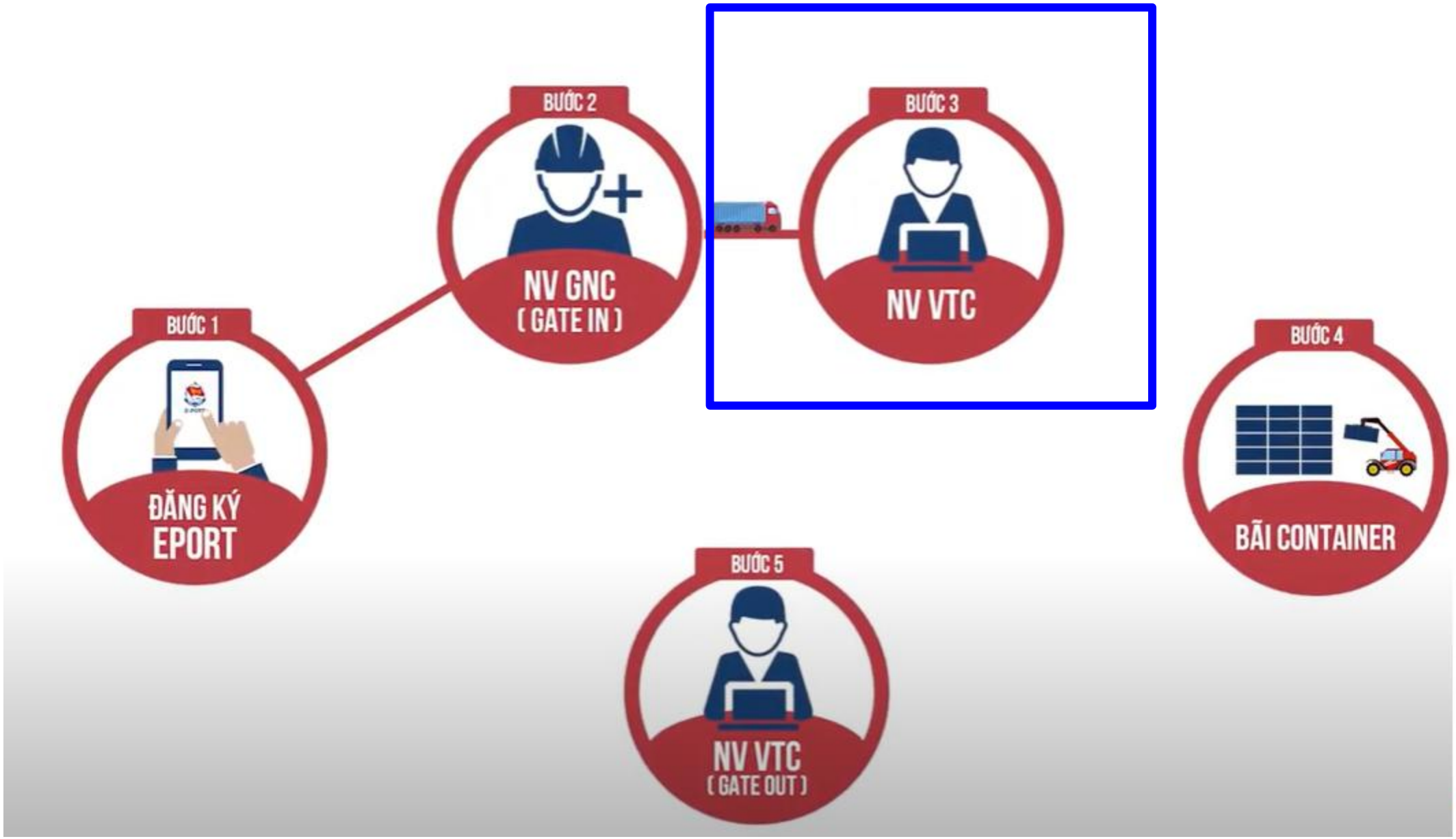
NHÂN VIÊN GIAO NHẬN CỔNG SỬ DỤNG MÁY HANDHELD

- KIỂM TRA THÔNG TIN KH ĐÃ ĐĂNG KÝ TRÊN EPORT
- SO SÁNH ĐỐI CHIẾU SỐ CONT, MỘC, SỐ PTVC….

NẾU SAI SÓT THÔNG TIN, KH PHẢI ĐIỀU CHỈNH LẠI TRÊN HỆ THỐNG EPORT

NẾU KHÔNG SAI SÓT, NV GNC SẼ XÁC NHẬN
“ **ĐÃ KIỂM TRA**” LÊN MÁY HANDHELP




BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV VTC
(GATE OUT)

NHÂN VIÊN VI TÍNH CỔNG
SẼ KIỂM TRA LẦN CUỐI TRƯỚC KHI VÀO BÃI HẠ



NHÂN VIÊN VI TÍNH CỔNG:

- KIỂM TRA THÔNG TIN KH ĐÃ ĐĂNG KÝ TRÊN EPORT
- IN PHIẾU **EIR** CHO KHÁCH HÀNG



TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN - CẢNG CÁT LÁI

PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER
EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT

Hạ bãi chờ xuất(CTL)

Số Đk *(No)*: R22138694
Ngày *(Date)*: 11/01/2021 10:06

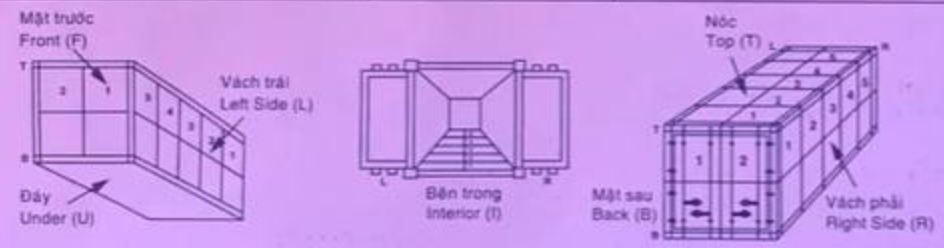
Gate No: 02
BAT No: M2694

Nhận của Khách hàng *(Receive from)*:

Bill / Booking / Ref: 6286598690
Tàu / Chuyến: *(Vessel / Voyage)* CSCL CALLAO / 061N

Cảng đích *(Dest)*: TACOMA
Cảng chuyển tải *(Transit)*: NINGBO

Container No	Kích cỡ *(Sz/Tp)*	Chủ KT *(Operator)*	Seal No	Status	Weight (Tons)	IMDG	UNNO	OH OW/OL	TEMP
OOCU7069611	4500	CSC	17195260	FULL	7,00				



Max Gross: 32.5 . Vgm: 7 tấn

Số DK Eport: BD4E56

D29-48101

Ghi chú *(Remark)*:

Stop Code: T00-R22138694-Custom stop for Full container Expor - Chỉ định:
T01-R22138694-Hang xuat cua TerA(Không cân):TL Vỏ:3.76T, MAXGROSS:32.5T.(VGM - Customer = 7 tấn);
T/g xe vào cảng: 11/01/2021 10:06:34

Không cân

D29-48101

D29

Vị trí hạ container: - BLOCK : 48
- VỊ TRÍ Ô:

Và liên lạc với phương tiện xếp dỡ bằng BAT

Người phát hành (Issuer): Bùi Thị Thúy Dương ***Số xe VC:*** 57M2694 ***Số moọc:*** 53R0282

"ĐẾN VỚI TÂN CẢNG – ĐẾN VỚI CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNG ĐẦU"

NHÂN VIÊN VI TÍNH CỔNG:

- CẬP NHẬT MÃ ĐĂNG KÝ
- NHẬP SỐ BAT
- THỰC HIỆN CÂN, KIỂM TRA TẢI TRỌNG PHƯƠNG TIỆN
- KIỂM TRA HỢP LỆ CỦA CONTAINER TRÊN HỆ THỐNG.

NẾU KHÔNG HỢP LỆ, KHÁCH HÀNG PHẢI KIỂM BỔ SUNG CÁC THỦ TỤC CÒN THIẾU



NẾU KHÔNG THỰC HIỆN BẤM GIỜ ĐƯỢC, KHÁCH HÀNG CÓ THỂ HỎI NHÂN VIÊN VI TÍNH CỔNG NGUYÊN NHÂN

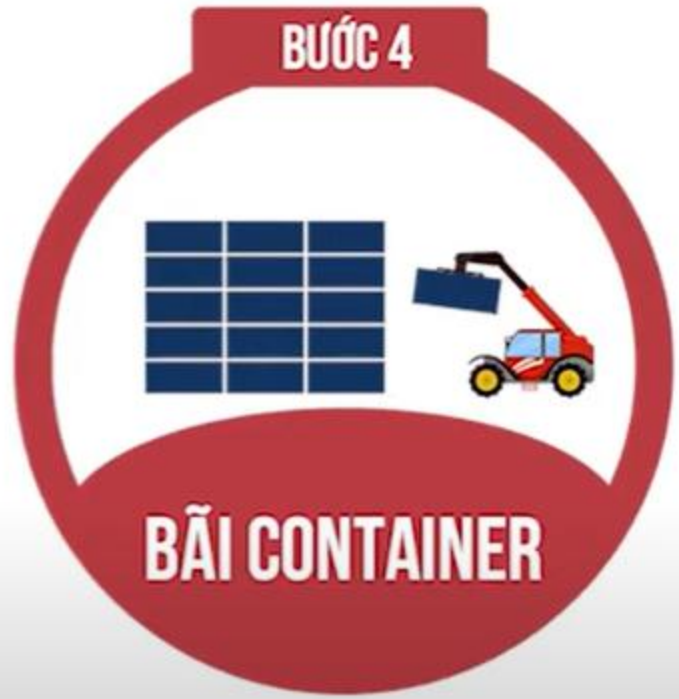


1800 1188

TỔNG ĐÀI CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV VTC
(GATE OUT)

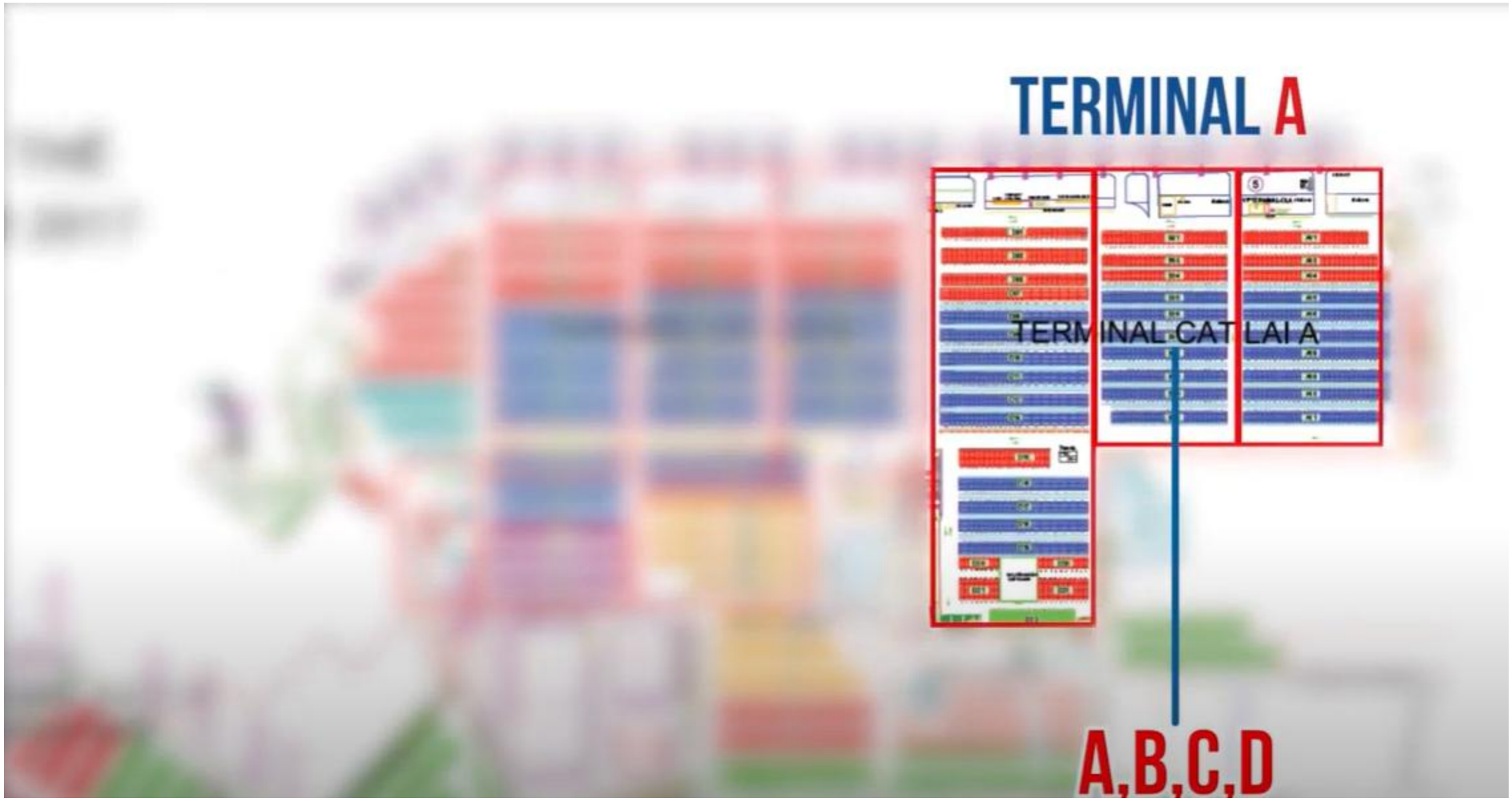
HẠ CONTAINER TẠI BÃI HÀNG



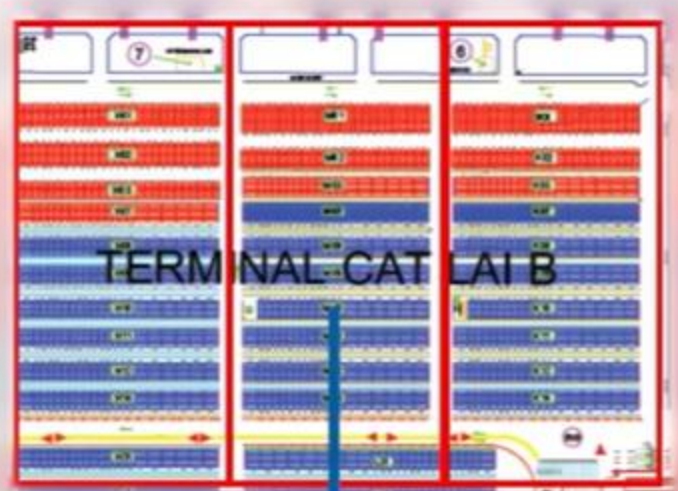

MING
OCCL
D03
D03
D03

QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ
CẢNG TÂN CẢNG - CÁT LÁI NĂM 2017

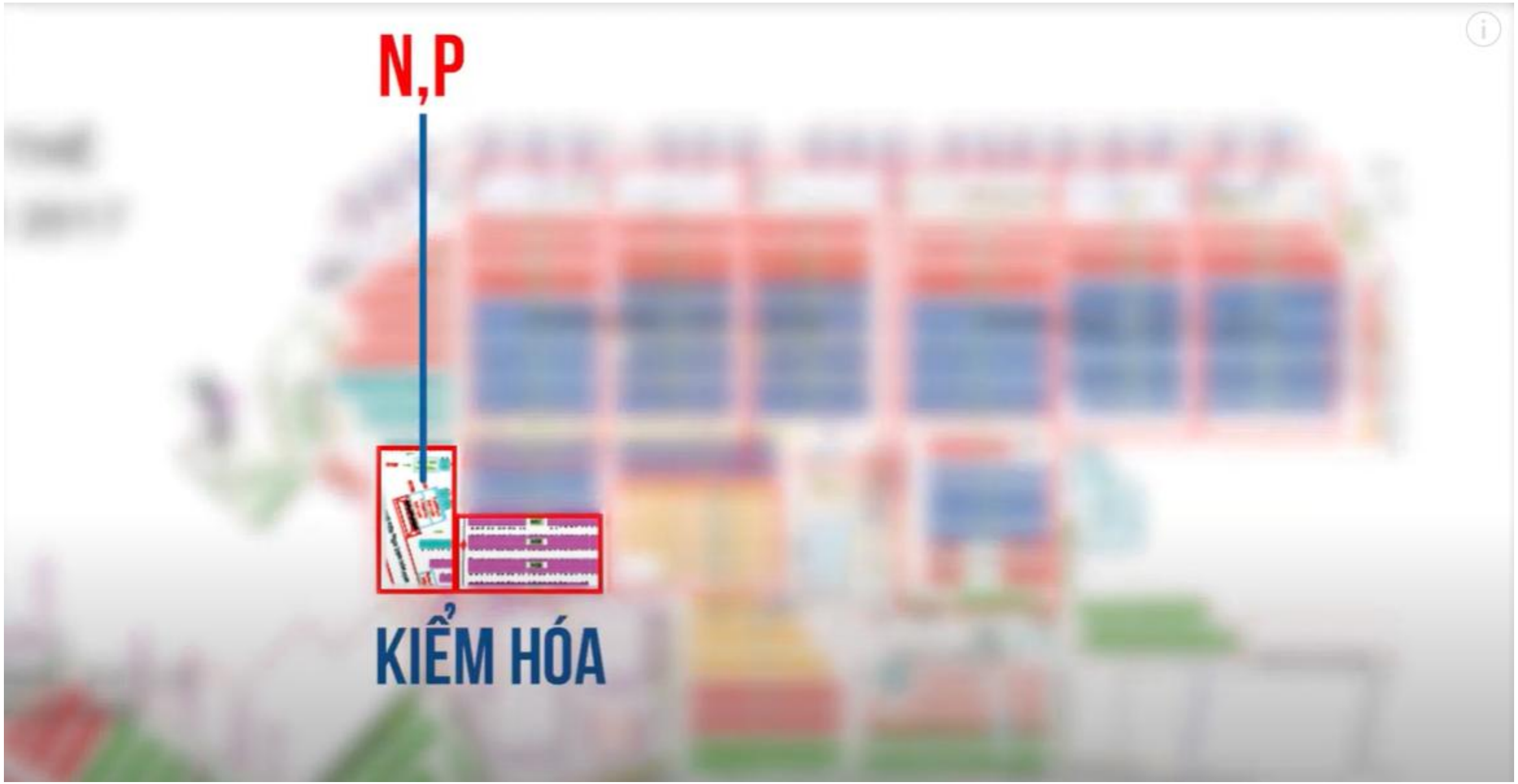



TERMINAL A
TERMINAL CAT LAI A
A,B,C,D

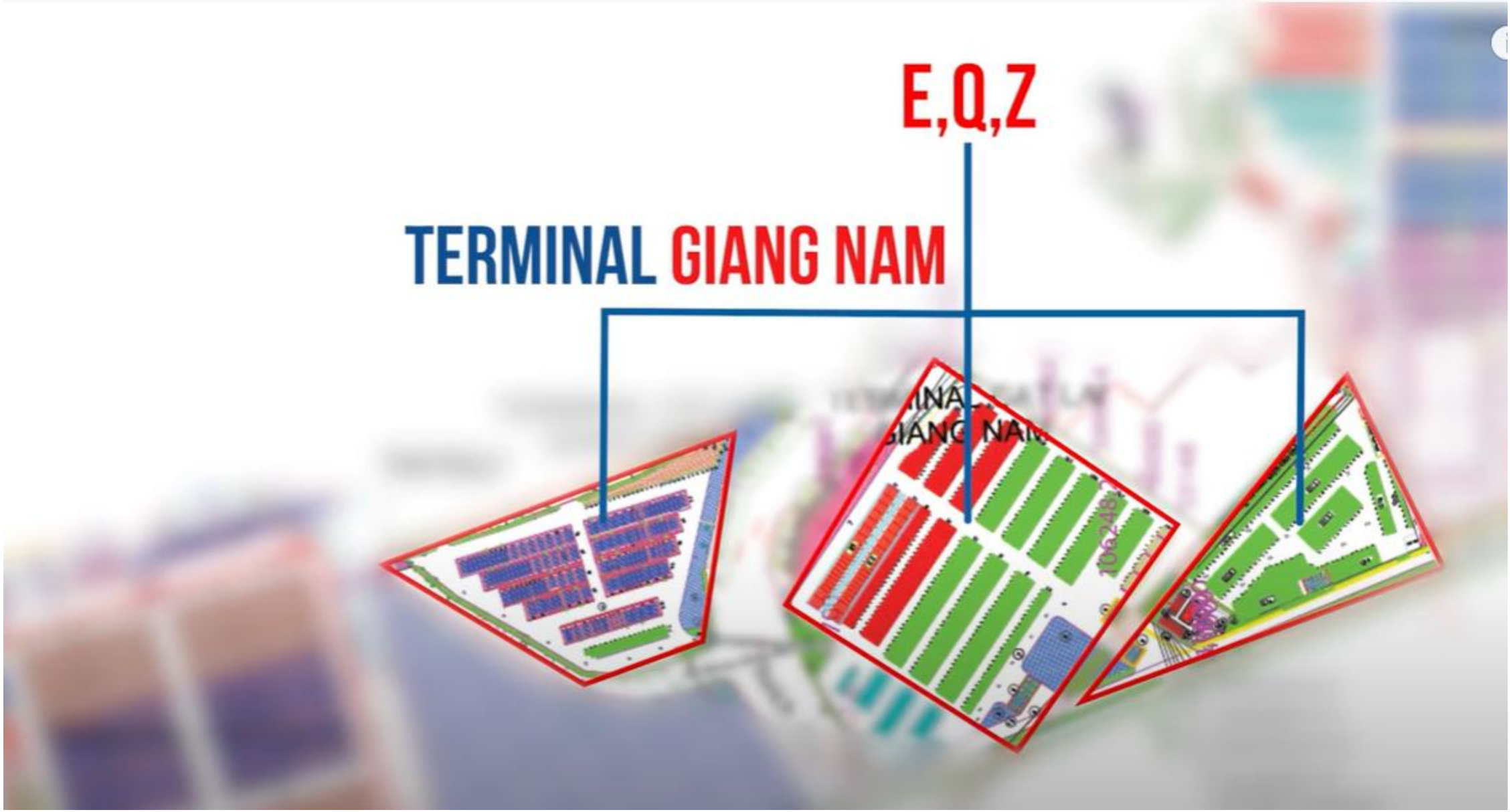
TERMINAL B



K M N P

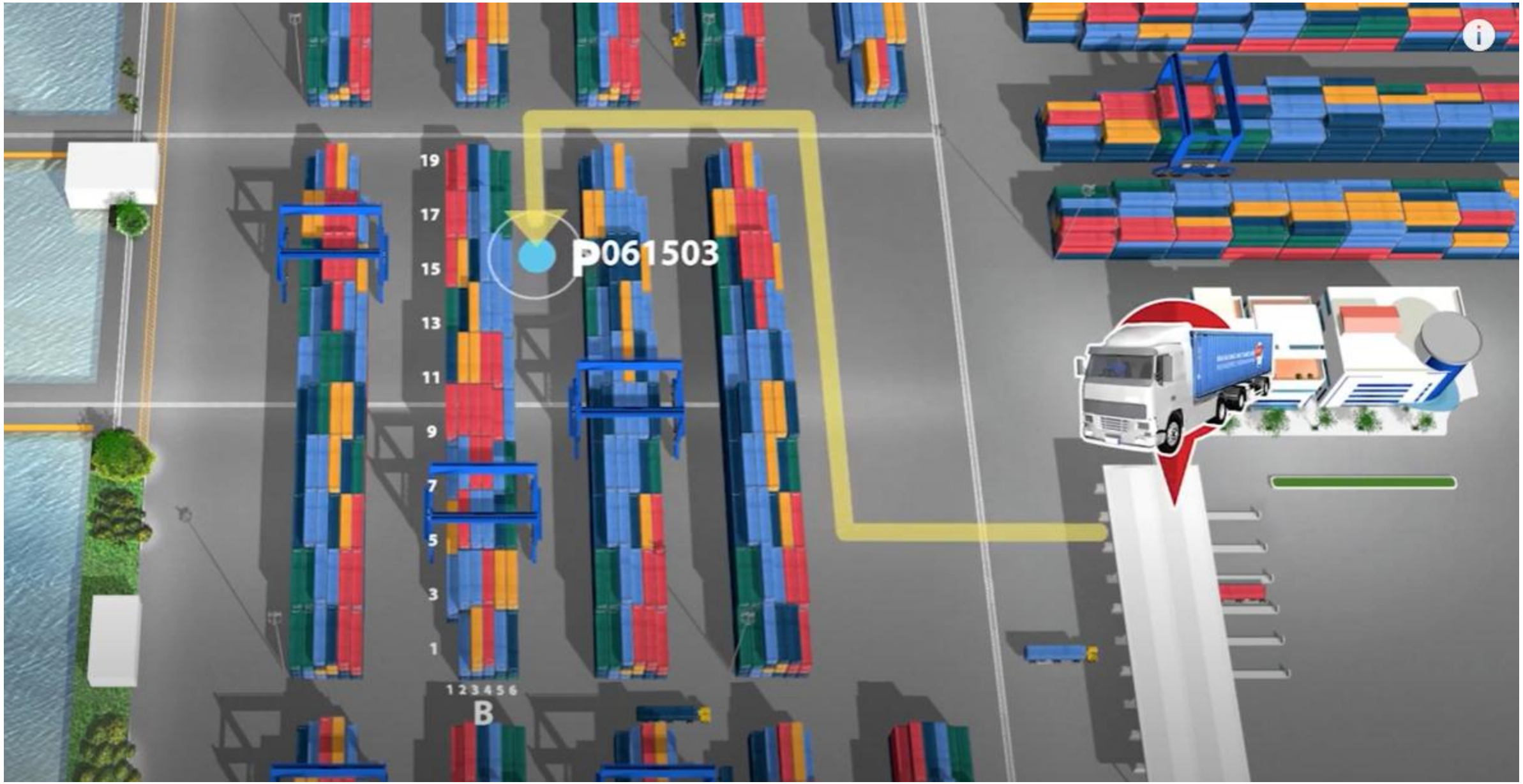

N,P
KIỂM HÓA


G,H,I
TERMINAL C
TERMINAL CAT LAI C


E,Q,Z
TERMINAL GIANG NAM



LIÊN HỆ VĂN PHÒNG HIỆN TRƯỜNG CÁC TERMINAL
NẾU KHÔNG TÌM THẤY VỊ TRÍ HẠ CONTAINER.


19
17
15
13
11
9
7
5
3
1
1 2 3 4 5 6
B
P061503

MỖI TÀI XẾ LÁI CONTAINER CÓ **TẤM BAT** VÀ GIAO TIẾP VỚI TÀI XẾ XE NÂNG BẰNG TẤM BAT NÀY.

NẾU THẤY SỐ BAT VÀ SỐ CONTAINER TRÙNG VỚI THÔNG TIN THỰC TẾ TRÊN MÀN HÌNH ĐIỆN TỬ THÌ HỌ TIẾN HÀNH HẠ CONT XUỐNG ĐẤT.


SITC
MAERSK
MAERSK
48037
5:26 / 7:57


48037


48037





1 HỒI CÒI
DỪNG XE




2 HỒI CÒI
LÙI XE

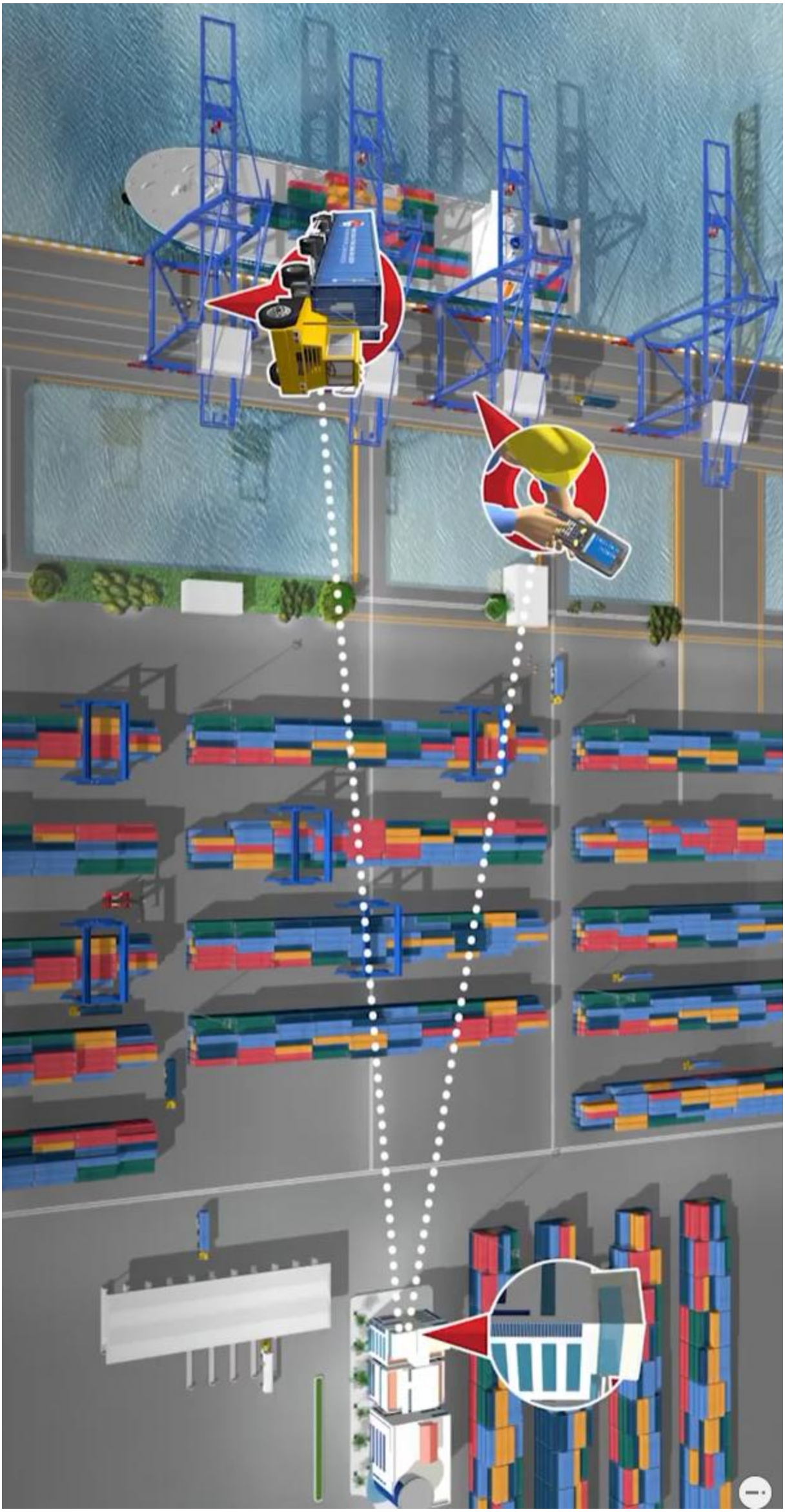
1 HỒI CÒI DÀI
DI CHUYỂN XE RA





SAU KHI HẠ CONT XONG, HỌ SẼ **XÁC NHẬN ĐÃ HOÀN TẤT THỦ TỤC** LÊN MÁY TÍNH ĐIỆN TỬ.

THỜI GIAN HẠ BÃI THÔNG THƯỜNG 45 PHÚT




Honeywell
Ship Disch/Load
No
Container No
L
1 BMOU 3249890
2 WAHKY3497516
3 BIGI200127649
4 MAX430553787
5 MILU67894325
6 JK0144563455
Selection
F1: Send
F4: Back
MX9



LIÊN HỆ TỔNG ĐÀI **18001188** ĐỂ ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ HỖ TRỢ
TRONG TRƯỜNG HỢP CHỜ LÂU NHƯNG CHƯA ĐƯỢC HẠ CONTAINER

SAU KHI HẠ CONT XONG, KH TIẾN HÀNH
THANH LÝ TỜ KHAI HẢI QUAN.

CUỐI CÙNG, HOÀN TẤT THỦ TỤC
ĐĂNG KÝ VÀO SỔ TÀU.

THANH LÝ TỜ KHAI

Nộp cho HQ giám sát bãi

- Mã vạch
- Tờ khai

→ HQ trả lại tờ khai xác nhận xong thủ tục.

https://kietdg.vn/quy-trinh-lam-hang-xuat-khau-flc/

THANH LÝ TỜ KHAI

Nộp cho HQ giám sát bãi

- Mã vạch **: ECUS hoặc www.customs.gov.vn**
- Tờ khai

→ HQ trả lại tờ khai xác nhận xong thủ tục.

Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh
CC HQ quản lý hàng đầu tư HCM

Ngày 21 tháng 02 năm 2019

DANH SÁCH CONTAINER
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong

1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I - 02CIS01: TONG CTY TAN CANG SG - 2

2. Đơn vị XNK: Công Ty TNHH Sri Trang Indochina (Việt Nam)

3. Mã số thuế: 0312596204

4. Số tờ khai: 102489517910

5. Trạng thái tờ khai: Thông quan

6. Ngày tờ khai: 19/02/2019 - 16/02/2019

7. Loại hình: Nhập kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư

8. Luồng: Vàng

9. Số quản lý hàng hóa : 060219MCB741565

STT	SỐ HIỆU CONTAINER (1)	SỐ SEAL CONTAINER (nếu có) (2)	SỐ SEAL HẢI QUAN (nếu có) (3)	XÁC NHẬN CỦA BỘ PHẬN GIÁM SÁT HẢI QUAN (4)	MÃ VẠCH (5)
1	HASU1011937	ML-TH5241255			

Kết xuất dữ liệu lúc: 21/02/2019 07:47 AM

Ghi chú:
- Cột số (1):
  + Đối với hàng nhập khẩu: lấy từ Danh sách container do người khai hải quan gửi đến hệ thống.
  + Đối với hàng xuất khẩu: lấy từ tiêu chí "Số container" trên tờ khai xuất.
  Trường hợp có sự thay đổi số container đã khai báo, căn cứ chứng từ do người khai hải quan nộp, xuất trình, công chức hải quan cập nhật số container vào Hệ thống để in lại danh sách container.
- Cột số (2): Đối với hàng nhập khẩu: lấy từ Danh sách container do người khai hải quan gửi đến hệ thống.

Ma vach

https://kietdg.vn/quy-

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai 303001500010 Số tờ khai đầu tiên - / 303001500010

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình B11 2 Mã số thuế đại diện 3808

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 02

Ngày đăng ký 16/01/2020 09:23:46 Ngày thay đổi đăng ký / /

Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Người xuất khẩu

Mã 0303015573

Tên CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỢP TRÍ

Mã bưu chính (+84)43

Địa chỉ Đường số 8, Lô B14, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại 08 3824 8301

Người ủy thác xuất khẩu

Mã

Tên

Người nhập khẩu

Mã

Tên KYUNG NONG CORPORATION

Mã bưu chính

Địa chỉ 12F, DONGOH B/D, 28 HYORYEONG-RO 77 GIL SEOCHO-GU 06627
SEOUL , KOREA

Mã nước KR

Đại lý Hải quan Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn 122000005298929

Số lượng 10 BG

Tổng trọng lượng hàng (Gross) 12.750 KGM

Địa điểm lưu kho 02CIS01 TONG CTY TAN CANG SG

Địa điểm nhận hàng cuối cùng KRPUS BUSAN

Địa điểm xếp hàng VNCLI CANG CAT LAI (HCM)

Phương tiện vận chuyển dự kiến 9999 PADIAN 4/ 1917N

Ngày hàng đi dự kiến 19/01/2020

Ký hiệu và số hiệu

Giấy phép xuất khẩu

1

2

3

4

5

Số hóa đơn A - HT20200108

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành 08/01/2020

Phương thức thanh toán DP

Tổng trị giá hóa đơn CIF - USD - 105.500 - A

Tổng trị giá tính thuế USD - 105.500

Tỷ giá tính thuế USD - 23.110 -

Tổng hệ số phân bổ trị giá 105.500 -

Phân loại không cần quy đổi VND Người nộp thuế Mã xác định thời hạn nộp thuế Phân loại nộp thuế A

Tổng số tiền thuế xuất khẩu VND

Page 1

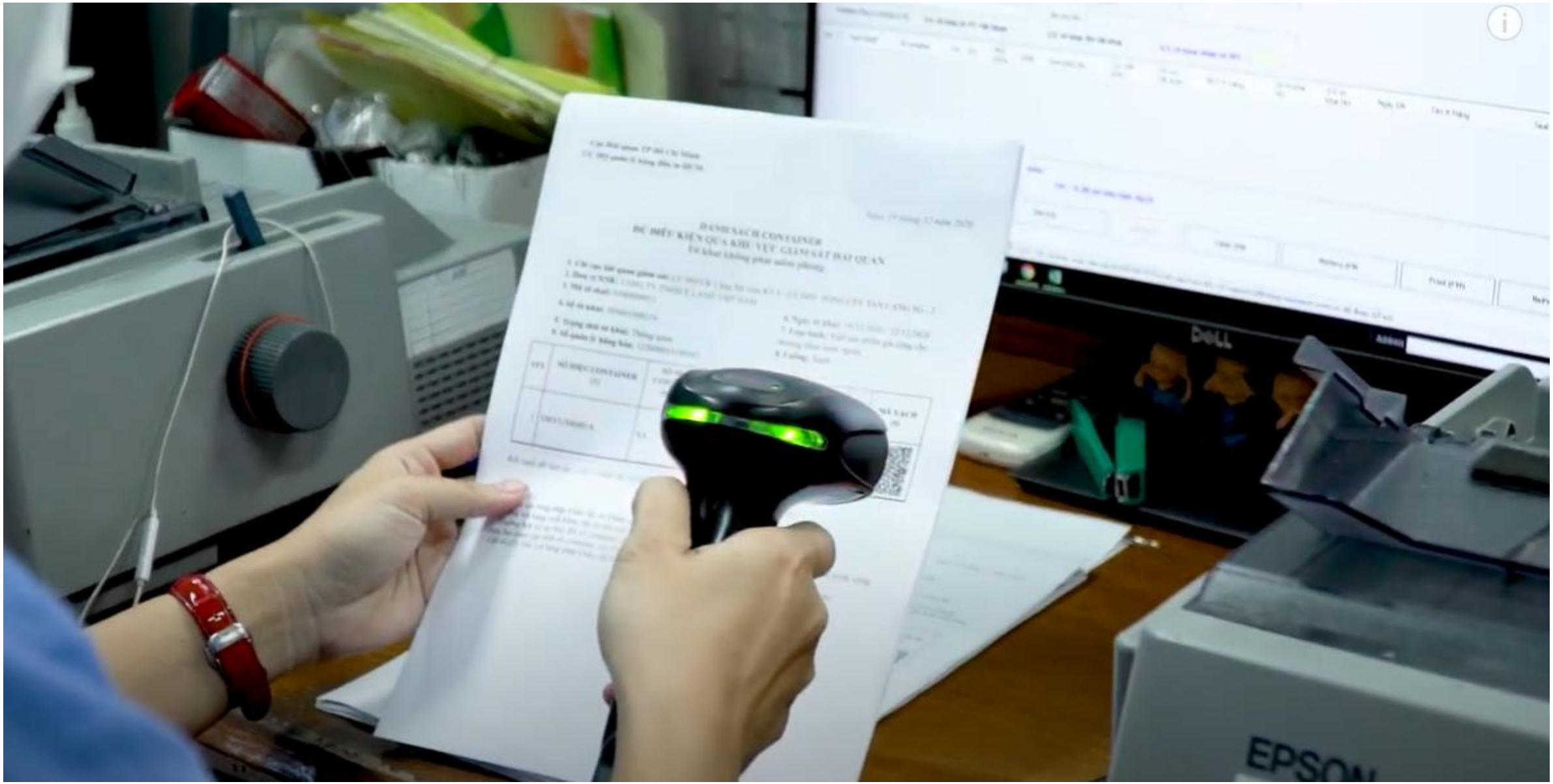
TK xuat

https://kietdg.vn/quy-tri

ĐĂNG KÝ VÀO SỔ TÀU.

KHÁCH HÀNG TRÌNH BỘ **TỜ KHAI VÀ MÃ VẠCH** CHO NHÂN VIÊN THANH LÝ VÀO SỔ TÀU.


ĐĂNG KÝ TÀU XUẤT


DANH SÁCH CONTAINER
DELL
EPSON

Danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan

Sau khi hoàn tất thủ tục hải quan, người nhận hàng sẽ khai trên eport (FCL) hoặc vào website customs.gov.vn (LCL) để in ra danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan (có mã vạch).

Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh
CC HQ quản lý hàng đầu tư HCM

Ngày 27 tháng 07 năm 2020

DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong

1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I - 02CIRCI: CCHQCK CANG SG KV I - 3
2. Đơn vị XNK: Công Ty TNHH Akzo Nobel Coatings Vietnam
3. Mã số thuế: 0300850801
4. Số tờ khai: 103440037960
5. Trạng thái tờ khai: Thông quan
6. Ngày tờ khai: 27/07/2020 - 23/07/2020
7. Loại hình: Nhập kinh doanh sản xuất
8. Luồng: Vàng
9. Số quản lý hàng hóa: 040620NYC/HOC/D81710

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
1	1.0 PALLET & …	952.55 Kilogam		

Kết xuất dữ liệu lúc: 27/07/2020 05:25 PM

Ghi chú:
- Cột số (1) lấy từ tiêu chí "Số lượng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí "Tổng trọng lượng hàng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:

CÁCH IN

DANH SÁCH CONTAINER / HÀNG HÓA QUA KHU VỰC GIÁM SÁT

2 cách để lấy tờ mã vạch

Cách 1: Lấy trên ECUS

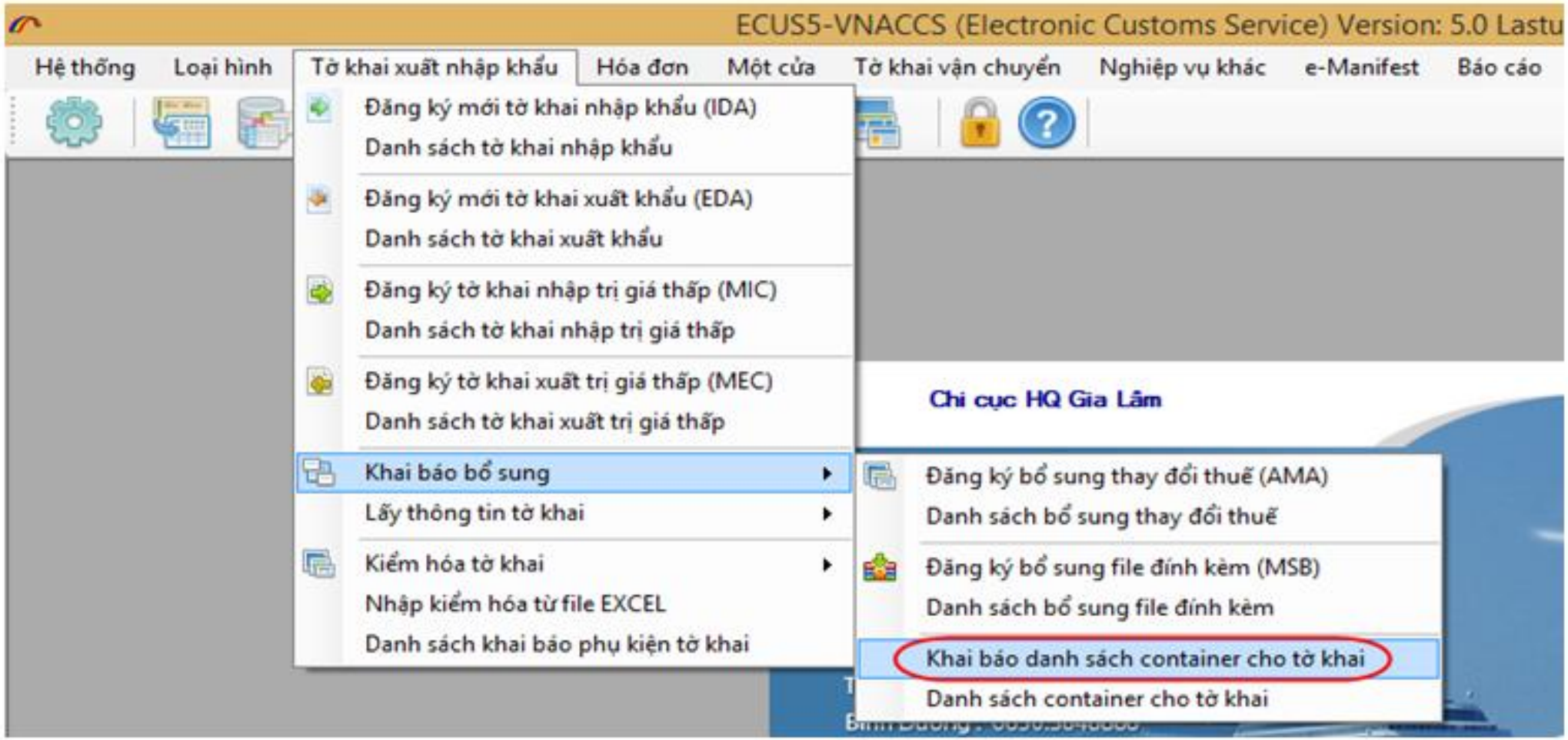
Cách 2: truy cập vào customs.gov.vn

Cách 1: Lấy trên ECUS

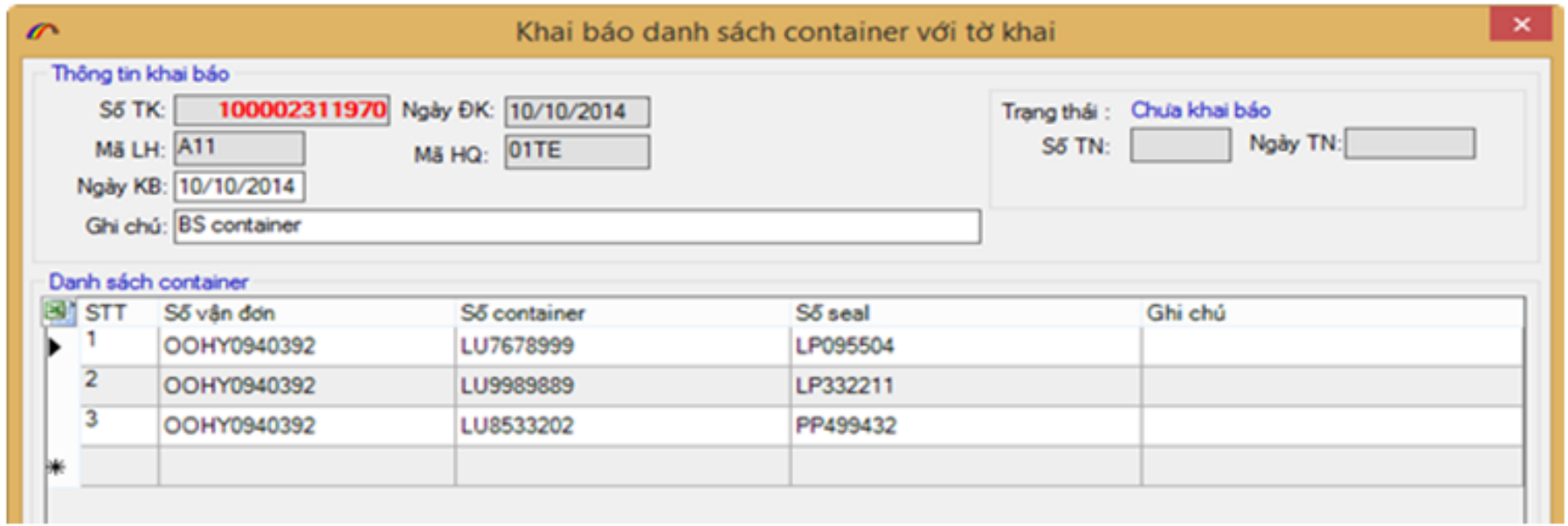
QUY TRÌNH ÁP DỤNG MÃ VẠCH DANH SÁCH CONTAINER

- Khai báo bổ sung danh sách container cho tờ khai.
- Lấy danh sách container qua khu vực giám sát sau khi tờ khai đã chấp nhận thông quan.
- In danh sách container dưới dạng mã vạch sau đó đem ra Hải quan giám sát để lấy hàng.

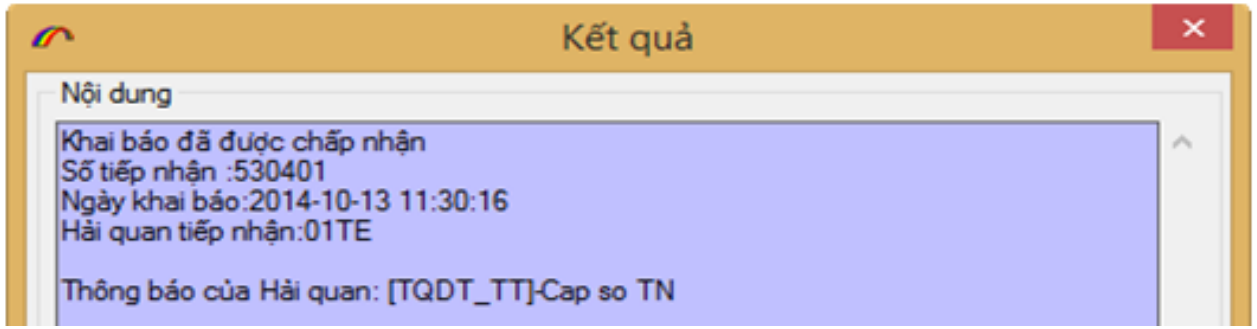
Sau khi tờ khai đã được khai báo, nếu có danh sách container kèm theo doanh nghiệp cần tiến hành khai báo bổ sung bằng cách vào menu "***Tờ khai xuất nhập khẩu / Khai báo bổ sung***" chọn mục "***Khai báo danh sách container cho tờ khai***":



Tại màn hình nhập liệu bạn nhập vào danh sách container cho tờ khai :

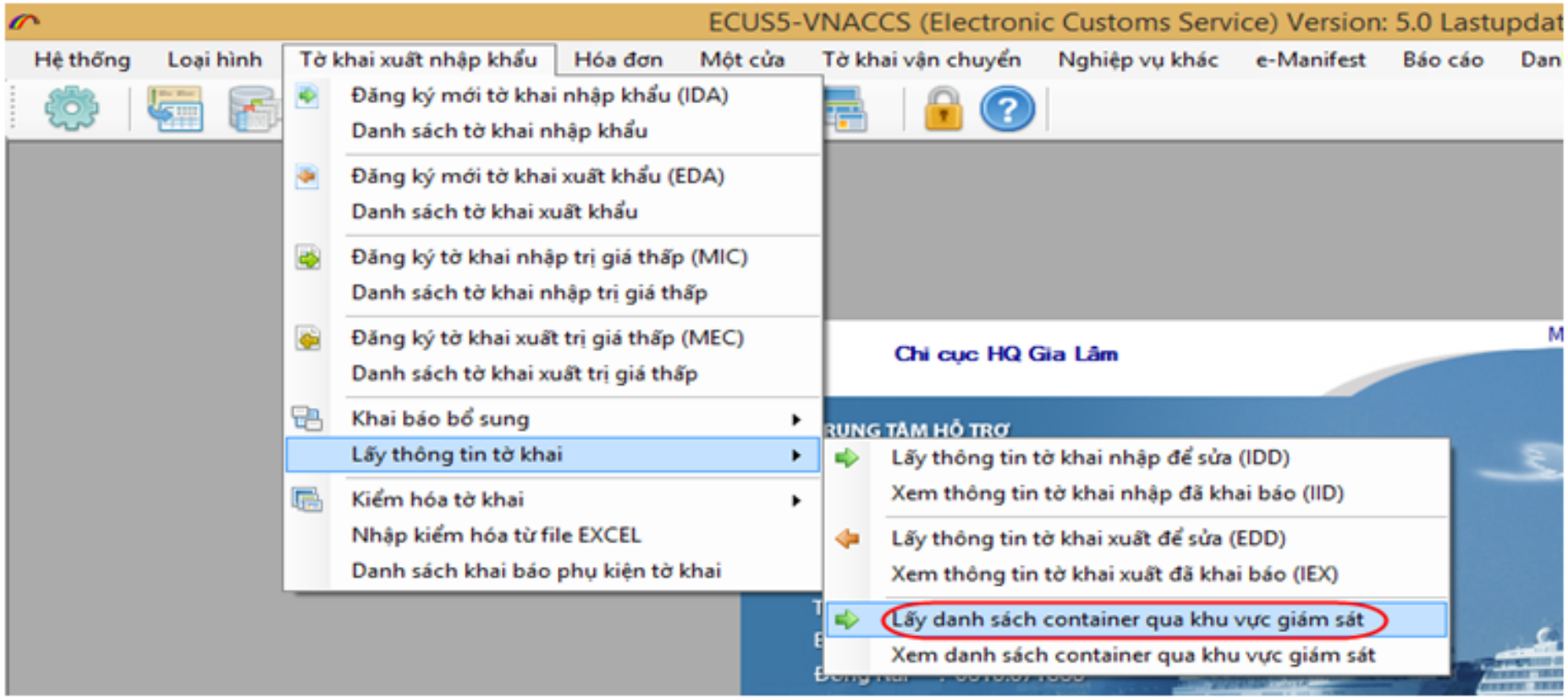


Cuối cùng nhấn vào "**Khai báo**" để gửi danh sách container bổ sung này lên hệ thống, khi có số tiếp nhận là việc khai bổ sung hoàn tất.

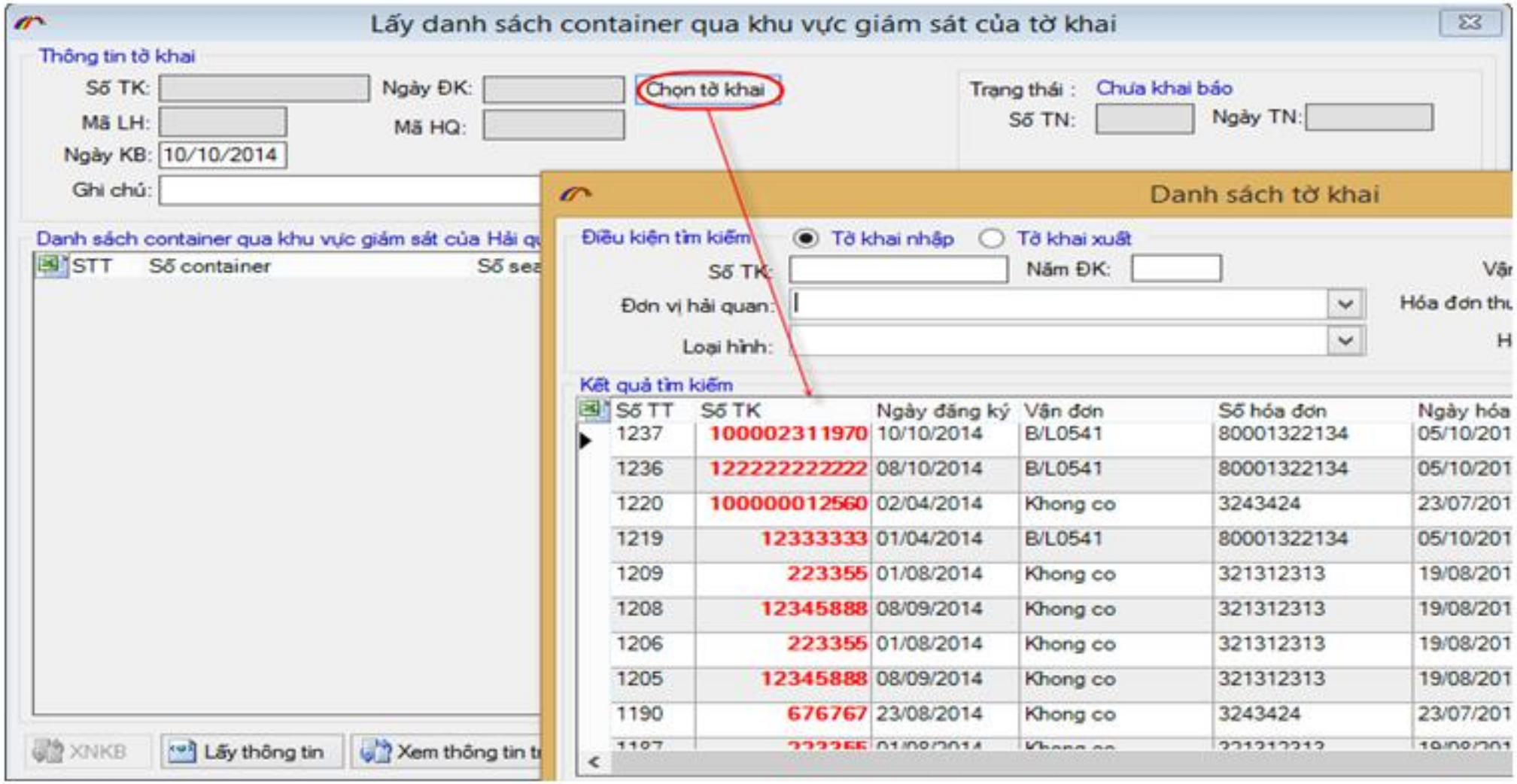


Bước 2 : Lấy danh sách container qua khu vực giám sát của tờ khai.

Khi tờ khai đã được khai báo bổ sung danh sách container ở bước trên đồng thời đã làm xong thủ tục thông quan (đối với tờ khai luồng Vàng, Đỏ) hoặc đã được chấp nhận thông quan, doanh nghiệp tiến hành lấy danh sách container qua khu vực giám sát của tờ khai bằng cách vào menu "***Tờ khai xuất nhập khẩu / Lấy thông tin tờ khai***" và chọn "***Lấy danh sách container qua khu vực giám sát***" :



Nhấn vào nút "**Chọn tờ khai**" để chọn ra tờ khai cần lấy danh sách container :



Bước 3 : In danh sách container dưới dạng mã vạch và đem ra hải quan giám sát để lấy hàng.

Sau khi có thông báo chấp nhận được trả về danh sách container qua khu vực giám sát của tờ khai, doanh nghiệp tiến hành nhấn vào "***In TK***" để được danh sách container có mã vạch :

CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHI CỤC HQ GIA LÂM

Ngày 13 Tháng 10 Năm 2014

BẢNG KÊ SỐ KIỆN, CONTAINER, PHƯƠNG TIỆN CHỨA HÀNG ĐƯỢC PHÉP QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN

1. Chi cục hải quan giám sát: Chi cục HQ Gia Lâm
2. Đơn vị XNK: Chi nhánh Tổng công ty Dệt may Việt Nam tại Đà Nẵng
3. Mã số thuế: 0100101308 **6. Ngày tờ khai:** 02/04/2014
4. Số tờ khai : 100000012560 **7. Loại hình :** Nhập kinh doanh tiêu dùng
5. Trạng thái tờ khai: Thông quan **8. Luồng:** Xanh

STT	SỐ HIỆU KIỆN, CONTAINER, PHƯƠNG TIỆN CHỨA HÀNG	SỐ SEAL CONTAINER (nếu có)	SỐ SEAL HẢI QUAN (nếu có)	XÁC NHẬN CỦA BỘ PHẬN GIÁM SÁT CỔNG KVGS	MÃ VẠCH
1	MWCU6276584	3108718			

Cách 2: truy cập customs.gov.vn



CẢNG TRẢ LẠI CHO KHÁCH HÀNG

PHIẾU XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU XUẤT

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
TRUNG TÂM ĐIỀU ĐỘ CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU XUẤT

Liên 2: Khách hàng

Trang:

Khách hàng: Công ty TNHH Khải Hưng Cục HQ: 02 Chi cục HQ: 02PJ

Tàu: MAERSK JAIPUR Chuyến xuất: 053E Tờ khai đại diện: 303670103130

STT	Số Container	K cỡ	Seal Hãng tàu	WT	Cảng chuyển tải	Ngày ĐK	Ghi chú
1	SUDU7780058	2200	VN4016032	18.656-VGM	TANJUNG PELEPAS	09:42 23/12	

Chú ý: - *Ghi chú: "CST" là cont được đăng ký sau Closing time.* Tổng số tờ khai của lô hàng: 1 *Tổng số Container:* 1

- *VGM: là Khối lượng toàn bộ container.*
- ***Đề nghị khách hàng kiểm tra kỹ thông tin trên phiếu.*** In lúc:09:42:11 Ngày 23..... tháng 12..... năm 20...

Khách hàng

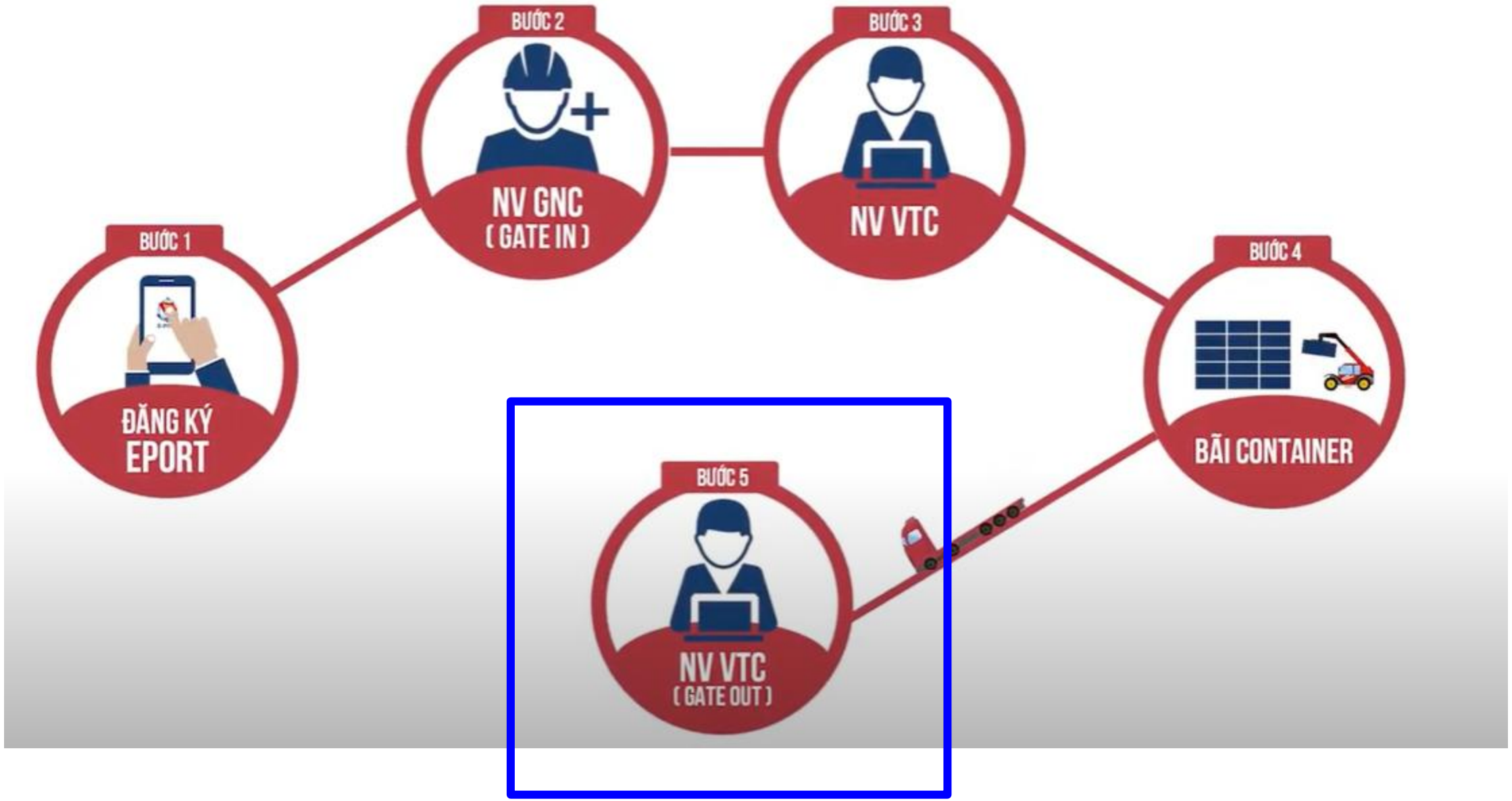
Người lập phiếu



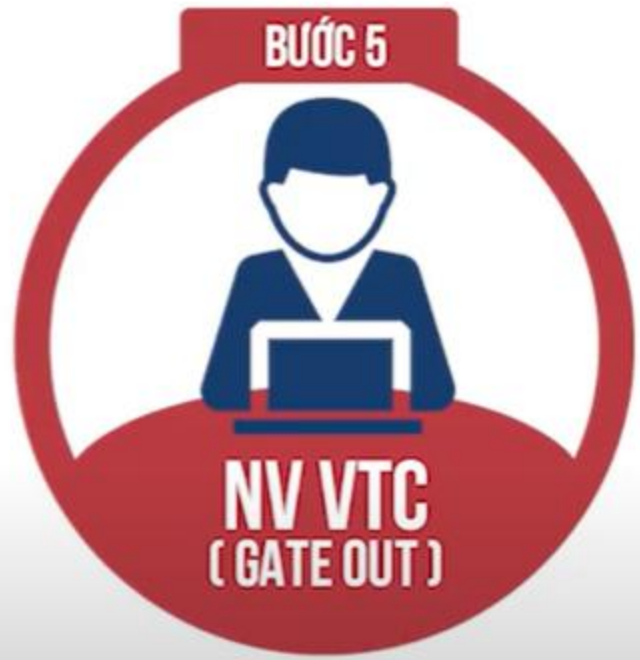
KHÁCH HÀNG CHỈ CÓ THỂ THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ TÀU XUẤT KHI ĐỦ CÁC ĐIỀU KIỆN SAU:

1. CONTAINER CÓ VỊ TRÍ TẠI BÃI
2. ĐỐI CHIẾU TỜ KHAI THÀNH CÔNG QUA HỆ THỐNG EPORT
3. ĐĂNG KÝ TÀU XUẤT TRƯỚC GIỜ CLOSING TIME (CẮT MÁNG) CỦA TÀU TẠI CẢNG

TÂN CẢNG SÀI GÒN ĐANG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐĂNG KÝ TÀU XUẤT ONLINE
NHƯ VẬY TÀI XẾ CHỈ CẦN HẠ CONT XUỐNG BÃI
CÁC THAO TÁC CÒN LẠI KH ĐỀU CÓ THỂ THỰC HIỆN TRÊN EPORT.


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV VTC
(GATE OUT)

BẤM GIỜ RA KHỎI CỔNG




GATE OUT
TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEWPORT CORPORATION

TÀI XẾ CHẠY XE RA THEO LUỒNG GATE OUT

NHÂN VIÊN VTC KIỂM TRA LẠI PHIẾU **EIR** HỒNG VÀ XÁC NHẬN ĐÃ KIỂM TRA.

TÀI XẾ LÁI XE RA KHỎI CỔNG

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN - CẢNG CÁT LÁI

PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER
EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT

Hạ bãi chờ xuất(CTL)

Số Đk *(No)*: R22138694

Ngày *(Date)*: 11/01/2021 10:06

Gate No: 02

BAT No: M2694

Nhận của Khách hàng *(Receive from)*: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kỹ Nghệ Gỗ Hoa Nét

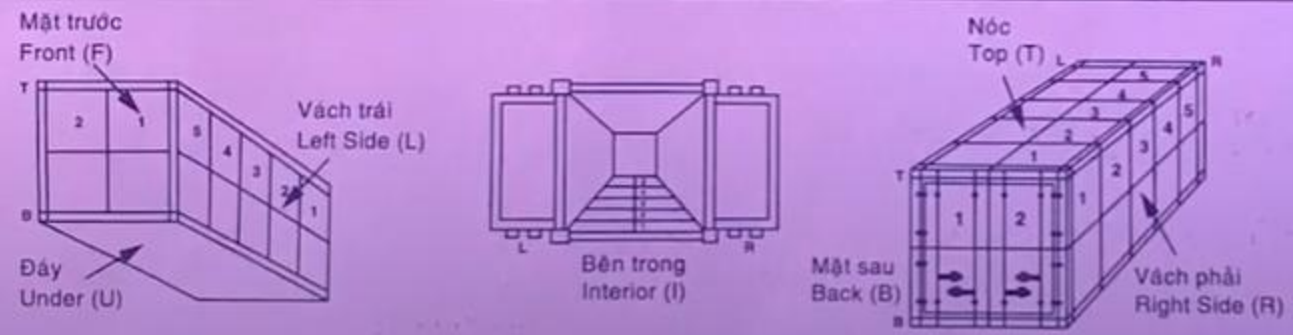
Bill / Booking / Ref: 6286598690

Tàu / Chuyến: *(Vessel / Voyage)* CSCL CALLAO / 061N

Cảng đích *(Dest)*: TACOMA

Cảng chuyển tải *(Transit)*: NINGBO

Container No	Kích cỡ *(Sz/Tp)*	Chủ KT *(Operator)*	Seal No	Status	Weight (Tons)	IMDG	UNNO	OH OW/OL	TEMP
OOCU7069611	4500	CSC	17195260	FULL	7,00				



Max Gross: 32.5 . Vgm: 7 tấn

Số DK Eport:BD4E56

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
TRUNG TÂM ĐIỀU ĐỘ... - QLCN
ĐÃ KIỂM TRA
Nguyễn Thanh Bình

D29-48101

D29-48101

D29

Ghi chú *(Remark)*:

Stop Code: T00-R22138694-Custom stop for Full container Expor - Chỉ định:
T01-R22138694-Hang xuat cua TerA(Không can).TL Vo:3.761, MAXGROSS:32.51.(VGM -
astom = 7 tấn).

Vị trí hạ container: - BLOCK : 48 - VỊ TRÍ Ô

7:02 / 7:57

CẢNG CONTAINER QUỐC TẾ SP-ITC
SP-ITC INTERNATIONAL CONTAINER TERMINAL

Ký bởi : Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế
SP-ITC

PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER - EIR
EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT

Pin Code: E10823093

Ký ngày: 05/12/2020

Số lệnh: 2012030360
(Order No.)

Số hóa đơn: SP/20E0015191
(Invoice No.)

Ngày hết hạn: 08-12-2020 23:59:59
(Expired Date)

Phương án hoạt động: Lấy Nguyên
(Transaction Model)

Khách hàng: Công Ty TNHH Yuan Jin Technology
(Customer)

Số booking/ BL: CMZ0474339
(Booking/ BL No)

Ngày xếp dỡ:
(Load/ Discharge Time)

Tàu chuyến: NORDOCELOT / 0BP1QN1NC/0BP1QN1NC
(Vessel/ Voy)

Cảng xếp/ dỡ/ đích: CNSHK/VNITC/VNITC
(POL/ POD/ FPOD)

Số Container: BMOU4088959
(Container No)

Số Seal: P8189969
(Seal No)

Hãng tàu: CNC
(OprID)

Trạng thái: F
(Status)

Trọng lượng: 28.97
(Gross Weight)

Kích cỡ: 40HC
(Size/ type)

Loại hàng: General
(Commodity)

Nhiệt độ cài đặt:
(Setting Temperature)

Thông gió:
(Ventilation)

DG: /
(IMO/ UN No)

OOG: 0.00/0.00/0.00
(OH/ OI/ OW)

Số ngày miễn lưu:
(Freetimes)

Nơi trả rỗng:
(Empty return place)

Ghi chú (Remark) mop vach trai 1x1m; mop da day,san dinh

Số xe (TruckID)	Thời gian vào (Container In Time)	Thời gian ra (Container Out Time)
61C40598/61R03652	04-12-2020 09:28:56	04-12-2020 10:21:05

Chứng từ này được xuất từ hệ thống cảng SP-ITC. Đã được xác thực và có giá trị tương đương với phiếu EIR.

Nhân viên giám sát
Chu Quang Vinh

2. Quy trình giao hàng xuất Cát Lái = poster

QUI TRÌNH XUẤT KHẨU



Báo giá, P/I → ký HĐ

Xin giấy phép xuất khẩu

Thực hiện công việc giai đoạn đầu của khâu thanh toán

Thuê phương tiện vận chuyển

Dùng booking note kéo container rỗng / đưa hàng ra cảng

Kiểm tra liên ngành

Mua bảo hiểm

Làm thủ tục hải quan & nộp thuế XK (nếu có)

Giao hàng lên tàu

FCL

LCL

Lập bộ chứng từ thanh toán, khiếu nại (nếu có)

Thanh lý hợp đồng

- # Giao hàng LCL tại cảng

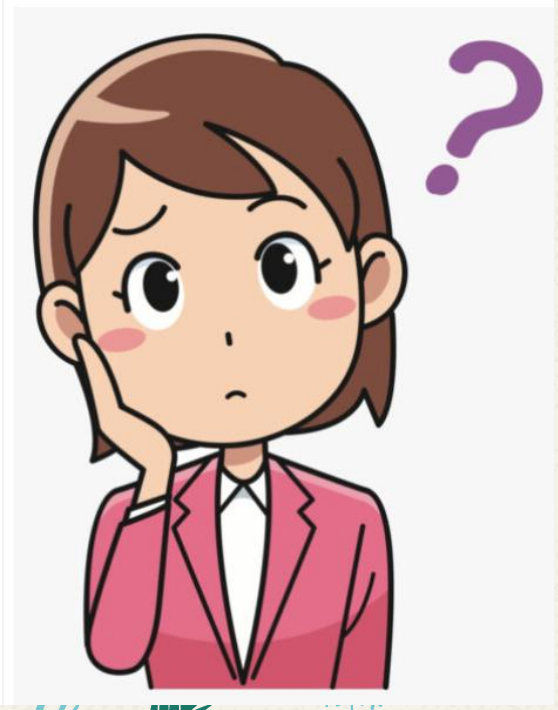


Sử dụng hệ thống eWMS

LCL



https://ewms.tancangwarehousing.com.vn/home



Liệt kê nội dung đăng ký nhập kho xuất dành cho chủ hàng xuất LCL tại CÁT LÁI



Xem link : https://www.youtube.com/watch?v=IDSrb0G6rJQ



🎥🎥🎥 [Short cut Video] - Quy trình Xuất hàng vào kho



Nhập kho hàng LCL xuất khẩu cần những giấy tờ gì?

- eBooking
- Phiếu yêu cầu nhập kho
- Barcode của lô hàng
- Tờ khai, mã vạch
- Phiếu tải trọng

Tổng đài CSKH: 1800 1188 (24/7, miễn cước)
Zalo OA: Saigon Newport Corporation

181847

YÊU CẦU NHẬP KHO

Số phiếu:	PNX170113-0083	Đại lý:	BEE-130
Lần nhập:	1	Booking:	SMLE
Kho:	05	Chủ hàng:	TUẤN THIÊN ÂN
Cửa kho:	05_K5	Tổng số kiện:	10

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trần Thị Hạ



CÔNG TY CP KHO TÂN CẢNG

***

PHIẾU TẢI TRỌNG

Số xe : 51C00867 Tải trọng : 1.85 Tấn

Cổng vào : Cổng ra :

17011900872


PHIẾU LÀM HÀNG
C.Ty:
t/Booking: 1701039
Kho: 08
SL kiện: 77/77
Cửa:
Tr.lg: 1,524.00
Thủ kho:
183975
ề nghị khách hàng giữ phiếu để làm thủ tục ra cổng

XẾP HỒ SƠ (trước khi đưa).

- **HỒ SƠ HẢI QUAN LƯU:**
  1. BOOKING CÓ ĐÓNG DẤU CỦA KHO(GHI TÊN CÔNG TY).
  2. MÃ VẠCH.
- **HỒ SƠ DOANH NGHIỆP:**
  1. MÃ VẠCH.
  2. TỜ KHAI.

Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh
CC HQ quản lý hàng đầu tư HCM

Ngày 27 tháng 07 năm 2020

DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong

1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I - 02CIRCI: CCHQCK CANG SG KV I - 3
2. Đơn vị XNK: Công Ty TNHH Akzo Nobel Coatings Vietnam
3. Mã số thuế: 0300850801
4. Số tờ khai: 103440037960
5. Trạng thái tờ khai: Thông quan
6. Ngày tờ khai: 27/07/2020 - 23/07/2020
7. Loại hình: Nhập kinh doanh sản xuất
8. Luồng: Vàng
9. Số quản lý hàng hóa: 040620NYC/HOC/D81710

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
1	1.0 PALLET & …	952.55 Kilogam		

Kết xuất dữ liệu lúc: 27/07/2020 05:25 PM

Ghi chú:
- Cột số (1) lấy từ tiêu chí "Số lượng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí "Tổng trọng lượng hàng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:
  + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGS.
  + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
  + khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
  + bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).

Ma vach

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai 303001500010 Số tờ khai đầu tiên - / 303001500010

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình B11 2 Mã số thuế đại diện 3808

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 02

Ngày đăng ký 16/01/2020 09:23:46 Ngày thay đổi đăng ký / /

Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Người xuất khẩu

Mã 0303015573

Tên CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỢP TRÍ

Mã bưu chính (+84)43

Địa chỉ Đường số 8, Lô B14, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại 08 3824 8301

Người ủy thác xuất khẩu

Mã

Tên

Người nhập khẩu

Mã

Tên KYUNG NONG CORPORATION

Mã bưu chính

Địa chỉ 12F, DONGOH B/D, 28 HYORYEONG-RO 77 GIL SEOCHO-GU 06627
SEOUL , KOREA

Mã nước KR

Đại lý Hải quan Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn 122000005298929

Số lượng 10 BG

Tổng trọng lượng hàng (Gross) 12.750 KGM

Địa điểm lưu kho 02CIS01 TONG CTY TAN CANG SG

Địa điểm nhận hàng cuối cùng KRPUS BUSAN

Địa điểm xếp hàng VNCLI CANG CAT LAI (HCM)

Phương tiện vận chuyển dự kiến 9999 PADIAN 4/ 1917N

Ngày hàng đi dự kiến 19/01/2020

Ký hiệu và số hiệu

Giấy phép xuất khẩu

1

2

3

4

5

Số hóa đơn A - HT20200108

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành 08/01/2020

Phương thức thanh toán DP

Tổng trị giá hóa đơn CIF - USD - 105.500 - A

Tổng trị giá tính thuế USD - 105.500

Tỷ giá tính thuế USD - 23.110 -

Tổng hệ số phân bổ trị giá 105.500 -

Phân loại không cần quy đổi VND Người nộp thuế Mã xác định thời hạn nộp thuế Phân loại nộp thuế A

Tổng số tiền thuế xuất khẩu VND

Page 1

TK xuat

https://kietdg.vn/quy-tri

CÔNG TY CP KHO VẬN TÂN CẢNG
KHU KHO HÀNG CÁT LÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

735763

BIÊN BẢN NHẬP KHO CFS XUẤT

Liên 3: Khách hàng

TIME: 09:57:42 Ngày 23 tháng 12 năm 2020

Người gửi hàng: CTY CHYANG SHENG VIỆT NAM

Đại lý: DHL_7 Địa điểm: Kho 05 - Cua 08

Đại diện khách hàng: Đại diện đại lý:

Đại diện kho: Bùi Thị Hiệp

Chi tiết số lượng và tình trạng hàng hóa nhập hàng vào kho như sau:

TT	Số lệnh	Số tờ khai	ĐVT	SL	T.Lượng	K.Lượng	Tình trạng hàng hóa
1	39166	303667953320	RO	12	221.400	1.000	

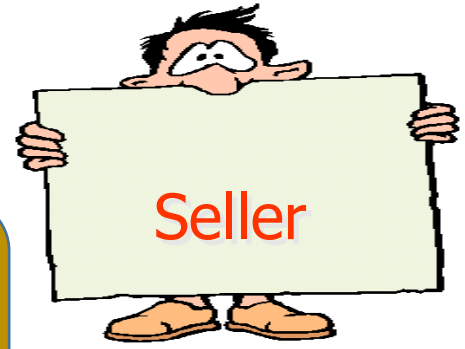
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về số lương và chất lượng hàng hóa bên trong của tất cả các lô hàng trên.

KHÁCH HÀNG **ĐẠI DIỆN ĐẠI LÝ** **ĐẠI DIỆN KHO HÀNG**

0987713019

Nguyễn Thi Thanh Thủy

QUI TRÌNH XUẤT KHẨU



Báo giá, P/I → ký HĐ

Xin giấy phép xuất khẩu

Thực hiện công việc giai đoạn đầu của khâu thanh toán

Thuê phương tiện vận chuyển

Dùng booking note kéo container rỗng / đưa hàng ra cảng

Kiểm tra liên ngành

Mua bảo hiểm

Làm thủ tục hải quan & nộp thuế XK (nếu có)

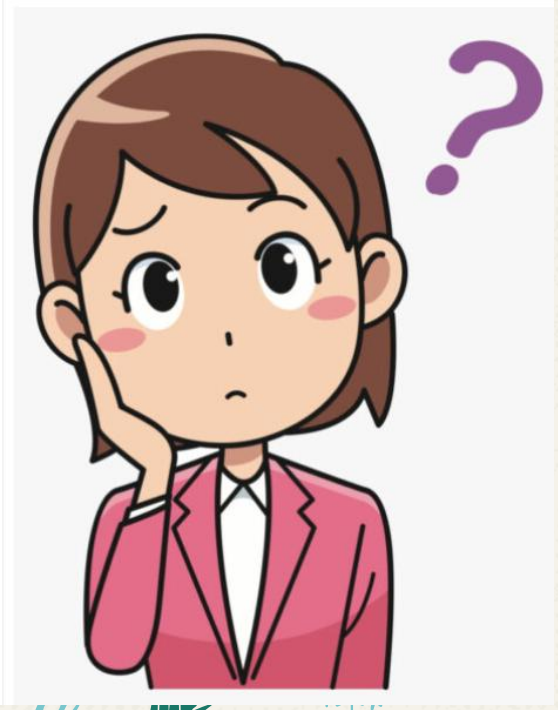
Giao hàng lên máy bay

Lập bộ chứng từ thanh toán, khiếu nại (nếu có)

Thanh lý hợp đồng

Giao hàng đường hàng không





Mặt hàng nào ship by air ?

ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

- Giá trị cao
- Thời gian giao hàng gấp, nhanh

- Thư tín hàng không, bưu phẩm nhanh
- Động vật sống, nội tạng người, hài cốt
- Dược phẩm
- Những món đồ giá trị (vàng, kim cương)
- Thiết bị kỹ thuật (hàng công nghệ cao, phụ tùng máy bay, tàu biển, xe hơi)
- Hàng tiêu dùng xa xỉ (đồ điện tử, thời trang)
- Hàng dễ hư hỏng (thực phẩm, hoa tươi, hàng ướp bằng đá khô)

235	TK	Turkish Airlines	SCSC	
297	CI	China Airlines	TCS	
338	TR	Tiger airway	SCSC	
375	3K	Jetstar Pacific Airlines	TCS	
388	TR	Tiger Airways	SCSC	
479	ZH	Shenzhen Airlines (Chinese)	TCS	
539	TH	Raya Airway	SCSC	
618	SQ	Singapore Airlines	SCSC	S
670	UN	Transearo Airlines	TCS	
672	BI	Royal Brunei Airlines	SCSC	
690	8F	Cardig Air	SCSC	
695	BR	Eva Airways	TCS	T
738	VN	Vietnam Airlines	TCS	
774	FM	Shanghai Airlines	TCS	
784	CZ	China Southern Airlines	TCS	
803	AE	Mandarin Airlines	TCS	
807	AK	AirAsia Berhad	TCS	
825	F4	Shanghai Airlines Cargo	TCS	
851	HX	Hong Kong Airlines	SCSC	
870	VV	Aerosvit	SCSC	
876	3U	Sichuan Airlines	SCSC	
900	FD	Air Asia	TCS	
978	VJ	Vietjet Air	SCSC	
988	OZ	Asiana Airlines	TCS	
999	CA	Air China	TCS	

MAWB	Code	Name	Warehouse
006	DL	Delta Air Lines	TCS
012	NW	Northwest Airlines (alternate site)	TCS
016	UA	United Airlines Cargo	TCS
020	LH	Lufthansa Cargo AG	SCSC
023	FX	Fedex	TCS
043	KA	Dragonair	TCS
057	AF	Air France	TCS
065	SV	Saudi Arabian Airlines	SCSC
079	PR	Philippine Airlines	TCS
081	QF	Qantas Airways	TCS
119	8K	K-Mile Air (Transmile Cargo)	TCS
125	BA	British Airways	TCS
131	JL	Japan Airlines	TCS
157	QR	Qatar Airways	TCS
160	CX	Cathay Pacific Airways	TCS
172	CV	Cargolux Airlines	SCSC
176	EK	Emirates	SCSC
180	KE	Korean Air	TCS
203	5J	Cebu Pacific Air	TCS
205	NH	ANA All Nippon Cargo	TCS
217	TG	Thai Airways	SCSC
232	MH	Malaysian Airline	TCS
235	TK	Turkish Airlines	SCSC
297	CI	China Airlines	TCS

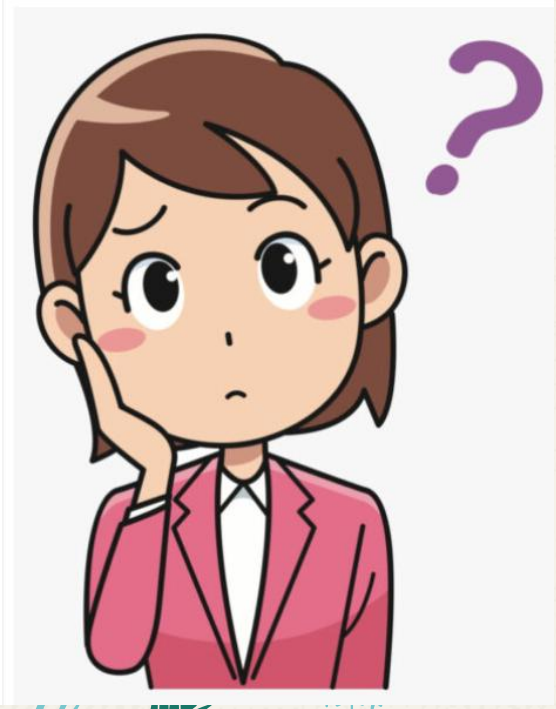

JEJUAIR CARGO
THAILION AIR
VIETJET AIR
FEDEX EXPRESS
KHO HÀNG KHÔNG KÉO DÀI
HATECO LOGITIC

Kho hàng


HÃNG HÀNG KHÔNG &
CÁC MÃ KHO TƯƠNG ỨNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
Hãng bay
CA, AF, NH, OZ, BA, CX, 5J
CI, CZ, DL, KA, BR, FX, AK
JL, 3K, 8K, KE, MH, AE, NW
PR, QR, VN, UA
WAREHOUSE
TCS
Warehouse code:
02B1A03
Hãng bay
TG, TR, TK, SQ
HX, EK, 8F, BI
TH, 3U, LH, VJ
WAREHOUSE
SCSC
Warehouse code:
02B1A04

Kho hàng


HÃNG HÀNG KHÔNG &
CÁC MÃ KHO TƯƠNG ỨNG
SÂN BAY NỘI BÀI
Hãng bay
OZ, VN, SQ
TG, QR, EY
WAREHOUSE
NCTS
Warehouse
code:
01B1A02
Hãng bay
HX, 8K, CV, OD
MH, KJ, TK,
WAREHOUSE
ACSV
Warehouse
code:
01B1A03
Hãng bay
KE, EK, KA
CI, CZ, JL, CX
WAREHOUSE
ALSC
Warehouse
code:
01B1A04



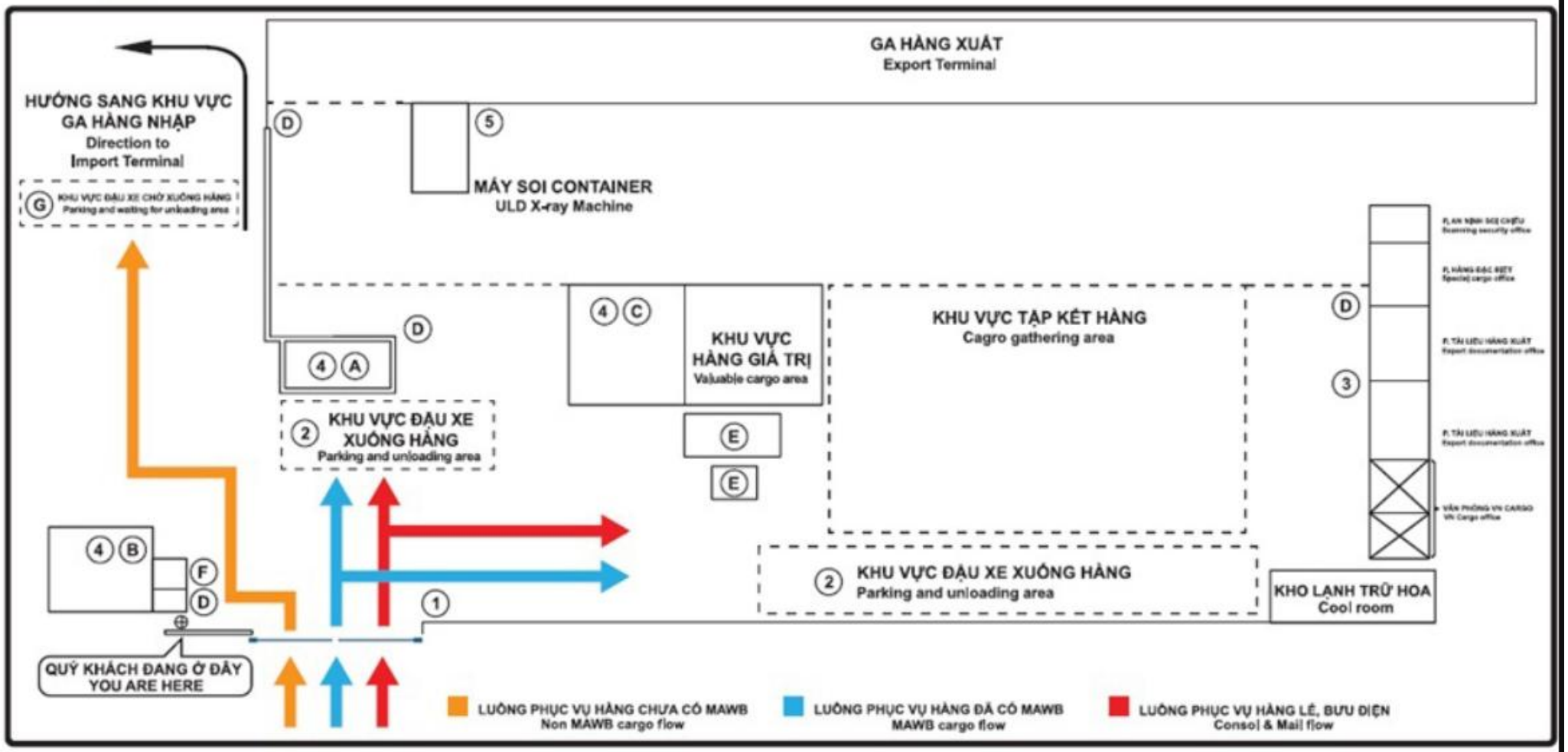
Tìm kho tương ứng?

- Japan Airlines
- All Nippon Airways
- Air France
- ……

TCS

SƠ ĐỒ VÀ CÁC BƯỚC LÀM THỦ TỤC GỬI HÀNG XUẤT

LAYOUT OF EXPORT AREA AND STEPS TO DISPATCH CARGO



TỪ CỔNG 49 TRƯỜNG SƠN /From 49 Truong Son

- (A) HẢI QUAN GIÁM SÁT — Supervising customs
- (B) HẢI QUAN KIỂM HÓA — Inspecting customs
- (C) SOI CHIẾU HẢI QUAN — Security scanning
- (D) BẢO VỆ — Security
- (E) CÂN — Scale
- (F) QUẦY THÔNG TIN — Information counter
- (G) KHU VỰC ĐẬU XE CHỜ XUỐNG HÀNG — Parking and waiting for unloading area

BƯỚC (1): XUẤT TRÌNH TÀI LIỆU TẠI CỔNG BẢO VỆ
Securities checking documents

BƯỚC (2): THỰC HIỆN QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN HÀNG HÓA
Cargo acceptance

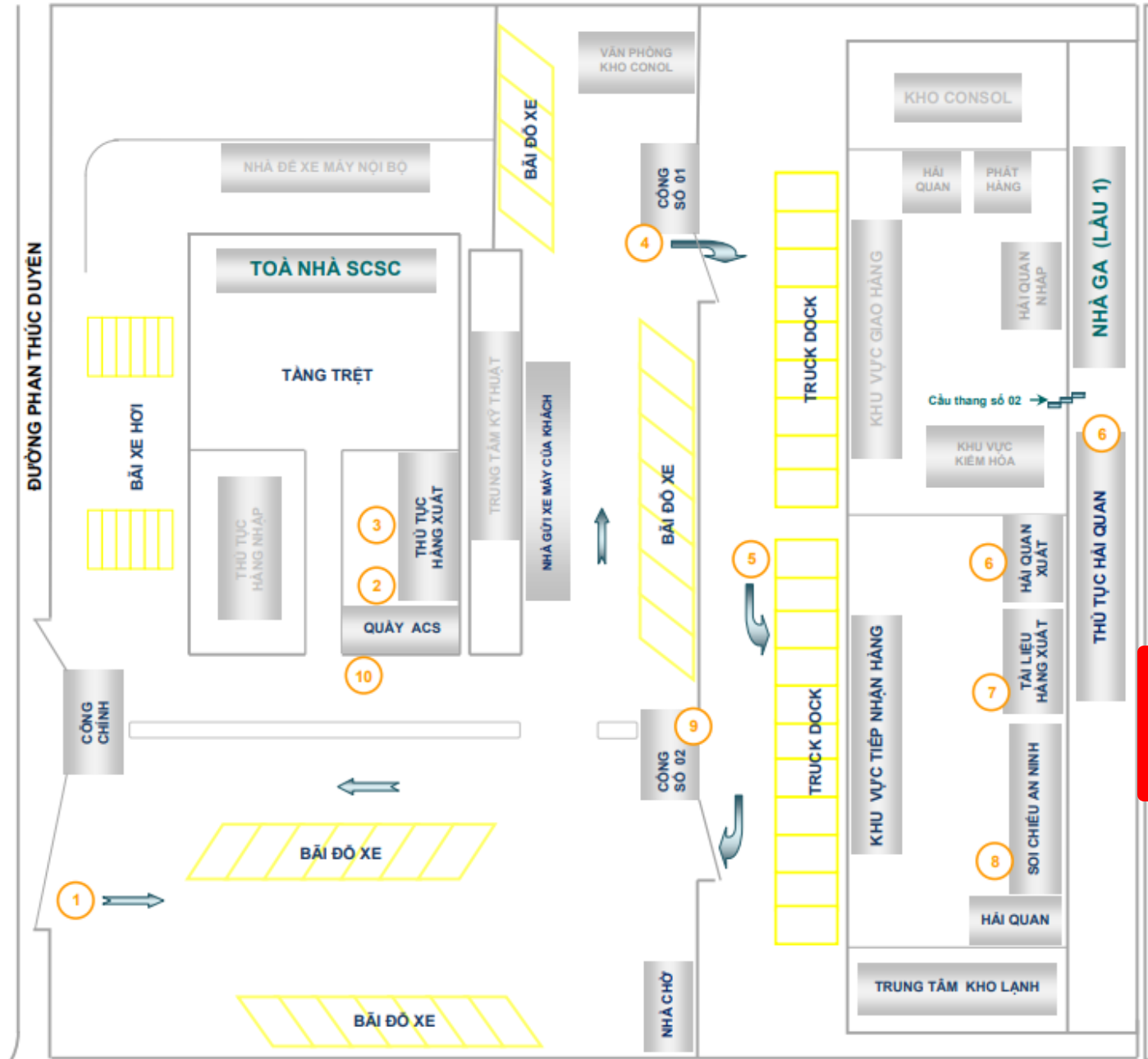
BƯỚC (3): LÀM THỦ TỤC TCS
TCS documentation

BƯỚC (4): LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

BƯỚC (5): LÀM THỦ TỤC AN NINH SOI CHIẾU
Security scanning documentation

BƯỚC (6): LẬP KHỐNG VẬN ĐƠN TẠI VĂN PHÒNG CÁC HÃNG
Make airway bill in airline's office

HƯỚNG DẪN GỬI HÀNG TẠI GA HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT



A. HỒ SƠ GỬI HÀNG GỒM: CMND/Hộ chiếu còn hiệu lực, Tờ xác nhận chỗ (Booking), Tờ cân hàng (SLI).

B. THỦ TỤC GỬI HÀNG QUỐC TẾ:

1. Bước 01: Di chuyển phương tiện chở hàng vào bãi đỗ xe qua cổng chính SCSC theo hướng dẫn của nhân viên bảo vệ.
2. Bước 02: Chủ hàng và người điều khiển phương tiện vận chuyển làm thủ tục nhận thẻ kiểm soát an ninh (ACS) trong nhà ga tại Quầy ACS (Nếu khách đã có thẻ PPC vui lòng bỏ qua bước này).
3. Bước 03: Chủ hàng xuất trình tài liệu và làm thủ tục nhận Phiếu giao hàng (VCT) tại phòng thủ tục hàng xuất.
4. Bước 04: Khi được gọi vào giao hàng, người điều khiển phương tiện và Chủ hàng di chuyển qua cổng số 01.
5. Bước 05: Di chuyển phương tiện vào đúng vị trí xuống hàng (Truck dock), tiến hành thủ tục giao hàng cho nhân viên tiếp nhận của SCSC.
6. Bước 06: Chủ hàng tiến hành làm thủ tục Hải quan tại văn phòng Hải quan đặt tại lầu 01 của Nhà ga (Đi cầu thang số 02) và Hải quan Kiểm hóa, Giám sát xuất khẩu tại tầng trệt. Phương tiện di chuyển qua cổng bảo vệ số 02, sau đó trả thẻ TPC và nhận lại giấy tờ tuỳ thân tại quầy ACS.
7. Bước 07: Chủ hàng thông báo cho nhân viên tài liệu cập nhật hệ thống lô hàng đã thông quan. Thanh toán phí phục vụ tại phòng tài liệu hàng xuất.
8. Bước 08: Chờ kiểm tra an ninh soi chiếu.
9. Bước 09: Sau khi soi chiếu an ninh, hàng hoá không có bất thường Chủ hàng ra về qua cổng số 02. Trường hợp lô hàng có bất thường liên hệ ngay với phòng tài liệu hàng xuất để xử lý.
10. Bước 10: Trả lại thẻ kiểm soát an ninh trong nhà ga và nhận lại giấy tờ tùy thân tại quầy ACS.

Ghi chú:

- *Thẻ kiểm soát an ninh trong nhà ga bao gồm: Thẻ Visitor dành cho Chủ hàng, thẻ TPC/ PPC dành cho người điều khiển phương tiện vận chuyển để mở cổng ra/ vào nhà ga.*
- *TPC: Temporary Permission Card – Thẻ kiểm soát tạm thời.*
- *PPC: Permanent Permission Card – Thẻ kiểm soát dài hạn. Khách hàng vui lòng liên hệ Phòng Hành chính quản trị SCSC để được hướng dẫn cấp thẻ.*

⟹ *: Di chuyển của phương tiện vận chuyển*

Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ:

- *Số điện thoại: (08) 3997 6930 - 7309*
- *Hoặc truy cập Website: http://www.scsc.vn*

🎥🎥🎥 [Short cut Video] - Quá trình soi chiếu hàng air tại kho NCTS - Nội Bài

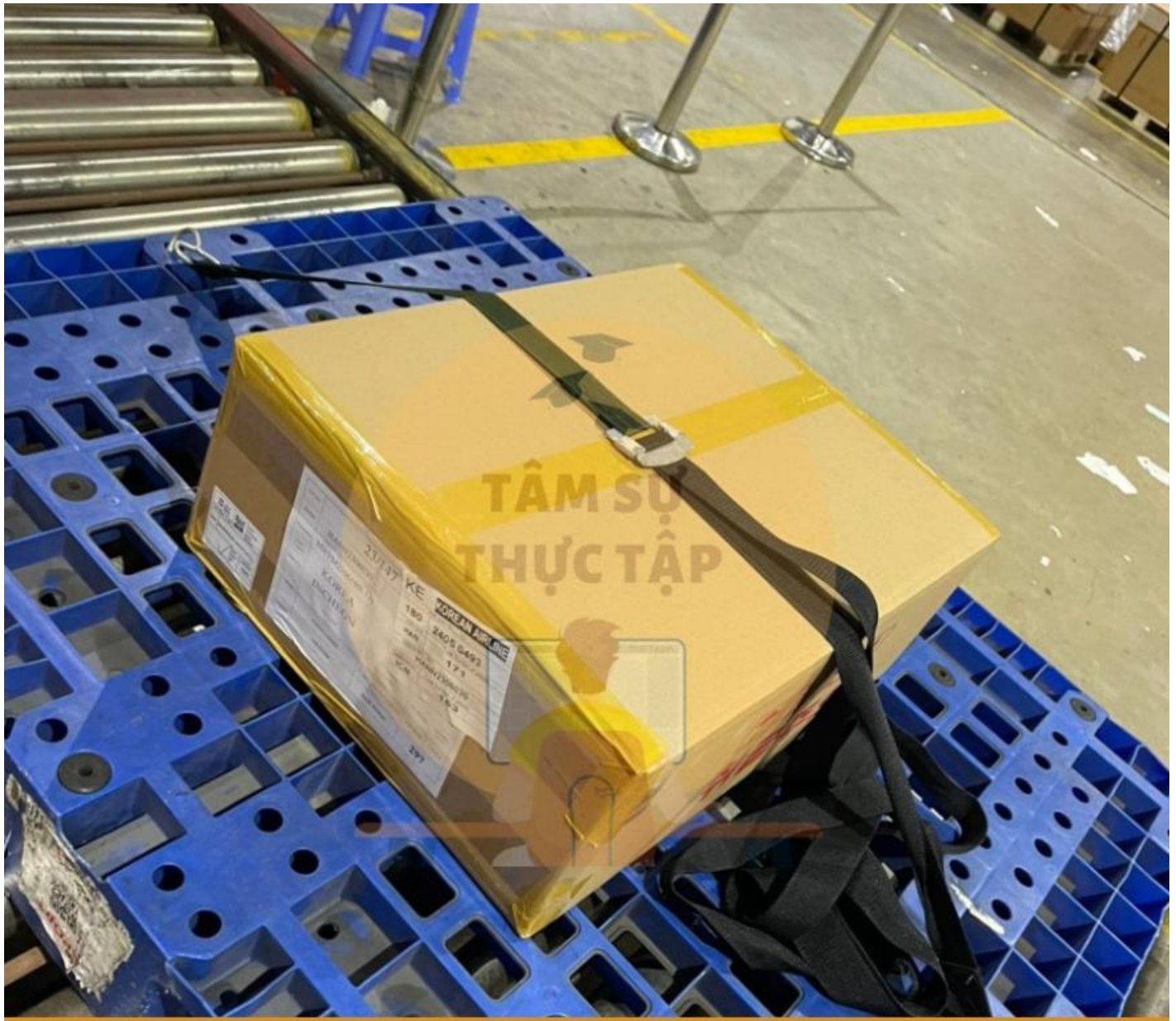


https://sotrans.com.vn/chuyen-nganh/cac-loai-container/container-hang-khong/





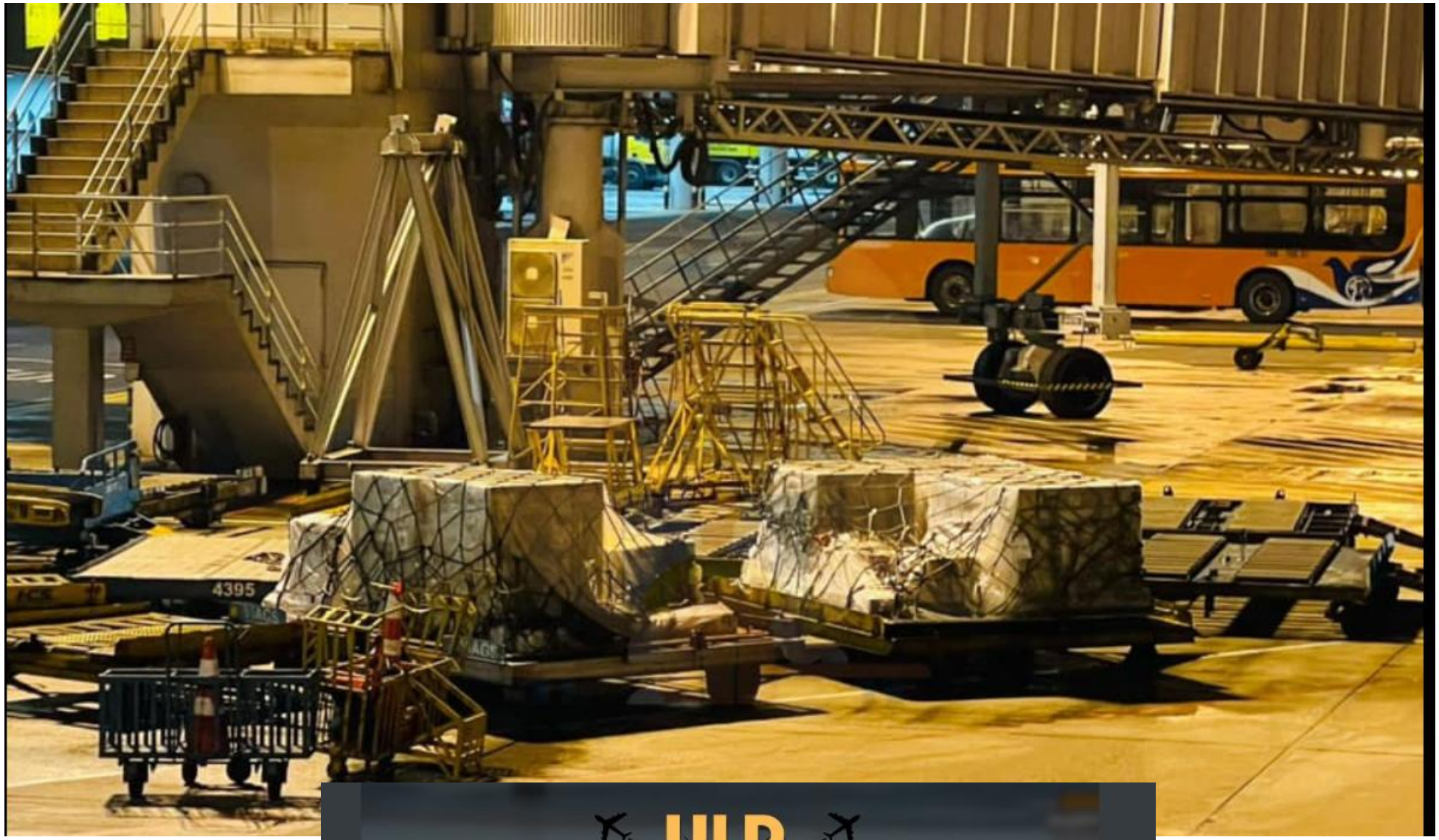
PALLET



CARTON



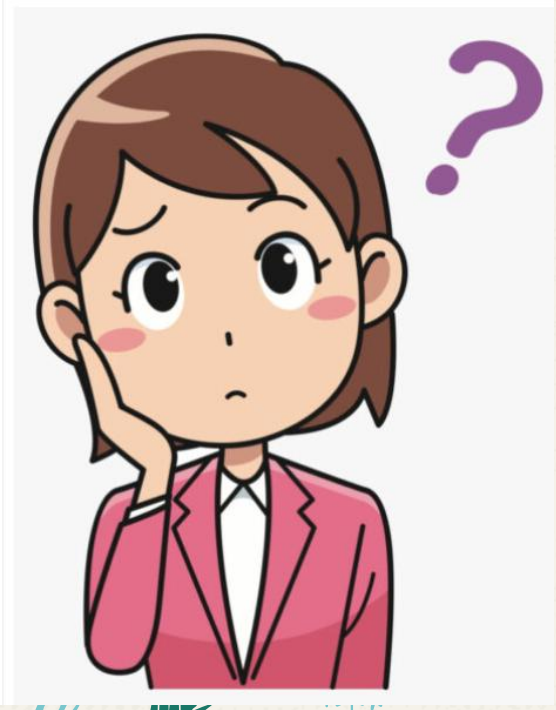
THÙNG GỖ



ULD
TRONG VẬN TẢI HÀNG KHÔNG



ULD CONTAINERS



Ưu nhược điểm từng loại ?



QUY CÁCH ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA TRONG VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG 👉👉👉

Trong vận chuyển hàng hóa quốc tế nói chung và vận chuyển đường hàng không nói riêng thì quy cách đóng gói hàng hóa là vô cùng quan trọng bởi nó ảnh hưởng đến tính an toàn của hàng hóa, thời gian và chi phí vận chuyển. Trong bài post này Tâm sự thực tập sẽ chia sẻ 1 số quy cách đóng gói phổ biến nhất hiện nay, cả nhà cùng theo dõi nhé:

✍ 1. Hàng đóng thùng carton:

- Đây là quy cách đóng gói thường hay được người xuất khẩu dùng nhất
- Ưu điểm:

- Tính ứng dụng cao: đóng gói được nhiều loại hàng hóa khác nhau
- Thuận tiện cho việc vận chuyển hàng
- Quá trình bốc xếp tại kho hàng và lên máy bay đơn giản và dễ dàng
- Tiết kiệm chi phí vận chuyển do trọng lượng vỏ thùng khá nhẹ

- Nhược điểm:

Cách đóng này chỉ thích hợp với các loại hàng hóa như dệt may hay các sản phẩm có trọng lượng nhẹ (hàng điện tử, linh kiện, ..) và có thể xếp chồng lên nhau mà thôi



✍️ 2. Đóng thùng gỗ:

- Các mặt hàng thường được sử dụng đóng thùng gỗ thường là máy móc, các bộ phận của máy
- Ưu điểm:

- Thích hợp với các loại hàng hóa có trọng lượng nặng hoặc rất nặng, có kích thước quá khổ
- Thích hợp với hàng có giá trị cao cần được bảo quản chặt chẽ để tránh mất hàng và hư hỏng.

- Nhược điểm:

Cách đóng gói này thường chỉ làm khi thực sự cần thiết bởi rất tốn kém chi phí do thùng gỗ khá nặng và kích thước cũng rất lớn. Quá trình vận chuyển hoặc bốc xếp cũng rất khó khăn. Do vậy, phải cân nhắc kỹ càng trước khi xác định đóng gói theo quy cách này





✍ 3. Hàng đóng pallet:

- Đây là loại quy cách được khá nhiều đơn vị sử dụng, bản chất là hàng đóng carton và xếp lên trên đế pallet (gỗ hoặc nhựa)

- Ưu điểm:

- Thích hợp với lô hàng có tổng số lượng thùng carton quá nhiều nhằm bảo quản hàng hóa tốt, giảm thiệt hại về bóp méo, vỡ hàng trong quá trình vận chuyển
- Tránh được rủi ro thất lạc hoặc mất hàng hóa trong quá trình vận chuyển

- Nhược điểm:

Tuy nhiên, cũng cần xác định rõ hàng đóng pallet có thực sự cần thiết không do cách đóng gói này cũng làm tăng chi phí vận chuyển đồng thời quá trình vận chuyển và bốc xếp sẽ khó khăn hơn. Thực tế, giá cước vận chuyển cho hàng đóng thùng gỗ hoặc pallet thường cao hơn thùng carton.



✍ 4. Hàng đóng cont chuyên dụng:

- Cách đóng gói này rất đặc biệt, nghĩa là hàng hóa được đóng trong cont (thùng tôn) của hãng hàng không được gọi là cont AKE và AKH (LD3, LD7, LD9, M1)
- Các loại cont này do các hãng hàng không sản xuất để vận chuyển hàng hóa cho khách hàng khi có nhu cầu
- Ưu điểm:

- Thích hợp với những hàng hóa yêu cầu vận chuyển đặc biệt mà cách đóng hàng thông thường bằng carton không đáp ứng được
- Một số loại hàng hóa thích hợp khi vận chuyển bằng quy cách này như hàng treo, hàng mau hỏng cần bảo quản riêng biệt

- Nhược điểm:

- Chi phí vận chuyển sẽ cao
- Có các quy định chặt chẽ liên quan như trọng lượng tối đa cho phép đóng là bao nhiêu, trọng lượng tính cước cả cont (Pivot weight) là bao nhiêu...., thường pivot weight dao động từ 710 – 750/LD3 tùy từng hãng hàng không, các loại cont khác thì pivot cũng sẽ khác nhau.





✍ 5. Hàng vận chuyển nguyên mâm (ULD – Unit Load Devices): Phương thức đóng gói này chỉ được thực hiện bởi các hãng hàng không

- Ưu điểm:

- Đảm bảo hàng hóa an toàn trong quá trình bay. Các thiết bị này sẽ bảo vệ được hàng hóa chất bên trong tránh hư hỏng và mất mát trong quá trình vận chuyển.
- Là phương tiện giúp các nhà vận chuyển khai thác được tối đa thể tích chất hàng trong hầm hàng. Các mặt hàng lớn, cồng kềnh, khối lượng nặng được xếp vào một ULD gọn để tiết kiệm diện tích; hoặc các kiện hàng nhỏ cũng có thể được gộp thành những khối hàng lớn..
- Ngoài các sự thuận tiện cho việc vận chuyển, chất và dỡ hàng, ULD còn mang lại tiện ích trong công tác đóng gói. Các thiết bị này sẽ bảo vệ được hàng hóa chất bên trong nhằm tránh hư hỏng và mất mát trong quá trình vận chuyển.



ULD CONTAINERS

3. Viết tờ cân
+ đọc AWB + talon

Tờ cân

SCSC

TỜ KHAI GỬI HÀNG
SHIPPER'S LETTER OF INSTRUCTION

Người gửi (Shipper): .....

Địa chỉ (address): .....

Email : .....

Số ĐT (Tel): ..... Fax: .....

MST (VAT code): .....

Đơn vị cung cấp dịch vụ (Agent): .....

Địa chỉ (address): .....

Email : .....

Số ĐT (Tel): ..... Fax: .....

MST (VAT code): .....

Người nhận (Consignee): .....

Địa chỉ (address): .....

Email: .....

Số ĐT (Tel): ..... Fax: .....

Thông báo cho (Notify): .....

Số không vận đơn chính/phụ (MAWB/HAWB):

Chúng tôi xác nhận khai báo đúng theo tính chất thực tế của hàng hóa. Nếu như có hàng nguy hiểm sẽ được khai báo đúng theo qui định và thể lệ vận chuyển hàng hoá nguy hiểm của IATA. Tờ khai gửi hàng này không có giá trị thay thế tờ khai hàng hóa hàng nguy hiểm.
We certify that the content of this consignment is properly identified by name. Insofar as any part of the consignment contains dangerous goods, such part is in proper condition for carriage by air according to IATA's Dangerous Goods Regulation. This does not replace the Shipper's Declaration for Dangerous Goods.

Hình thức thanh toán (Terms of payment)

☐ Tiền mặt (Cash)

☐ Chuyển khoản (Bank transfer)

☐ Khác (Others) .....

Nơi đi (AOO):

Nơi đến (AOD):

Tổng số vận đơn phụ:
(Total of HAWB)

Chuyến bay/Ngày:
(Flight/ Date)

Số kiện (Total Pieces)	Loại hàng (Description of goods)	Trọng lượng Gross weight (kg)	Trọng lượng tính cước Chargeable weight (kg)

Kích thước (dài x rộng x cao) / Dimensions (L x W x H):

Hướng dẫn phục vụ (Handling Information and remarks) / * Đánh dấu (✓) vào ô thích hợp (Tick (✓) where applicable)

☐ Hàng chuyển nhanh (Express cargo) ☐ Động vật sống (Live animals) ☐ Hàng giá trị (Valuable cargo)

☐ Hàng nguy hiểm (Dangerous Goods) ☐ Hàng dễ hư hỏng (Perishable cargo) ☐ Hàng dễ mất (Vulnerable Cargo)

☐ Yêu cầu khác (Others) : .....

Mã hàng đặc biệt (Special Handling Codes):

Yêu cầu nhiệt độ lưu kho (Storage Temperature)

Từ (from): .....°C đến (to): .....°C

Nhân viên tiếp nhận:
(Acceptance officer's signature)

Ngày/giờ (Date/ Time):

Người gửi:
(Shipper's signature)

Ngày/giờ (Date/ Time):

Chú ý (notes):

1. Dán nhãn hàng vào mặt sau các liên của tờ khai. Please affix the cargo labels on the back side of all copies.
2. Quá trình tiếp nhận hàng hóa chỉ kết thúc khi lô hàng hoàn tất kiểm tra an ninh hàng không. The cargo acceptance process is only finished as the whole shipment has security-checked successfully.

SỐ THỨ TỰ (Serial Number): 0000000

GIAO (DISTRIBUTION)

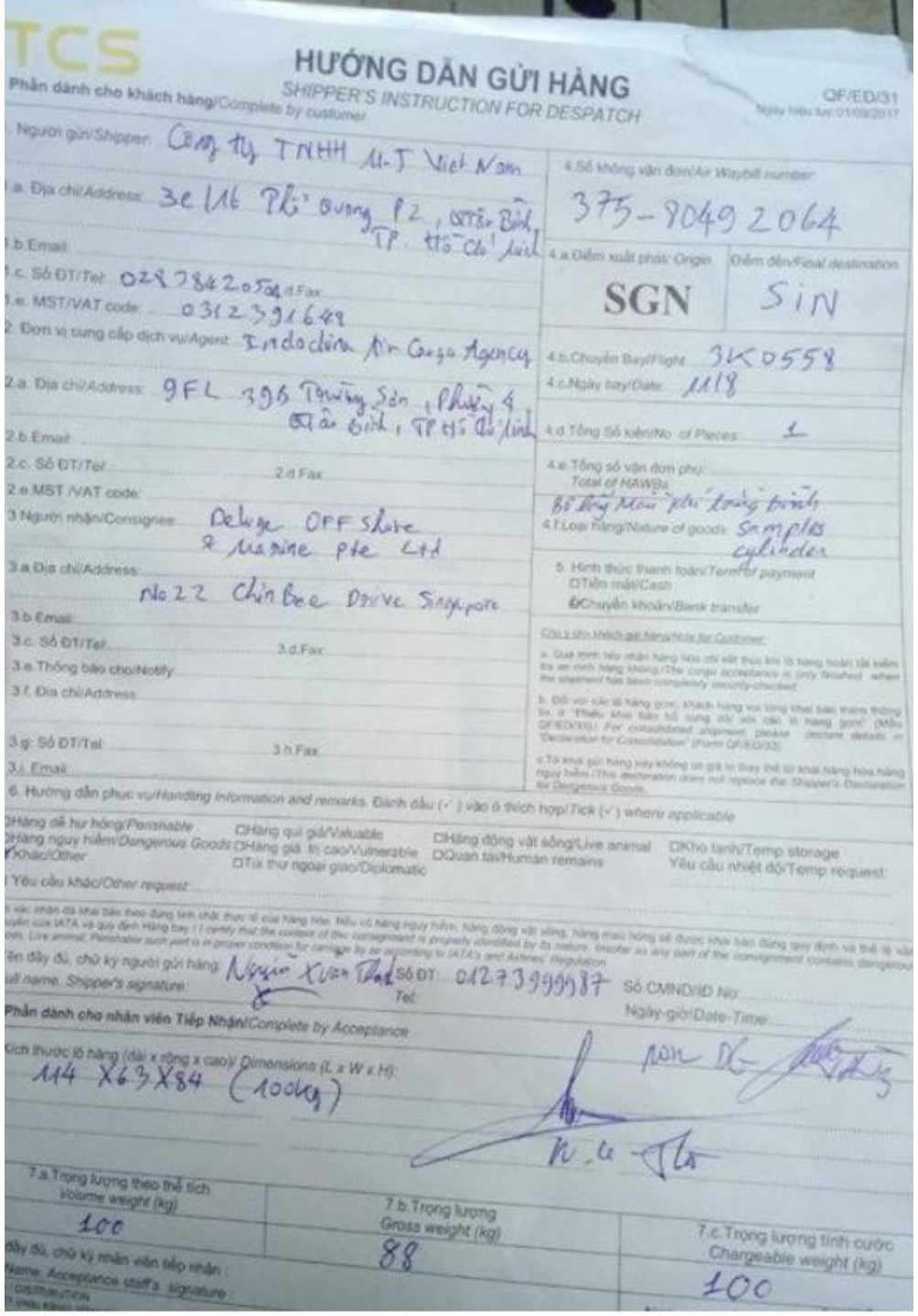
- Bản 01 (màu trắng): Quầy xuất không vận đơn. 01st copy (white) – Airwaybill issuing counter. - Bản 03 (màu hồng): Thu ngân. 03rd copy (Pink) – Cashier.

F01.EXP01
Rev.02
Ban hành: 01/2017

Foxit Reader PDF Document

Tờ cân

to can TCS



TCS

HƯỚNG DẪN GỬI HÀNG

SHIPPER'S INSTRUCTION FOR DESPATCH

QF/ED/31

Phần dành cho khách hàng/Complete by customer

1. Người gửi/Shipper: Công ty TNHH M.T Việt Nam

1.a. Địa chỉ/Address: 3C/16 Phổ Quang P2, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

1.b.Email:

1.c. Số ĐT/Tel: 028 7842 0508 1.d.Fax:

1.e. MST/VAT code: 0312391649

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ/Agent: Indochina Air Cargo Agency

2.a. Địa chỉ/Address: 9FL 396 Trường Sơn, Phường 4, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

2.b.Email:

2.c. Số ĐT/Tel: 2.d.Fax:

2.e.MST /VAT code:

3.Người nhận/Consignee: Deluge OFF shore & marine pte Ltd

3.a.Địa chỉ/Address: No 22 Chin Bee Drive Singapore

3.b.Email:

3.c. Số ĐT/Tel: 3.d.Fax:

3.e.Thông báo cho/Notify:

3.f. Địa chỉ/Address:

3.g. Số ĐT/Tel: 3.h.Fax:

3.i. Email:

4.Số không vận đơn/Air Waybill number: 375-9049 2064

4.a.Điểm xuất phát/Origin: SGN | Điểm đến/Final destination: SIN

4.b.Chuyến Bay/Flight: 3K0558

4.c.Ngày bay/Date: 1118

4.d.Tổng Số kiện/No. of Pieces: 1

4.e.Tổng số vận đơn phụ: Total of HAWBs

4.f.Loại hàng/Nature of goods: Bổ sung Mẫu phụ tùng trình samples cylinder

5. Hình thức thanh toán/Term of payment

☐Tiền mặt/Cash

☒Chuyển khoản/Bank transfer

Ghi chú cho khách hàng/Note for Customer:

a. Quý khách vui lòng nhận hàng khi chỉ vật thực khi lô hàng hoàn tất kiểm tra an ninh hàng không/The cargo acceptance is only finished when the shipment has been completely security-checked.

b. Đối với các lô hàng gom, khách hàng vui lòng khai báo thông tin ở "Phiếu khai báo hỗ trợ dữ với các lô hàng gom" (Mẫu QF/ED/33)/ For consolidated shipment please declare details in "Declaration for Consolidation" (Form QF/ED/33).

c.Tờ khai gửi hàng này không có giá trị thay thế tờ khai hàng hóa hàng nguy hiểm./This declaration does not replace the Shipper's Declaration for Dangerous Goods.

6. Hướng dẫn phục vụ/Handling information and remarks. Đánh dấu (✓) vào ô thích hợp/Tick (✓) where applicable

☐Hàng dễ hư hỏng/Perishable ☐Hàng quí giá/Valuable ☐Hàng động vật sống/Live animal ☐Kho lạnh/Temp storage

☐Hàng nguy hiểm/Dangerous Goods ☐Hàng giá trị cao/Vulnerable ☐Quan tài/Human remains Yêu cầu nhiệt độ/Temp request:

☑Khác/Other ☐Túi thư ngoại giao/Diplomatic

Yêu cầu khác/Other request:

Tôi xác nhận đã khai báo theo đúng tính chất thực tế của hàng hóa, trường hợp có hàng nguy hiểm, hàng động vật sống, hàng mau hỏng sẽ được khai báo đúng quy định và thể lệ vận chuyển của IATA và quy định Hàng hóa / I certify that the content of this consignment is properly identified by its nature, in case of any part of the consignment contains dangerous goods, Live animal, Perishable such part is in proper condition for carriage by air according to IATA's and Airlines' Regulation

Họ tên đầy đủ, chữ ký người gửi hàng: Nguyễn Xuân Thắng Số ĐT/Tel: 0127 3999987 Số CMND/ID No:

Full name, Shipper's signature: Ngày giờ/Date-Time:

Phần dành cho nhân viên Tiếp Nhận/Complete by Acceptance

Kích thước lô hàng (dài x rộng x cao)/ Dimensions (L x W x H): 114 X63X84 (100kg)

7.a.Trọng lượng theo thể tích Volume weight (kg)	7.b.Trọng lượng Gross weight (kg)	7.c.Trọng lượng tính cước Chargeable weight (kg)
100	88	100

Họ tên đầy đủ, chữ Ký nhân viên tiếp nhận:

Full name, Acceptance staff's signature:



TCS

HƯỚNG DẪN GỬI HÀNG

UPS SUPPLY CHAIN SOLUTIONS FOR DESPATCH

Người gửi (Tên / Địa chỉ / Số ĐT / Fax/MST): CÔNG NAM KHAI TRANSPORTATION INTERNATIONAL CO., LTD 15A CONG HOA WARD 12 TAN BINH DISTRICT HOMCITY

Đơn vị cung cấp dịch vụ (Tên / Địa chỉ /MST): TCS BUI THI THU TIEN

UPS SCS (SINGAPORE) PTE. LTD 70 ALPS AVENUE

Người nhận (Tên / Địa chỉ / Số ĐT / Fax): 80 LOT TO 04 ALPS SINGAPORE 498801 SG

Thông báo

Số hiệu chuyến bay / Ngày: SIN PP BY NAM KHAI

Lộ trình: SGN / Hình thức thanh toán: CONSOL SHPT / GA/SSR/OTH DOC ATTD

Chủng loại hàng: GTN

Tổng số kiện: Tổng trọng lượng:

Kích thước: Trọng lượng tính cước:

Dài x Rộng x Cao:

Hướng dẫn phục vụ / Handling Information

☐ Hàng dễ hư hỏng ☐ Hàng giá trị ☐ Động vật sống ☐ Hàng chuyển nhanh ☐ Các loại khác

☐ Kho lạnh (Cool room) ☐ Kp tải (Escort) ☐ Hàng điện tử (Gia tri cao) ☐ Quan tài (Human remain) ☐ Dịp

☐ Hàng nguy hiểm ☐ Kho giá trị (Strong room)

Đánh dấu (✓) vào ô thích hợp Tick (✓) where applicable

Vietnam Airlines

AIR WAYBILL NO: 738- 7084 3393

AIRPORT OF DESTINATION: SIN TO: AIRPORT OF ORIGIN: FROM:

TOTAL NUMBER OF PIECES: 253 VIA

02 OCT 2017 TAN SON NHAT INTERNATIONAL AIRPORT CARGO SERVICES CHECKED

Thời điểm tiếp nhận: Bắt đầu: Kết thúc:

Được tiếp nhận bởi: Tên, chữ ký, ngày

Người gửi hàng: Tên, chữ ký, ngày

CARGO CHỈ

Quầy xuất không vận đơn bản đầu tiên (màu trắng)

Thu ngân bản thứ hai (màu hồng)

Người gửi hàng bản thứ ba (màu xanh)

GA (bản xuất kho thứ tư (màu vàng)

20/09/2017 14:21

Chú ý: Nếu thời gian hoàn tất thủ tục Hải quan của lô hàng vượt thời gian bắt đầu chuyến bay, lô hàng có thể bị từ chối Phục vụ

086251

Talon


Vietnam Airlines
AIR WAYBILL NO
738-
AIRPORT OF DESTINATION
AIRPORT OF ORIGIN
TO:
FROM:
TOTAL NUMBER OF PIECES
VIA

Talon


HAI LIEN
HAI LIEN TRADING & SERVICES CO., LTD
HOUSE AIR WAYBILL No.
HL-A1611104
DESTINATION:
DAC
No. OF PACKAGE:
13
ORIGIN:
SGN

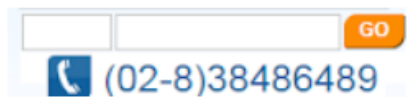
Talon

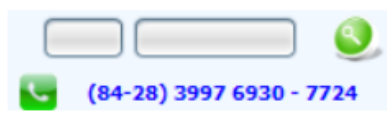

NCA
Nippon Cargo Airlines
Air Waybill No.
933-06768053
Destination
ORD
Total No. of Pieces
10

Tra cứu thông tin hàng hóa xuất nhập khẩu qua sân bay Tân Sơn Nhất

TRACKING - AIR

KIỂM TRA HÀNG HÓA VÀO KHO TCS / SCSC

KHO HÀNG TCS (TÂN SƠN NHẤT)	
Bước 1:	Vào trang web http://tcs.com.vn
Bước 2:	Vào tìm kiếm vận đơn, đánh số không vận đơn 

KHO HÀNG SCSC (TÂN SƠN NHẤT)	
Bước 1:	Vào trang web http://scsc.vn
Bước 2:	Chọn mục AWB Info, đánh số không vận đơn. 

HAWB no charge

079 SGN 4860 1501 IDSSGN6179

Shipper's Name and Address / Shipper's Account Number

CPPC OUTDOOR WEAR (VIETNAM) CO LTD
LOT C15A, PHU TAI INDUSTRIAL ZONE, BUI THI XUAN WARD,
QUY NHON CITY, BINH DINH PROVINCE, VIETNAM

Consignee's Name and Address / Consignee's Account Number

LF SOURCING (MILLWORK) LLC
350 5TH AVE, 9TH FLOOR,
NEW YORK, NY 10118, USA
EIN no. : 45-2624684

Issuing Carrier's Agent Name and City

Agent's IATA Code / Account No.

Airport of Departure (Addr. of First Carrier) and Requested Routing
TAN SON NHAT AIRPORT

Not Negotiable
House Air Waybill
Issued by
LF LOGISTICS SERVICES

Copies 1, 2 and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity.

It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.

Accounting Information
FREIGHT COLLECT

To	By First Carrier	Routing and Destination	to	by	to	by	Currency	CHGS	WT/VAL PPD	WT/VAL COLL	Other PPD	Other COLL	Declared Value for Carriage	Declared Value for Customs
MNL		PR	LAX	PR			USD			X		X	NVD	NCV

Airport of Destination	Requesting Flight/Date		Amount of Insurance	INSURANCE – If carrier offers insurance, and such insurance is requested in accordance with the conditions thereof, indicate amount to be insured in figures in box marked "Amount of Insurance".
LOS ANGELES	PR592	19.DEC.20	XXX	

Handling Information

1ST NOTIFY PARTY:
LF SOURCING (MILLWORK) LLC
350 5TH AVE, 9TH FLOOR,
NEW YORK, NY 10118, USA

2ND NOTIFY PARTY:
LF LOGISTICS USA LLC
230-59 INTERNATIONAL AIRPORT CENTER BLVD
SUITE 270 SPRINGFIELD GARDENS, NY 11413
Tel: (212) 827-3308
Fax: (212) 827-3336
Email : LFLUS-AIR@lflogistics.com

DC ADDRESS :
ONT CLI-CONTRACT LOGISTICS INC.
950 NORTH BARRINGTON AVE,
ONTARIO, CA 91764, USA.
CONTACT : MIGUEL ANGEL JIMENEZ
Tel# 909-297-7251

SCI

No. of Pieces RCP	Gross Weight	kg lb	Rate Class Commodity Item No.	Chargeable Weight	Rate Charge	Total	Nature and Quantity of Goods (incl. Dimensions or Volume)
53	854	K	Q	854	AS ARRANGED	AS ARRANGED	MEN'S 65%COTTON 35%NYLON WOVEN LT WEIGHT OW Supplier invoice number: CPPC20295U PO: 7173064A CITY: 53CTNS@58PCS HS CODE: 6201921700 Dims: 64 x 51 x 28/51P 64 x 51 x 13/ 2P
53	854	K					

Prepaid	Weight Charge	Collect
	AS ARRANGED	

Valuation Charge

Tax

Total Other Charges Due Agent

Total Other Charges Due Carrier

Other Charges
AS ARRANGED

Shipper certifies that the particulars on the face hereof are correct and that insofar as any part of the consignment contains dangerous goods, such part is properly described by name and is in proper condition for carriage by air according to the applicable Dangerous Goods Regulations.

TL LOGISTICS CO., LTD
As Agent
Signature of Shipper or his Agent

Total Prepaid	Total Collect
	AS ARRANGED

Currency Conversion Rates	CC Charges in Dest. Currency

For Carrier's Use only at Destination	Charges at Destination	Total Collect Charges

18 DEC 2020 (Executed on (date)) HOCHIMINH CITY (at (place)) MR AN (Signature of Issuing Carrier or its Agent)

IDSSGN6179

Original 3 (for Shipper)

MAWB 2

PDF

mawb1

PDF

079 - 4860 1501

Shipper's Name and Address / Shipper's Account Number

LF LOGISTICS C/O TL LOGISTICS CO., LTD
16B2 CUU LONG ST, WARD 2, TAN BINH DIST,
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Not Negotiable
Air Waybill
Issued by
Philippine Airlines

079 - 4860 1501

Copies 1, 2, and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity.

Consignee's Name and Address / Consignee's Account Number

LF LOGISTICS USA LLC
230-59 INTERNATIONAL AIRPORT CENTER BLVD
SUITE 270 SPRINGFIELD GARDENS, NY 11413
TEL: (212) 827-3308 FAX: (212) 827-3336
AIR: LFLUS-AIR@LFLOGISTICS.COM

It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.

Issuing Carrier's Agent Name and City

VECTOR AVIATION-HCMC
CUSTOMER CODE: 3700754

Accounting Information/Also Notify

RATE SHEET NO.: FF011/20
ACCOUTING CODE:

Agent's IATA Code / Account No.

Airport of Departure (Addr. of first Carrier) and requested Routing

TAN SON NHAT AIRPORT

Reference Number / Optional Shipping Information

To	By First Carrier	Routing and Destination	to	by	to	by	Currency	CHGS Code	WT/VAL PPD	WT/VAL COLL	Other PPD	Other COLL	Declared Value for Carriage	Declared Value for Customs
MNL		PR	LAX	PR			USD		PP	PP	PP		NVD	NCV

Airport of Destination	Requested Flight/Date	Amount of Insurance	INSURANCE – If Carrier offers insurance, and such insurance is requested in accordance with the conditions thereof, indicate amount to be insured in figures in box marked 'Amount of Insurance'.	TC
LOS ANGELES	PR592/19DEC	XXX		

HANDLING INFORMATION

VECTOR AVIATION HAS REVIEWED ALL AVAILABLE DOCUMENT & HAS DETERMINED ~~THAT NONE OF~~ (SCI)
No. of HAWB: 1 THE CARGO BEING OFFERED IN THIS CONSIGNMENT OF CONSOLIDATION HAS ORIGINATED IN,
(For USA only) These commodities, technology or software were exported from the United States in accordance with the Export Administration Regulations. Diversion contrary to USA law prohibited. TRANSFERRED FROM, OR TRANSITED THROUGH ANY POINT IN YEMEN, SOMALI, SYRIA AND EGYPT

No. of Pieces RCP	Gross Weight	Kg lb	Rate Class Commodity Item No.	Chargeable Weight	Rate Charge	Total (USD)	Nature and Quantity of Goods (incl. Dimensions or Volume)
53	854.0	K	Q	854.0	5.50	4,697.00	CONSOL SHIPMENT DOCS ATTACHED DIMS: 64*51*28CM*51 64*51*13CM*02
53	854.0					4,697.00	

Prepaid	Weight Charge	Collect
	4697.00	

Valuation Charge

Tax

Total other Charges Due Agent

Total other Charges Due Carrier

702.72

Other Charges

XDC :	128.10
MYC :	555.10
CCG :	5.00
SCC :	14.52

Shipper certifies that the particulars on the face hereof are correct and that INSOFAR AS ANY PART OF THE CONSIGNMENT CONTAINS DANGEROUS GOODS, SUCH PART IS PROPERLY DESCRIBED BY NAME AND IS IN PROPER CONDITION FOR CARRIAGE BY AIR ACCORDING TO THE APPLICABLE DANGEROUS GOODS REGULATIONS.

LF LOGISTICS C/O TL LOGISTICS CO., LTD
Signature of Shipper or his Agent

Total prepaid	Total collect
5399.72	

Currency Conversion Rates	cc charges in Dest. Currency

For Carriers Use only at Destination	Charges at Destination	Total collect Charges

Executed on (Date) 18-Dec-20 at (Place) HOCHIMINH CITY Signature of Issuing Carrier or its Agent

ORIGINAL 3 (FOR SHIPPER)

079 - 4860 1501

MYC = Miscellaneous charge due issuing carrier
= **FSC** (Fuel surcharge) = *phụ phí xăng dầu*

CCC = **AMS** (Automatic Manifest System)
= *phí truyền dữ liệu hải quan*

WSC = War Risk Surcharge
= XDC = *rủi ro chiến tranh*

Bill fee = AWB = AWC = *phí Airwaybill*

SCC = Security Scanning Fee = MCC = X-ray fee
= *phí soi an ninh*

4. KT 3B,C,D

5. NHÓM : giải quyết tình huống thực tế

1 → 7

Trình bày slide

Up classroom

BÀI 3 - NHÓM



CHỦ ĐỀ:

Hệ thống Eport Cảng Cát Lái

SLIDE (Canva) – DÙNG HÌNH ẢNH, ÍT CHỮ

1. Tên chủ đề
2. Tên thành viên nhóm (có hình càng tốt)
3. Nội dung trình bày
4. Nội dung 1 : Khái niệm
5. Nội dung 2 : Đăng ký giao cont bằng đường bộ
6. Nội dung 3 : Thanh toán online trên eport
7. Tóm tắt toàn bộ nội dung (mindmap)
8. Cảm ơn.

NỘP BÀI TRÊN CLASSROOM ĐÚNG HẠN

1 thành viên nộp

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 1





TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 2





TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 3





(Cut off lúc 19:00 nhưng 18:15 xe mới đi, kho đóng hàng rất xa nơi hạ hàng (khoảng 250km)

BÀI 3 – case study 4





TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 5





TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 6



TÂM SỰ THỰC TẬP

CÂU CHUYỆN HIỆN TRƯỜNG

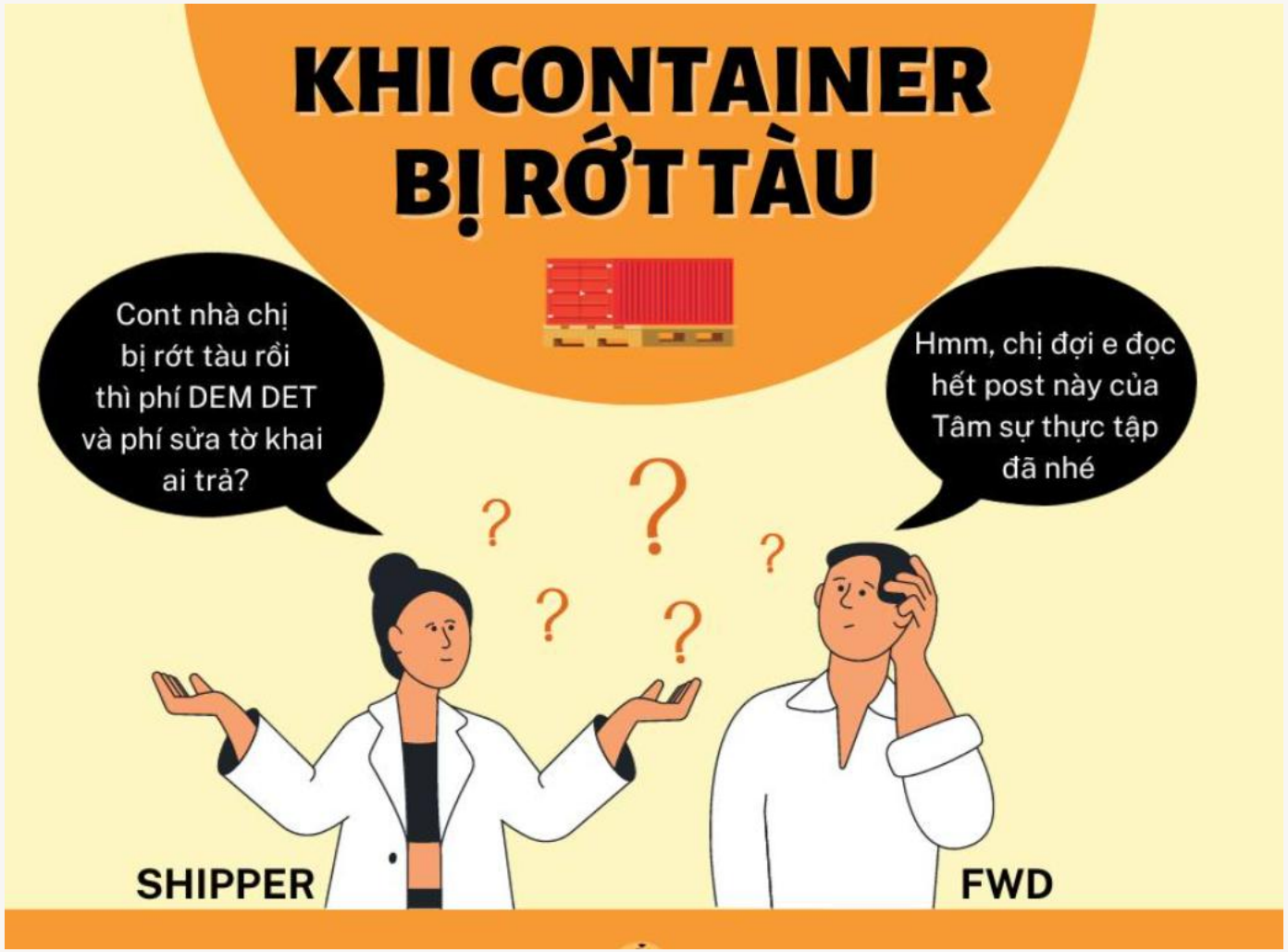
RÚT HÀNG SANG CONT

Dự án đồng hành cùng sinh viên thực tập ngành xuất nhập khẩu

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 7





TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 1 – ĐÁP ÁN

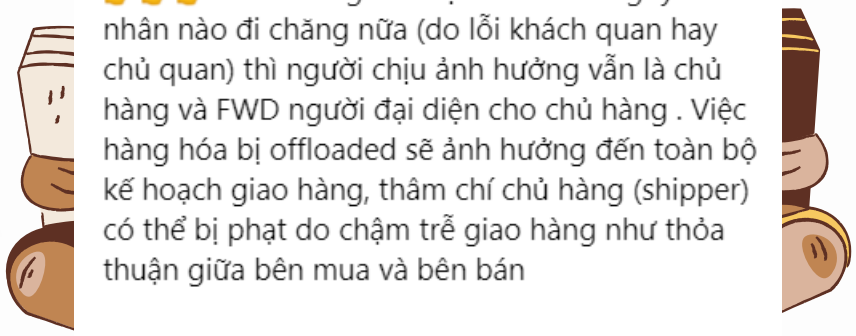


https://www.facebook.com/profile/100085910434123/search/?q=NH%E1%BA%ACP%20CIF%20XU%E1%BA%A4T%20FOB

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 2 – ĐÁP ÁN





👉👉👉 Dù là hàng hóa bị offload do nguyên nhân nào đi chăng nữa (do lỗi khách quan hay chủ quan) thì người chịu ảnh hưởng vẫn là chủ hàng và FWD người đại diện cho chủ hàng . Việc hàng hóa bị offloaded sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kế hoạch giao hàng, thâm chí chủ hàng (shipper) có thể bị phạt do chậm trễ giao hàng như thỏa thuận giữa bên mua và bên bán

Như vậy bản thân FWD và chủ hàng cần chủ động bám sát mọi deadline, cut off time hàng + docs của hãng bay để sắp xếp kế hoạch, thời gian sản xuất hàng, thời gian đưa hàng lên Nội Bài/ Tân Sơn Nhất, thời gian cân hàng đưa hàng vào kho để hạn chế tối đa mọi rủi ro.

❓Vậy offloaded máy bay là gì

- Khái niệm "offloaded" trong vận tải hàng không được hiểu là hàng hóa không được load lên chuyến bay như BCF hay hiểu đơn giản là hàng hóa không được vận chuyển lên máy bay đã đặt chỗ trước
- Thông thường, sau khi hàng hóa bị offload thì các hãng hàng không sẽ gửi thông báo chính thức bằng "official letter" thông qua email cho FWD nêu rõ nguyên nhân và lịch trình chuyến bay kế sẽ vận chuyển lô hàng đó

❓Nguyên nhân khiến hàng bị offload

- Có khá nhiều nguyên nhân khiến hàng bị offload nhưng trong bài viết này Tâm sự thực tập sẽ chia sẻ 3 trường hợp mà team hay gặp phải đó là:

👉 Trường hợp 2: Do lỗi của bên trung gian - Nhân viên kho hàng

- Bộ phận kho hàng chính là bên trung gian chính hỗ trợ hãng bay và người xuất nhập khẩu trong việc vận chuyển hàng hóa. Tuy nhiên có rất nhiều trường hợp mặc dù lô hàng có trong kế hoạch load hàng từ hãng bay, nhưng do trong qua trình xếp load lên mâm hàng, nhân viên kho kéo nhầm hàng của bên khác hoặc bị miss mất lô hàng của bạn dẫn đến vô tình lô hàng bị offload

- Tương tự như trường hợp lỗi do máy bay quá tải, hãng sẽ gửi thư xin lỗi và sắp xếp chuyến bay sớm nhất cho lô hàng bị offload

👉 Trường hợp 1: Máy bay bị quá tải

- Thông thường dựa vào trọng tải của máy bay, hãng bay sẽ có sự sắp xếp tính toán để đưa ra những trọng lượng tải có thể nhận được, sau đó sẽ nhận booking từ các FWD. Tuy nhiên thực tế nếu có quá nhiều bên lên vượt booking dẫn đến tình trạng quá tải toàn bộ space của tàu bay. Hoặc lượng hàng từ những chuyến bay trước bị off lại quá nhiều cần được load vào tàu bay này
- Để đảm bảo space và an toàn cho cho tàu bay, hãy bay buộc phải cắt lại 1 số lượng hàng hóa nhất định
- Sau khi máy bay khởi hành website của hãng bay sẽ update tình trạng của lô hàng. Chúng ta có thể chủ động tracing bằng số MAWB trên web của hãng để nắm được tình hình. Nếu hàng bị offload thường sẽ được show với tình trạng offloaded hoặc không được hiển thị "depart" mặc dù máy bay đã khởi hành
- Trong trường hợp nãy lỗi xuất phát từ phía hãng bay, hãng sẽ gửi thư xin lỗi và đưa ra sự sắp xếp chuyến bay sớm nhất cho lô hàng bị offload

👉 Trường hợp 3: Do lỗi của chủ hàng nhập hàng muộn

- Trên booking của hãng bay luôn có giờ cut off hàng. Tuy nhiên vì lý do chủ quan từ người xuất khẩu như: Hàng hóa không sản xuất kịp, hàng bị lỗi phải sản xuất thay thế...dẫn đến hàng đến kho hàng không muộn, hàng nhập kho vào muộn quá giờ cut off trên BCF dẫn đến việc offloaded

BÀI 3 – case study 4 – ĐÁP ÁN



https://www.facebook.com/photo?fbid=2512638444139 62&set=a.135862089287472

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 5 –ĐÁP ÁN



https://www.facebook.com/photo/?fbid=2354381826631 95&set=a.101394362734245

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 6



https://www.facebook.com/photo/?fbid=1921006603302 81&set=a.101394362734245

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 3 – case study 7 – ĐÁP ÁN



https://www.facebook.com/photo?fbid=2771644251572 37&set=a.135862089287472

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

Bài 1

- Các chứng từ cơ bản trong giao nhận

Bài 2

- Cước vận chuyển và chi phí trong giao nhận

Bài 3

- Nghiệp vụ giao hàng XUẤT KHẨU

Bài 4

- Nghiệp vụ nhận hàng NHẬP KHẨU

Bài 5

- Thủ tục hải quan XUẤT NHẬP KHẨU

Bài 6

- Hoạt động của Freight Forwarder

Bài 4



Nghiệp vụ nhận hàng NHẬP KHẨU

KIỂM TRA BÀI 4

1. Quiz 4
2. KT4A – giấy
3. KT4B – giấy
4. KT4C – giấy

QUI TRÌNH NHẬP KHẨU



Hỏi hàng, làm P/O → ký HĐ

Xin giấy phép nhập khẩu

Thực hiện công việc đầu của khâu thanh toán

Thuê phương tiện vận tải

Mua bảo hiểm

Thanh toán và nhận chứng từ

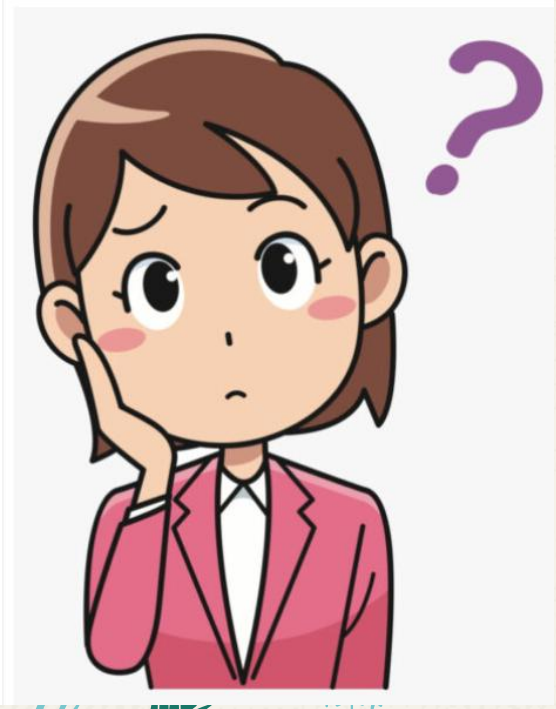
Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)

Đăng ký kiểm tra liên ngành

Làm thủ tục hải quan và nộp thuế

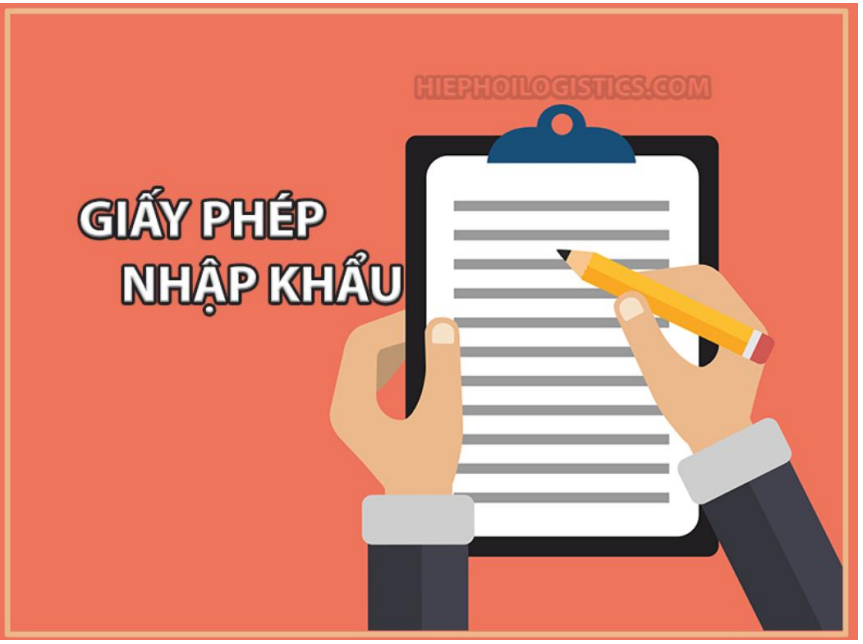
Thủ tục nhận hàng (tại cảng, sân bay)

Thanh lý hợp đồng



Mặt hàng nào cần Giấy phép?

Xin giấy phép nhập khẩu



- Hàng hóa áp dụng hạn ngạch
- Hóa chất, tiền chất thuốc nổ….
- Nguyên liệu thuốc lá, thuốc lá…
- Hàng hóa áp dụng chế độ cấp giấy phép tự động
- ……

B	Hàng hóa nhập khẩu	Hình thức quản lý
1	Hàng hóa cần kiểm soát nhập khẩu theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên do Bộ Công Thương công bố cho từng thời kỳ. khóa học đào tạo thực hành c&b	Giấy phép nhập khẩu.
2	Hàng hóa áp dụng chế độ cấp giấy phép nhập khẩu tự động: Bộ Công Thương công bố danh mục hàng hóa áp dụng chế độ cấp giấy phép nhập khẩu tự động cho từng thời kỳ và tổ chức cấp phép theo quy định hiện hành về cấp phép.	Giấy phép nhập khẩu tự động
3	Hàng hóa áp dụng chế độ hạn ngạch thuế quan: a) Muối. khóa học xuất nhập khẩu b) Thuốc lá nguyên liệu. c) Trứng gia cầm. d) Đường tinh luyện, đường thô.	Giấy phép nhập khẩu.
4	Hóa chất và sản phẩm có chứa hóa chất.	Thực hiện theo quy định của Luật Hóa chất và các Nghị định quy định chi Tiết thi hành.
	Hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.	Thực hiện theo quy định của Nghị định 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.
	Tiền chất công nghiệp. tin học văn phòng excel	Giấy phép nhập khẩu.
5	Tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp.	Quy định điều kiện và giấy phép nhập khẩu.
6	Nguyên liệu thuốc lá, sản phẩm thuốc lá, giấy vấn điếu thuốc lá; máy móc, thiết bị chuyên ngành sản xuất thuốc lá và phụ tùng thay thế.	Thực hiện theo quy định của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

Xin giấy phép nhập khẩu



REAL LOGISTICS

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU MÁY IN

ĐỐI TƯỢNG

Máy in laser
Máy in offset
Máy in flexo
Máy photocopy màu
Máy in phun màu kỹ thuật số
Máy in kỹ thuật số...

HỒ SƠ

- Đơn đề nghị cấp GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU thiết bị in
- Catalogue của thiết bị in
- Bản sao giấy đăng kí kinh doanh



QUY TRÌNH

- Nộp hồ sơ trực tuyến tới Cục Xuất Bản, Bộ Thông tin và Truyền thông
- Sau khi hồ sơ HỢP LỆ, Cục Xuất bản sẽ cấp Giấy phép.

Thực tế thi Doanh nghiệp thường mất rất nhiều thời gian để có bộ hồ sơ HỢP LỆ

Lý thuyết thì thế
Nếu lười thực hành, hãy để
REAL LOGISTICS

Thời gian : 5 ngày
Thủ tục : ĐƠN GIẢN
Chi phí : CẠNH TRANH

Thực hiện công việc đầu của khâu thanh toán

TT in advance

- Chuyển tiền cho người bán

COLLECTION

- NIL

LC

- Mở LC.
- Thông báo cho người bán về LC



Thuê phương tiện vận tải

- **Incoterm nhóm E,F:**

Người mua ký hợp đồng vận chuyển/ thông tin cho người bán để liên lạc và sắp xếp nhận booking confirmation.



Mua bảo hiểm

- Chọn điều kiện bảo hiểm: A,B,C
- Làm giấy yêu cầu bảo hiểm
- Đóng phí và lấy chứng thư bảo hiểm



Thanh toán và nhận chứng từ

TT

- Thanh toán phần tiền còn thiếu (nếu có)
- Nhận bộ chứng từ từ người bán

Collection

- Chuyển trả tiền /ký chấp nhận hối phiếu, nhận bộ chứng từ từ NH.

LC



- Thanh toán với ngân hàng
- Ngân hàng ký hậu vào B/L (endorsed B/L)
- Nhận bộ chứng từ từ ngân hàng

BILL OF LADING

Consignee = Nhà NK

Notify party

Shipper
GO VIET CO., LTD
HoChiMinh city VietNam
(028) 97654321 - 97654322
sales@vietnhat.vn

B/L No. :ONE6270520030

OCEAN NETWORK EXPRESS

Consignee
HITECH FURNITURE CO., LTD
No. 10 Soi 10,New teck park 556741 Singapore
(085) 344665 - 344666

Notify party
SAME AS CONSIGNEE

Pre-carriage by	Place of Receipt: ICD PHUOC LONG 1, VIETNAM
Oceans Vessel / Voyage: KITI BHUM V. 550R	**Port of Loading**: CAT LAI PORT, VIETNAM
Port of Dischagre: SINGAPORE	**Place of delivery**: SINGAPORE
	Type of movement: CY/CY

Marks and Numbers / Container / Seal number	Number and Kind of packages/ Description of Goods	Gross Weight (kgs)	Measurenment (M^3)
GOVE - MADE IN VIETNAM	Face veneer sheets 50 packages (12x1220x2440)	5,020.98 kgs	100 CBM

LC

C'nee
= To Order of bank

Notify party
= Nhà NK

Shipper
GO VIET CO., LTD
205 Nguyen St., District 3,
(028) 97654321 - 97654322
sales@vietnhat.vn

B/L No. :ONE6270520030

ONE
OCEAN NETWORK EXPRESS

Consignee
TO THE ORDER OF CITI BANK , SINGAPORE

Notify party
HITECH FURNITURE CO., LTD
No. 10 Soi 10,New teck park 556741 Singapore
(085) 344665 - 344666

Place of Receipt
ICD PHUOC LONG 1, VIETNAM

Oceans Vessel / Voyage
KITI BHUM V. 550R

Port of Loading
CAT LAI PORT, VIETNAM

Port of Dischagre	Place of delivery	Type of movement
SINGAPORE	SINGAPORE	CY/CY

Marks and Numbers Container / Seal number	er and Kind of packages/ Description of G	Gross Weight (kgs)	leasurenment (M³
GOVE - MADE IN VIETNAM	Face veneer sheets (12x1220x2440) 50 packages Face veneer sheets (25x1220x2440) 46 packages	5,020.98 kgs	100 CBM
GLDU5058135/143945133			

LINER BILL OF LADING

(Liner terms approved by The Baltic and International Maritime Conference)
Code Name: "CONLINEBILL"
Amended January 1st 1950, August 1st 1952, January 1st 1973, July 1st 1974, August 1st 1976, January 1st 1978 amended 1990.

1. Definition
Wherever the term "Merchant" is used in this Bill of Lading, it shall be deemed to include the Shipper, the Receiver, the Consignee, the Holder of the Bill of Lading and the Owner of the cargo.

2. General Paramount Clause.
The Hague Rules contained in the International Convention for the Unification of certain rules relating to Bills of Lading, dated Brussels the 25th August 1924 as enacted in the country of shipment shall apply to this contract. When no such enactment is in force in the country of shipment, the corresponding legislation of the country of destination shall apply, but in respect of shipments to which no such enactments are compulsorily applicable, the terms of the said Convention shall apply.
Trades where Hague-Visby Rules apply.
In trades where the International Brussels Convention 1924 as amended by the Protocol signed at Brussels on February 23rd 1968 – The Hague-Visby Rules – apply compulsorily, the provisions of the respective [illegible] shall be considered incorporated in this Bill [illegible] takes all reservations possible under [illegible] legislation, relating to the period before loading and after discharging and while the goods are in the charge of [illegible] Carrier, and to deck cargo and live animals.

3. Jurisdiction.
Any dispute arising under this Bill of Lading shall be decided in the country where the Carrier has his principal place of business, and the law of such country shall apply except a provided elsewhere herein.

4. Period of Responsibility.
The Carrier or his Agent shall not be liable for loss of damage to the goods during the period before loading an after discharge from the vessel, howsoever such loss damage arises.

5. The Scope of Voyage.
As the vessel is engaged in liner service the intende voyage shall not be limited to the direct route but shall b deemed to include any proceeding or returning to stopping or slowing down at or off any ports or places any reasonable purpose connected with the servic including maintenance of vessel and crew.

6. Substitution of Vessel, Transhipment and Forwarding.
Whether expressly arranged beforehand or otherwise, the Carrier shall be at liberty to carry the goods to their port of destination by the said or other vessel or vessels either belonging to the Carrier or others, or by other means of transport, proceeding either directly or indirectly to such port and to carry the goods or part of them beyond their port of destination, and to tranship, land and store the goods either on shore or afloat and tranship and forward the same at Carrier's expense but at Merchant's risk. When the ultimate destination at which the Carrier may have engaged to deliver the goods is other than the vessel's port of discharge, the Carrier acts as Forwarding Agent only.
The responsibility of the Carrier shall be limited to the part of the transport performed by him on vessels under his management and no claim will be acknowledged by the Carrier for damage or loss arising during any other part of the transport even though the freight for the whole transport has been collected by him.

7. Lighterage.
Any lightering in or off ports of loading or ports of discharge to be for the account of the Merchant.

8. Loading, Discharging and Delivery
of the cargo shall be arranged by the Carrier's Agent unless otherwise agreed.
Landing, storing and delivery shall be for the Merchant's account.
Loading and discharging may commence without previous notice.
The Merchant or his Assign shall tender the goods when the vessel is ready to load and as fast as the vessel can receive and – but only if required by the Carrier – also outside ordinary working hours notwithstanding any custom of the port. Otherwise the Carrier shall be relieved of any obligation to load such cargo and the vessel may leave the port without further notice and deadfreight is to be paid.
The Merchant or his Assign shall take delivery of the goods and continue to receive the goods as fast as the vessel can deliver and – but only if required by the Carrier – also outside ordinary working hours notwithstanding any custom of the port. Otherwise the carrier shall be at liberty to discharge the goods and any discharge to be deemed a true fulfilment of the contract, or alternatively to act under Clause 16.
The Merchant shall bear all overtime charges in connection with tendering and taking delivery of the goods as above.
If the goods are not applied for within a reasonable time, the Carrier may sell the same privately or by auction.
The Merchant shall accept his reasonable proportion of unidentified loose cargo.

9. Live Animals and Deck Cargo
shall be carried subject to Hague Rules as referred to in Clause 2 hereof with the exception that notwithstanding anything contained in Clause 19 the Carrier shall not be liable for any loss or damage resulting from any act, neglect or default of his servants in the management of such animals and deck cargo.

10. Options.
The port of discharge for optional cargo must be declared to the vessel's Agents at the first of the optional ports not later than 48 hours before the vessel's arrival there. In the absence of such declaration the Carrier may elect to discharge at the first or any other optional port and the contract of carriage shall then be considered as having been fulfilled. Any option can be exercised for the total quantity under this Bill of Lading only.

11. Freight and Charges.
(a) Prepayable freight, whether actually paid or not, shall be considered as fully earned upon loading and non-returnable in any event. The Carrier's claim for any charges under this contract shall be considered definitely payable in like manner as soon as the charges have been incurred.
Interest at 5 per cent, shall run from the date when freight and charges are due.
(b) The Merchant shall be liable for expenses of fumigation and of gathering sorting loose cargo and of weighing onboard and expenses incurred in repairing damage to and replacing of [illegible]
(c) Any dues, duties, taxes and charges which under any [illegible]
(d) The Merchant shall be liable for all fines and/or losses which the Carrier, vessel or cargo may incur through non-observance [illegible] regulations.



[illegible] correct declaration of [illegible] of the goods to claim [illegible] ave been due if such [illegible] For the purpose of [illegible] reserves the right to [illegible] ice and to have the [illegible] asurement or value

[illegible] ount due under this [illegible] hall be entitled to sell [illegible] claims.

12. Delay.
The Carrier shall not be responsible for any loss sustained by the Merchant through delay of the goods unless caused by the Carrier's personal gross negligence.

14. General Average and Salvage.
General Average to be adjusted at any port or place at Carrier's option and to be settled according to the York-Antwerp Rules 1974. In the event of accident, danger, damage or disaster before or after commencement of the voyage resulting from any cause whatsoever, whether due to negligence or not, for which or for the consequence of which the Carrier is not responsible by statute, contract or otherwise, the Merchant shall contribute with the Carrier in General Average to the payment of any sacrifice, losses or expenses of a General Average nature that may be made or incurred, and shall pay salvage and special charges incurred in respect of the goods. If a salving vessel is owned or operated by the Carrier, salvage shall be paid for as fully as if the salving vessel or vessels belonged to strangers.

15. Both-to-Blame Collision Clause. (This clause to remain in effect even if unenforcible in the Courts of the United States of America).
If the vessel comes into collision with another vessel as a result of the negligence of the other vessel and any act, negligence or default of the Master, Mariner, Pilot or the servants of the Carrier in the navigation or in the management of the vessel, the Merchant will indemnify the Carrier against all loss or liability to the other or non-carrying vessel or her Owner in so far as such loss or liability represents loss of or damage to or any claim whatsoever of the owner of the said goods paid or payable by the other or non-carrying vessel or her Owner to the owner of the said cargo and set-off, or recouped or recovered by the other or non-carrying vessel or her Owner as part of his claim against the carrying vessel or Carrier. The foregoing provisions shall also apply where the Owner, operator or those in charge of any vessel or vessels or objects other than, or in addition to, the colliding vessels or objects are at fault in respect of a collision or contact.

16. Government directions, War, Epidemics, Ice Strikes etc.
a) The Master and the Carrier shall have liberty to comply with any order or directions or recommendations in connection with the transport under this contract given by any Government or Authority, or anybody acting or purporting to act on behalf of such Government or Authority, or having under the terms of the insurance on the vessel the right to give such orders or directions or recommendations.
b) Should it appear that the performance of the transport would expose the vessel or any goods on board to risk of seizure or damage or delay, resulting from war, warlike operations, blockade, riots, civil commotions or piracy, or any person onboard to the risk of loss of life or freedom, or that any such risk has increased, the Master may discharge the cargo at port of loading or any other safe and convenient port.
c) Should it appear that epidemics, quarantine, ice - labour troubles, labour obstructions, strikes, lockouts, any of which onboard or on shore – difficulties in loading or discharging would prevent the vessel from leaving the port of loading or reaching or entering the port of discharge or there discharging in the usual manner and leaving again, all of which safely and without delay, the Master may discharge the cargo at port of loading or any other safe and convenient port.
d) The discharge under the provisions of this clause of any cargo for which a Bill of Lading has been issued shall be deemed due fulfilment of the contract. If in connection with the exercise of any liberty under this clause any extra expenses are incurred, they shall be paid by the Merchant in addition to the freight, together with return freight if any and a reasonable compensation for any extra services rendered to the goods.
e) If any situation referred to in this clause may be anticipated, or if for any such reason the vessel cannot safely and without delay reach or enter the loading port or must undergo repairs, the Carrier may cancel the contract before the Bill of Lading is issued.
f) The Merchant shall be **informed if possible.**

17. Identity of the Carrier.
The contract evidenced by the Bill of Lading is between the Merchant and the Owner of the vessel named herein (or substitute) and it is therefore agreed that said Shipowner only shall be liable for any damage or loss due to any breach or non-performance of any obligation arising out of the contract of [illegible] whether or relating to the vessel's seaworthiness. [illegible] that any other is the [illegible] goods shipped hereunder, all limitations of, and exonerations from, liability provided for by law [illegible] this Bill of Lading shall be available to such other.
[illegible] further [illegible] agreed that as the Line Company or [illegible] this Bill of Lading for and on behalf of the Master is not a principal in the transaction, said Line, Company or Agents shall not be under any liability arising out of the contract of carriage, nor as Carrier nor bailee of the goods.

18. Exemptions and Immunities of all servants and agents of the Carrier.
It is hereby expressly agreed that no servant or agent of the Carrier (including every independent contractor from time to time employed by the Carrier) shall in any circumstances whatsoever be under any liability whatsoever to the Merchant for any loss, damage or delay arising or resulting directly or indirectly from any act, neglect or default on his part while acting in the course of or in connection with his employment and, but without prejudice to the generality of the foregoing provisions in this clause, every exemption, limitation, condition and liberty herein contained and every right, exemption from liability, defence and immunity of whatsoever nature applicable to the Carrier or to which the Carrier is entitled hereunder shall also be available and shall extend to protect every such servant or agent of the Carrier acting as aforesaid and for the purpose of all the foregoing provisions of this clause the Carrier is or shall be deemed to be acting as agent or trustee on behalf of and for the benefit of all person who are or might be his servants or agents from time to time (including independent contractors as aforesaid) and all such persons shall to this extent be or be deemed to be parties to the contract evidenced by this Bill of Lading.
The Carrier shall be entitled to be paid by the Merchant on demand any sum recovered or recoverable by the Merchant or any other from such servant or agent of the Carrier for any such loss, damage or delay or otherwise.

19. Optional Stowage. Unitization.
a) Goods may be stowed by the Carrier as received, or, at Carrier's option, by means of containers, or similar articles of transport used to consolidated goods.
b) Containers, trailers and transportable tanks, whether stowed by the Carrier or received by him in a stowed condition from the Merchant, may be carried on or under deck without notice to the Merchant.
c) The Carrier's liability for cargo stowed as aforesaid shall be governed by the Hague Rules as defined above notwithstanding the fact that the goods are being carried on deck and the goods shall contribute to general average and shall receive compensation in general average.

ADDITIONAL CLAUSES

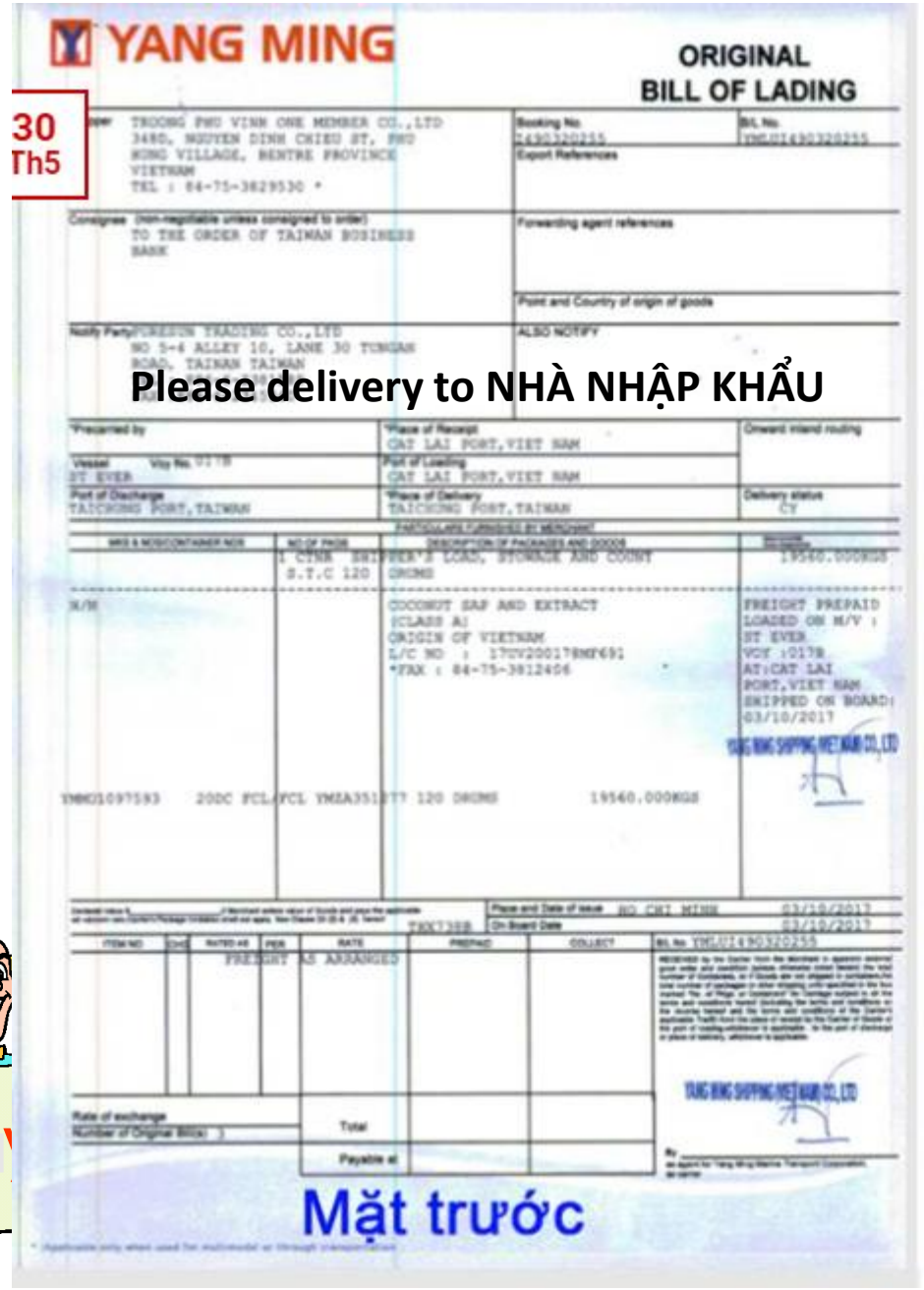
(To be added if required in the contemplated trade).

A. Demurrage.
The Carrier shall be paid demurrage at the daily rate per ton of the vessel's gross register tonnage as indicated on Page 2 if the vessel is not loaded or discharged with the dispatch set out in Clause 8, and delay in waiting for berth at or off port to count, provided that if the delay is due to causes beyond the control of the Merchant, 24 hours shall be deducted from the time on demurrage.
Each Merchant shall be liable towards the Carrier for a proportionate part of the total demurrage due based upon the total freight on the goods to be loaded or discharged at the port in question.
No Merchant shall be liable in demurrage for any delay arisen only in connection with goods belonging to other Merchants.
The demurrage in respect of each parcel shall not exceed its freight.
(This clause shall only apply if the Demurrage Box on Page 2 is filled in).

B. U.S. Trade. Period of Responsibility
In case the Contract evidenced by this Bill of Lading is subject to the U.S. Carriage of Goods by Sea Act, then the provisions stated in said Act shall govern before loading and after discharge and throughout the entire time the goods are in the Carrier's custody.

Please delivery cargo to the order of HITECH FURNITURE CO., LTD.





YANG MING

ORIGINAL
BILL OF LADING

30
Th5

TRUONG PHU VINH ONE MEMBER CO.,LTD
3480, NGUYEN DINH CHIEU ST, PHU
HONG VILLAGE, BENTRE PROVINCE
VIETNAM
TEL : 84-75-3829530 *

Booking No. 1430320255
B/L No. YMLU1430320255
Export References

Consignee (non-negotiable unless consigned to order)
TO THE ORDER OF TAIWAN BOSINESS
BANK

Forwarding agent references

Point and Country of origin of goods

Notify Party FOREIGN TRADING CO.,LTD
NO 5-4 ALLEY 10, LANE 30 TUNGAN
ROAD, TAINAN TAIWAN

ALSO NOTIFY

Please delivery to NHÀ NHẬP KHẨU

*Pre-carried by

*Place of Receipt
CAT LAI PORT,VIET NAM

Onward inland routing

Vessel ST EVER Voy No. 0178

Port of Loading
CAT LAI PORT,VIET NAM

Port of Discharge
TAICHUNG PORT,TAIWAN

*Place of Delivery
TAICHUNG PORT,TAIWAN

Delivery status
CY

PARTICULARS FURNISHED BY MERCHANT

MKS & NOS/CONTAINER NOS	NO.OF PKGS	DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS	MEASUREMENT
	1 CTNR SHIPPER'S LOAD, STOWAGE AND COUNT S.T.C 120	ONGMG	19560.000KGS
N/M		COCONUT SAP AND EXTRACT (CLASS A) ORIGIN OF VIETNAM L/C NO : 17UV2001780F691 *FAX : 84-75-3812406	FREIGHT PREPAID LOADED ON M/V : ST EVER VOY :0178 AT:CAT LAI PORT,VIET NAM SHIPPED ON BOARD: 03/10/2017
YMMU1097193	20DC FCL/FCL YMSA351277 120 ONGMG		19560.000KGS

YANG MING SHIPPING (VIET NAM) CO., LTD

Place and Date of issue HO CHI MINH 03/10/2017
On Board Date 03/10/2017

T90T3SB

ITEM NO	CHG	RATED AS	PER	RATE	PREPAID	COLLECT
				FREIGHT AS ARRANGED		

B/L No. YMLU1430320255

RECEIVED by the Carrier from the Merchant in apparent external good order and condition (unless otherwise noted) the total number of containers, or Packages or other shipping units specified in the box marked "No. of Packages" or "Containers" for Carriage subject to all the terms and conditions named (including the terms and conditions on the reverse hereof) and the terms and conditions of the Carrier's applicable Tariff, from the place of receipt or the Carrier, or Vessel or the port of loading whichever is applicable to the port of discharge or place of delivery, whichever is applicable.

YANG MING SHIPPING (VIET NAM) CO., LTD

By
as Agent for Yang Ming Marine Transport Corporation, as carrier

Rate of exchange
Number of Original B/(s): 3

Total

Payable at

Mặt trước

Mặt sau



WAN HAI

WVNSGN0110007666

BILL OF LADING

B/L No. 039BX13097

ORIGINAL

Shipper
KHAI THUAN PHU CO., LTD
ADDRESS: 43 HUNG VUONG STREET,
QUARTER 2, LONG HOA WARD,HOA THANH
TOWN, TAY NINH PROVINCE, VIETNAM.""

Consignee
TO THE ORDER OF STATE BANK OF INDIA
SME BRANCH, STATE BANK BUILDING,
FIRST FLOOR,NO.04, STATE BANK ROAD,
ERODE(12777) - 638001, INDIA

Notify party (carrier not to be responsible for failure to notify)
PRS TYRES PRIVATE LIMITED
42/1B, KURUKKAPURAM, RASIPURAM TALUK
NAMAKKAL, TAMILNADU INDIA 637401

Ocean vessel / Voy No.
WAN HAI 302 S274

RECEIVED by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition unless otherwise indicated herein, the Goods, or the Container(s) or package(s) said to contain the cargo herein mentioned to be carried subject to all the Terms and Conditions provided for on the face and back of this Bill of Lading by the Vessel named herein or any substitute at the Carrier's option and/or other means of transport, from the Place of Receipt or the Port of Loading to the Port of Discharge or the Place of Delivery shown herein and there to be delivered unto order or assigns.

This Bill of Lading duly endorsed must be surrendered in exchange for the Goods or delivery order.

In accepting this Bill of Lading, the Merchant (as defined by Article 1 on the back hereof) agrees to be bound by all Terms and Conditions on the face and back hereof, whether written, typed, stamped, printed or otherwise incorporated, as fully as if signed by the Merchant, any local custom or privilege to the contrary notwithstanding, and agrees that all agreements or freight engagements for and in connection with the Carriage of the Goods are superseded by this Bill of Lading.

It is further agreed that Goods may be stowed on deck without notice pursuant to Article 17 on the back of this Bill of Lading.

In witness whereof, the undersigned, on behalf of the Carrier, has signed the number of Bill(s) of Lading stated above, all of this tenor and date, one of which being accomplished the others to stand void.

(Terms and Conditions of Bill of Lading continued on the back hereof, may be obtained from the office of the Carrier or the Carrier's authorised agent, and are available on the website: www.wanhai.com)

"On Board" means the Goods are loaded on board the ocean Vessel named in this Bill of Lading, or loaded on board rail cars, trucks, lorries, feeder ships, barges, or other means of transportation and are in the custody of an inland or ocean carrier for Combined Transport in accordance with the terms of this Bill of Lading.

SHIPPING AGENT REFERENCES (COMPLETE NAME AND ADDRESS)

OMEGA SHIPPING AGENCIES PVT.LTD.
NO.2, V.V.D. BUILDING, 1ST FLOOR, WORD TRADE
AVENUE, HARBOUR ESTATE, TUTICORIN 628 004, INDIA
TEL : 4210101 FAX : 2353318

Port of loading
HO CHI MINH PORT, VIETNAM

Place of receipt
HO CHI MINH PORT, VIETNAM

Pre-carriage by

WAN HAI

Shipper
KHAI THUAN PHU CO., LTD
ADDRESS: 43 HUNG VUONG STREET,
QUARTER 2, LONG HOA WARD,HOA THANH
TOWN, TAY NINH PROVINCE, VIETNAM.""

Consignee
TO THE ORDER OF STATE BANK OF INDIA
SME BRANCH, STATE BANK BUILDING,
FIRST FLOOR,NO.04, STATE BANK ROAD,
ERODE(12777) - 638001, INDIA

Notify party (carrier not to be responsible for failure to notify)
PRS TYRES PRIVATE LIMITED
42/1B, KURUKKAPURAM, RASIPURAM TALUK
NAMAKKAL, TAMILNADU INDIA 637401

Ocean vessel / Voy No.
WAN HAI 302 S274

Port of loading
HO CHI MINH PORT,

Mặt trước

Place of receipt
HO CHI MINH POR

Please delivery to ……..????

Mặt sau

LC:

- B/L - Consignee : To order of open LC bank

WAN HAI

BILL OF LADING

Shipper

FZ TRADING LIMITED
ADD: RM 2105 TREND CTR 29-31 CHEUNG
LEE ST CHAI WAN HONGKONG

B/L No.

1159508357
S/O No: 1159508357 COSA7

ORIGINAL

Consignee

TO THE ORDER OF VIETNAM JOINT
STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY A
ND TRADE - DONG THAP BRANCH

Notify party (carrier not to be responsible for failure to notify)

DOANH NGHIEP TU NHAN VIET NGA
TAX ID:1400458477
304, HIGHWAY 30, MY PHU WARD, CAO
LANH CITY, DONG THAP PROVINCE,
VIETNAM

WAN HAI (VIETNAM) LTD
MEZZ & 9TH FL., MB SUNNY TOWER, 259 TRAN HUNG DAO, CO
GIANG WARD, DIST. 1, HCMC, S.R. VIETNAM



LC:

- B/L - Consignee : To order of open LC bank





LC:

- AWB - Consignee = actual buyer

217 BKK 5837 0000 HPS1804HND-000

Shipper's Name and Address
Thai International Mold Co.,Ltd
Amata Nakorn Industrial Estate
Chonburi Thailand 100100
TEL: 012-345-5678

Actual Shipper

Shipper's account Number

Not negotiable
Air Waybill
Issued by

HPS TRADE CO.,LTD.
2 K.A.N. BUILDING 8TH FL.,
SOI NARATHIWAT-RATCHANAKARIN 10 YAEK 4
THUNGWATDON, SATHORN , BANGKOK 10120

Forwarder AWB Format

BANGKOK THAILAND

Copies 1, 2 and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity

Consignee's Name and Address

BIDV VietNam
524 Ba Dinh St, HaNoi city, VietNam

Consignee's account Number

It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.

Issuing Carrier's Agent Name and City

Accounting Information
"FREIGHT PREPAID"

Agent's IATA Code

Account No.

Airport of Departure (Addr. of first Carrier) and requested Routing
SUVARNABHUMI AIRPORT



BIDV **NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**
Chi nhánh Ba Đình

THƯ ỦY QUYỀN NHẬN HÀNG
(LETTER OF AUTHORIZATION TO RECEIVE OF SHIPMENT)

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NNR GLOBAL LOGISTICS (VIỆT NAM)

Số tham chiếu (Ref: 12610370021780)

Kính gửi *(To)*: NNR GLOBAL LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, CHI NHÁNH BA ĐÌNH
(JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM, BA DINH BRANCH)

Ủy quyền cho *(Authorize to)*: Công ty Cổ phần Belie *(Belie Joint Stock Company)*.
Địa chỉ *(Address)*: Số 81 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam *(No. 81, Thai Thinh Street, Thinh Quang Ward, Dong Da Dist, Ha Noi City, Viet Nam)*.
Được nhận lô hàng do Quý Cơ quan đang quản lý kèm vận đơn với các chi tiết liên quan như sau *(to receive the shipment which you are taking control of as per enclosed transport bill with details as follows)*:

Số vận đơn *(transport bill number)*: *NNR-51417393*
Ngày vận đơn *(transport bill date)*: *09/07/2019*
Số L/C và ngày *(L/C number and date)*:*12610370021780 ngày 19/06/2019*
Trị giá L/C *(L/C amount)*: *59,168.24 USD*
Số hóa đơn và ngày *(Invoice No. and date)*: *BJS025 (HF) ngày 03/07/2019*
Trị giá hóa đơn *(Invoice value)*: *59,168.24 USD*
Hàng hoá *(Goods description)*: *DHC Health Foods*
Khối lượng *(Quantity)*: *20,436 pcs*

LC: lưu ý với AWB (không chuyển nhượng)

Cần lưu ý rằng, **AWB không phải là chứng từ sở hữu**, do đó không thể chuyển nhượng được như vận đơn đường biển (loại theo lệnh). Trong trường hợp ngoại lệ, để thanh toán bằng tín dụng thư (L/C), 2 bên mua bán sẽ phải thỏa thuận và phải làm thêm thủ tục cần thiết (chẳng hạn như: thư cam kết đảm bảo) nhờ ngân hàng chấp nhận "ký hậu" vào mặt sau AWB để lấy hàng.



LC: lưu ý với AWB

Tại Việt Nam, luật hàng không dân dụng cũng không hề có quy định nào liên quan tới việc coi vận đơn hàng không (air waybill) là chứng từ sở hữu hàng hóa. Do vậy, air waybill không thể chuyển nhượng được và không thể có ký hậu vận đơn hàng không.

Tuy nhiên trong thực tế phát sinh nhiều trường hợp có nhiều đơn vị vẫn có thể nhờ ngân hàng phát hành ký hậu vào mặt sau vận đơn được. Về bản chất, điều này không đúng theo luật và quy định, tuy nhiên khi người nhận hàng làm thư cam kết đảm bảo (Letter of indemnity) nếu có rủi ro sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và sau đó yêu cầu ngân hàng phát hành ký hậu để lấy hàng, điều này có thể xảy ra.



Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)

- Hãng tàu gởi cho người mua thông báo hàng đến (Arrival Notice)

- Người mua dùng B/L (đã ký hậu) HOẶC AWB kèm giấy ủy quyền nhận hàng đổi lệnh giao hàng (Delivery Order) và đóng phí.



AN OOCL

AN AITC

Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)

DO AITC



AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.

08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER, 199 DIEN BIEN PHU STR, WARD 15, BINH THANH DIST, HCMC
Tel :84 - 28 - 3 8408225 Fax :84 - 28 - 3 8408228

DELIVERY ORDER

MESSRS : CAT LAI PORT
PLEASE DELIVER TO :

Consignee :
KYN CO.,LTD
40 STREET NO.14 WARD 05, GO VAP
DISTRICT, HO CHI MINH CITY,
VIET NAM
(84) 28 362 05 077

B/L No. :OSASGN20080054
Date :2020/08/19
Job No. :SIA2008-00029
Master B/L :EGLV022000130240

Warehouse : *

Vessel / Voyage :TOKYO TOWER V.0072-026S
Port of loading :OSAKA
ETA DATE :2020/08/19
Port of discharge :CAT LAI, VIETNAM

MARKS & NOS	PKGS TYPE	GOODS DESCRIPTION	WEIGHT (KGS)	MEASMT (CBM)
EISU1878829/EMCHSU5839/40'DC/CY/CY				
	440 CARTON(S)	SAID TO CONTAIN : - GENERAL MERCHANDISE	4498.210	30.622

Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)

DO OOCL



OOCL
We take it personally

DELIVERY ORDER

Version 2
DO ISSUE DATE:
Jun 15 2020
BILL OF LADING NO.:
OOLU2640752200

AGENT	CONSIGNEE	NOTIFY PARTY
OOCL (Vietnam) Co., Ltd Unit 1301-1305, 13rd Floor, Saigon Trade Center, 37 Ton Duc Thang St., District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.	AITC LOGISTICS (VIET NAM) CO., LTD 08th Floor, Phuoc Thanh Tower, 199 Dien Bien Phu Str., Ward 15 Ho Chi Minh Vietnam	TAX ID:0314350975 AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD. 08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER, 199 DIEN BIEN PHU STR., **

VESSEL / VOYAGE	PORT OF LOADING	DEPARTURE	PORT OF DISCHARGE	ETA
CIMBRIA 047S	Shanghai	Jun 07 2020	Ho Chi Minh (Cat Lai)	Jun 16 2020

VESSEL CALL SIGN	REGISTRATION NO.	PLACE OF DELIVERY	ESTIMATED CARGO ARRIVAL DATE
A8HJ4		Ho Chi Minh, Vietnam	Jun 16 2020

DELIVERY ORDER (PIN)
52880756

MARKS	PACKAGE	DESCRIPTION OF GOODS	WEIGHT	MEASUREMENT
I V C HO CHI MINH CITY MODEL: QKR77H LOT NO.: 655-674 CASE NO.: 80-81,84-86 ISUZU CHINA	16 Cases	ISUZU LIGHT DUTY TRUCKS IN CKD CONDITION WITH ED PAINTED FRAME MODEL:QKR77HE4 HS CODE: 8708 9401	17496 KG	53.84 CBM
	16 Cases		17496 KG	53.84 CBM
	16 Cases		19872 KG	59.2 CBM
	16 Cases		11952 KG	53.84 CBM
	16 Cases		14724 KG	53.84 CBM
	16 Cases		11952 KG	53.84 CBM
	4 Cases		4968 KG	14.91 CBM

CONTAINER NO.	SEAL NO.	SIZE/TYPE	PIECE COUNT	TRAFFIC TERMS	DEMURRAGE FREE TIME END
OOCU8028474	OOLGAF3490	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020
OOCU6963631	OOLGAB7490	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020
OOLU9416629	OOLGAF6891	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020
OOLU9522560	OOLGAC8835	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020
OOCU7375099	OOLGAB7257	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020

CARGO PICKUP LOCATION	REMARKS	EMPTY RETURN LOCATION	TARIFF FREE TIME (FROM AVAILABILITY DATE) BEFORE DEMURRAGE
Cat Lai Terminal Inter-Provincial Road 25 Cat Lai Ward - District 2 Ho Chi Minh City. Vietnam. Contact: Nguyen Tien Hoa		G-Fortune Dong An Depot	14 Calendar Day(s)
			TARIFF FREE TIME (FOR DEVANNING) BEFORE DETENTION 14 Calendar Day(s)

This Delivery Order is issued subject to the terms and conditions of the covering Bill Of Lading. Please endorse the Delivery Order before taking delivery of the consignment.
We will be held no responsibility for any cargo shortage after container is opened for custom checking.
* See Clause 1 on reverse side of OOCL Bill of Lading.

FOR: OOCL (Vietnam) Co., Ltd AS AGENT: Orient Overseas Container Line AS CARRIER *

OOCL (VIETNAM) CO., LTD.
AS AGENT FOR OOCL-THE CARRIER

Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)



CNC

LỆNH GIAO HÀNG ĐIỆN TỬ

(Electronic Delivery Order)

Số lệnh *(Release No)*: **NC0000035537**

Mã bảo mật *(Security Code)*: **X4POX1UG2**

Người nhận *(Receiver)*: **GEODIS VIETNAM COMPANY LTDSUITE 2.1, 2ND FLOOR, HAI AUBUILDING, 39B TRUONG SON ST., W.4,TAN BINH DIST HOCHIMINH 70000 VIET**

Số chuyến *(Actual Voyage)*: **2015S**	Số Container *(Container No)*: **APHU7239159**
Ngày cập cảng *(ETA)*: **23/12/2020**	Số vận đơn *(Bill Lading No)*: **AFW0190899**
Tên tàu *(Vessel)*: **PADIAN 3**	Kích thước/Kiểu Container *(Size/Type)*: **40HC**
Cảng dỡ hàng *(POD)*: **CAT LAI PORT**	Số Seal *(Seal No)*: **P0958470**
Cảng đích/Nơi giao hàng *(FPOD/Delivery)*: **CAT LAI PORT**	

Hạn nhận Container *(Release Expiry Date)*: **25/12/2020**

Hạn trả Container rỗng *(Return Expiry Date)*: **3 ngày từ ngày nhận**

Nơi trả Container rỗng *(Depot)*: **TAY NAM BINH DUONG**

Địa chỉ *(Address)*: **NO 231 HANOI HIGHWAY BINH THANG HAMLET, DI AN DISTRICT, BINH DUONG PROVINCE**

Số điện thoại *(Phone Number)*:

Mọi thông tin xin liên hệ: **Công ty cổ phần CMA CGM Vietnam JSC. Tầng 8, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. HCM**

(Đề nghị Quý khách kiểm tra Số Container/ Seal/ Tên hàng hóa trước khi nhận hàng)

Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)

- **FCL** : 100% eDO
- **LCL** : Cát Lái eDO, eWMS
  Cảng khác : DO giấy



Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)

CONTACT OFFICE
OOCL (Vietnam) Co., Ltd
Unit 1301-1305, 13rd Floor,
Saigon Trade Center,
37 Ton Duc Thang St., District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel :84 28 39116006

FREIGHT CHARGES	P / C	BASE CCY	AMOUNT	EXCHANGE RATE	PAYMENT CCY	PAYMENT AMOUNT
Equipment Cleaning	C	VND	120,000.00	1.000000	VND	120,000.00
Equipment Cleaning	C	VND	1,440,000.00	1.000000	VND	1,440,000.00
Equipment Imbalance Surcharge	C	USD	40.00	23,350.000000	VND	934,000.00
Equipment Imbalance Surcharge	C	USD	480.00	23,350.000000	VND	11,208,000.00
Inbound Documentation Fee	C	VND	850,000.00	1.000000	VND	850,000.00
Terminal Handling Charge at Destination	C	USD	113.00	23,350.000000	VND	2,638,550.00
Terminal Handling Charge at Destination	C	USD	1,050.00	23,350.000000	VND	24,517,500.00
			Total:		VND	41,708,050.00



Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)

Inv AITC



AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.

08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER, 199 DIEN BIEN PHU STR, WARD 15, BINH THANH DIST, HCMC
Tel :84 - 28 - 3 8408225 Fax :84 - 28 - 3 8408228

Invoice

Page : 1 of 1
Invoice No. : INI20-01955
Date : 2020/06/11
Job No. : SII2006-00027
Pay. Term : C.O.D.

To : ISUZU VIETNAM CO.,LTD (HCM)
695 QUANG TRUNG STREET, WARD 8,
GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY
VIETNAM

ORIGINAL

Vessel / Voyage : CIMBRIA V.047S ETA Date : 2020/06/14
Loading port : SHANGHAI, CHINA
Discharge port : CAT LAI, VIETNAM
B/L No. : ILGJ132L0146001 / 100 CASE(S) / 343.310 CBM/ 98460.000 KGS
Container : OOLU9522560 /40' HQ, OOCU6515220 /40' HQ, OOCU7375099 /40' HQ
OOCU6963631 /40' HQ, OOCU8028474 /40' HQ, OOLU9416629 /40' HQ
LYGU0022105 /20'

Charge Description					Amount VND	(NON-VAT)
CLEANING CHARGE	:	6 X VND	240000.000/40'		1,440,000.00	
EQIUPMENT IMBALANCE	:	6 X USD	80.000/40'	@23320.0	11,193,600.00	
THC 40'HQ (VN)	:	6 X USD	175.000/40'	@23320.0	24,486,000.00	
DELIVERY ORDER	:	1 X USD	40.000/SHPT	@23320.0	932,800.00	
HANDLING CHARGE	:	1 X USD	40.000/SHPT	@23320.0	932,800.00	
CLEANING CHARGE	:	1 X VND	120000.000/20'		120,000.00	
THC 20' (VN)	:	1 X USD	113.000/20'	@23320.0	2,635,160.00	
EQIUPMENT IMBALANCE	:	1 X USD	40.000/20'	@23320.0	932,800.00	

Đăng ký kiểm tra liên ngành

- Đăng ký kiểm dịch thực vật
- Đăng ký kiểm định hàng hóa
- Đăng ký khử trùng / hun trùng
- Đăng ký khác .



Làm thủ tục hải quan và nộp thuế

- B1: Khai báo hải quan điện tử ECUS5
  → số tờ khai, phân luồng hàng hóa

- B2: Nộp thuế vào ngân sách nhà nước



Nhận hàng tại cảng / sân bay

- B3: Thủ tục ở cảng / sân bay
- B4: Thanh lý tờ khai
- B5: chở hàng / container về kho riêng



Nhận hàng tại cảng / sân bay

Thời hạn giải quyết thủ tục Hải quan nhập khẩu

Để có thể giám sát được thủ tục Hải quan nhập khẩu, bạn có thể căn cứ vào các thời hạn sau. (Được quy định tại điều 23, Luật Hải Quan 2014):

- Tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ Hải quan: Cơ quan Hải quan thực hiện ngay khi người khai Hải quan xuất trình hồ sơ.
- Thời hạn hoàn thành kiểm tra hồ sơ Hải quan: Chậm nhất là 02 giờ làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ.
- Thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế (kiểm hóa): Chậm nhất là 08 giờ làm việc tính từ lúc người khai Hải quan xuất trình hàng hóa.
- Nếu lượng hàng lớn và đa dạng chủng loại: Quá trình kiểm tra phức tạp thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 02 ngày!



QUI TRÌNH NHẬP KHẨU



Hỏi hàng, làm P/O → ký HĐ

Xin giấy phép nhập khẩu

Thực hiện công việc đầu của khâu thanh toán

Thuê phương tiện vận tải

Mua bảo hiểm

Thanh toán và nhận chứng từ

Dùng BL đổi lệnh giao hàng (D/O)

Đăng ký kiểm tra liên ngành

Làm thủ tục hải quan và nộp thuế

Thủ tục nhận hàng (tại cảng, sân bay)

Thanh lý hợp đồng

1. QUIZ 4

Nhận hàng tại cảng / sân bay

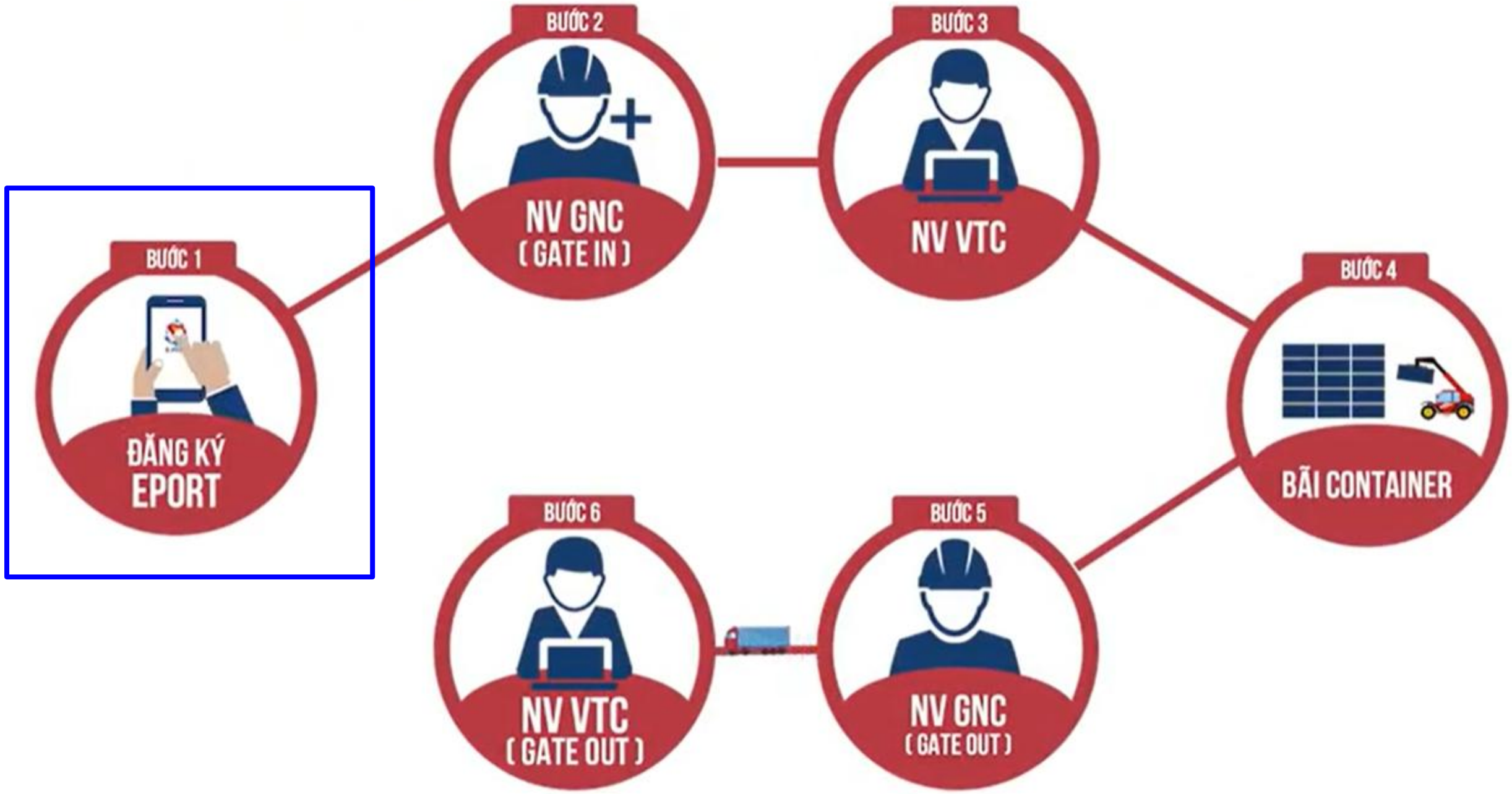
Nhận hàng tại cảng / sân bay



FCL

Video nhận hàng container tại Cát Lái.

https://www.youtube.com/watch?v=76RSNVyB964


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV GNC
(GATE OUT)
BƯỚC 6
NV VTC
(GATE OUT)



LÀM THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NHẬN CONTAINER QUA HỆ THỐNG EPORT

ĐỐI VỚI LỆNH ĐIỆN TỬ
KHÁCH HÀNG THỰC HIỆN CÁC BƯỚC SAU

1. KHAI BÁO THÔNG TIN: EDO

ĐỐI VỚI LỆNH ĐIỆN TỬ
KHÁCH HÀNG THỰC HIỆN CÁC BƯỚC SAU

1. KHAI BÁO THÔNG TIN: EDO

2. KHAI BÁO THÔNG TIN: "SỐ TỜ KHAI HẢI QUAN"

ĐỐI VỚI LỆNH ĐIỆN TỬ
KHÁCH HÀNG THỰC HIỆN CÁC BƯỚC SAU

1. KHAI BÁO THÔNG TIN: EDO
2. KHAI BÁO THÔNG TIN: "SỐ TỜ KHAI HẢI QUAN"
3. ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN NHẬN CONTAINER:
ĐỘI XE HOẶC SỐ XE

ĐỐI VỚI LỆNH ĐIỆN TỬ
KHÁCH HÀNG THỰC HIỆN CÁC BƯỚC SAU

1. KHAI BÁO THÔNG TIN: EDO
2. KHAI BÁO THÔNG TIN: "SỐ TỜ KHAI HẢI QUAN"
3. ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN NHẬN CONTAINER:
ĐỘI XE HOẶC SỐ XE
4. XÁC THỰC

ĐỐI VỚI LỆNH ĐIỆN TỬ
KHÁCH HÀNG THỰC HIỆN CÁC BƯỚC SAU

1. KHAI BÁO THÔNG TIN: EDO
2. KHAI BÁO THÔNG TIN: "SỐ TỜ KHAI HẢI QUAN"
3. ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN NHẬN CONTAINER:
ĐỘI XE HOẶC SỐ XE
4. XÁC THỰC
5. THANH TOÁN VÀ TẢI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

1. Khai báo thông tin eDO

https://www.youtube.com/watch?v=ZAooApJcNkI&t=2s

2. Khai báo số tờ khai

https://www.youtube.com/watch?v=spJhOxuIf1g

3. Khai báo phương tiện vận chuyển / số xe chở container

https://www.youtube.com/watch?v=GVxLFoq-hl4

https://www.youtube.com/watch?v=0QgjeRudu60

https://www.youtube.com/watch?v=xZjwHERy45s

4. Xác thực

- Sau khi click vào Xác thực, khách hàng được gửi lại mã xác thực cho tới khi xác thực thành công.
- Nội dung SMS: " Quy khach dang thuc hien dang ky lay 1 container, So lenh CSKH092018 , So bill 3143646, Hang tau MCC. Ma xac thuc dang ky la ATQDS7NJ. (SMS – SNP)"
- Xác thực thành công thì không xác thực thêm được, không thể sửa, không tự xóa phiếu được
- Khách hàng đóng màn hình xác thực, nhấn nút Refresh ⇒Nút Sửa sẽ chuyển thành nút Xem ⇒Xác thực thành công mới tiến hành Thanh toán.

5. Thanh toan

https://www.youtube.com/watch?v=8Q_LcpLKZOI&t=69s

SAU KHI THANH TOÁN

KHÁCH HÀNG LẤY THÔNG TIN SỐ ĐĂNG KÝ VÀ ĐI THẲNG ĐẾN CỔNG ĐỂ LÀM THỦ TỤC GATE IN



Ở MỤC TÊN KHÁCH HÀNG, CẦN CHÚ Ý TỪNG KHOẢNG TRẮNG,
DẤU CHẤM, DẤU PHẨY HOẶC CÁC KÝ TỰ ĐẶC BIỆT KHI KHAI BÁO EPORT

In PHIẾU ĐĂNG KÝ LÀM HÀNG từ eport.

Lưu ý các thông tin sau:

- Số container
- Số seal
- VGM
- Tình trạng thanh toán

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

Mã lô: 5370580

PHIẾU ĐĂNG KÝ LÀM HÀNG

GIAO CONT HÀNG NHẬP (GTHA)

Số ĐK(No): *******

Ngày(Date): 26/01/2021 09:33

Khách hàng: CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH VIỆT THÁI PLASTCHEM

Bill Ladding/Ref	**SNKO190201202259**	Hãng tàu(Operator)	**SNK**
Tàu nhập/Chuyến: (Vessel/Voyage)	**KMTC INCHEON/2101N**	Giao đến (Place of Delivery)	**KHA**

Số Container (Container No)	Kích cỡ (Sz/Tp)	Số Seal (Seal No)	Trọng lượng (Hàng + vỏ cont)(tấn)	IMDG	UNNO	OH/OW/OL	Nhiệt độ (TEMP)
SKLU1632631	2200	763890	19.52			N	

Ghi chú (Remarks): ĐÃ THANH TOÁN!

(Trọng lượng ghi trên phiếu dùng để kiểm soát tải trọng khi xe qua cổng. Trọng lượng hàng do Hãng tàu cung cấp)

Ghi chú Khách hàng:

Y/C vào cổng: Số xe VC Số Moọc

Kiểm tra CONTAINER

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

Mã lô: 5370580

PHIẾU ĐĂNG KÝ LÀM HÀNG

GIAO CONT HÀNG NHẬP (GTHA)

Số ĐK(No): *******

Ngày(Date): 26/01/2021 09:33

Khách hàng: CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH VIỆT THÁI PLASTCHEM

Bill Ladding/Ref	**SNKO190201202259**	Hãng tàu(Operator)	**SNK**
Tàu nhập/Chuyến: (Vessel/Voyage)	**KMTC INCHEON/2101N**	Giao đến (Place of Delivery)	**KHA**

Số Container (Container No)	Kích cỡ (Sz/Tp)	Số Seal (Seal No)	Trọng lượng (Hàng + vỏ cont)(tấn)	IMDG	UNNO	OH/OW/OL	Nhiệt độ (TEMP)
SKLU1632631	2200	763890	19.52			N	

Ghi chú (Remarks)	ĐÃ THANH TOÁN!	Ghi chú Khách hàng:
	(Trọng lượng ghi trên phiếu dùng để kiểm soát tải trọng khi xe qua cổng. Trọng lượng hàng do Hãng tàu cung cấp)	

Y/C vào cổng: Số xe VC Số Moọc

Kiểm tra CONTAINER

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

Mã lô: 5370580

PHIẾU ĐĂNG KÝ LÀM HÀNG

GIAO CONT HÀNG NHẬP (GTHA)

Số ĐK(No): *******

Ngày(Date): 26/01/2021 09:33

Khách hàng: CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH VIỆT THÁI PLASTCHEM

Bill Ladding/Ref	**SNKO190201202259**	Hãng tàu(Operator)	**SNK**
Tàu nhập/Chuyến: (Vessel/Voyage)	**KMTC INCHEON/2101N**	Giao đến (Place of Delivery)	**KHA**

Số Container (Container No)	Kích cỡ (Sz/Tp)	Số Seal (Seal No)	Trọng lượng (Hàng + vỏ cont)(tấn)	IMDG	UNNO	OH/OW/OL	Nhiệt độ (TEMP)
SKLU1632631	2200	763890	19.52			N	

Ghi chú (Remarks)	ĐÃ THANH TOÁN!	Ghi chú Khách hàng:
	(Trọng lượng ghi trên phiếu dùng để kiểm soát tải trọng khi xe qua cổng. Trọng lượng hàng do Hãng tàu cung cấp)	

Y/C vào cổng: Số xe VC Số Moọc

Kiểm tra CONTAINER _____

_____

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

Mã lô: 5370580

PHIẾU ĐĂNG KÝ LÀM HÀNG

GIAO CONT HÀNG NHẬP (GTHA)

Số ĐK(No): *******

Ngày(Date): 26/01/2021 09:33

Khách hàng: CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH VIỆT THÁI PLASTCHEM

Bill Ladding/Ref	**SNKO190201202259**	Hãng tàu(Operator)	**SNK**
Tàu nhập/Chuyến: (Vessel/Voyage)	**KMTC INCHEON/2101N**	Giao đến (Place of Delivery)	**KHA**

Số Container (Container No)	Kích cỡ (Sz/Tp)	Số Seal (Seal No)	Trọng lượng (Hàng + vỏ cont)(tấn)	IMDG	UNNO	OH/OW/OL	Nhiệt độ (TEMP)
SKLU1632631	2200	763890	19.52			N	

Ghi chú (Remarks)	ĐÃ THANH TOÁN! *(Trọng lượng ghi trên phiếu dùng để kiểm soát tải trọng khi xe qua cổng. Trọng lượng hàng do Hãng tàu cung cấp)*	Ghi chú Khách hàng:

Y/C vào cổng: Số xe VC Số Moọc

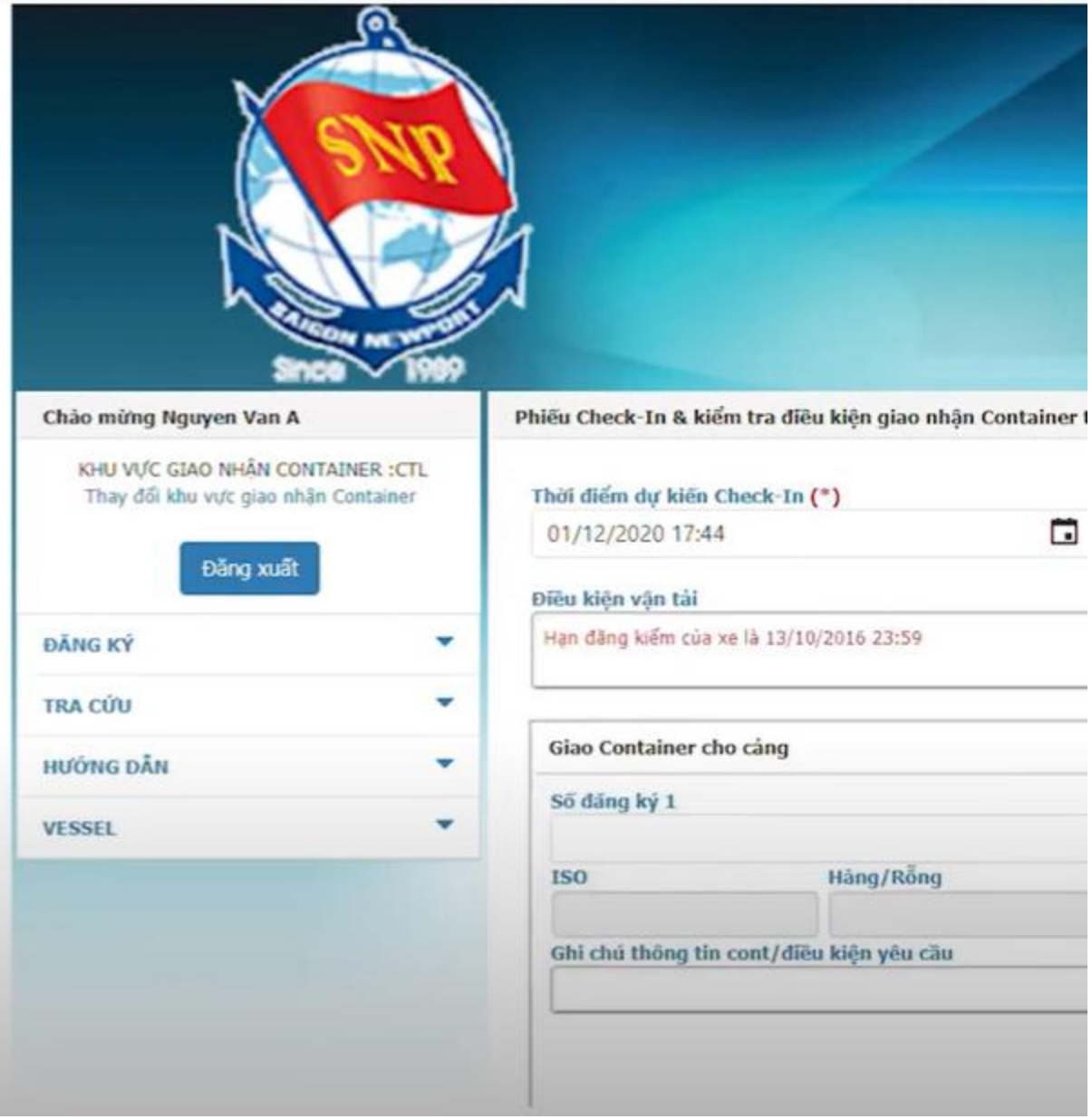
Kiểm tra CONTAINER _____

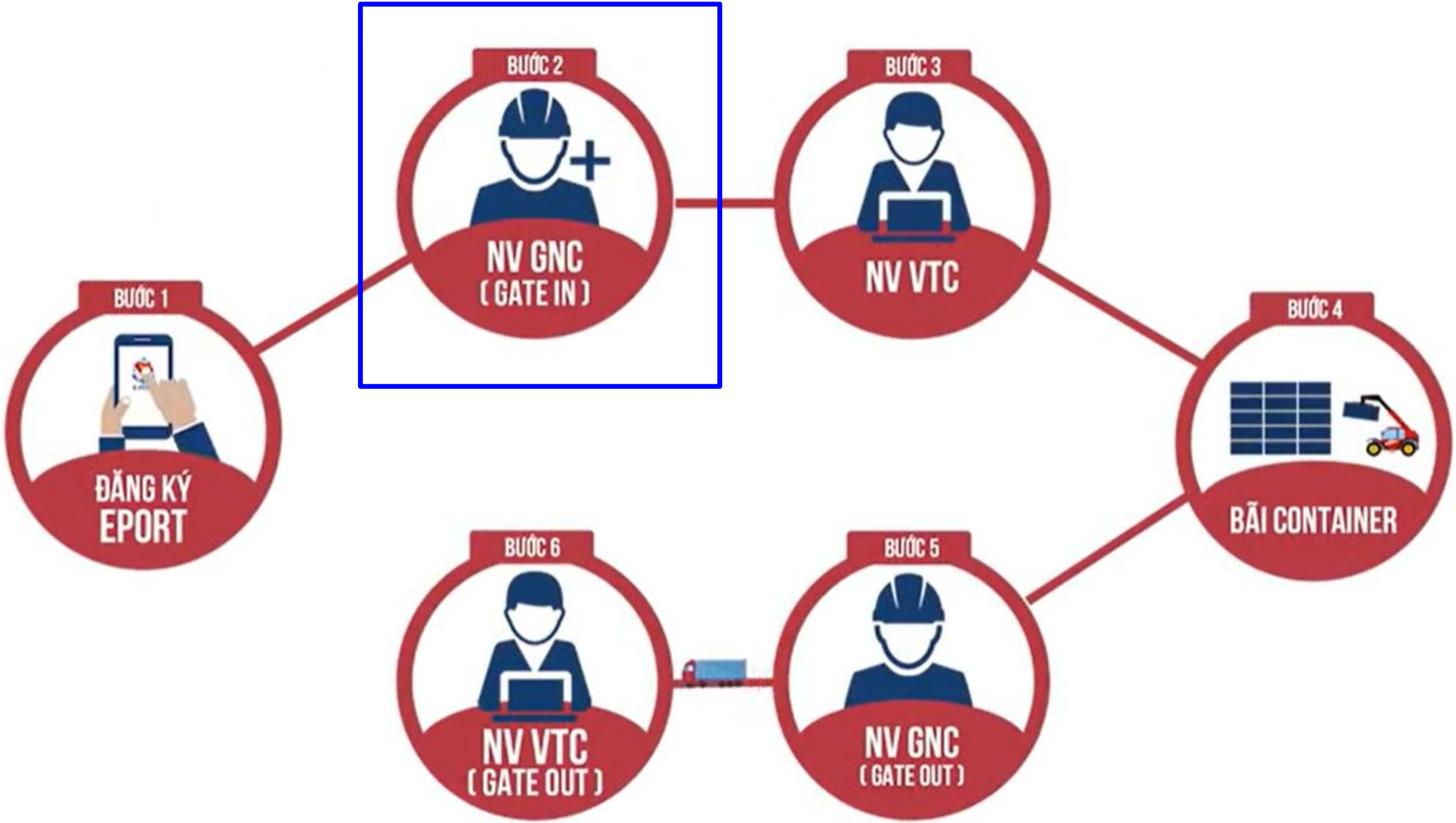
_____

TRƯỚC KHI ĐƯA XE ĐẾN CỔNG KHÁCH HÀNG CẦN KIỂM TRA
TÌNH TRẠNG THÔNG QUAN HẢI QUAN CỦA CONTAINER TRÊN HỆ THỐNG EPORT.
ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG NGAY TÍNH NĂNG CHECK IN ONLINE ĐỂ KIỂM TRA

TRƯỚC KHI ĐƯA XE ĐẾN CỔNG **KHÁCH HÀNG CẦN KIỂM TRA**
TÌNH TRẠNG THÔNG QUAN HẢI QUAN CỦA CONTAINER TRÊN HỆ THỐNG **EPORT.**
ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG NGAY TÍNH NĂNG **CHECK IN ONLINE** ĐỂ KIỂM TRA

VỊ TRÍ CONT
TÌNH TRẠNG THÔNG QUAN
TÌNH TRẠNG THANH TOÁN
PHÍ PHÁT SINH
VI PHẠM AN NINH CẢNG BIỂN
ĐIỀU KIỆN VÀO CẢNG




BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV GNC
(GATE OUT)
BƯỚC 6
NV VTC
(GATE OUT)



TIẾP NHẬN SỐ ĐĂNG KÝ, KIỂM TRA SỐ XE

KHÁCH HÀNG CUNG CẤP **SỐ PHIẾU ĐĂNG KÝ** CHO NHÂN VIÊN GIAO NHẬN CỔNG

NHÂN VIÊN GIAO NHẬN CỔNG

1. TIẾP NHẬN THÔNG TIN SỐ ĐĂNG KÝ

NHÂN VIÊN GIAO NHẬN CỔNG

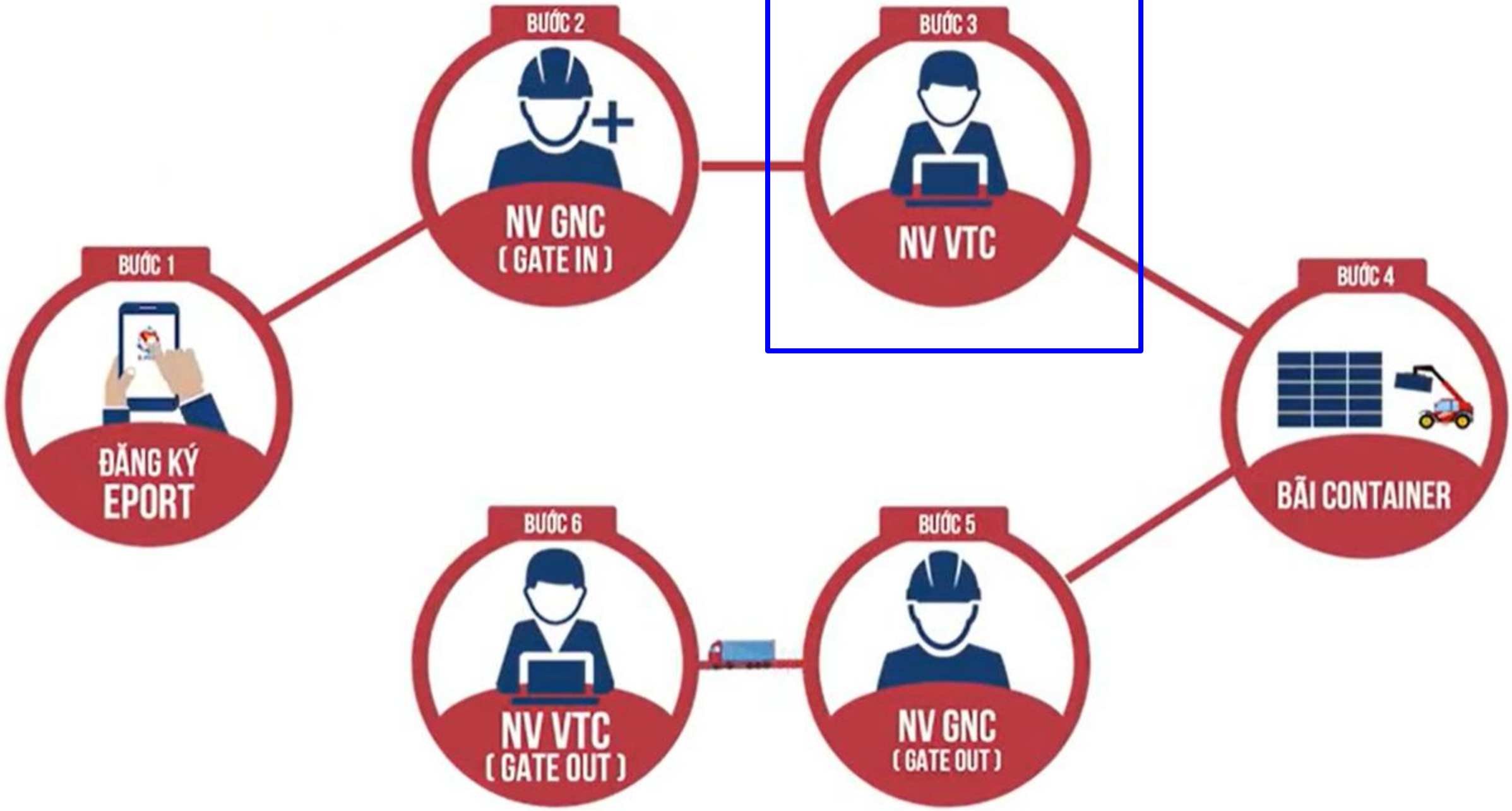
1. TIẾP NHẬN THÔNG TIN SỐ ĐĂNG KÝ

2. DÙNG MÁY HANDHELD ĐỂ TRUY XUẤT THÔNG TIN VỀ CONTAINER VÀ PHƯƠNG TIỆN KHÁCH HÀNG ĐÃ ĐĂNG KÝ

1. TIẾP NHẬN THÔNG TIN SỐ ĐĂNG KÝ

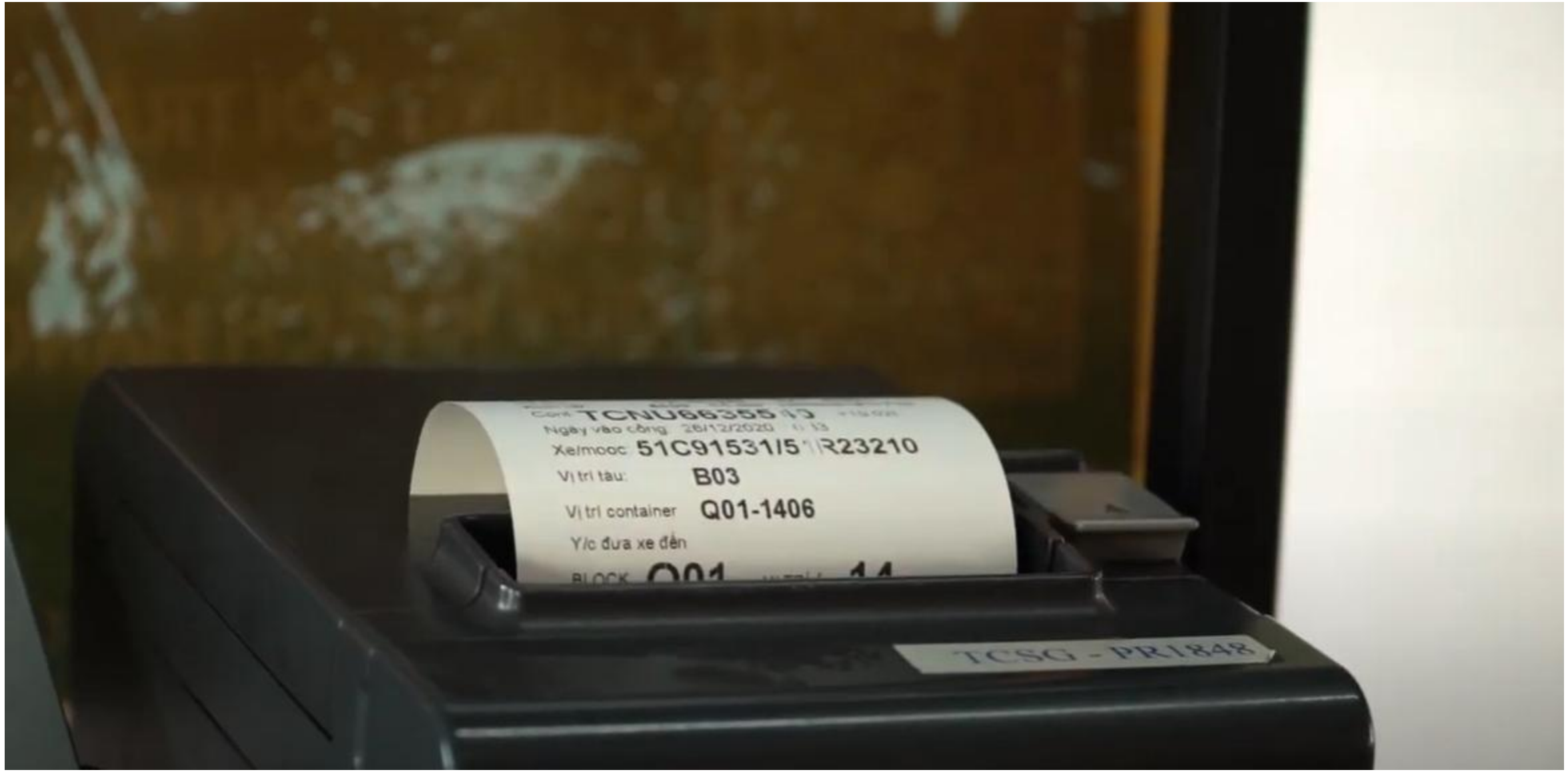
2. DÙNG MÁY HANDHELD ĐỂ TRUY XUẤT THÔNG TIN VỀ CONTAINER VÀ PHƯƠNG TIỆN KHÁCH HÀNG ĐÃ ĐĂNG KÝ

3. CẬP NHẬT SỐ XE, SỐ RƠ MOÓC CỦA PHƯƠNG TIỆN NHẬN CONTAINER VÀ XÁC NHẬN ĐÃ KIỂM TRA LÊN MÁY HANDHELD


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV GNC
(GATE OUT)
BƯỚC 6
NV VTC
(GATE OUT)

NHÂN VIÊN VI TÍNH CỔNG NHẬP SỐ ĐĂNG KÝ IN PHIẾU HƯỚNG DẪN LÀM HÀNG




Ngày vào cổng 26/12/2020
Xe/mooc 51C91531/5
R23210
Vị trí tàu: B03
Vị trí container Q01-1406
Y/c đưa xe đến
TCSG - PR1848

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

PHIẾU HƯỚNG DẪN LÀM HÀNG

Giao cont hàng nhập (CTL)

Số ĐK: D22138716 BAT: 25446

Kích cỡ: 4200 Số seal: P8186322

Cont: APZU4524134 =10.028t

Ngày vào cổng: 11/01/2021 [illegible]09

Xe/mooc: 51C25446/51[illegible]R24378

Vị trí tàu: B04

Vị trí container A04-1003

Y/c đưa xe đến

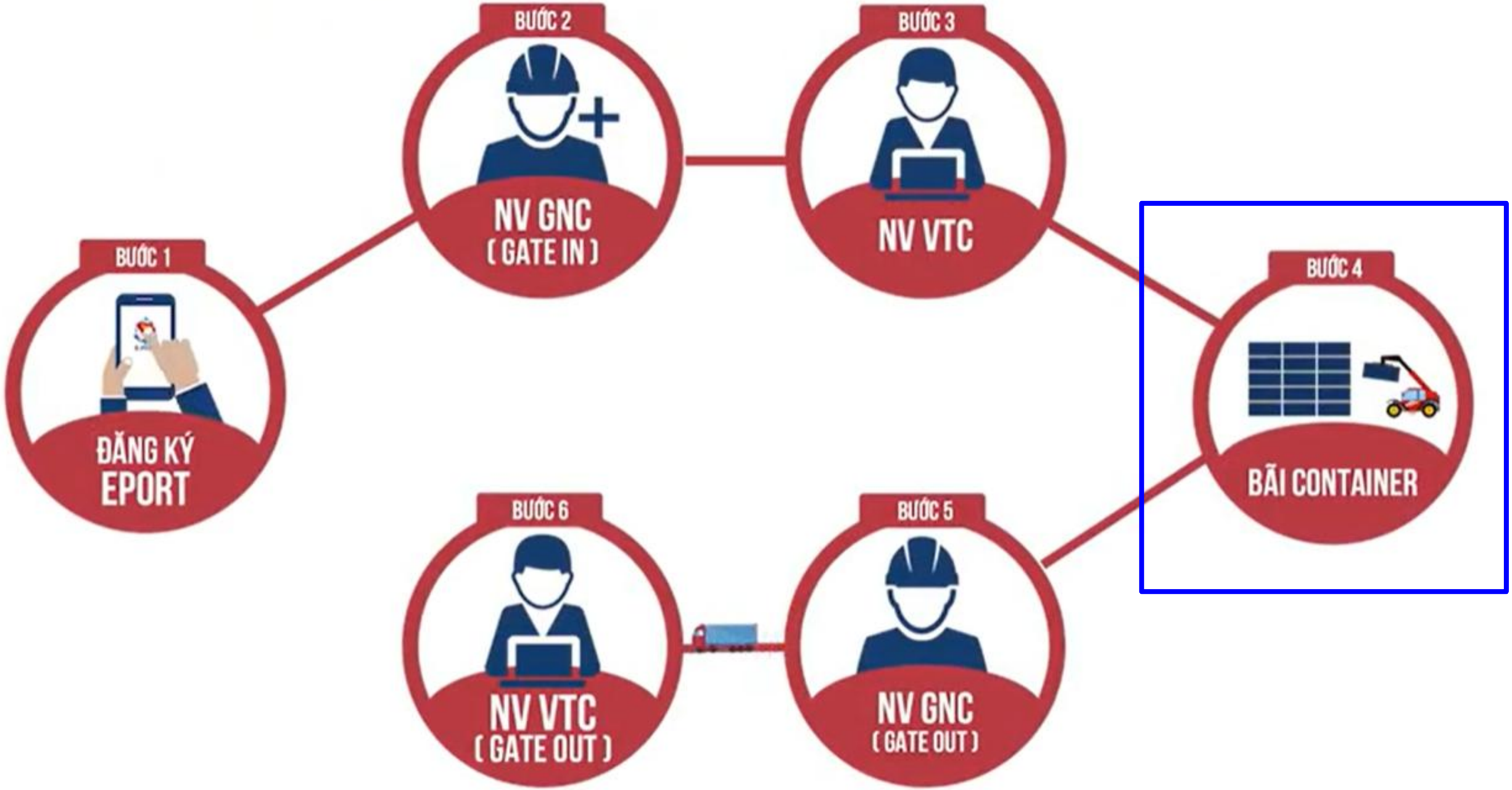
BLOCK A04 VỊ TRÍ 10

và liên lạc với phương tiện xếp dỡ tàu BAT

Trên PHIẾU HƯỚNG DẪN LÀM HÀNG có SỐ CONTAINER và VỊ TRÍ của container

Tài xế cho xe chạy đến vị trí này.
Trước mỗi đầu line có gắn BIỂN BÁO vị trí


M07
M03
NAMSUNG


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV GNC
(GATE OUT)
BƯỚC 6
NV VTC
(GATE OUT)

NHẬN CONTAINER TẠI BÃI HÀNG



Sử dụng phương tiện CẨU KHUNG RTG 6+1 để nâng hạ container

CẨU KHUNG RTG 6+1:

- Khu vực để được 6 hàng container
- Và 1 hàng cho xe đầu kéo di chuyển


RTG 6+1

Cẩu khung RTG (Rubber Tyred Gantry Crane)

Là loại cẩu cỡ lớn, thường gặp ở các khu cảng xuất nhập hàng, depot, khu công nghiệp, khu ... Xem thêm




KALMAR
KALMAR E-ONE
T.S. LINES
CMA CGM
KMTC
SITC
EVERGREEN
KMT


CẤM
G
87
OC 40-87


CẤM
NGƯỜI, PHƯƠNG TIỆN ĐẬU
VÀ ĐI LẠI TRÊN ĐƯỜNG
DI CHUYỂN CỦA CẨU
KHI CẨU HOẠT ĐỘNG CÁCH XA 5M
SITC
SITC


SỐ ĐT NÓNG
TẤT CẢ CÁC LINE K,M,N,
0332.777.007
0332.777.007
LÁI CẨU ĐI ĂN CA
Quy Định Thời Gian Không Quá 45 Phút
Thời Gian Từ: 10 h 15 Đến 11 h 30
Điện Thoại Lái Cẩu Số:


NGHIÊM CẤM KHÁCH HÀNG ĐƯA TIỀN
BỒI DƯỠNG CHO LÁI CẨU, LÁI XE.
NẾU VI PHẠM CHÚNG TÔI TỪ CHỐI
PHỤC VỤ, SỐ ĐIỆN THOẠI NÓNG XỬ LÝ
VI PHẠM: 18001188


MAERSK
WAN HAI
MAERSK
T.S. LINES
HMM
OOCL
WAN HAI
SÜD


KALMAR E-ONE
KALMAR
WAN HAI
MAERSK
OOCL
SÜD
MAERSK

Tài xế dùng số BAT để giao tiếp với cẩu khung

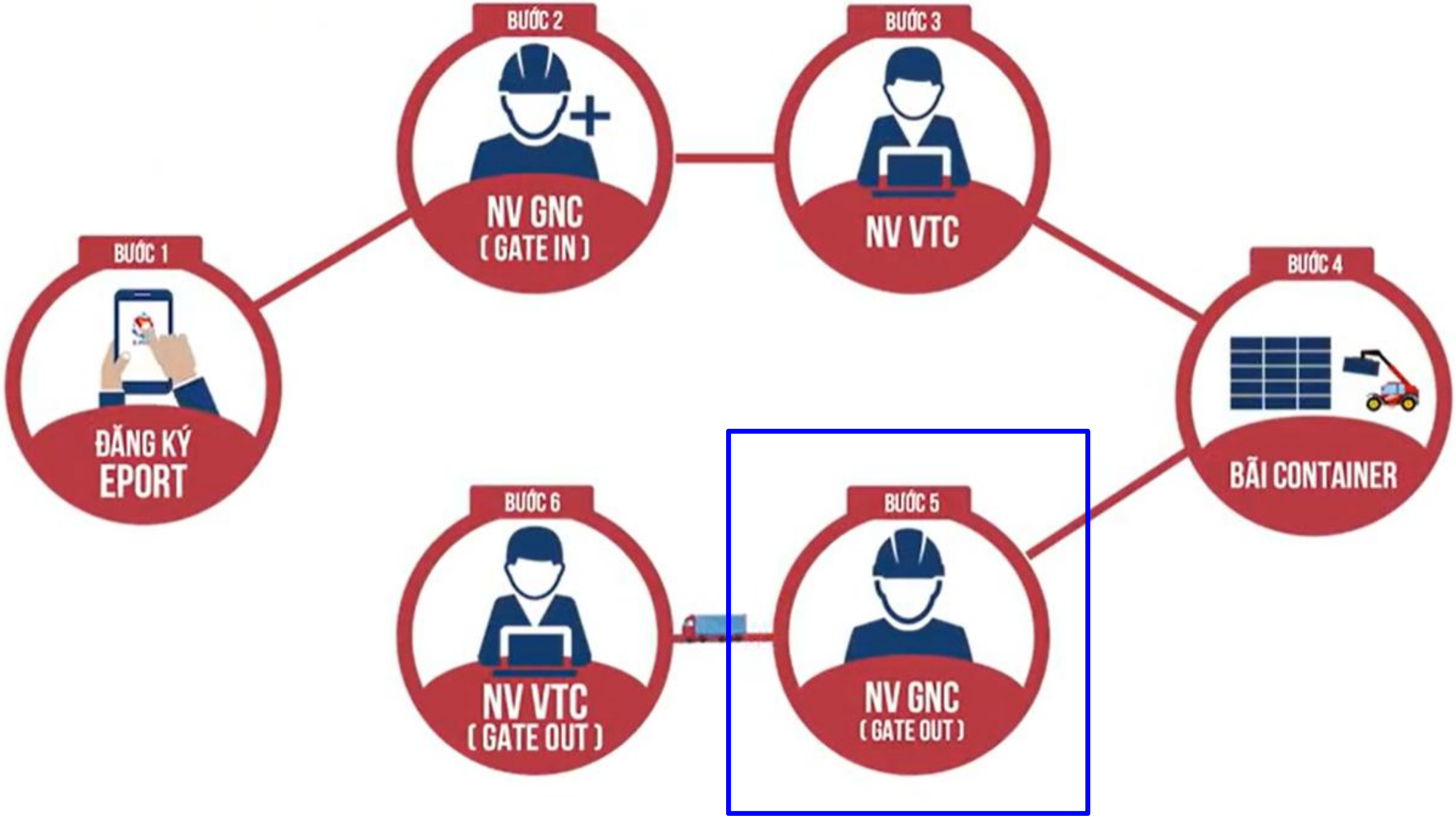
Lái cẩu sẽ dựa vào số BAT thực tế để chọn đúng container cho khách hàng

Lái cẩu sẽ giao container cho KH khi nhìn thấy Số container, số BAT trên màn hình trùng với thực tế


61173



TÀI XẾ LƯU Ý KIỂM TRA ĐỐI CHIẾU TÌNH TRẠNG CONTAINER/SEAL
TRONG TRƯỜNG HỢP SAI SEAL/MẤT SEAL, THÔNG BÁO NGAY
ĐẾN VĂN PHÒNG HIỆN TRƯỜNG CÁC TERMINAL/KHU HÀNG QUẢN LÝ
TRONG VÒNG 15 PHÚT ĐỂ ĐƯỢC HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT.


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV GNC
(GATE OUT)
BƯỚC 6
NV VTC
(GATE OUT)

NHÂN VIÊN GNC KIỂM TRA THÔNG TIN VÀ TÌNH TRẠNG CONTAINER

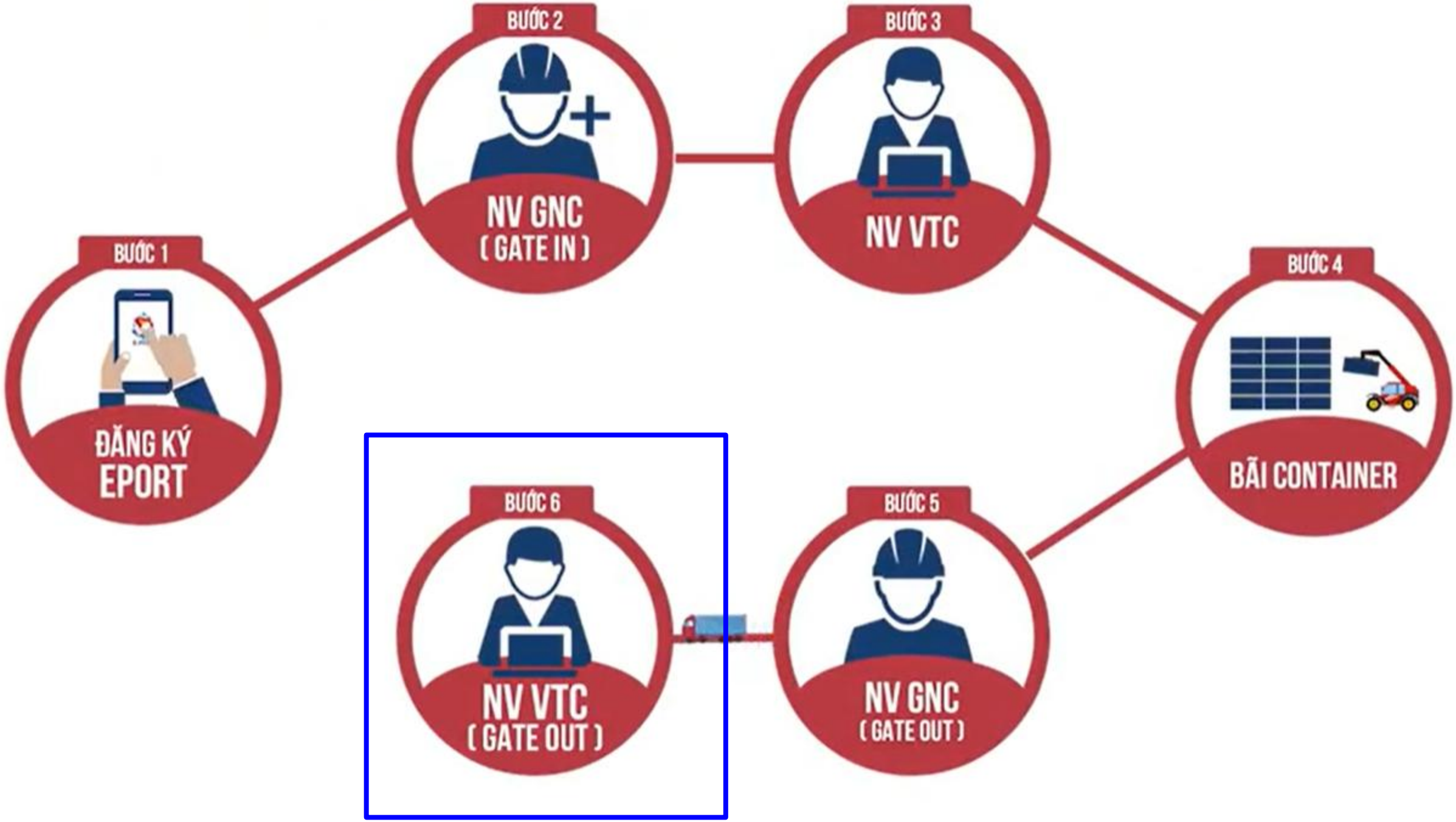


Tài xế nộp phiếu hướng dẫn làm hàng cho NV GNC

NV GNC sử dụng máy handhelp để truy xuất những thông tin mà KH đã đăng ký.

NV GNC xác nhận “ **đã kiểm tra**” trên máy handhelp.


3EAU4464558
15C23551/15R09231
M11


BƯỚC 1
ĐĂNG KÝ
EPORT
BƯỚC 2
NV GNC
(GATE IN)
BƯỚC 3
NV VTC
BƯỚC 4
BÃI CONTAINER
BƯỚC 5
NV GNC
(GATE OUT)
BƯỚC 6
NV VTC
(GATE OUT)



NHÂN VIÊN VTC IN PHIẾU EIR BẤM GIỜ RA KHỎI CỔNG.

Tài xế cung cấp phiếu hướng dẫn làm hàng cho NV VTC

NV VTC in **phiếu EIR_phiếu giao nhận container** cho khách hàng

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN - CẢNG CÁT LÁI

PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER
EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT

Giao cont hàng nhập(CTL)

Nơi hạ rỗng: ICD TRANSIMEX. Số ngày miễn/ hạn trả rỗng: 14 ngày

Số Đk *(No)*: D22138384

Ngày *(Date)*: 11/01/2021 10:03

Hạn lệnh: 12/01/2021 23:59

Gate No: B09

BAT No: 59086

Giao cho Khách hàng *(Delivery To)*: CÔNG TY TNHH TM XNK ĐỨC KHANG

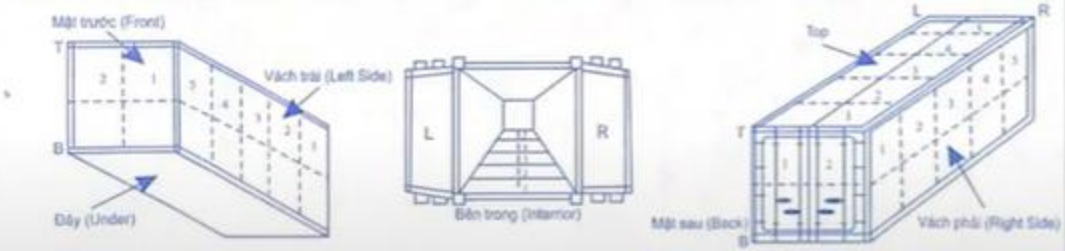
Bill / Booking / Ref: KMTCMUN0246482

Cảng đích *(Dest)*:

Tàu / Chuyến: *(Vessel / Voyage)* SAWASDEE PACIFIC0013S

Cảng chuyển tải *(Transit)*:

Container No	Kích cỡ (Sz / Tp)	Chủ KT (Operator)	Seal No	Status	Weight (Tons)	IMDG	UNNO	OH OW / OL	TEMP
KMTU9309787	4500	KMT	227410	FULL	25.88				



TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
BAN ĐIỀU ĐỘ CẢNG - OLGNC
ĐÃ KIỂM TRA
Nguyễn Thúy Hà

Max Gross: [illegible] Ngày 26.01 tấn

(Trọng lượng đã bao gồm bì hàng hóa và vỏ cont)

Ghi chú *(Remark)*:

// - Hư không phải lỗi cảng: Gãy/Nứt đáy cont 22cm Trong ra -Hư nhỏ/ nhẹ: Rách đà dưới-vách phải (mep)1cm(VGM - Liner = 25.91 tấn)

Terminal hàng nhập: Terminal A

Thời điểm vào cổng: 11/01/2021 09:29:27

Người nhận (Receiver)

(Đã kiểm tra và đồng ý nhận Container)

Họ tên:.....

ĐT:.....

Người phát hành (Issuer): Nguyễn Thanh Bình

Số xe VC: 51C59086

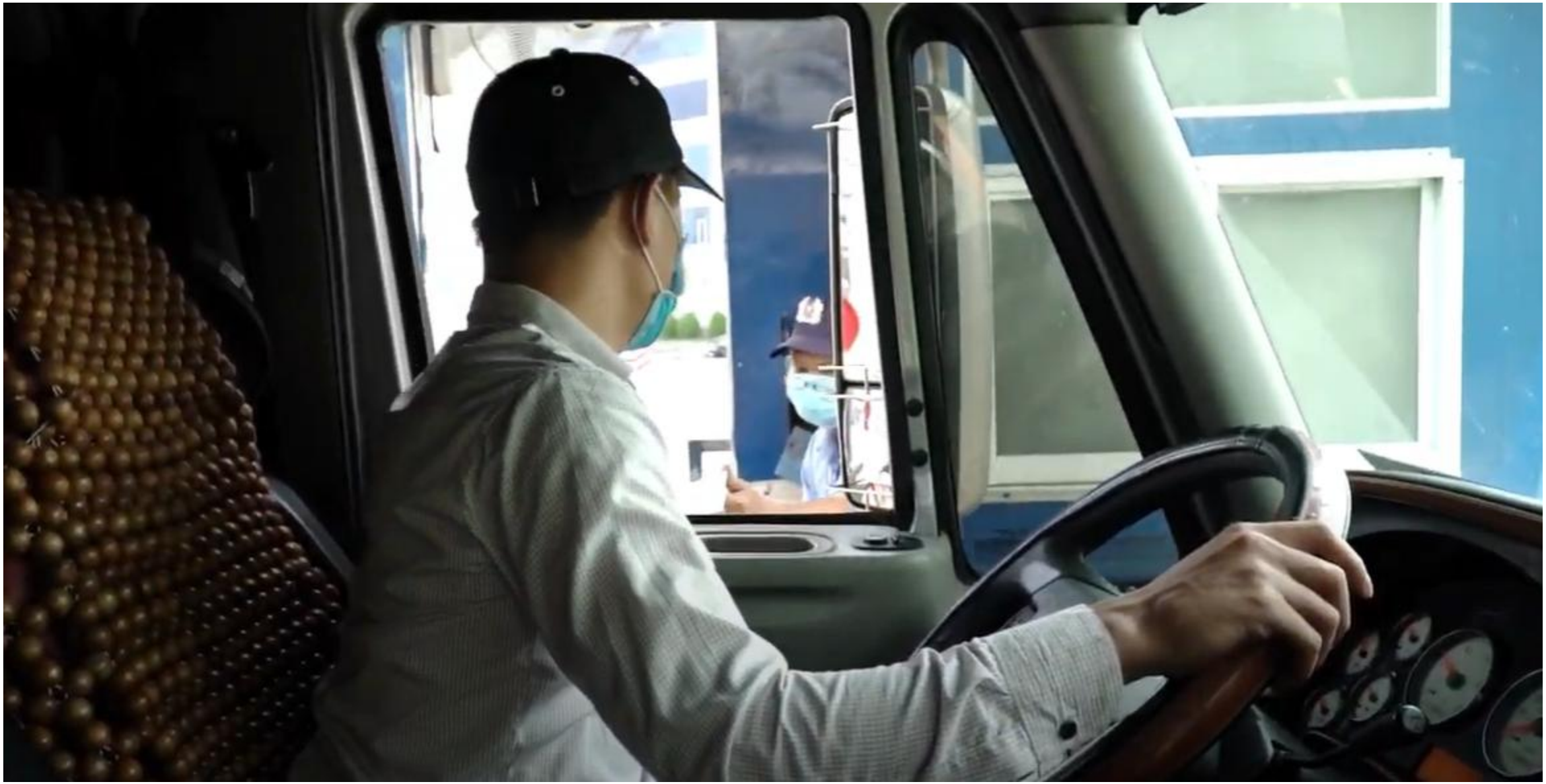
Số moọc: 51R09904



TRƯỜNG HỢP MẤT PHIẾU EIR KHÁCH HÀNG VUI LÒNG ĐĂNG NHẬP TRANG EPORT ĐỂ TẢI PHIẾU EIR ĐIỆN TỬ.

Phiếu EIR có hai liên: liên trắng và hồng

- Liên trắng: NV VTC xác nhận " **đã kiểm tra**" trên phiếu EIR
- Tài xế xuất trình liên trắng cho bảo vệ để ra khỏi gate out.




SNP
KHU HÀNG LẠNH
TRUNG CHUYỂN QUỐC TẾ



KHÁCH HÀNG CÓ THỂ ĐĂNG KÝ THỜI GIAN NGẮT ĐIỆN DỰ KIẾN QUA EPORT


tex
Carrier
PRIME LINE
CAUTION
9' - 6"
HIGH
R-134a
72



CẦN CÓ EMAIL XÁC NHẬN TỪ HÃNG TÀU
ĐỐI VỚI CÁC YÊU CẦU ĐẶC BIỆT
NHƯ KHÔNG CẮM ĐIỆN,
NGẮT ĐIỆN TRƯỚC KHI XE VÀO LẤY CONTAINER...


tex
Carrier
PRIME INE
CAUTION
9' - 6"
HIGH
TEMU 9571688
KKFU
671713 1
tex
Carrier
PRIME INE
R 134a



TÀI XẾ CẦN CUNG CẤP "GIẤY PHÉP CHUYÊN CHỞ HÀNG QUÁ KHỔ" CHO ĐIỀU ĐỘ CỔNG VÀ ĐIỀU ĐỘ HIỆN TRƯỜNG.



TƯƠNG TỰ VỚI CONT NHẬP LÀ HÀNG NGUY HIỂM,
TÀI XẾ CŨNG CẦN GIẤY PHÉP CHUYÊN CHỞ
HÀNG NGUY HIỂM KHI ĐẾN NHẬN HÀNG.

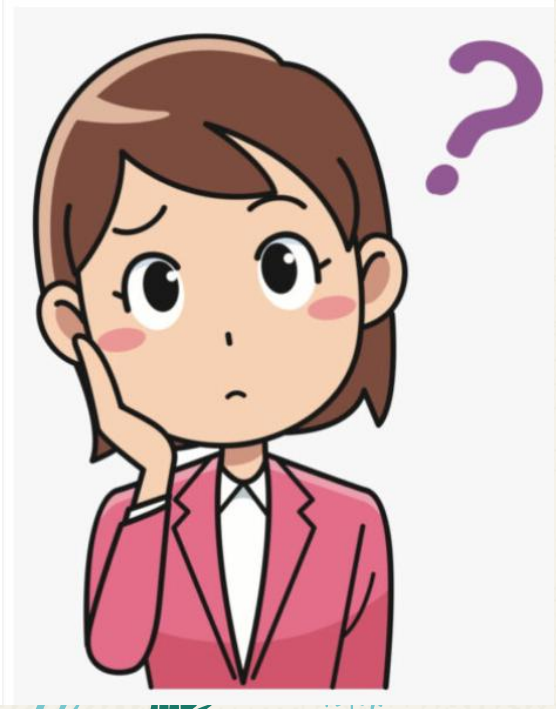
[**KIỂM HƠA HANG NHẠP FCL**] - Hàng giấy phế liệu tại cảng VIP



2. KT4A – giấy

LCL





Tóm tắt eWMS tại CÁT LÁI bằng MINDMAP

eWMS

HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHO HÀNG ĐIỆN TỬ

(*) Chương trình được phát triển bởi TCIS



CHÍNH THỨC RA MẮT: eWMS
HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHO HÀNG ĐIỆN TỬ

Giao nhận hàng LCL nhập khẩu bằng lệnh giao hàng điện tử eDO; thực hiện thủ tục nhận hàng online hoàn toàn (tạo phiếu xuất kho + thanh toán phí + tạo chuyến xe vận chuyển) thông qua cổng giao dịch điện tử **eWMS.tancangwarehousing.com.vn** hứa hẹn đem đến những trải nghiệm tối ưu nhất cho khách hàng trong mùa dịch cao điểm

Chính thức ra mắt
ngày 13/09/2021

Quét mã QR để tham khảo ngay
hướng dẫn sử dụng dịch vụ

QUY TRÌNH NHẬN HÀNG KHI SỬ DỤNG LỆNH EDO

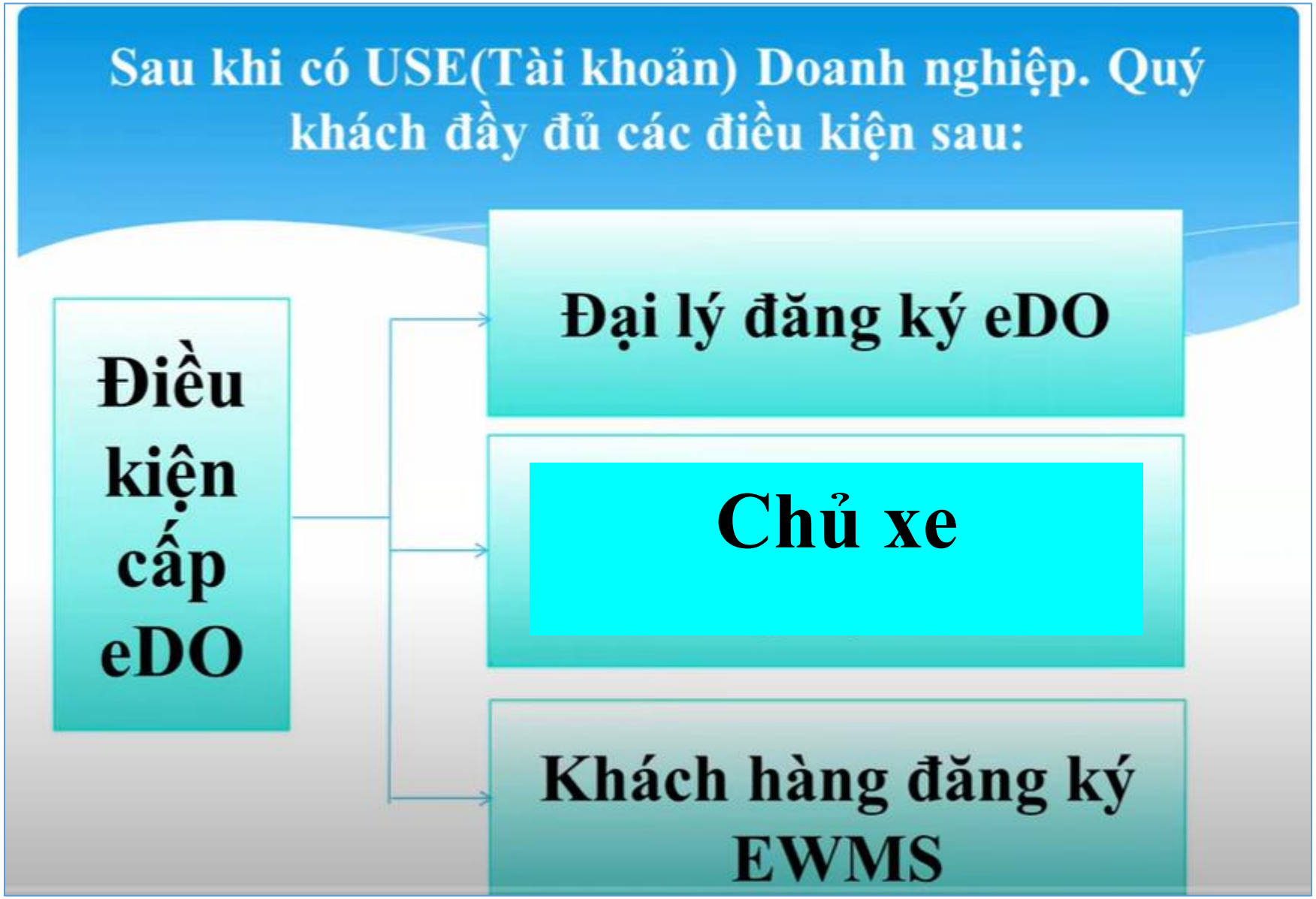
Đại lý tạo eDO trên eWMS:
- Tạo Lệnh giao hàng
- Gửi eDO cho chủ hàng

Chủ hàng đăng ký nhận hàng online:
- Tạo Phiếu xuất kho
- Khai báo phương tiện vận chuyển
- Thanh toán
- Thông báo kế hoạch vận chuyển cho Nhà xe

Nhà xe tạo chuyến vận chuyển:
- Tạo chuyến vận chuyển
- Nhận mã QR của chuyến xe từ hệ thống

Phương tiện đến kho nhận hàng:
- Tại cổng C, tài xế trình mã QR để thực hiện Gate-in và nhận Phiếu hướng dẫn làm hàng

Giao nhận hàng tại cửa kho:
- Thủ kho tiếp nhận Phiếu hướng dẫn làm hàng, quét mã, in 04 liên Phiếu xuất kho và thực hiện giao hàng
- Lái xe ký xác nhận nhận hàng và cho xe ra khỏi cảng (kho, khách hàng


Sau khi có USE(Tài khoản) Doanh nghiệp. Quý khách đầy đủ các điều kiện sau:
Điều kiện cấp eDO
Đại lý đăng ký eDO
Chủ xe
Khách hàng đăng ký EWMS

https://www.youtube.com/watch?v=j65LtsOsFHI



🎥🎥🎥 [Short cut Video] - Quy trình giao nhận hàng lẻ LCL theo đường Sea



TAN CANG WAREHOUSING

PROFESSIONAL SERVICES - BEST SERVICE QUALITY

eWMS - HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHO HÀNG ĐIỆN TỬ

HƯỚNG DẪN KHAI BÁO DÀNH CHO CHỦ HÀNG

https://www.youtube.com/watch?v=_X6NvwEd6i0&list=PLw9AcI5d2pm2Ymy8uJOP8fKB5QOBmOBro&index=4

3. KT4B – giấy


AIR

SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN NHẬN HÀNG QUỐC TẾ
LAYOUT OF IMPORT AREA AND STEPS TO COLLECT CARGO



Bước 1: Làm thủ tục cấp thẻ tại cổng Bảo vệ số 1
Step 1: Receiving TCS security pass at 46-48 Hau Giang Gate

Bước 2: Làm thủ tục nhận hàng tại Quầy thủ tục
Step 2: Finishing collection on procedure at the counter
(Đối với hàng chịu sự kiểm hóa của Hải quan, vui lòng khai báo với nhân viên thủ tục)
(For shipments controlled by Customs, please inform TCS' staff)

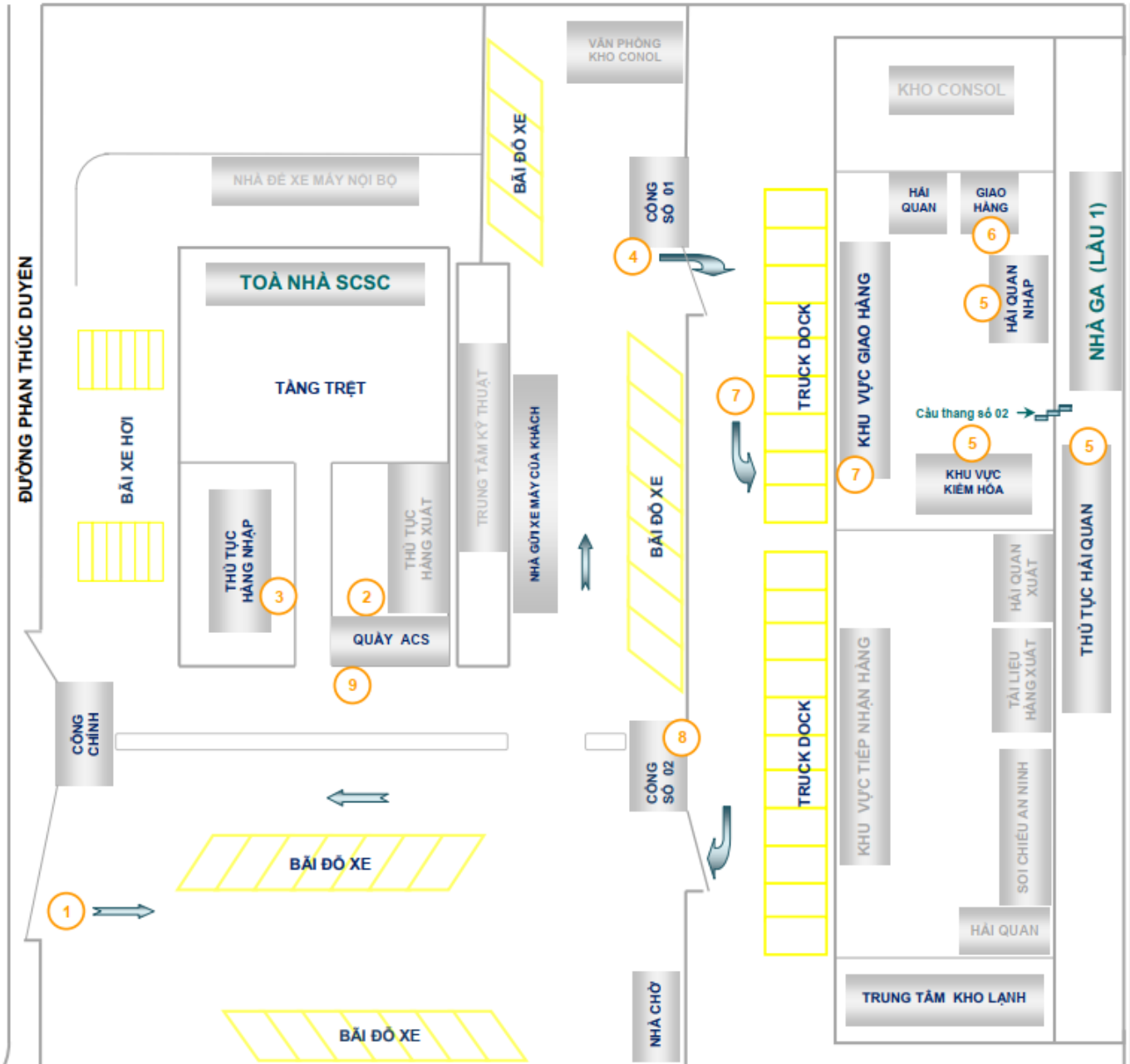
Bước 3: Làm thủ tục mở tờ khai Hải quan
Step 3: Customs declaration

Bước 4: Nhận hàng và chờ kiểm tra Hải quan
Step 4: Receiving the cargos and wait for Customs to check

Bước 5: Kiểm tra Hải quan trước khi đưa hàng ra khỏi kho
Step 5: Customs check before bringing cargos out of the warehouse

Bước 6: Chất xếp hàng hóa lên xe
Step 6: Loading cargos onto the trucks

HƯỚNG DẪN NHẬN HÀNG TẠI GA HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT



A. **HỒ SƠ NHẬN HÀNG GỒM:** Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, giấy giới thiệu (cơ quan), hộ khẩu (cá nhân), giấy báo nhận hàng, giấy uỷ quyền,....

B. **THỦ TỤC NHẬN HÀNG:**

1. **Bước 01:** Di chuyển phương tiện chở hàng vào bãi đỗ xe qua cổng chính SCSC theo hướng dẫn của nhân viên bảo vệ.
2. **Bước 02:** Chủ hàng và người điều khiển phương tiện vận chuyển làm thủ tục nhận thẻ kiểm soát an ninh (ACS) trong nhà ga tại Quầy ACS (Nếu khách đã có thẻ PPC vui lòng bỏ qua bước này).
3. **Bước 03:** Chủ hàng xuất trình tài liệu và làm thủ tục nhận Phiếu nhận hàng (VCT) tại phòng thủ tục hàng nhập.
4. **Bước 04:** Chủ hàng đi vào Nhà ga qua cổng bảo vệ số 01 hoặc số 02.
5. **Bước 05:** Chủ hàng tiến hành làm thủ tục Hải quan tại văn phòng Hải quan đặt tại lầu 01 của Nhà ga (Đi cầu thang số 02) và Hải quan Kiểm hóa, Giám sát nhập khẩu tại tầng trệt. Làm thủ tục nhận hàng từ nhân viên giao hàng của SCSC và chờ làm thủ tục thông quan.
6. Bước 06: Chủ hàng xuất trình giấy xác nhận hàng hóa đã hoàn tất thủ tục thông quan cho nhân viên giao hàng của SCSC tại Quầy giao hàng. Trường hợp hàng hóa được thông quan Chủ hàng chờ nhận thông tin về vị trí chất hàng (Truckdock). Trường hợp lô hàng chưa được thông quan Nhân viên SCSC sẽ làm thủ tục hủy vé VCT.
7. **Bước 07:** Sau khi nhận được thông tin về vị trí Truckdock Chủ hàng di chuyển hàng, người điều khiển phương tiện di chuyển phương tiện vào đúng vị trí Truck dock để chất hàng.
8. **Bước 08:** Chủ hàng và phương tiện di chuyển qua cổng bảo vệ số 02.
9. **Bước 09:** Trả lại thẻ kiểm soát an ninh trong nhà ga và nhận lại giấy tờ tùy thân tại quầy ACS.

Ghi chú:

- *Thẻ kiểm soát an ninh trong nhà ga bao gồm: Thẻ Visitor dành cho Chủ hàng, thẻ TPC/ PPC dành cho người điều khiển phương tiện vận chuyển để mở cổng ra/ vào nhà ga.*
- *TPC: Temporary Permission Card – Thẻ kiểm soát tạm thời.*
- *PPC: Permanent Permission Card – Thẻ kiểm soát dài hạn. Khách hàng vui lòng liên hệ Phòng Hành chính quản trị SCSC để được hướng dẫn cấp thẻ.*

⟹ *: Di chuyển của phương tiện vận chuyển*

Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ:

- *Số điện thoại: (08) 3997 6930 - 7309*
- *Hoặc truy cập Website: http://www.scsc.vn*

🎥🎥🎥 [Short cut Video] - Quy trình làm hàng Air nhập



4.KT4C – giấy

BÀI 4 – case study 1



TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

BÀI 4 – case study 1 – ĐÁP ÁN



🔎🔎🔎 **Các nguồn tra cứu mã HS** (4 nguồn chính hữu ích)

👉Trước khi đi vào thông tin các nguồn tra cứu, chúng ta cần nắm được thông tin nhanh nếu như khai sai HS code thì sẽ có chuyện gì xảy ra:

- 1- Làm chậm đáng kể quá trình nhập khẩu
- 2- Xử phạt vi phạm hành chính

1️⃣ Chúng ta tra cứu bằng các từ khóa liên quan đến hàng hóa trên **google**: Phương pháp này có thể đưa về nhiều kết quả, chúng ta cần chọn lọc thêm vì vậy nên sử dụng để tham khảo kết hợp với các phương pháp khác để có được kết quả chính xác.

2️⃣ Sử dụng file **Biểu thuế Xuất nhập khẩu excel**: File này giúp tìm kiếm rất nhanh với lệnh "Ctrl+F"

Chúng ta sử dụng:

- "Find next" cho ra từng kết quả có chứa từ khóa
- "Find all" cho ra tất cả các kết quả có chứa từ khóa

Lưu ý:

Các file Biểu thuế được chia sẻ trên Intemet có thể không được cập nhật kịp thời dẫn đến kết quả thiếu chính xác. Chúng ta nên đối chiếu lại với biểu thuế bản in hoặc website Tổng cục hải quan để chắc chắn về kết quả tra cứu

3️⃣ Tra cứu bằng **Biểu thuế Xuất nhập khẩu bản in**: Tra cứu bằng bản này mất khá nhiều thời gian, tuy nhiên nếu chúng ta tra cứu nhiều mặt hàng hoặc mặt hàng có thông tin phức tạp thì bản in sẽ giúp tìm kiếm và đọc thông tin một cách bao quát hơn

4️⃣ Chúng ta truy cập địa chỉ **www.customs.gov.vn** để tra cứu: Cách này tuy khó bao quát thông tin và khó so sánh nhiều kết quả. Nhưng chúng ta vẫn nên sử dụng để đối chiếu lại kết quả sau khi đã sử dụng Biểu thuế excel hoặc google để tra cứu

TRÌNH BÀY TẠI LỚP : THÀNH VIÊN BẤT KỲ (GV MỜI)

Bài 5



Hoạt động của Freight Forwarder

KIỂM TRA BÀI 6

- KT6A – giấy
- KT6B – giấy
- Hướng nghiệp : Các vị trí làm về logistics và các cấp độ thăng tiến

NỘI DUNG

1. Phân biệt forwarder và carrier
2. Phân biệt forwarder và NVOCC
3. Các vị trí công việc trong forwarder

Phân biệt

FORWARDER và CARRIER

CARRIER

Sở hữu hoặc khai thác phương tiện VC

- Airline (có máy bay)
- Shipping line (có tàu)
- Truck owner (có xe)

FORWARDER

Không sở hữu phương tiện VC

CARRIER

Bán cước vận chuyển

FORWARDER

Trung gian mua bán cước vận chuyển

Dịch vụ khác

- Khai báo HQ
- Làm chứng từ
- Gom tách hàng lẻ
- Dịch vụ khác



Carrier







FORWARDER



Carrier


EVERGREEN
EVER SPRING


ONE
ONE
ONE STORK


OOCL


CMA CGM CHRISTOPHE COLOMB
CMA CGM


KÜHNE+NAGEL


DHL


GEODIS


DB
SCHENKER


ceva
LOGISTICS


PANALPINA
on 6 continents


GEMADEPT

Phân biệt

FORWARDER và NVOCC

NVOCC = *Non-vessel Operating Common Carrier*


NVOCC
Freight
Forwarder



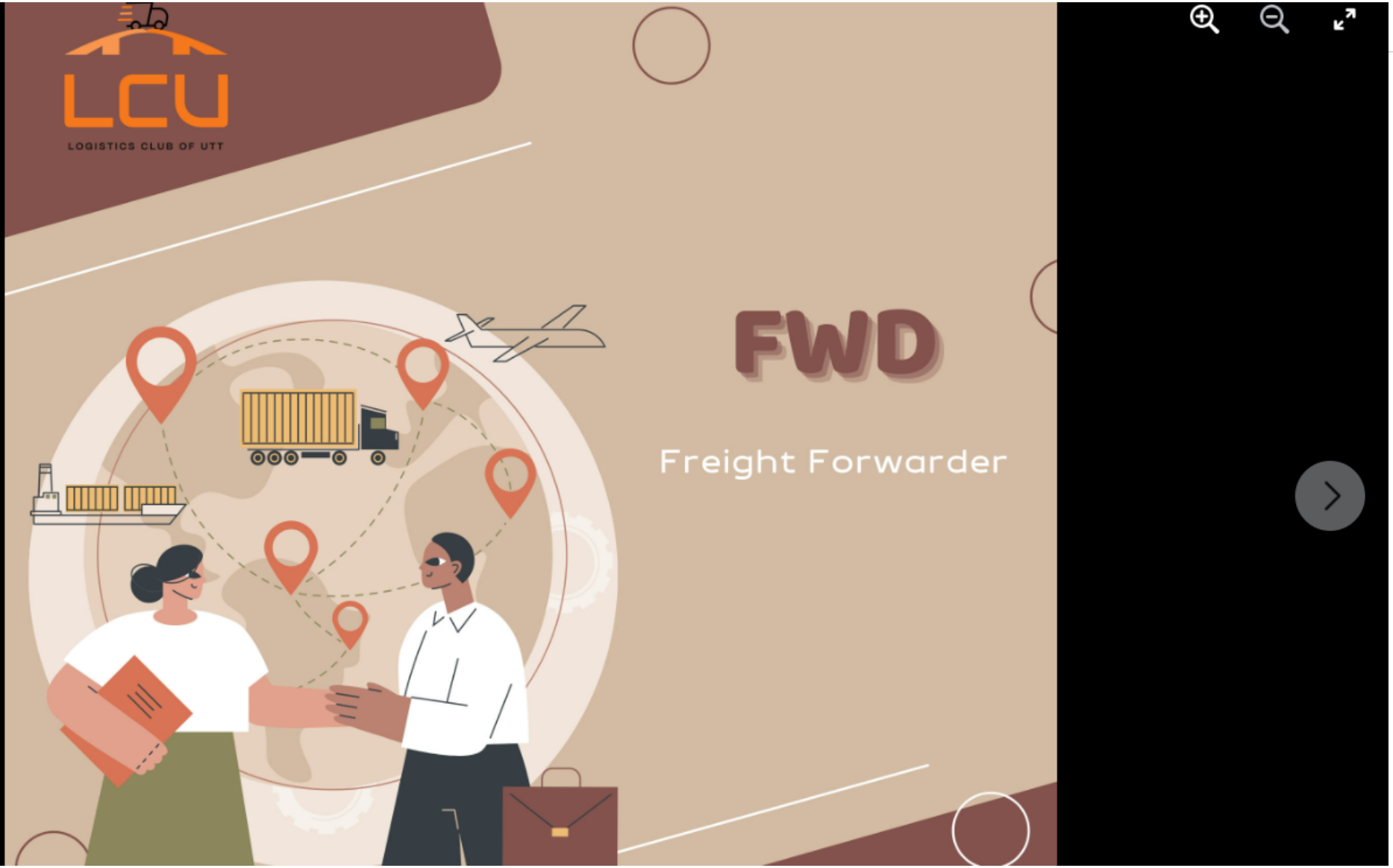
Logistics Club of UTT
25 tháng 1 ·

1/ NVOCC
NVOCC (Đại lý hãng tàu) – viết tắt của cụm từ Non-Vessel Operating Common Carrier
Là một công ty kinh doanh vận tải biển, được xem như một nhà vận tải biển (Carrier)
Khác với các hãng tàu (Shipping line) là họ không sở hữu bất cứ một con tàu nào cả
Có khả năng phát hành vận đơn thứ cấp (HBL – House bill of lading) cho khách hàng
Có thể cung cấp bảng giá (Tariff rates)
Có khả năng ký các hợp đồng dịch vụ (Service contact) với các hãng tàu. **Ẩn bớt**

3

Thích Bình luận Chia sẻ

Viết bình luận...



Logistics Club of UTT
25 tháng 1 ·

2/ Freight Forwarder
Freight Forwarder hay còn được gọi ngắn gọn là Forwarder (FWD)
Là nhà cung cấp dịch vụ logistics bên thứ 3 (Third party logistics – 3PL).
Hoạt động rất rộng, họ cung cấp rất nhiều các dịch vụ từ vận tải nội địa, vận tải quốc tế đường biển, vận tải quốc tế đường hàng không, đến dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ làm chứng từ xuất nhập khẩu, dịch vụ cho thuê kho bãi, đóng gói, xếp dỡ hàng,....
Freight Forwarder chỉ kinh doanh duy nhất cước vận tải quốc tế (cả Air và Sea).
Để trở thành một NVOCC thì trước tiên công ty đó phải là Freight Forwarder. **Ẩn bớt**

1

Thích Bình luận Chia sẻ

Viết bình luận...

NVOCC = FORWARDER

- Không sở hữu phương tiện VC
- Phát hành HBL

- Không sở hữu phương tiện VC
- Phát hành HBL

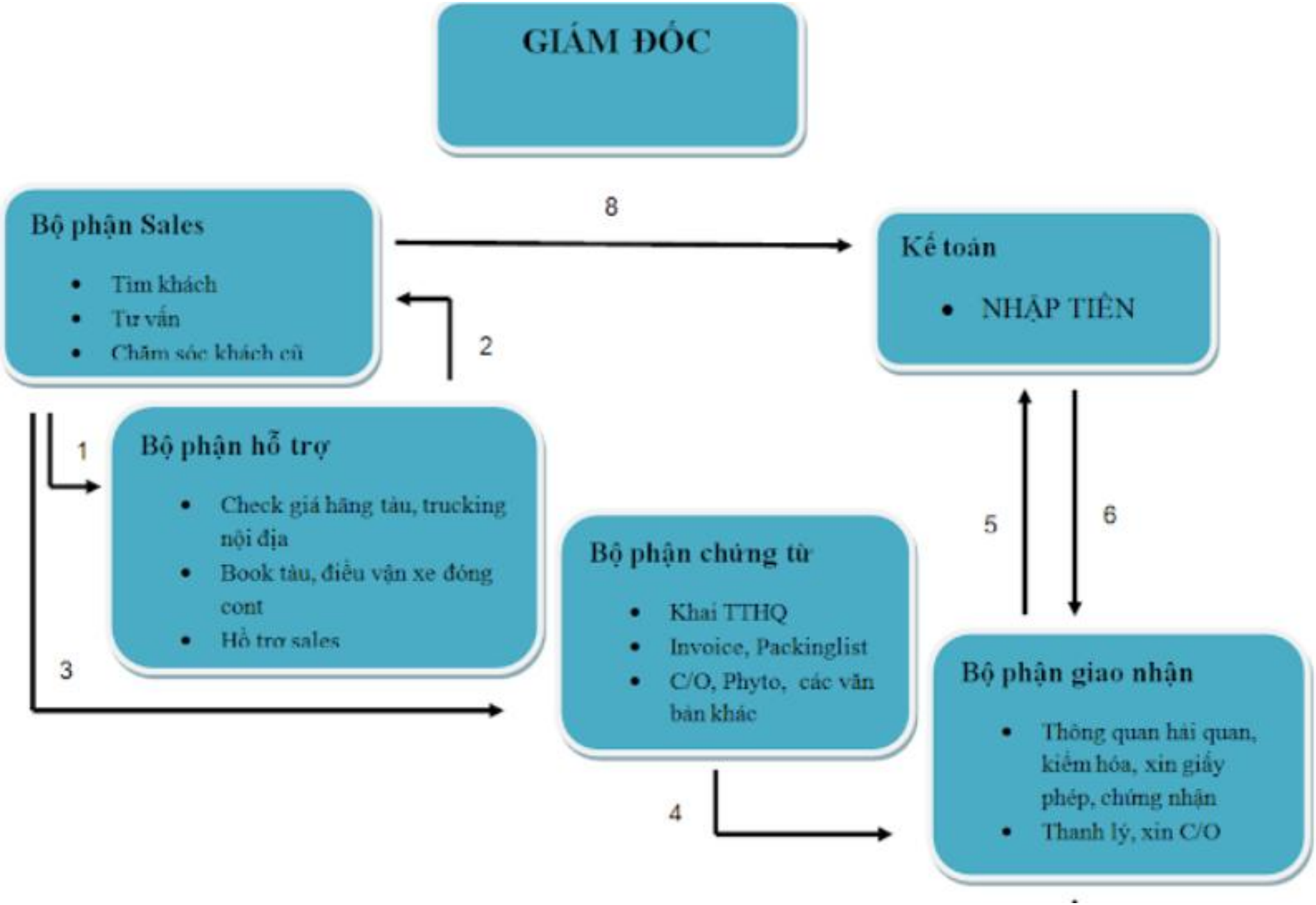
NVOCC ≠ FORWARDER

- Vận tải biển
- Sở hữu/thuê container
- Chỉ bán cước và chỗ

- Đa phương thức
- Không có container
- Nhiều dịch vụ khác

Các vị trí công việc trong

FORWARDER


GIÁM ĐỐC
Bộ phận Sales
Tìm khách
Tư vấn
Chăm sóc khách cũ
8
Kế toán
NHẬP TIỀN
2
1
Bộ phận hỗ trợ
Check giá hãng tàu, trucking nội địa
Book tàu, điều vận xe đóng cont
Hỗ trợ sales
3
Bộ phận chứng từ
Khai TTHQ
Invoice, Packinglist
C/O, Phyto, các văn bản khác
5
6
Bộ phận giao nhận
Thông quan hải quan, kiểm hóa, xin giấy phép, chứng nhận
Thanh lý, xin C/O
4

SALES

PRICING



OPS

DOCS

CUS

Học thực tế - Làm thực tế - Nhận thành quả thực tế

https://www.youtube.com/watch?v=J9XkIkmYhnY

Docs Staff - NHÂN VIÊN CHỨNG TỪ



Docs Staff

-

NHÂN VIÊN CHỨNG TỪ



- Nhận Booking Request từ khách hàng
- Gửi Booking Request cho hãng tàu
- Gửi Booking Confirmation cho khách hàng
- Khách hàng gửi SI và VGM để làm BL
- **Gởi chi tiết BL cho hãng tàu**
- Hãng tàu gửi Draft BL → **Kiểm tra BL**
- Hãng tàu gửi Debit Note → **gởi kế toán**
- Hãng tàu phát hành BL
- Gửi chứng từ cho đại lý (nếu có)

Docs Staff - NHÂN VIÊN CHỨNG TỪ

Đặc điểm: Việc đều đều, cảm giác làm được việc, mà BẬN làm sáng tới chiều

- Nhận các yêu cầu làm chứng từ xuất nhập khẩu cho các lô hàng từ sales chuyển sang (nếu công ty Xuất nhập khẩu không tự làm mà thuê forwarder làm
- Phải handle làm chứng từ xuất-nhập giúp khách nếu khách thuê forwarder làm như: Invoice, Packing list, C/O, Fumi, Phyto, Certificate khác, giấy phép, kiểm tra chất lượng hay chuyên ngành…để song song cùng Ops hoàn thiện nhanh nhất
- Truyền tờ khai hải quan xuất-nhập khẩu cho các lô hàng, sau đó bàn giao cho nhân viên hiện trường Ops đi thông quan tại chi cục
- Làm Bill, AWB các lô hàng, hỗ trợ khai VGM, lên Debit Note từ hệ thống để gửi Sales, sau đó sales gửi khách hàng
- Nhận/làm pre-alert từ hoặc gửi Agent/Lines hàng nhập, khai E-manifest, làm NOA gửi khách hàng

Đãi ngộ: lương cứng dao động từ 5-10 triệu/tháng tùy kinh nghiệm và năng lực, không có % doanh thu, tăng lương theo lộ trình, sẽ được thưởng nếu làm tốt và hỗ trợ tốt. Nhiều công ty Docs được thưởng rất tốt nếu hỗ trợ làm hàng nhiều và làm tốt.

Sales Staff - **NHÂN VIÊN KINH DOANH**



Đãi ngộ: mới ra trường thường lương cứng dao động 4-7 triệu + % benefit của lô hàng (dao động 15-40% benefit của lô hàng sau khi trừ chi phí). Nếu có kinh nghiệm và kỹ năng tốt, làm cho Lines hoặc công ty Global có thể được nhận lương 700-1200usd cứng.

Sales Staff - NHÂN VIÊN KINH DOANH

Đặc điểm: Khó nhất và áp lực, nhiều khi không biết làm gì, mà RÃNH.

- Forwarder chào bán cước (freight) và dịch vụ all in (trucking nội địa, hun trùng, kiểm dịch, vệ sinh, thông quan, chứng nhận, giấy phép, dịch vụ chuyên ngành…)
- Cần nắm rõ quy trình thủ tục nhập khẩu xuất khẩu các mặt hàng để tư vấn cho khách hàng.
- Chủ động tìm kiếm khách hàng qua các kênh, đi gặp gỡ, chăm sóc khách hàng (café, gặp tại công ty, giới thiệu…)
- Khi có hàng thì phối hợp các bộ phận để handle hàng trôi chảy, xử lý các trouble nếu có, update cho các chủ hàng/consignee.

Tùy công ty mạnh hàng xuất hay nhập, air hay sea, hay có làm agent cho lines nào đó hay không mà sales logs có cách tiếp cận và lọc thông tin khách hàng tiềm năng nhất nhé, thể hiện được điểm mạnh nhất của bên mình.

Sales Logistics là vị trí chịu áp lực khá lớn, tuyển nhiều nhưng cũng khắc nghiệt và đào thải nhanh, sau 3 tháng nếu không có khách hàng sẽ rất chán nản và có thể bị cho “out”

Sales Staff - **NHÂN VIÊN KINH DOANH**

VĂN MẪU CHO DÂN SALES LOGISTICS

1. Giới thiệu tên, công ty đang làm việc

vd: dạ chào anh chị, em là [tên của bạn], gọi từ [tên công ty] là bên công ty chuyên về cước vận chuyển quốc tế

2. Trình bày lý do

Em có tìm hiểu thì thấy công ty mình có nhập khẩu hàng từ các tuyến CHINA, HKG – VN ..nên rất mong muốn có thể hỗ trợ anh chị về giá và hợp tác sau này cùng công ty)

3. Giới thiệu các thể mạnh

4. Tìm điểm liên hệ giữa khách hàng và FWD để dẫn dắt cuộc nói chuyện

5. Tiếp tục chia sẻ thông tin

Hỏi thêm nhu cầu hiện tại của khách : xuất nhập tuyến nào, FCL? LCL? AIR? tên hàng, volume, POL, POD, địa chỉ lấy/giao hàng nếu có, các yêu cầu đặc biệt... sau đó hẹn thời gian gửi báo giá

6. Xin sdt (zalo) , email

7. Cảm ơn

8. Trường hợp thì nếu không có nhu cầu

Xin sdt , email để gửi profile công ty, gửi báo giá promotion.. để khách hàng tham khảo.

9. Lưu lại sdt email vào file excel, để gọi lại sa

Sales Staff - **NHÂN VIÊN KINH DOANH**

YÊU CẦU: Soạn báo giá đường biển

- Forwarder: ABC Logistics Co., LTD
- KH Việt Nhật Co., LTD yêu cầu chào giá hàng FCL,LCL.
- Từ cảng HoChiMinh đi cảng Tokyo
- LCL: USD 5.00/ CBM
  FCL: USD 220/ 20’ ; USD 400/40’ DC

Các loại sales logistics: 3 loại

- **Hàng chỉ định (nominated)**
- **Hàng thường (free hand)**
- **Sales agent**

- **Hàng chỉ định (nominated)**

Là hàng mà người mua thuê tàu và trả tiền cước (mua bán nhóm E & F, đặc biệt là FOB). Vd: hàng may mặc, shipper chuyên xuất FOB.

Sales forwarder :

+ **KHÔNG** chào cước (freight)
+ chào dịch vụ

- **Hàng thường (free hand)**

Là loại hàng mà Shipper tự book tàu và trả cước, mua bán theo nhóm C & D.

Sales forwarder :

+ chào cước (freight)
+ chào dịch vụ

- **Sales agent**
- Level cao nhất của sales forwarder.
- Sales forwarder
  + Chào cước
  + Chào dịch vụ
  + ***sales để làm đại lý cho các lines tàu nước ngoài.***

Những nguyên tắc bắt buộc của sales logistics

Xác định thế mạnh của công ty:

1. Hàng nhập hay hàng xuất
2. Tuyến đường, giá, lines
3. Cước, trucking,chỉ làm dịch vụ hải quan

Tìm kiếm khách hàng mới ở đâu?



Tìm kiếm khách hàng mới ở đâu?

- Sử dụng **B2B websites**

Vd: Alibaba.com, Kompass.com, Tradekey.com, ec21.com, indiamart.com…

Alibaba.com - Supplier và Coffee - Location chọn tích ở Vietnam.

→thu thập đủ contact với Phone/Fax/Mobile/website và người phụ trách nhé (PIC)

- **Các website danh bạ công ty (directory)**

+ trangvangvietnam.com

+ hosocongty.vn, …

Vd: tra cứu danh sách các công ty xuất nhập khẩu chung tại TP. Hồ Chí Minh tại website trangvangvietnam.com - lọc ra các công ty XNK → lấy contact chi tiết, email chào dịch vụ, gọi điện chào dịch vụ và xin gặp.

- **Sử dụng công cụ tìm kiếm google**

+ List công ty xuất nhập khẩu (note chọn filetype: .doc, .xls hay .pdf)

+ Các hiệp hội xuất nhập khẩu hàng hóa.

+ Các diễn đàn, forum về xuất nhập khẩu cũng có nhiều Shipper/Consignee tham gia

+ Nếu muốn đánh vào 1 thị trường cụ thể, thì nên chọn và hiểu rõ thị trường đó xuất nhập khẩu hàng gì nhiều. Ví dụ bạn mạnh tuyến Ấn Độ, thì hãy chào các công ty Việt Nam xuất đi Ấn Độ. Vậy xuất đi Ấn Độ những mặt hàng :

+ Quế (Cassia)
+ Hồi (Star Anisseed)
+ Hương (incense stick)
+ Gỗ,…

- **Mạng xã hội (Social Network)**

Tham gia vào các group như: Nghề Xuất Nhập Khẩu-Logistics, Giải đáp thủ tục hải quan, Thủ tục hải quan-xuất nhập khẩu,…. Các bạn có thể post chào dịch vụ, PR công ty, ngược lại có nhiều doanh nghiệp sẽ đăng thông tin cần thuê dịch vụ forwarder, cần báo giá các tuyến,…

- **Hội chợ, triển lãm hàng Việt Nam**

Khi có các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế tổ chức tại Việt Nam thì sales logistics không nên bỏ qua cơ hội này.

•Các cơ quan

Bạn có thể biết được danh sách các công ty xuất nhập khẩu từ quá trình đăng kí tại các cơ quan như:

+ Cục Kiểm dịch thực vật, động vật
+ Công ty hun trùng
+ Bộ Công Thương và VCCI (cấp C/O)
+ Cơ quan hải quan

•Nguồn đặc biệt

Bạn sẽ kiếm được những khách hàng cực kì thân thiết, lâu dài dựa vào sự giới thiệu từ các đối tác, khách hàng cũ hay bạn bè. Cũng không quá sai khi nói rằng, một phần nhiều các hợp đồng hay đối tác kiếm được là trên bàn nhậu, hay qua những cuộc giao lưu.



Mr. Tít - Logistics A Bờ Cờ





Quy trình Sales Forwarder



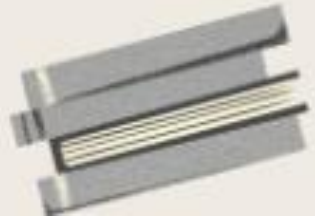
Bước 1



Phân tích

Đây là bước đầu tiên cũng là bước quan trọng, không thể thiếu trong quy trình Sales

- Phân tích sản phẩm: Xác định điểm mạnh, điểm yếu của sản phẩm/dịch vụ đang được kinh doanh, nắm rõ phân khúc thị trường, tệp khách hàng của sản phẩm từ đó xác định đối thủ.
- Phân tích đối thủ: Tìm hiểu điểm mạnh, điểm yếu của đối thủ , từ đó xác định USP (Unique Selling Point).



Bước 2

Thu thập thông tin khách hàng



Thu thập thông tin của các đối tượng có nhu cầu qua những mối quan hệ thân quen, website, hội chợ quốc tế,...

Các thông tin tối thiểu như:

- Tên công ty
- Số điện thoại
- Email
- Mặt hàng



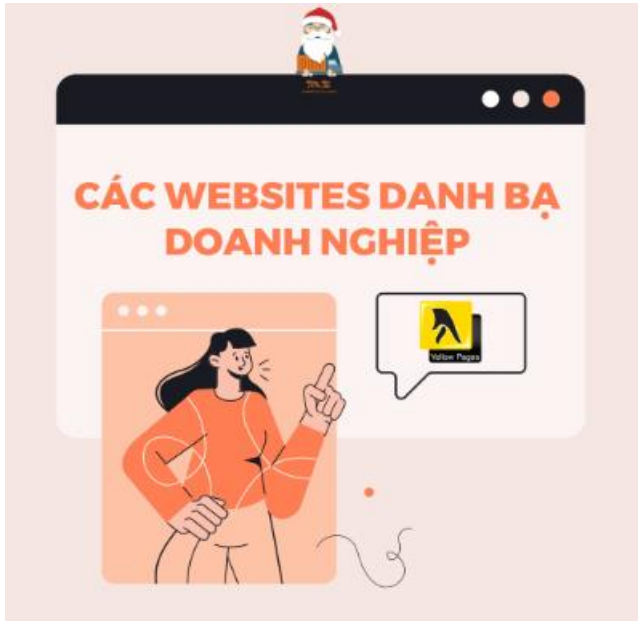
Bước 3



Tiếp cận khách hàng

Salesman tiếp cận khách hàng qua telesales, email marketing, bước này yêu cầu các kiến thức nhất định như Incoterms, quy trình XNK; kĩ năng mềm như thuyết phục,... làm cho khách hàng quan tâm và lấy được thông tin lô hàng.




CÁC WEBSITES DANH BẠ
DOANH NGHIỆP


SỬ DỤNG CÔNG CỤ
TÌM KIẾM


THÔNG QUA CÁC TRANG
MẠNG XÃ HỘI


THÔNG QUA CÁC
HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM


TÌM KIẾM THÔNG QUA
CÁC NGUỒN KHÁC

Bước 4

Báo giá và thương lượng



Salesman làm việc với hãng tàu để lấy giá cước và các phụ phí liên quan và báo cho khách hàng.

Với những khách hàng còn phân vân, Salesman phải tìm hiểu điều khiến khách hàng chưa hài lòng. Từ đó sử dụng kĩ năng thương lượng, đàm phán để thuyết phục khách hàng.

Bước 5

Thanh toán và thực hiện lô hàng



Sau khi hai bên đã đạt được thỏa thuận, Salesman thông báo cho các bộ phận liên quan để thực hiện thanh toán và thực hiện lô hàng. Theo dõi tiến độ làm việc của các bộ phận liên quan như chứng từ, hãng tàu để đảm bảo tiến độ lô hàng.



Bước 6



Duy trì mối quan hệ



Đây là bước cuối cùng thường bị bỏ qua nhưng lại là bước quan trọng không kém những bước trên.

Sau khi đạt được thỏa thuận, Salesman vẫn nên thường xuyên cập nhật tiến độ lô hàng, giải đáp những băn khoăn của khách hàng để duy trì mối quan hệ. Sau đó thường xuyên cập nhất giá cước những tuyến hàng hóa mà khách quan tâm.


SALES FORWARDER
VS.
SALES HÃNG TÀU

CÔNG VIỆC

SALES HÃNG TÀU	SALES FORWARDER
Chỉ bán cước giá của một hãng tàu họ đang làm.	Còn gọi là đại lý hãng tàu, có quyền bán cước của tất cả hãng tàu trên thị trường.



CÔNG VIỆC

SALES HÃNG TÀU	SALES FORWARDER
Cung cấp giá cho các bên forwarding và direct shipper.	Chỉ cung cấp giá cho direct shipper.



CÔNG VIỆC

SALES HÃNG TÀU

Hầu như chỉ làm nhiệm vụ hàng xuất/nhập, đa phần không làm thủ tục hải quan cho khách.

Hỗ trợ lấy container rỗng, hỗ trợ lấy bill, ngoài ra còn phải có quan hệ với Operators và cảng.

SALES FORWARDER

Có thể sale cả hàng xuất lẫn nhập, làm thủ tục hải quan cho khách hàng, hoặc làm cả trucking.



THUẬN LỢI

SALES HÃNG TÀU

Có thể được nhiều hàng từ forwarders nếu hỗ trợ tốt và giá tốt.

SALES FORWARDER

Có thể nhận được nhiều báo giá tốt nhờ mối quan hệ tốt với hãng tàu



KHÓ KHĂN

SALES HÃNG TÀU

Vất vả trong việc chạy target để full chỗ trên tàu.

SALES FORWARDER

Khó khăn lớn nhất: Tìm kiếm khách hàng (direct shippers) do thời buổi kinh tế cạnh tranh.

Phải xử lý từng lô hàng, nếu có vấn đề gì bạn phải trực tiếp làm việc, tư vấn cho khách.



NHỮNG KỸ NĂNG CẦN THIẾT

1 Kiến thức

Bên cạnh kiến thức chuyên ngành, bạn còn cần trang bị thêm các kiến thức về chính trị, xã hội, hàng hải (lịch tàu, tình hình thị trường, thủ tục hải quan,..) do công việc xuất nhập khẩu cũng liên quan tới chính trị như các luật cấm vận.

2 Kỹ năng mềm

Cần kỹ năng giao tiếp tốt: chịu khó lắng nghe khách hàng, phải truyền đạt và cảm nhận thông tin tốt.
Ngoại ngữ là một lợi thế rất lớn do thường xuyên phải làm việc/viết mail cho khách hàng trong hoặc ngoài nước.

3 Hiểu về đối tác

Khi thương lượng với các công ty xuất nhập khẩu, với các forwarders thì cần lưu ý về việc tìm kiếm, gặp gỡ khách hàng. Đây được coi là việc cực kỳ quan trọng và quyết định có thể biến khách hàng thành đối tác được không.



Sales Staff

-

NHÂN VIÊN KINH DOANH





Foxit Reader PDF Document

CS Staff - NHÂN VIÊN DVKH



CS Staff - **NHÂN VIÊN DVKH**

Đặc điểm: Việc đều đều, cảm giác làm được việc, mà BẬN làm sáng tới chiều

một số công ty logistics quy mô nhỏ thì Docs và Cus làm chung công việc của nhau, gọi chung là bộ phận Docs. Ở các công ty lớn, phân bộ phận chuyên biệt mới phân ra Cus riêng.

- Liên hệ đại lý lines/agent nước ngoài để xin giá cước tốt nhất, xin Dem/Det, check space và lấy booking từ lines để gửi sales hoặc gửi cho direct shipper/consignee
- Sắp xếp phối hợp cùng điều vận để lên kế hoạch điều xe, đóng cont (trucking). Kiểm tra tiến độ đóng hàng, hạ bãi. Update status (tracking, tracing) của các lô hàng xuất/nhập khẩu trên hệ thống để báo khách
- Hỗ trợ sales/docs làm chứng từ các lô hàng xuất-nhập, check ETA…
- Hỗ trợ các bộ phận khác, hoặc làm theo yêu cầu (vị trí đúng nghĩa chuyên hỗ trợ)

Đãi ngộ: dao động từ 5-10 triệu/tháng, không có % doanh thu, tăng lương theo lộ trình, thưởng theo mức độ hoàn thành công việc và hỗ trợ sales hiệu quả.

OP Staff - NHÂN VIÊN HIỆN TRƯỜNG



OP Staff - NHÂN VIÊN HIỆN TRƯỜNG

Đặc điểm: Cực nhất vì đi ngoài đường trưa nắng, Việc đều đều, Ai đưa gì làm đó, lúc thì rãnh lúc thì làm sấp mặt tới 9-10h khuya.

Vị trí này yêu cầu đi lại thường xuyên, vất vả nhất, làm nhiều quen dần, yêu cầu đầu vào không cao như các vị trí khác:

- Nhận bộ chứng từ xuất-nhập từ sales/docs và hỗ trợ đi nộp thuế, thông quan hải quan hàng xuất hoặc đi lấy hàng (hàng nhập) tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu, ICD, cảng (cửa khẩu), sân bay, hải quan chuyển phát nhanh
- Nhận hồ sơ và yêu cầu từ sales/docs đi làm các chứng từ như C/O, Fumigation, Phytosanitary, bảo hiểm, C/Q, giấy phép, chứng nhận…hay phải đi kiểm hóa, hỗ trợ đi phân tích phân loại và làm các thủ tục quản lý chuyên ngành (kiểm tra chất lượng, công bố…)
- Trực tiếp khai truyền hải quan ECUS/VNACCS hoặc hỗ trợ docs khai khi cần thiết

OP Staff

-

NHÂN VIÊN HIỆN TRƯỜNG

Đãi ngộ: có lương cứng dao động 4-10 triệu/tháng tùy năng lực + tiền làm hàng theo từng lô (theo chính sách từng công ty) + tiền làm thêm chủ hàng hỗ trợ hoặc các cơ quan discount cho. Tùy sự khôn ngoan, lương total có thể từ 7-20tr/tháng hoặc hơn rất nhiều nếu nhận thêm làm hàng ngoài, hàng khó và hàng cá nhân
Nhìn chung, vị trí giao nhận phù hợp với các bạn nam hơn, với cường độ đi lại rất nhiều. Tuy nhiên rất nhiều Ops nữ làm rất tốt. Không có quy chuẩn nào là nam hay nữ làm tốt hơn.

ACC Staff

-

NHÂN VIÊN KẾ TOÁN



ACC Staff

-

NHÂN VIÊN KẾ TOÁN

Đặc Điểm: khỏi nói kế toán xưa nay vẫn vậy, việc đều đều, kỹ là được.

- Kiểm tra chứng từ nhập xuất vật tư, hàng hóa đối chiếu giữa chứng từ và phiếu trên phần mềm.
- Hạch toán kế toán các nghiệp vụ liên quan đến việc xuất, nhập vật tư, hàng hóa được phân công.
- Đối chiếu số liệu, tổng kết các kho theo đúng qui định.
- Khớp số tồn kho giữa thực tế và sổ sách.
- Kiểm tra theo dõi sổ chi tiết TK: 152, 155, 156…
- Chịu trách nhiệm lưu toàn bộ chứng từ Nhập, Xuất đầy đủ, khoa học
- Hỗ trợ đồng nghiệp khi cần thiết.
- Làm các công việc phát sinh khác khi có yêu cầu của Giám đốc và Trưởng phòng

Op

TMC THAMI SHIPPING & AIRFREIGHT CORP.

THÔNG BÁO TUYỂN DỤNG

NHÂN VIÊN CHỨNG TỪ

MÔ TẢ CÔNG VIỆC

- Liên hệ với khách hàng, hãng tàu, đại lý nước ngoài.
- Phát hành vận đơn và các chứng từ vận tải khác.
- Hỗ trợ bộ phận kinh doanh và các bộ phận về các vấn đề liên quan.
- Chăm sóc, tư vấn và giải quyết các yêu cầu của khách hàng.

YÊU CẦU

- Tốt nghiệp Cao Đẳng hoặc Đại học các ngành Kinh doanh quốc tế, Ngoại thương, Kinh tế vận tải biển hoặc các ngành Kinh tế liên quan Xuất nhập khẩu, Quản trị kinh doanh.
- Kỹ năng làm việc nhóm tốt.
- Nhanh nhẹn, hoạt bát, năng động, khả năng giao tiếp tốt.
- Sẵn sàng làm việc với áp lực cao.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh khá.
- Ưu tiên cho các bạn có kinh nghiệm trong lĩnh vực Logistic hoặc Forwarder.

QUYỀN LỢI

- Môi trường làm việc năng động, công bằng, phát huy năng lực của nhân viên.
- Thu nhập và chế độ đãi ngộ xứng đáng.
- Thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.
- Xét tăng lương hàng năm theo năng lực và thưởng các dịp Lễ Tết, sinh nhật trong năm.
- Phép năm, BHXH và các chế độ theo quy định của nhà nước.
- Du lịch và team building hàng năm.



LIÊN HỆ NỘP HỒ SƠ

Văn phòng TMC Hải Phòng
Địa chỉ: Phòng 541 và 542, tầng 5, Toà nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông.
Ms Quyên: 0368.932.861/ 0225.3552.339

Hoặc qua Email: domestic.hph1@thamico.com

Lưu ý: ƯU TIÊN NỘP HỒ SƠ QUA EMAIL. Khi nộp hồ sơ, vui lòng ghi rõ vị trí ứng tuyển.

Hạn chót nộp hồ sơ: 21/03/2021.

www.thamico.com

doc

TMC
WE SHIP YOUR TRUST

THAMI SHIPPING & AIRFREIGHT CORP.

THÔNG BÁO TUYỂN DỤNG

NHÂN VIÊN HIỆN TRƯỜNG

MÔ TẢ CÔNG VIỆC

- Đi lấy lệnh và cước ở hãng tàu.
- Đổi lệnh, đổi hóa đơn dưới cảng.
- Phối hợp với các bộ phận liên quan trong việc triển khai các dịch vụ cho khách hàng.

YÊU CẦU

- Tốt nghiệp Cao đẳng hoặc Đại học các ngành liên quan đến XNK.
- Kỹ năng làm việc nhóm tốt.
- Nhanh nhẹn, hoạt bát, năng động, khả năng giao tiếp tốt.
- Sẵn sàng làm việc với áp lực cao.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh khá.
- Ưu tiên cho các bạn có kinh nghiệm trong lĩnh vực Logistic hoặc Forwarder.

QUYỀN LỢI

- Môi trường làm việc năng động, công bằng , phát huy năng lực của nhân viên.
- Thu nhập và chế độ đãi ngộ xứng đáng.
- Thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.
- Xét tăng lương hàng năm theo năng lực và thưởng các dịp Lễ Tết, sinh nhật trong năm.
- Phép năm, BHXH và các chế độ theo quy định của nhà nước.
- Du lịch và team building hàng năm.



LIÊN HỆ NỘP HỒ SƠ

Văn phòng TMC Hải Phòng
Địa chỉ: Phòng 541 và 542, tầng 5, Toà nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông.
Ms Quyên: 0368.932.861/ 0225.3552.339

Hoặc qua Email: domestic.hph1@thamico.com

Lưu ý: ƯU TIÊN NỘP HỒ SƠ QUA EMAIL. Khi nộp hồ sơ, vui lòng ghi rõ vị trí ứng tuyển.

Hạn chót nộp hồ sơ: 21/03/2021

www.thamico.com

Các vị trí công việc trong

CẢNG





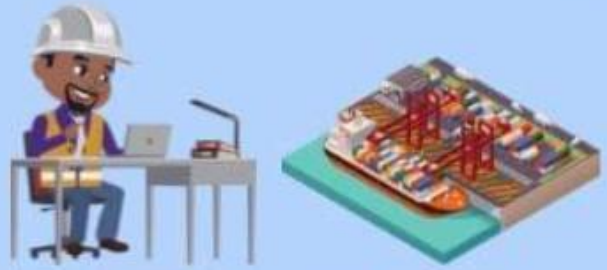
YARD SUPERVISOR
(ĐIỀU ĐỘ BÃI)

Hotline: 0967 704 561
Email: opsall@gemalink.com.vn
Xử lý các trường hợp về thiết bị, con người khi làm dịch vụ bên trong bãi



VESSEL SUPERVISOR
(ĐIỀU ĐỘ CẦU BẾN)

Hotline: 0967 704 615
Email: opsall@gemalink.com.vn
Trực tiếp bố trí tàu, sà lan và xử lý các tình huống tại cầu bến.



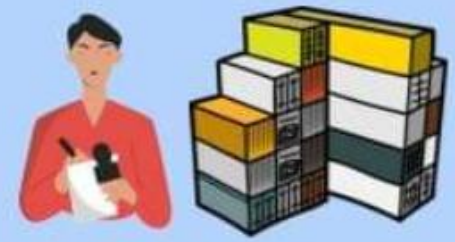
SHIFT MANAGER
(ĐIỀU ĐỘ CẢNG)

Hotline: 0963 532 342
Email: shift_managers@gemalink.com.vn
Ra quyết định và chịu trách nhiệm chung về các vấn đề khai thác trong ca



BERTH PLANNER
(KẾ HOẠCH CẦU BẾN)

Hotline: 0978 909 304
Email: Duc.DD@gemalink.com.vn
Lên kế hoạch sắp xếp thông tin lịch tàu (ETA, ETB, COT...)



CARGO CONTROLLER
(KIỂM SOÁT HÀNG HÓA)

Hotline: 0978 905 787
Email: Cargo.Pln@gemalink.com.vn
Quản lý thông tin container, hàng hóa (Loading list/ discharge list/ booking list)



YARD PLANNER
(KẾ HOẠCH BÃI)

Hotline: 0978 908 545
Email: Yard.Pln@gemalink.com.vn
Phụ trách & quản lý tình trạng container trên bãi.



VESSEL PLANNER
(KẾ HOẠCH TÀU)

Hotline: 0978 907 659
Email: Vessel.Pln@gemalink.com.vn
Lập kế hoạch và quản lý thông tin xuất/ nhập tàu.



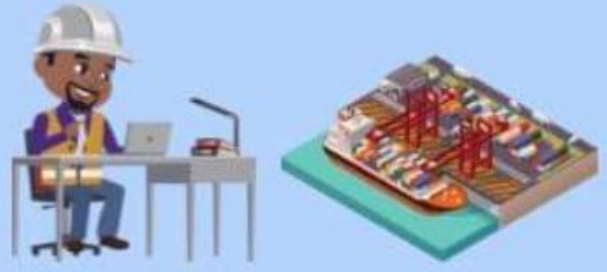
YARD SUPERVISOR
(ĐIỀU ĐỘ BÃI)

Hotline: 0967 704 561
Email: opsall@gemalink.com.vn
Xử lý các trường hợp về thiết bị, con người khi làm dịch vụ bên trong bãi



VESSEL SUPERVISOR
(ĐIỀU ĐỘ CẦU BẾN)

Hotline: 0967 704 615
Email: opsall@gemalink.com.vn
Trực tiếp bố trí tàu, sà lan và xử lý các tình huống tại cầu bến.



SHIFT MANAGER
(ĐIỀU ĐỘ CẢNG)

Hotline: 0963 532 342
Email: shift_managers@gemalink.com.vn
Ra quyết định và chịu trách nhiệm chung về các vấn đề khai thác trong ca

CÁC VỊ TRÍ CÔNG VIỆC TRONG NGÀNH XNK

TẠI CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU



- Nhân viên kinh doanh hàng xuất khẩu (Export Sales Staff)
- Nhân viên mua hàng nhập khẩu (Purchasing Staff)
- Nhân viên chứng từ xuất nhập khẩu (Documents Staff)

...

TẠI CÔNG TY GIAO NHẬN / FWD

- Nhân viên kinh doanh dịch vụ giao nhận (Sales Logistics Staff)
- Nhân viên chăm sóc khách hàng (Customer Support Staff)
- Nhân viên hiện trường (Operation Staff)
- Nhân viên khai báo hải quan (Customs declaration staff)
- Nhân viên điều vận đội xe/bãi (Co-ordinator)



TẠI CÔNG TY KHÁC



- Nhân viên thanh toán quốc tế (International payment staff)
- Nhân viên văn phòng đại diện (Representative)
- Nhân viên hãng vận tải (Carrier): Sale - Cus - Doc

...

TẠI CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU

Nhân viên kinh doanh hàng xuất khẩu (Export Sales Staff)

MÔ TẢ CÔNG VIỆC



- Xử lý tất cả các công cụ để bán hàng như Báo giá, catalog sản phẩm, danh sách sản phẩm xuất khẩu
- Tìm kiếm, phân loại khách hàng ở các trang thương mại điện tử B2B, giao dịch và giới thiệu sản phẩm, follow từng lô hàng và nhu cầu của khách
- Xử lý các thông tin, thư hỏi hàng của đối tác
- Đàm phán và thực thi kế hoạch giao dịch với khách, ra kết quả đơn hàng, đảm bảo doanh số xuất khẩu
- Triển khai thực hiện đơn hàng, phối hợp với bộ phận sản xuất, đảm bảo đơn hàng đúng tiến độ
- Xử lý chứng từ xuất khẩu, đảm bảo sự chính xác, đầy đủ, đúng thời gian cùng bộ phận chứng từ
- Đi công tác, hội chợ, triển lãm quốc tế

YÊU CẦU CÔNG VIỆC

- Kiến thức chuyên môn: Kinh tế ngoại thương, hợp đồng, logistics, giao nhận vận tải
- Tiếng Anh: Nghe, nói, đọc, viết thành thạo
- Hiểu biết về sản phẩm và dịch vụ của công ty
- Kỹ năng đàm phán và làm việc nhóm tốt

MỨC LƯƠNG

- Lương: 10 triệu - n triệu
  (Thu nhập không giới hạn tùy năng lực)

TẠI CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU

Nhân viên mua hàng nhập khẩu (Purchasing Staff)

MÔ TẢ CÔNG VIỆC



- Tìm kiếm và đàm phán với nhà cung cấp có nguồn hàng chất lượng tốt, giá rẻ nhất, cung ứng kịp thời nhất
- Dự toán các chi phí nhập khẩu (phí vận tải, thuế NK,..)
- Theo dõi tiến độ đơn hàng, làm hợp đồng, check công nợ, thanh toán và hoàn thiện chứng từ XNK
- Làm việc với các công ty giao nhận để vận chuyển hàng hóa quốc tế về đến kho
- Kê khai và xử lý các thủ tục hải quan, thông quan và giao nhận hàng hóa
- Kiểm tra chất lượng của hàng hóa nhập khẩu, mua bán trong nước trước khi nhập kho

YÊU CẦU CÔNG VIỆC

- Kiến thức chuyên môn: Có kinh nghiệm trong lĩnh vực mua hàng, ngoại thương, hợp đồng, thông lệ giao dịch quốc tế
- Tiếng Anh và tiếng Trung: Đọc, viết thành thạo. Nghe, nói cơ bản
- Kỹ năng làm việc nhóm, đàm phán tốt
- Kỹ năng viết báo cáo theo quy định
- Có khả năng kê khai và làm thủ tục hải quan

MỨC LƯƠNG

- Lương: 10 triệu - 15 triệu

TẠI CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU

Nhân viên chứng từ xuất nhập khẩu (Documents Staff)

MÔ TẢ CÔNG VIỆC



- Chuẩn bị hồ sơ chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Phối hợp với các bộ phận để xử lý hồ sơ, giấy tờ và các công việc liên quan
- Làm các thủ tục cần thiết để xuất, nhập khẩu hàng hóa, công văn để trình cho các bên liên quan
- Xin giấy phép chuyên ngành với các cơ quan chức năng
- Bổ sung các chứng từ gốc và làm thủ tục hoàn thuế
- Lưu trữ các hồ sơ của công ty như thư giao dịch, đơn đặt hàng, chứng từ gốc, hàng mẫu,..
- Xử lý phát sinh liên quan đến giấy tờ và chứng từ hàng hóa xuất nhập khẩu
- Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu

YÊU CẦU CÔNG VIỆC

- Kỹ năng tin học văn phòng tốt
- Tính cách chỉn chu, cẩn thận
- Tiếng Anh: Đọc, viết cơ bản
- Kỹ năng làm việc độc lập, chịu được áp lực
- Kỹ năng sắp xếp và xử lý phát sinh
- Khả năng phối hợp làm việc nhóm

MỨC LƯƠNG

- Lương: 7 triệu - 12 triệu

TẠI CÔNG TY GIAO NHẬN / FWD

Nhân viên kinh doanh dịch vụ giao nhận (Sales Logistics Staff)

MÔ TẢ CÔNG VIỆC



- Tìm kiếm khách hàng, chào bán dịch vụ mà công ty cung cấp
- Tư vấn 1 số thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa
- Xúc tiến ký kết hợp đồng hợp tác giữa 2 bên
- Theo dõi, xử lý phát sinh liên quan đến việc thực hiện dịch vụ đã ký kết với khách hàng
- Theo dõi, đôn đốc các bộ phận thực hiện đúng hợp đồng
- Hỗ trợ kế toán thu hồi công nợ đến hạn, quá hạn
- Thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh hàng tuần cho quản lý và ban giám đốc
- Chăm sóc khách hàng cũ và mới thường xuyên
- Phối hợp cùng bộ phận marketing để quảng bá công ty

YÊU CẦU CÔNG VIỆC

- Có ngoại hình khá là một lợi thế
- Yêu thích công việc bán hàng, tư vấn
- Kỹ năng giao tiếp, thuyết phục tốt
- Kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm
- Sẵn sàng đi tiếp khách, đi công tác

MỨC LƯƠNG

- Lương: 8 triệu - n triệu
  (Thu nhập không giới hạn tùy năng lực)

TẠI CÔNG TY GIAO NHẬN / FWD

Nhân viên chăm sóc khách hàng (Customer Support Staff)

MÔ TẢ CÔNG VIỆC



- Theo dõi và cập nhật tình hình lô hàng xuất nhập khẩu cho khách hàng trong suốt quá trình vận chuyển
- Chuẩn bị hồ sơ chứng từ liên quan đến việc giao nhận hàng hóa
- Làm hợp đồng nguyên tắc với khách hàng
- Lấy booking từ hàng tàu, đại lý vận tải
- Submit SI VGM để Làm B/L (Bill of Lading)
- Làm D/O (Delivery Order)
- Khai E-manifest cho hàng nhập khẩu
- Giải quyết phát sinh liên quan đến lô hàng xuất nhập khẩu
- Tư vấn thêm cho khách hàng khi cần
- Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu

YÊU CẦU CÔNG VIỆC

- Kỹ năng tin học văn phòng tốt
- Tiếng Anh: Đọc, viết cơ bản
- Kỹ năng làm việc độc lập, chịu được áp lực
- Có mong muốn làm việc ổn định lâu dài
- Kỹ năng sắp xếp và xử lý phát sinh
- Khả năng phối hợp làm việc nhóm

MỨC LƯƠNG

- Lương: 7 triệu - 12 triệu

TẠI CÔNG TY GIAO NHẬN / FWD

Nhân viên hiện trường (Operation Staff)

MÔ TẢ CÔNG VIỆC



- Lấy lệnh từ các hãng vận tải/ đại lý hãng vận tải
- Đổi lệnh hàng nhập khẩu tại cảng, sân bay
- Giao nhận hàng hóa tại kho, bãi, cảng, sân bay
- Giao tờ khai hải quan cho hãng tàu
- Làm thủ tục soi chiếu, kiểm hóa hàng hóa nếu có phát sinh
- Làm thủ tục chuyển cửa khẩu cho hàng hóa
- Chọn vỏ container tại bãi, cảng
- Hỗ trợ thông quan cho lô hàng xuất nhập khẩu
- Làm các thủ tục ngoài hiện trường để giải quyết phát sinh và giúp hàng hóa được xuất nhập khẩu theo đúng tiến độ
- Làm bảng kê chi phí và báo cáo công việc cho quản lý
- Thực hiện các công việc được giao tại trường bộ phận

YÊU CẦU CÔNG VIỆC

- Ưu tiên nam giới do tính chất vất vả của công việc
- Nhanh nhẹn, chăm chỉ, nhiệt tình, trung thực
- Có kỹ năng giải quyết vấn đề tốt
- Sẵn sàng làm việc ngoài giờ khi có yêu cầu
- Tiếng Anh cơ bản

MỨC LƯƠNG

- Lương: 7 triệu - 10 triệu (Có hoa hồng + tiền làm hàng theo lô + tiền ngoài giờ do chủ hàng hỗ trợ)

TẠI CÔNG TY GIAO NHẬN / FWD

Nhân viên khai báo hải quan (Customs declaration staff)

MÔ TẢ CÔNG VIỆC



- Khai báo trên phần mềm hải quan điện tử ECUS
- Chuẩn bị các tài liệu, hồ sơ cần thiết để làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu
- Cung cấp đầy đủ thông tin lô hàng cho hải quan kiểm tra
- Tra cứu mã HS cho lô hàng xuất khẩu
- Đảm bảo cho lô hàng được thông quan hợp lệ, tuân thủ theo quy định của pháp luật
- Tư vấn cho khách hàng các vấn đề liên quan đến tờ khai dựa trên thông tư, nghị định của Chính phủ
- Thay mặt khách hàng thanh toán các khoản thuế cho lô hàng (nếu KH yêu cầu)
- Phối hợp với phòng ban khác để giao nhận hàng đúng lịch

YÊU CẦU CÔNG VIỆC

- Biết sử dụng thành thạo phần mềm ECUS
- Có kiến thức chuyên sâu về ngành XNK nói chung và thủ tục hải quan nói riêng
- Tính cách cẩn thận
- Kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề tốt

MỨC LƯƠNG

- Lương: 7 triệu - 15 triệu

TẠI CÔNG TY GIAO NHẬN / FWD

Nhân viên điều vận đội xe/bãi (Co-ordinator)

MÔ TẢ CÔNG VIỆC



- Quản lý tài xế, chất lượng và số lượng các phương tiện của công ty
- Lập kế hoạch sắp xếp các phương tiện để đóng/trả hàng theo đơn hàng của khách sao cho hợp lý, tiết kiệm, khoa học, đúng giờ
- Xử lý các vấn đề liên quan đến việc giao hàng hằng ngày
- Theo dõi định vị và bố trí các lộ trình, tuyến đường hợp lý cho tài xế
- Kiểm soát các chi phí, hóa đơn cầu đường, thanh toán cho bãi, nhà xe hàng tháng
- Tạo mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp khác có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh

YÊU CẦU CÔNG VIỆC

- Am hiểu về xe container
- Am hiểu về lĩnh vực vận tải, địa lý, kinh nghiệm đi đường
- Biết sử dụng các hệ thống định vị GPS, Google Maps,..
- Kỹ năng quản lý, điều phối tốt
- Thành thạo việc sử dụng máy vi tính

MỨC LƯƠNG

- Lương: 7 triệu - 12 triệu



NHÂN VIÊN HIỆN TRƯỜNG

- Theo dõi đóng, xếp hàng tại kho
- Khai báo hải quan tại cảng
- Tổng hợp thông tin, điều phối và giao nhận hồ sơ hàng hóa XNK, hợp đồng, chứng từ tại cảng, kho, bãi,...
- Cung cấp và huy động các phương tiện hỗ trợ vận chuyển
- Theo dõi tiến độ giao hàng

NHÂN VIÊN CSKH

- Cung cấp các tài liệu cần thiết và trả lời thắc mắc cho khách hàng
- Thông báo cho khách hàng về tình trạng hàng hóa đang vận chuyển
- Theo dõi đơn hàng và xử lý các thắc mắc của khách hàng kịp thời
- Duy trì thông tin và củng cố mối quan hệ với khách hàng

NHÂN VIÊN CHỨNG TỪ

- Soạn thảo, xử lý các chứng từ XNK
- Chuẩn bị chứng từ khai hải quan, xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ, chất lượng, công văn, tờ trình
- Liên hệ với khách hàng, phối hợp với bộ phận hiện trường làm thủ tục thông quan hàng hóa
- Lưu trữ hồ sơ, chứng từ

NHÂN VIÊN THANH TOÁN QUỐC TẾ

- Tiếp nhận chứng từ, cung ứng các dịch vụ thanh toán quốc tế
- Kiểm tra tính hợp pháp của tài liệu/hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật
- Tiếp nhận/giải quyết khiếu nại
- Lưu giữ sổ sách, chứng từ và ghi chép các nghiệp vụ kế toán

NHÂN VIÊN THU MUA

- Lập kế hoạch mua hàng, cộng tác với bộ phận kế hoạch/sản xuất
- Tạo yêu cầu mua hàng, quản lý và theo dõi quá trình mua hàng, thời gian sản xuất, ngày giao hàng, chi phí
- Cung cấp thông tin và tài liệu cho nhà cung cấp
- Kiểm tra, cập nhật đơn hàng

NHÂN VIÊN KINH DOANH

- Tìm kiếm khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải
- Báo giá cước vận chuyển, tư vấn, thương lượng, đàm phán và ký kết hợp đồng dịch vụ với Khách hàng
- Duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp, khách hàng, đối tác đại lý

NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- Xây dựng kế hoạch cải thiện chất lượng khâu khai thác vận chuyển
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng khâu khai thác vận chuyển
- Tham gia nghiên cứu xây dựng công cụ phần mềm phục vụ đo kiểm, đánh giá chất lượng khai thác vận chuyển

NHÂN VIÊN VẬN HÀNH KHO

- Nhận đơn và lên ngày giao hàng
- Hoạch định lộ trình giao hàng
- Quản lý các hoạt động vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa
- Chủ trì, giám sát việc kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa
- Làm việc với nhà vận chuyển, nhà khai thác vận tải, khách hàng

NHÂN VIÊN LÀM GIÁ

- Check giá và thương lượng giá với đơn vị vận chuyển
- Xin lịch và chốt booking với hãng tàu
- Giữ quan hệ với đối tác vận chuyển
- Update giá cho sale, phối hợp với sale để có được giá tốt nhất, tăng tỷ lệ thành công trong việc chào giá và book hàng cho sale

LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN TẠI VẠN HẢI GROUP



EXPERT

Phát triển nghiệp vụ chuyên sâu

INTERN

JUNIOR

SENIOR

SUPERVISOR

MANAGER

DIRECTOR

01

02

03

04

05

06

TTS sau 3 tháng thực tập nếu đạt thành tích tốt và mang lại hiệu quả sẽ được đề bạt lên nhân viên thử việc

Được đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng ngành. Làm việc đúng với chuyên môn

Giỏi nghiệp vụ và phát triển kỹ năng quản lý theo cấp bậc

CÔNG TY TNHH LOGISTICS SUNLINE

Đ/c: Tầng 4 TNL Plaza Bắc Giang, số 8 Nguyễn Văn Cừ, Trần Phú, TP Bắc Giang.

Vị trí	Số lượng	Yêu cầu
NHÂN VIÊN KHAI BÁO HẢI QUAN	2	Ưu tiên ứng viên tốt nghiệp chuyên ngành liên quan.
		Ưu tiên người có kinh nghiệm 1 năm trở lên ở vị trí tương đương của các công ty làm về vận tải Logistics
		Không yêu cầu tiếng. (Biết tiếng Anh hoặc tiếng Trung là lợi thế)
		Có kiến thức chuyên sâu về ngành xuất nhập khẩu nói chung và thủ tục hải quan nói riêng.
		Biết khai báo hải quan trên các phần mềm .
		Nắm bắt rõ các thông tư nghị định chuyên ngành
		Sử dụng thành thạo phần mềm văn phòng
NHÂN VIÊN CHỨNG TỪ XUẤT NHẬP KHẨU	3	Ưu tiên ứng viên tốt nghiệp chuyên ngành liên quan.
		Ưu tiên người có kinh nghiệm 1 năm trở lên ở vị trí tương đương của các công ty làm về vận tải Logistics
		Giao tiếp cơ bản và hiểu được tiếng Anh (Biết tiếng Trung là lợi thế).
		Có kiến thức tốt trong lĩnh vực vận chuyển, giao nhận, nghiệm thu hàng hóa.
		Có khả năng điều phối và tương tác với các nhà cung cấp, khách hàng, nhà phân phối.
		Sử dụng thành thạo phần mềm văn phòng.
		Biết khai báo hải quan trên các phần mềm là 1 lợi thế.

4 TIPS "GHI ĐIỂM" TRONG MẮT NHÀ TUYỂN DỤNG TRONG BUỔI PHỎNG VẤN



Mr. Tít Hải Phòng
A BRAND OF SOC

1

Tìm hiểu về công ty và lĩnh vực hoạt động





2

Làm rõ điểm mạnh, lý do muốn công việc





Mr. Tít Hải Phòng
A BRAND OF SOC

3

Chuẩn bị câu hỏi cho người phỏng vấn



4

Thực hành trước khi phỏng vấn




"Nhất nghệ tinh,
nhất thân vinh"
JOB
VS
"Hãy cứ đam mê
hãy cứ dại khờ"
Steve Jobs
CAREER

LOCY

BÁO CÁO LOGISTICS 2021

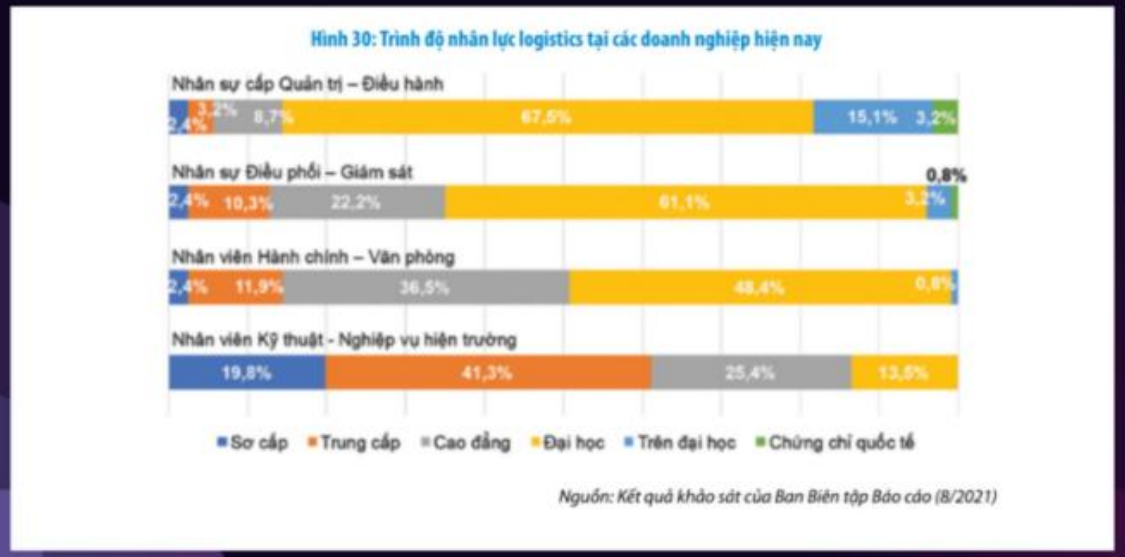
SINH VIÊN RÚT RA ĐƯỢC NHỮNG BÀI HỌC GÌ ?



LOCY

ĐẠI HỌC LÀ CON ĐƯỜNG AN TOÀN, NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ DUY NHẤT

Có thể thấy rằng, phần lớn các cấp bậc đều có nhân lực với trình độ Đại học tương đương hoặc hơn. Ngoài ra, trình độ Đại học cũng là điều kiện cần đối với các cấp bậc quản lý. Với một vài trường hợp ngoại lệ thăng tiến nhờ bề dày kinh nghiệm trong nghề. Đáng chú ý, tỷ lệ nhân sự trình độ Sơ cấp và Trung cấp chiếm đa số với chức vụ Kỹ thuật - Nghiệp vụ hiện trường.



LOCY

THÁI ĐỘ CŨNG QUAN TRỌNG KHÔNG KÉM GÌ KIẾN THỨC

Kết quả khảo sát chất lượng nhân sự ngành Logistics cho thấy một hiện thực không khả quan. Cụ thể, mặc dù khoảng cách chênh lệch giữa kỳ vọng và thực tế về mặt kiến thức chuyên môn là không cao, song lại có một sự chênh lệch lớn đối với hạng mục thái độ trong công việc (chênh 0,66 điểm). Nhìn về mặt tích cực, nhân lực ngành Logistics đã có ý thức hơn về mặt đạo đức nghề nghiệp so với ỳ vọng của DN.



Nguồn: Kết quả khảo sát của Ban Biên tập Báo cáo (8/2021)

LOCY

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM

Trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 như hiện nay, việc trang bị cho mình những kỹ năng mềm cũng cực kỳ quan trọng. Cụ thể, theo Báo cáo, khả năng thích nghi, chịu áp lực và học tập suốt đời là những kỹ năng có tầm quan trọng cao nhất. Bên cạnh đó, những kiến thức liên quan đến công nghệ như phân tích dữ liệu, an toàn bảo mật cũng được đánh giá cao không kém.

Hình 44: Mức độ quan trọng của những yêu cầu mới đối với nhân lực logistics



Trong đó: 1 = không quan trọng; 2 = ít quan trọng; 3 = quan trọng trung bình; 4 = quan trọng; 5 = rất quan trọng

Nguồn: Kết quả khảo sát của Ban Biên tập (8/2021)



Thế hệ người lao động hiện nay trên thị trường phải kể đến Gen X (1965-1980), Gen Y (1981-1996) và Gen Z (1997-2001). Gen X được đánh giá là những người có sự kiên trì, chịu khó và gắn bó lâu dài với công việc. Còn Gen Y có sự cởi mở hơn, tiếp cận nhiều hơn với công nghệ và dành sự quan tâm nhiều về ý nghĩa công việc. Gen Z - thế hệ trẻ tiếp nối trong lực lượng nhân sự, đã để lại nhiều ấn tượng vì những sự khác biệt lớn. Những người trẻ Gen Z có khả năng tìm kiếm, nghiên cứu những thông tin một cách nhanh chóng, nhạy bén về công nghệ. Một đặc điểm nổi bật của thế hệ này là khả năng kiêm nhiệm nhiều công việc cùng một lúc và có những suy nghĩ táo bạo hơn. Tuy nhiên, đây lại là thế hệ bị phụ thuộc vào công nghệ và thiếu sự kết nối với xã hội xung quanh hơn so với những người đi trước.

Những kỹ năng lao động thế hệ Gen Z cần có để nổi bật

Nhận xét về thị trường lao động Việt Nam, bà Tiêu Yến Trinh, Tổng giám đốc Công ty Talentnet cho rằng, tuy hiện nay một số ngành đang phải chịu ảnh hưởng nhưng trong thời gian tới, đây vẫn là môi trường có nhiều cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn. Người lao động Việt Nam có thể chọn các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong khu vực Asean và các doanh nghiệp tại Việt Nam. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng có thể linh hoạt với 3 nguồn lực lượng lao động gồm: fixed workforce (nhân sự cố định), flexi workforce (nhân sự linh hoạt, làm việc part time, làm online) và flow workforce (freelance, thực tập sinh, thuê ngoài).

“Chúng tôi là người quyết định có tuyển dụng hay không nhưng người tìm việc cũng là người quyết định có chọn công ty chúng tôi hay không”, bà Liên chia sẻ.

Cơ hội luôn đi kèm với thách thức khi thị trường lao động luôn có sự cạnh tranh khốc liệt. Để tạo được ấn tượng trong mắt các nhà tuyển dụng, bà Tiêu Yến Trinh và Huỳnh Thị Xuân Liên đã đưa ra **mô hình “A-B-C-D-E-F” gồm các yếu tố mà người trẻ cần trau dồi: agility (nhanh nhạy), business mindset (hiểu kỹ càng ngành, lĩnh vực), connection (kết nối), digital (kỹ năng về kỹ thuật số), empathy (thấu cảm) và focus (tập trung cao độ).**

"Khi kỹ năng của bạn càng nhiều, thì giá trị bản thân của bạn càng tăng và thu nhập sẽ cao hơn nữa”, bà Trinh nhận định.

SALES: LAM BAO GIA ? CẦN GÌ?

OPERATION : LÀM GÌ? CẦN GÌ?

DOCU : LAM GI ? CAN GI?

WEB HAY https://www.kenhlogistics.com/gia-cuoc-van-tai-container-bang-duong-bo/

https://bankstore.vn/chung-tu-xuat-nhap-khau/


KHÁCH HÀNG
1
- Lấy số thứ tự tiếp nhận viết phiếu nhập hàng
- Trình booking cho NV thương vụ
- Khách hàng ghi thông tin lên booking gồm mã số thuế, shipping mark, tên công ty nhập hàng,…
- Tiếp nhận phiếu nhập hàng, Phiếu vào cổng, phiếu trọng tải xe
- Trình cổng vào phiếu làm hàng, phiếu trọng tải, phiếu nhập hàng (Phiếu chỉ có giá trị trong ngày)
BP. THƯƠNG VỤ
2
- Nhập vào hệ thống theo quy định và in phiếu nhập hàng, phiếu trọng tải, phiếu làm hàng và giao cho khách hàng.
3
CỔNG VÀO
- Lái xe trình phiếu vào cổng, phiếu trọng tải cho NV viên vi tính cổng
4
TẠI CỬA KHO
- Khách hàng nộp NVK 02 booking, 01 tờ khai photo, Phiếu làm hàng , bảng kê chi tiết hàng hóa (nếu có).
- Khách hàng cùng kho hàng kiểm tra hàng hóa, kiểm tra khối lượng thực tế, xác nhận hàng hóa thực nhập, khối lượng thực nhập, tình trạng hàng hóa trước khi vào kho.
5
VP. HẢI QUAN
- Khách hàng nộp NVK 01 booking, 01 tờ khai photo
- Khách hàng nhận tờ khai photo có xác nhận của Hải quan
6
VP.KHO 05
- Tiếp nhận tờ khai photo có xác nhận của hải quan và booking nhận hàng có khối lượng, số đo của nhân viên kho
- Nhận biên bản nhập hàng có dấu của kho
7
CỔNG RA
Nộp phiếu làm hàng và phiếu trọng tải cho nhân viên cổng ra

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEWPORT CORPORATION

ĐIỀU CHỈNH VGM HÀNG XUẤT

1

KH liên hệ Hãng tàu để xác nhận điều chỉnh thông tin VGM



2



KH mang theo:

- **Công văn cam kết** có **mộc đỏ** của **Chủ hàng** và **xác nhận** của **Hãng tàu** (Hoặc **email xác nhận** của **Hãng tàu** gửi Đội QLGNC)
- **VGM bản gốc**
- **CMND photo** nhân viên đi chỉnh sửa.

3

KH mang tới VP Đội QLGNC 1 (A309)/ Cabin số 6 cổng B.

Hoặc

VP Đội QLGNC 2 (Cổng Phú Hữu).



https://www
https://www
https://songa
https://hocxu

w/

http://help.ecus.net.vn/KB_TACHVANDON.html

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEWPORT CORPORATION

QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG LCL THỰC HIỆN GIÃN CÁCH TẠI CTY CP KHO VẬN TC

HÀNG LCL XUẤT KHẨU

B1: Chủ hàng gửi email chứng từ giao nhận cho bộ phận PHCT.

- Chủ hàng gửi email bộ chứng từ scan gồm: **Booking, Tờ khai, mã vạch thông quan, Số xe vận chuyển.**
- Email tiếp nhận: **cfsxuat.kvtc@saigonnewport.com.vn**

LƯU Ý: Gửi trước **01 ngày** trong giờ hành chính (từ thứ 2 - thứ 7)

B2: Phát hành chứng từ giao nhận

Đội PHCT thực hiện nhập liệu vào hệ thống, gửi "**Phiếu tải trọng**", phiếu "**Yêu cầu nhập kho**" qua email cho Khách hàng.

B3: Phương tiện đến kho giao hàng

- Tài xế trình mã khai báo y tế, "**Phiếu tải trọng**" tại cổng gate in.
- Đưa xe đến cửa kho giao hàng theo chỉ dẫn in trên phiếu tải trọng.

LƯU Ý:

1. Khách hàng thực hiện in "Phiếu tải trọng", phiếu "Yêu cầu nhập kho" và khai báo y tế **trước khi đến cảng.**
2. **Trường hợp thay đổi số xe vận chuyển :** cho xe tới trực tiếp làn gate in Cổng C để nhân viên tại cabin xử lý.

B4: Giao nhận hàng tại cửa kho

- Thủ kho tiếp nhận phiếu "**Yêu cầu nhập kho**", quét mã, in **palletsheet**, và thực hiện nhập hàng vào kho.
- Khách hàng ký xác nhận giao hàng, cho xe ra khỏi cảng.

CÔNG TY CP KHO VẬN TÂN CẢNG
Hotline: 0979 353 465 - Email: cskh.kvtc@saigonnewport.com.vn
Tổng đài CSKH TCT: 1800 1188 (24/7 - miễn cước)
Zalo OA: Saigon Newport Corporation

QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG LCL
THỰC HIỆN GIÃN CÁCH TẠI CTY CP KHO VẬN TC

HÀNG LCL NHẬP KHẨU

LƯU Ý: Đối với hàng **quá cảnh, đi lý** : Thực hiện như quy trình cũ.
Đối với các **FWD chưa đủ điều kiện áp dụng** quy trình mới: Thực hiện quy trình cũ

B1: Đại lý gửi email bản scan D/O cho chủ hàng
Đại lý gửi **D/O và các D/O nối** (nếu có) cho chủ hàng

B2: Chủ hàng gửi email chứng từ giao nhận cho đội PHCT
- Bao gồm: **D/O chính, các D/O nối** (nếu có), **tờ khai thông quan, mã vạch thông quan** của lô hàng, **số xe vận chuyển**.
- Email tiếp nhận: **cfsnhap.kvtc@saigonnewport.com.vn**

LƯU Ý:
- **Bắt buộc** "Cc" cho đại lý mở cont (hoặc đại lý đóng ghép lần 1)
- D/O chính, D/O nối là **file scan**, không chấp nhận file hình.
- Tiêu đề email bao gồm: **số cont** và **số bill** cho từng D/O
- Chủ hàng gửi email trước **01 ngày** trong giờ hành chính (thứ 2 - thứ 7)

B3: Đại lý xác nhận D/O scan bằng email.
Đại lý kiểm tra và xác nhận với Đội PHCT qua email

LƯU Ý: Địa chỉ email dùng để xác nhận **phải được đăng ký với KVTC**

B4: Phát hành chứng từ giao nhận, thanh toán online
- **Sau khi Đại lý xác nhận D/O hợp lệ, Đội PHCT thực hiện:**
  + Phát hành phiếu xuất kho (nội bộ)
  + Phiếu thu (nếu phát sinh phí) và gửi cho khách hàng theo địa chỉ email đến.
- **Khách thực hiện chuyển khoản vào**
  + Số tài khoản: **1511100181008**
  + Tên TK: Công ty CP Kho vận Tân Cảng
  + Ngân hàng CP Quân đội, Chi nhánh An Phú.
  + Thông tin chuyển khoản: Thanh toán phiếu thu số.....
- **Khách hàng gửi thông tin chuyển tiền** nhận hàng về hotline zalo số **0979.354.154**
- **Đội PHCT kiểm tra tình trạng thanh toán**, gửi **"Phiếu tải trọng"** qua email cho Khách hàng.

B5: Phương tiện đến kho nhận hàng.
- Tài xế trình **mã khai báo y tế**, **"Phiếu tải trọng"** tại cổng gate in
- Đưa xe đến cửa kho nhận hàng theo chỉ dẫn in trên phiếu tải trọng.

LƯU Ý: Khách hàng thực hiện in phiếu tải trọng và khai báo y tế **trước khi đến cảng**

B6: Giao nhận hàng tại cửa kho.
- Thủ kho tiếp nhận **"Phiếu tải trọng"**, quét mã, in **"Phiếu xuất kho"** (bản cứng), và giao hàng cho khách hàng.

- Sau khi hoàn thành thủ tục với hãng tàu / forwarder, KH nhận được LỆNH GIAO HÀNG hoặc eDO

KH cần lưu ý các thông tin:

- số vận đơn
- người nhận hàng (= tên thông tin đăng ký eport)
- số container
- số lệnh
- hạn lệnh
- depot trả rỗng
- số ngày được lưu rỗng

MAERSK

DELIVERY ORDER AMENDMENT

Transport Document No.: 204343026 **Print Date:** 2020-09-29 04:19

Business Unit: Maersk Line Ho Chi Minh **Order Number:** 165911863/003

Customs Ref. No: **Release To:**SAMSUNG ELECTRONICS HCMC CE COMPLEX

Equipment count: 2

Equipment No	Size/Type	Tare Weight	Cargo Weight	Pin	Interim Pin	Properties	Condition	Quantity
MRKU0456798	40 DRY 8'6	3700.000 KGS	17094.922 KGS					
MRKU0183800	40 DRY 8'6	3640.000 KGS	17094.922 KGS					

Transport Plan

From	To	Mode	Vessel	Voy No.	ETD	ETA
MPET K1718	APM 2 Terminal Maasvlakte II	MVS	MSC ALICANTE	032W	2020-08-04 22.00.00	2020-08-05 23.00.00
APM 2 Terminal Maasvlakte II	APM 1 Terminals Rotterdam	BAR			2020-08-06 19.00.00	2020-08-07 19.00.00
APM 1 Terminals Rotterdam	YanTian Intl. Container Terminal	MVS	MARCHEN MAERSK	032E	2020-08-10 02.05.00	2020-09-13 01.30.00
YanTian Intl. Container Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin	MVS	CLIFFORD MAERSK	039W	2020-09-26 11.00.00	2020-09-28 18.00.00

Merchant Haulage Delivery Itinerary

Type	Name	Release Date	Time	Valid to Date	Time	Est. Del. Date &	Time	Reference
Full Delivery Pickup Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau,	2020-09-28	06.00	2020-10-11	10.00			
Empty Container Depot	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune							

MAERSK

DELIVERY ORDER AMENDMENT

Transport Document No.: 204343026 SỐ VẬN ĐƠN **Print Date:** 2020-09-29 04:19

Business Unit: Maersk Line Ho Chi Minh **Order Number:** 165911863/003

Customs Ref. No: **Release To:**SAMSUNG ELECTRONICS HCMC CE COMPLEX

Equipment count: 2

Equipment No	Size/Type	Tare Weight	Cargo Weight	Pin	Interim Pin	Properties	Condition	Quantity
MRKU0456798	40 DRY 8'6	3700.000 KGS	17094.922 KGS					
MRKU0183800	40 DRY 8'6	3640.000 KGS	17094.922 KGS					

Transport Plan

From	To	Mode	Vessel	Voy No.	ETD	ETA
MPET K1718	APM 2 Terminal Maasvlakte II	MVS	MSC ALICANTE	032W	2020-08-04 22.00.00	2020-08-05 23.00.00
APM 2 Terminal Maasvlakte II	APM 1 Terminals Rotterdam	BAR			2020-08-06 19.00.00	2020-08-07 19.00.00
APM 1 Terminals Rotterdam	YanTian Intl. Container Terminal	MVS	MARCHEN MAERSK	032E	2020-08-10 02.05.00	2020-09-13 01.30.00
YanTian Intl. Container Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin	MVS	CLIFFORD MAERSK	039W	2020-09-26 11.00.00	2020-09-28 18.00.00

Merchant Haulage Delivery Itinerary

Type	Name	Release Date	Time	Valid to Date	Time	Est. Del. Date &	Time	Reference
Full Delivery Pickup Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau,	2020-09-28	06:00	2020-10-11	10:00			
Empty Container Depot	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau							

MAERSK

DELIVERY ORDER AMENDMENT

Transport Document No.: 204343026 **Print Date:** 2020-09-29 04:19

Business Unit: Maersk Line Ho Chi Minh **Order Number:** 165911863/003

Customs Ref. No:

Release To:SAMSUNG ELECTRONICS HCMC CE COMPLEX NGƯỜI NHẬN HÀNG

Equipment count: 2

Equipment No	Size/Type	Tare Weight	Cargo Weight	Pin	Interim Pin	Properties	Condition	Quantity
MRKU0456798	40 DRY 8'6	3700.000 KGS	17094.922 KGS					
MRKU0183800	40 DRY 8'6	3640.000 KGS	17094.922 KGS					

Transport Plan

From	To	Mode	Vessel	Voy No.	ETD	ETA
MPET K1718	APM 2 Terminal Maasvlakte II	MVS	MSC ALICANTE	032W	2020-08-04 22.00.00	2020-08-05 23.00.00
APM 2 Terminal Maasvlakte II	APM 1 Terminals Rotterdam	BAR			2020-08-06 19.00.00	2020-08-07 19.00.00
APM 1 Terminals Rotterdam	YanTian Intl. Container Terminal	MVS	MARCHEN MAERSK	032E	2020-08-10 02.05.00	2020-09-13 01.30.00
YanTian Intl. Container Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin	MVS	CLIFFORD MAERSK	039W	2020-09-26 11.00.00	2020-09-28 18.00.00

Merchant Haulage Delivery Itinerary

Type	Name	Release Date	Time	Valid to Date	Time	Est. Del. Date &	Time	Reference
Full Delivery Pickup Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau,	2020-09-28	06:00	2020-10-11	10:00			
Empty Container Depot	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune							

MAERSK

DELIVERY ORDER AMENDMENT

Transport Document No.: 204343026 **Print Date:** 2020-09-29 04:19

Business Unit: Maersk Line Ho Chi Minh **Order Number:** 165911863/003

Customs Ref. No: **Release To:**SAMSUNG ELECTRONICS HCMC CE COMPLEX

SỐ CONTAINER

Equipment count: 2

Equipment No	Size/Type	Tare Weight	Cargo Weight	Pin	Interim Pin	Properties	Condition	Quantity
MRKU0456798	40 DRY 8'6	3700.000 KGS	17094.922 KGS					
MRKU0183800	40 DRY 8'6	3640.000 KGS	17094.922 KGS					

Transport Plan

From	To	Mode	Vessel	Voy No.	ETD	ETA
MPET K1718	APM 2 Terminal Maasvlakte II	MVS	MSC ALICANTE	032W	2020-08-04 22.00.00	2020-08-05 23.00.00
APM 2 Terminal Maasvlakte II	APM 1 Terminals Rotterdam	BAR			2020-08-06 19.00.00	2020-08-07 19.00.00
APM 1 Terminals Rotterdam	YanTian Intl. Container Terminal	MVS	MARCHEN MAERSK	032E	2020-08-10 02.05.00	2020-09-13 01.30.00
YanTian Intl. Container Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin	MVS	CLIFFORD MAERSK	039W	2020-09-26 11.00.00	2020-09-28 18.00.00

Merchant Haulage Delivery Itinerary

Type	Name	Release Date	Time	Valid to Date	Time	Est. Del. Date & Time	Reference
Full Delivery Pickup Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau,	2020-09-28	06:00	2020-10-11	10:00		
Empty Container Depot	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune						

MAERSK

DELIVERY ORDER AMENDMENT

Transport Document No.: 204343026

Print Date: 2020-09-29 04:19

Business Unit: Maersk Line Ho Chi Minh

Order Number: 165911863/003 SỐ LỆNH

Customs Ref. No:

Release To:SAMSUNG ELECTRONICS HCMC CE COMPLEX

Equipment count: 2

Equipment No	Size/Type	Tare Weight	Cargo Weight	Pin	Interim Pin	Properties	Condition	Quantity
MRKU0456798	40 DRY 8'6	3700.000 KGS	17094.922 KGS					
MRKU0183800	40 DRY 8'6	3640.000 KGS	17094.922 KGS					

Transport Plan

From	To	Mode	Vessel	Voy No.	ETD	ETA
MPET K1718	APM 2 Terminal Maasvlakte II	MVS	MSC ALICANTE	032W	2020-08-04 22.00.00	2020-08-05 23.00.00
APM 2 Terminal Maasvlakte II	APM 1 Terminals Rotterdam	BAR			2020-08-06 19.00.00	2020-08-07 19.00.00
APM 1 Terminals Rotterdam	YanTian Intl. Container Terminal	MVS	MARCHEN MAERSK	032E	2020-08-10 02.05.00	2020-09-13 01.30.00
YanTian Intl. Container Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin	MVS	CLIFFORD MAERSK	039W	2020-09-26 11.00.00	2020-09-28 18.00.00

Merchant Haulage Delivery Itinerary

Type	Name	Release Date	Time	Valid to Date	Time	Est. Del. Date &	Time	Reference
Full Delivery Pickup Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau,	2020-09-28	06:00	2020-10-11	10:00			
Empty Container Depot	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune							

MAERSK

DELIVERY ORDER AMENDMENT

Transport Document No.: 204343026 **Print Date:** 2020-09-29 04:19

Business Unit: Maersk Line Ho Chi Minh **Order Number:** 165911863/003

Customs Ref. No: **Release To:**SAMSUNG ELECTRONICS HCMC CE COMPLEX

Equipment count: 2

Equipment No	Size/Type	Tare Weight	Cargo Weight	Pin	Interim Pin	Properties	Condition	Quantity
MRKU0456798	40 DRY 8'6	3700.000 KGS	17094.922 KGS					
MRKU0183800	40 DRY 8'6	3640.000 KGS	17094.922 KGS					

Transport Plan

From	To	Mode	Vessel	Voy No.	ETD	ETA
MPET K1718	APM 2 Terminal Maasvlakte II	MVS	MSC ALICANTE	032W	2020-08-04 22.00.00	2020-08-05 23.00.00
APM 2 Terminal Maasvlakte II	APM 1 Terminals Rotterdam	BAR			2020-08-06 19.00.00	2020-08-07 19.00.00
APM 1 Terminals Rotterdam	YanTian Intl. Container Terminal	MVS	MARCHEN MAERSK	032E	2020-08-10 02.05.00	2020-09-13 01.30.00
YanTian Intl. Container Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin	MVS	CLIFFORD MAERSK	039W	2020-09-26 11.00.00	2020-09-28 18.00.00

Merchant Haulage Delivery Itinerary

Type	Name	Release Date	Time	Valid to Date	Time	Est. Del. Date &	Time	Reference
Full Delivery Pickup Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau,	2020-09-28	06:00	2020-10-11	10:00			
Empty Container Depot	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune							

HẠN LỆNH

MAERSK

DELIVERY ORDER AMENDMENT

Transport Document No.: 204343026 **Print Date:** 2020-09-29 04:19

Business Unit: Maersk Line Ho Chi Minh **Order Number:** 165911863/003

Customs Ref. No: **Release To:**SAMSUNG ELECTRONICS HCMC CE COMPLEX

Equipment count: 2

Equipment No	Size/Type	Tare Weight	Cargo Weight	Pin	Interim Pin	Properties	Condition	Quantity
MRKU0456798	40 DRY 8'6	3700.000 KGS	17094.922 KGS					
MRKU0183800	40 DRY 8'6	3640.000 KGS	17094.922 KGS					

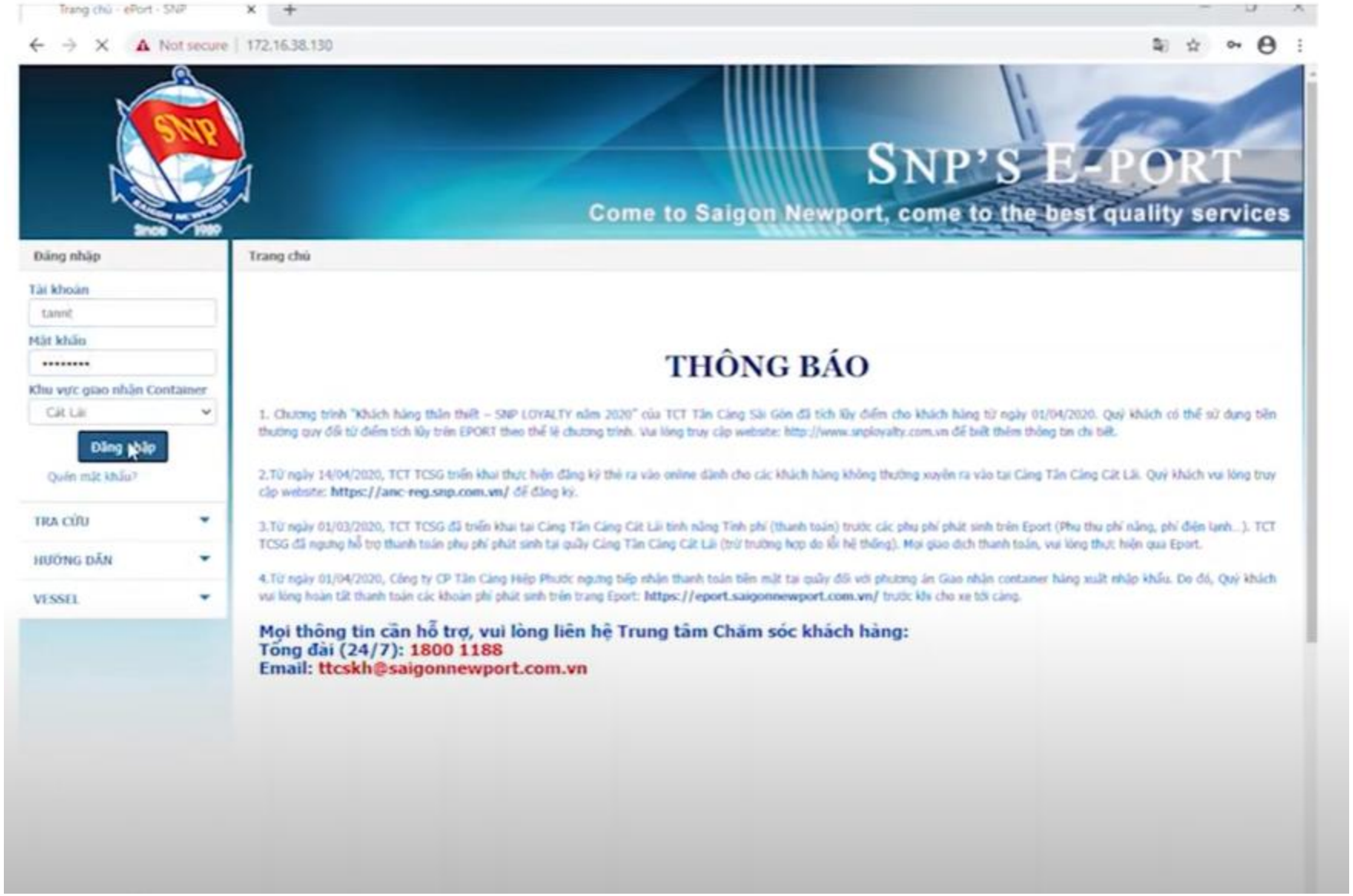
Transport Plan

From	To	Mode	Vessel	Voy No.	ETD	ETA
MPET K1718	APM 2 Terminal Maasvlakte II	MVS	MSC ALICANTE	032W	2020-08-04 22.00.00	2020-08-05 23.00.00
APM 2 Terminal Maasvlakte II	APM 1 Terminals Rotterdam	BAR			2020-08-06 19.00.00	2020-08-07 19.00.00
APM 1 Terminals Rotterdam	YanTian Intl. Container Terminal	MVS	MARCHEN MAERSK	032E	2020-08-10 02.05.00	2020-09-13 01.30.00
YanTian Intl. Container Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin	MVS	CLIFFORD MAERSK	039W	2020-09-26 11.00.00	2020-09-28 18.00.00

Merchant Haulage Delivery Itinerary

Type	Name	Release Date	Time	Valid to Date	Time	Est. Del. Date &	Time	Reference
Full Delivery Pickup Terminal	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau,	2020-09-28	06:00	2020-10-11	10:00			
Empty Container Depot	CMIT - Cai Mep International Termin CMIT - Cai Mep International Termin Tan Loc Hamlet, Phuoc Hoa Commune Vung Tau							

DEPORT TRẢ RỖNG


Trang chủ - ePort - SNP
Not secure | 172.16.38.130
SNP'S E-PORT
Come to Saigon Newport, come to the best quality services
Đăng nhập
Tài khoản
tannt
Mật khẩu
Khu vực giao nhận Container
Cát Lái
Đăng nhập
Quên mật khẩu?
TRA CỨU
HƯỚNG DẪN
VESSEL
Trang chủ
THÔNG BÁO
1. Chương trình "Khách hàng thân thiết – SNP LOYALTY năm 2020" của TCT Tân Cảng Sài Gòn đã tích lũy điểm cho khách hàng từ ngày 01/04/2020. Quý khách có thể sử dụng tiền thưởng quy đổi từ điểm tích lũy trên EPORT theo thể lệ chương trình. Vui lòng truy cập website: http://www.snployalty.com.vn để biết thêm thông tin chi tiết.
2.Từ ngày 14/04/2020, TCT TCSG triển khai thực hiện đăng ký thẻ ra vào online dành cho các khách hàng không thường xuyên ra vào tại Cảng Tân Cảng Cát Lái. Quý khách vui lòng truy cập website: https://anc-reg.snp.com.vn/ để đăng ký.
3.Từ ngày 01/03/2020, TCT TCSG đã triển khai tại Cảng Tân Cảng Cát Lái tính năng Tính phí (thanh toán) trước các phụ phí phát sinh trên Eport (Phụ thu phí nâng, phí điện lạnh...). TCT TCSG đã ngưng hỗ trợ thanh toán phụ phí phát sinh tại quầy Cảng Tân Cảng Cát Lái (trừ trường hợp do lỗi hệ thống). Mọi giao dịch thanh toán, vui lòng thực hiện qua Eport.
4.Từ ngày 01/04/2020, Công ty CP Tân Cảng Hiệp Phước ngưng tiếp nhận thanh toán tiền mặt tại quầy đối với phương án Giao nhận container hàng xuất nhập khẩu. Do đó, Quý khách vui lòng hoàn tất thanh toán các khoản phí phát sinh trên trang Eport: https://eport.saigonnewport.com.vn/ trước khi cho xe tới cảng.
Mọi thông tin cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ Trung tâm Chăm sóc khách hàng:
Tổng đài (24/7): 1800 1188
Email: ttcskh@saigonnewport.com.vn

MÔ PHỎNG FREIGHT FORWARDER

Business Model



EXPORT & IMPORT PROCESS FLOW

Export

Freight forwarder in exporting country as principal

Shipper

Freight Forwader

Warehouse

Custom Clearance

Port Authority

Carrier Transport

Import

Freight forwarder in importing country as principal

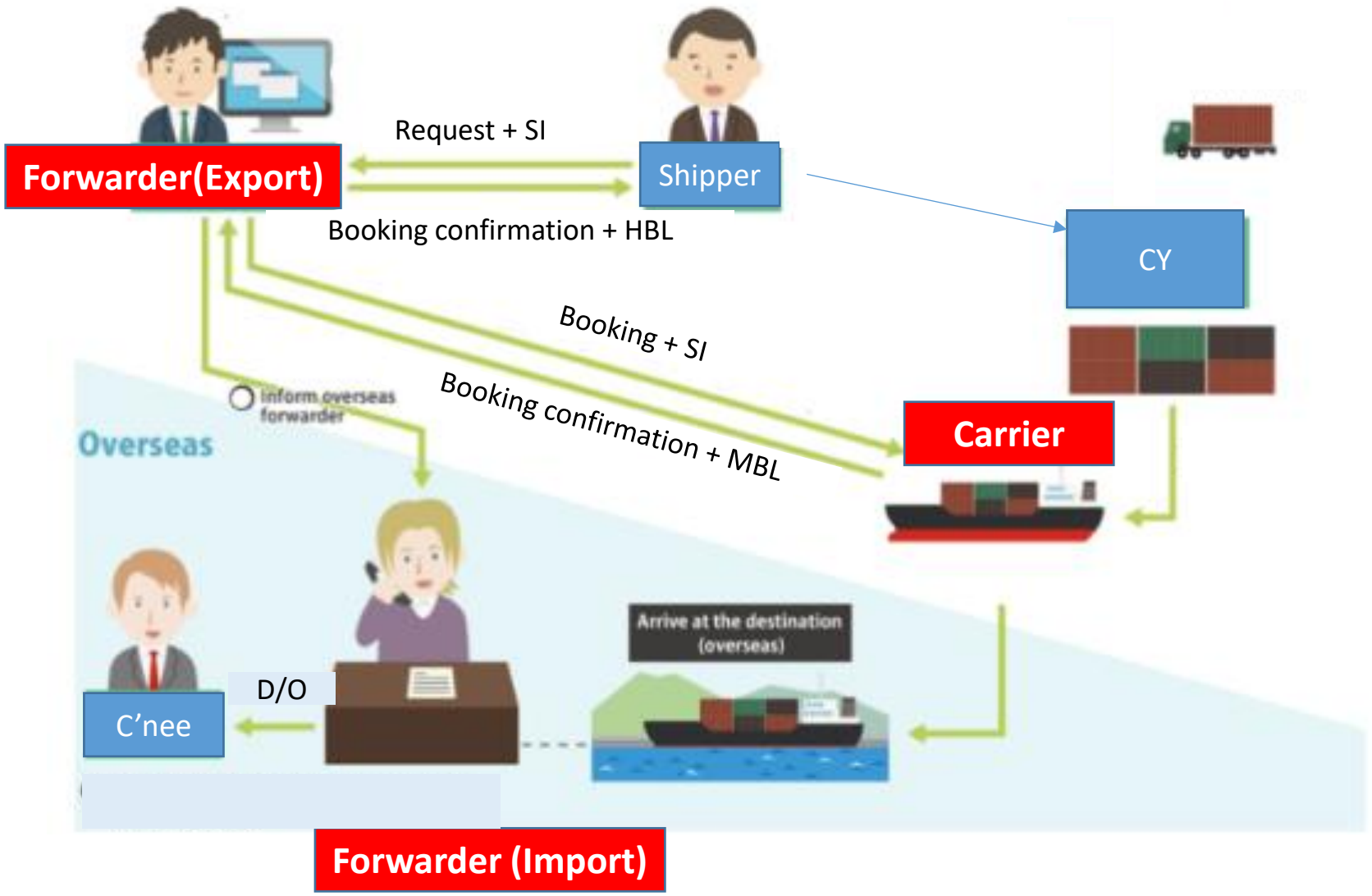
Port Authority

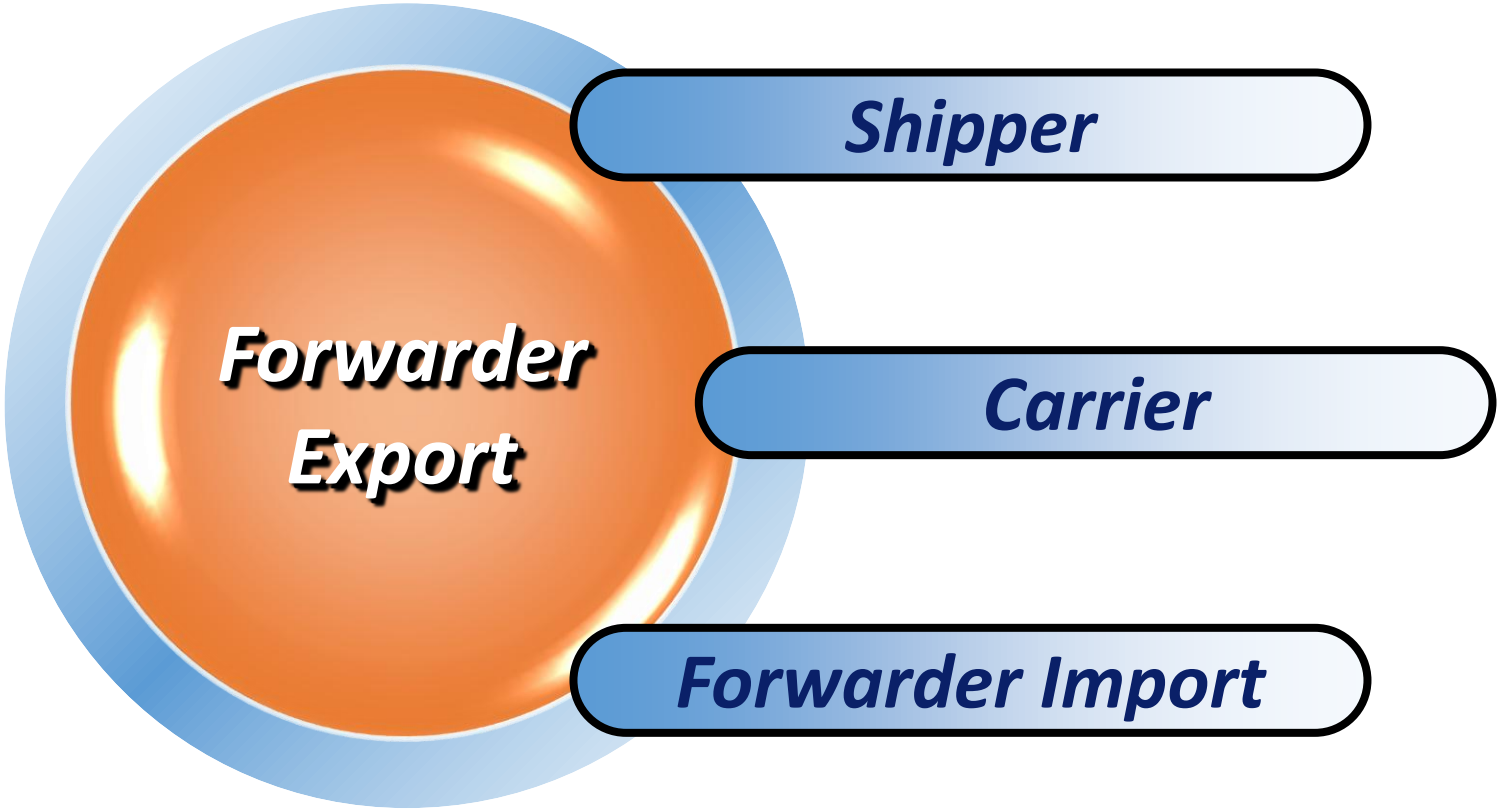
Custom Clearance

Warehouse

Freight Forwader

Consignee


Forwarder(Export)
Request + SI
Shipper
Booking confirmation + HBL
CY
Booking + SI
Booking confirmation + MBL
Carrier
inform overseas forwarder
Overseas
Arrive at the destination (overseas)
D/O
C'nee
Forwarder (Import)


Forwarder
Export
Shipper
Carrier
Forwarder Import



Shipper

- Gởi booking note cho shipper
- Phát hành HBL shipper dựa trên SI
- Gởi hóa đơn các loại phí cho shipper
- Nhận tiền từ shipper chuyển khoản

Booking Receipt Notice

To : Fanny Tang / LU AN GARMENT CO., LTD(Tel: / Fax:

From : Ocean Network Express (Vietnam) Co., Ltd. - Ho Chi / Ngoc Tranbao(TEL:842844581158)

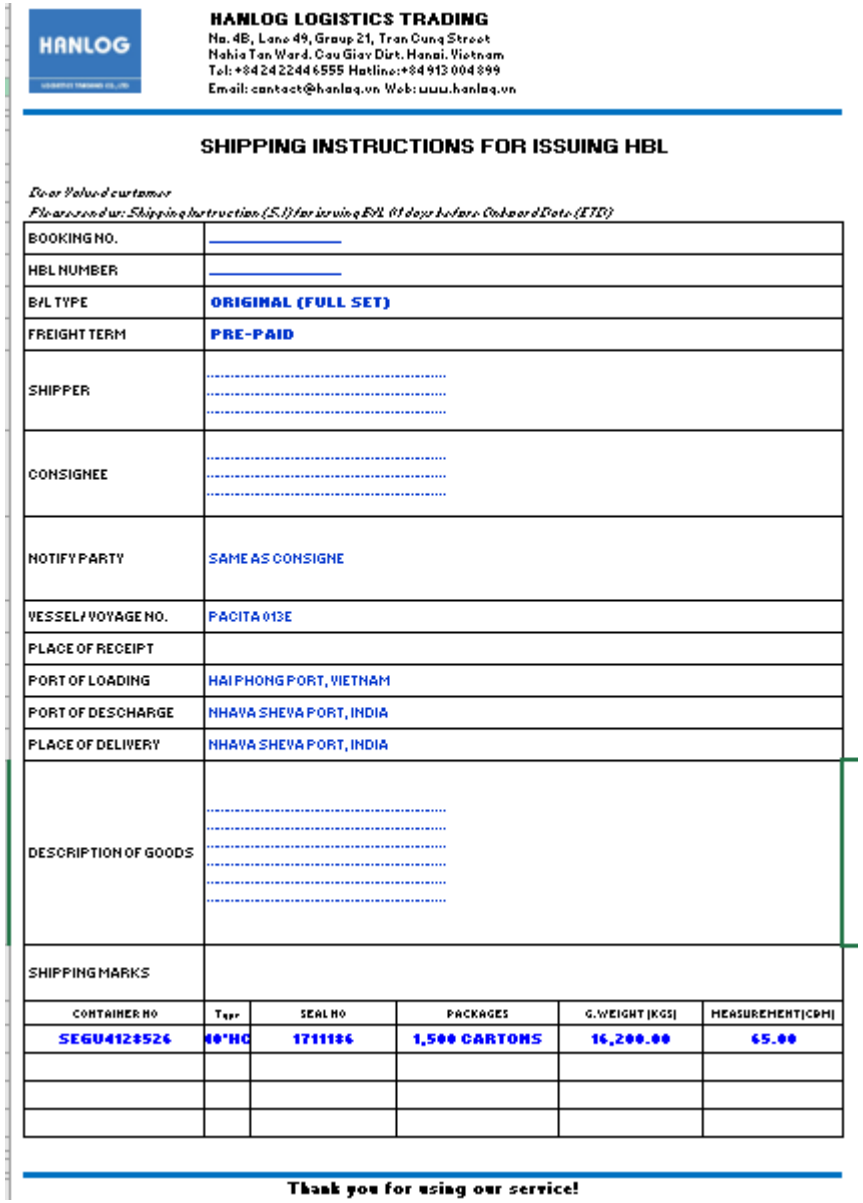
We received a booking request by you as follows. Please review following items and advise us of any discrepancy

Booking No : SGNA52014600 **Booking Ref. No. :** 150887287 **Booking Date :** 17Mar20

Booking Staff	:	Ngoc Tranbao	**Export Ref.NO**	:	
Sales Rep	:	BUI DUC MINH	**B/L No.**	:	ONEYSGNA52014600
Shipper	:	TK LOGISTICS (VIETNAM) COMPANY LIMITED			
Forwarder	:	TK LOGISTICS (VIETNAM) COMPANY	**Service Contract No**	:	HKGB00265
Pre Carrier	:		**Latest ETA/ETD**	:	
IMO/Flag/Call Sign	:		NRT	:	
Trunk Vessel	:	**MOL PRESTIGE 063E(PS3)**	**Latest ETA/ETD**	:	11Apr20/12Apr20
MRN(Korea only)	:		CCN	:	
IMO/Flag/Call Sign	:	9321029/SINGAPORE/9V3122	NRT	:	29112
Post Carrier	:		**ETA/ETD**		
IMO/Flag/Call Sign	:		NRT	:	
Place of Receipt	:	HO CHI MINH	**Proforma 1st vessel ETD :**		11Apr20
Port of Loading	:	CAI MEP	**Terminal**	:	TCIT (TAN CANG CAIMEP INTL TERMINAL)
Port of Discharging	:	LOS ANGELES, CA	**Terminal**	:	YTI (YUSEN TERMINAL INTL)
Place of Delivery	:	LOS ANGELES, CA	**Terminal**	:	
T/S Port	:		**POD / DEL ETA**	:	28Apr20 / 29Apr20

Booking note

SI = Shipping Instruction



HANLOG LOGISTICS TRADING
No. 4B, Lane 49, Group 21, Tran Cung Street
Nghia Tan Ward, Cau Giay Dist, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 2244 6555 Hotline: +84 913 004 899
Email: contact@hanlog.vn Web: www.hanlog.vn

SHIPPING INSTRUCTIONS FOR ISSUING HBL

Dear Valued customer
Please send us: Shipping instruction (S.I) for issuing B/L 03 days before Onboard Date (ETD)

BOOKING NO.	_____
HBL NUMBER	_____
B/L TYPE	ORIGINAL (FULL SET)
FREIGHT TERM	PRE-PAID
SHIPPER	.....
CONSIGNEE	.....
NOTIFY PARTY	SAME AS CONSIGNE
VESSEL/ VOYAGE NO.	PACITA 013E
PLACE OF RECEIPT	
PORT OF LOADING	HAI PHONG PORT, VIETNAM
PORT OF DESCHARGE	NHAVA SHEVA PORT, INDIA
PLACE OF DELIVERY	NHAVA SHEVA PORT, INDIA
DESCRIPTION OF GOODS	.....
SHIPPING MARKS	

CONTAINER NO	Type	SEAL NO	PACKAGES	G.WEIGHT (KGS)	MEASUREMENT(CBM)
SEGU4128526	40'HC	1711186	1,500 CARTONS	16,200.00	65.00

Thank you for using our service!

SI FORM

BL / FCR

ORIGINAL

FORWARDER CERTIFICATE OF RECEIPT

NOT NEGOTIABLE

Cargo Receipt Reference: POMS00268771

Shipper

LU AN GARMENT CO., LTD
LOT NO. C4, BINH HOA INDUSTRIAL PARK
BINH HOA COMMUNE, CHAU THANH COUNTY
LONG XUYEN CITY
VIET NAM

Consignee

LF MENS' GROUP LLC
1359 BROADWAY
18TH FLOOR
NEW YORK NY 10118
UNITED STATES

Notify Party

LOGISTICS USA LLC
230-59 INTERNATIONAL AIRPORT CENTER BLVD,SUITE 270
SPRINGFIELD GARDEN NY 11413
UNITED STATES

TK LOGISTICS

BLOCK NO. 19 (1-2, STREET NO.3 VIETNAM - SINGAPORE INDUSTRIAL PARK II, BINH DUONG INDUSTRIAL - RESIDENTIAL - SERVICE COMPLEX, HOA PHU WARD, THU DAU MOT CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM

TEL: (84-274) 3 [illegible]
FAX: (84-274) 3 [illegible]
TAX CODE: [illegible]

Place of Receipt	
CAI MEP INTERNATIONAL TERMINAL, VIET NAM	
Ocean Vessel	**Port of Loading**
MOL PRESTIGE / 063E	CAI MEP INTERNATIONAL TERMINAL, VIET NAM
Port of Discharge	**Place of Delivery**
LOS ANGELES, CA, UNITED STATES	LOS ANGELES, CA, UNITED STATES

Marks and Numbers	Number and Kind of Packages	Description of Goods	Gross Weight	Measurement
SAP NO. PURCHASE ORDER NUMBER LI FUNG COMPANY NUMBER CARTON NUMBER: PORT OF DISCHARGE: FINAL DESTINATION: COUNTRY OF ORIGIN: VIETNAM CARTON DIMENSION: GROSS WEIGHT: NET WEIGHT: STYLE: SIZE: COLOR: QTY:	1 x 20GP CONTAINER	129 Carton(s) Cargo Receipt Date: Container Type: 20' General Purpose Container Container No.: NYKU3678367 129.0000 CTNS/ 917.4000 KGS/ 9.2600 CBM CTN 23.0000 CTNS QTY 420.0000 PCS MEN'S 100 PCT COTTON WOVEN DRESS	917.4 KG	9.26 M3

Debit note

TK LOGISTICS

SINGAPORE INDUSTRIAL PARK II, BINH DUONG
INDUSTRIAL – RESIDENTIAL - SERVICE COMPLEX,
HOA PHU WARD, THU DAU MOT CITY, BINH
DUONG PROVINCE, VIETNAM
TEL: (84-27) 4 3343 688

INVOICE BDGF00004811

Page 1 of 2

LU AN GARMENT CO., LTD
LOT NO. C4, BINH HOA INDUSTRIAL PARK
BINH HOA COMMUNE, CHAU THANH COUNTY
LONG XUYEN CITY

INVOICE DATE	08-Apr-20
CUSTOMER ID	LUANGAAGG
SHIPMENT	S00268771
CLIENT MST #	000
DUE DATE	08-Apr-20
TERMS	Cash on Delivery
CONSOL NUMBER	C00234488

SHIPMENT DETAILS — **PRINTED BY: HIEN LE**

SHIPPER	CONSIGNEE
LU AN GARMENT CO., LTD	LF MENS' GROUP LLC

ORDER NUMBERS / OWNER'S REFERENCE

GOODS DESCRIPTION
Cargo Receipt Date: Container Type: 20' General Purpose Container Container No.: NYKU3678367 129.0000 CTNS/ 917.4000 KGS/ 9.2600

IMPORT CUSTOMS BROKER	WEIGHT	VOLUME	CHARGEABLE	PACKAGES
	917.400 KG	9.260 M3	9.260 M3	129 CTN

VESSEL / VOYAGE / IMO(LLOYDS)	OCEAN BILL OF LADING	HOUSE BILL OF LADING
MOL PRESTIGE / 063E / 9321029	SGNA52014600	POMS00268771

ORIGIN	ETD	DESTINATION	ETA
VNSGN = Ho Chi Minh City, Viet Nam	12-Apr-20	USLAX = Los Angeles, CA, United States	28-Apr-20

CHARGES

DESCRIPTION	VAT IN VND	CHARGES IN VND
AMS / ENS / ACI / AFR Fee - Base Rate USD 40,00 USD 40,00 @ 23555.000000	Zero Rated	942,200
CY Monitoring Fee - 1 20GP Container(s) @ USD 50,00/Container USD 50,00 @ 23555.000000	Zero Rated	1,177,750
Importer Security Filing - Base Rate USD 25,00 USD 25,00 @ 23555.000000	Zero Rated	588,875
Origin Bill of Lading - Base Rate USD 45,00 USD 45,00 @ 23555.000000	Zero Rated	1,059,975
Origin Documentation Fee - FCR - Base Rate USD 25,00 USD 25,00 @ 23555.000000	Zero Rated	588,875
Origin Handling Fee - Base Rate USD 15,00 USD 15,00 @ 23555.000000	Zero Rated	353,325
Origin Terminal Handling Charges - 1 20GP Container(s) @ USD 140,00/Container USD 140,00 @ 23555.000000	Zero Rated	3,297,700
Seal Fee - 1 20GP Container(s) @ USD 10,00/Container USD 10,00 @ 23555.000000	Zero Rated	235,550

TOTAL CHARGES

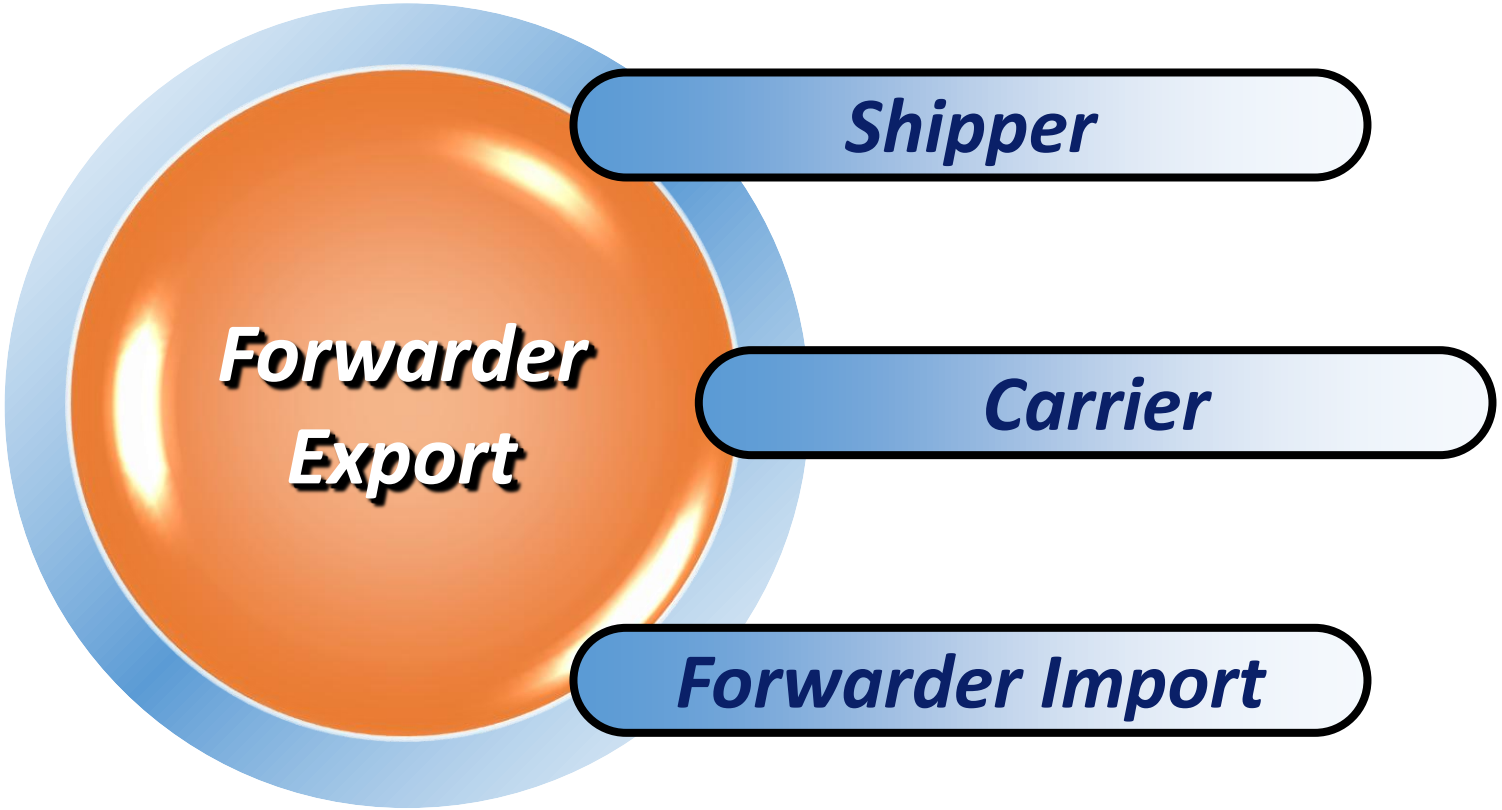
Please contact us within 7 days should there be any discrepancies.

Note: All bank charges to be borne by remitter.

SUBTOTAL	8,244,250
ADD VAT	-
TOTAL VND	8,244,250

CUSTOMER ID LUANGAAGG **Invoiced** VND 8,244,250 **BALANCE DUE** **VND 8,244,250**

DUE DATE 08-Apr-20


Forwarder
Export
Shipper
Carrier
Forwarder Import



- Đặt chỗ với carrier
- Gởi SI cho carrier, nhận MBL

Carrier

- Nhận hóa đơn các loại phí từ carrier
- Chuyển khoản cho carrier

ONE
OCEAN NETWORK EXPRESS

Bill of lading

SHIPPER/EXPORTER

TK LOGISTICS CO., LTD
150 NGUYEN VAN TROI ST., HCMC,VIETNAM

BOOKING NO.
SGNAS2014600

SEA WAYBILL NO.
ONEYSGNAS2014600

EXPORT REFERENCES(for the Merchant's and/or Carrier's reference only. See back clause 8. (4).)

CONSIGNEE

TK LOGISTICS (TOKYO) PRIVATE COMPANY
12-3 KYOKU-SHAN, TOKYO, JAPAN
ATTN: MR TOKUMASU

FORWARDING AGENT-REFERENCES
FMC NO.

NOTIFY PARTY (It is agreed that no responsibility shall be attached to the Carrier or its Agents for failure to notify)

RECEIVED by the Carrier in apparent good order and condition (unless otherwise stated herein) the total number or quantity of Containers or other packages or units indicated in the box entitled "Carrier's Receipt", to be carried subject to all the terms and conditions hereof from the Place of Receipt or Port of Loading to the Port of Discharge or Place of Delivery, as applicable. Delivery of the Goods to the Carrier for Carriage hereunder constitutes acceptance by the Merchant (as defined hereinafter) (i) of all the terms and conditions, whether printed, stamped or otherwise incorporated on this side and on the reverse side of this Bill of lading and the terms and conditions of the Carrier's applicable tariff(s) as if they were all signed by the Merchant, and (ii) that any prior representations and/or agreements for or in connection with Carriage of the Goods are superseded by this Bill of Lading. If this is a negotiable (To Order/of) Bill of Lading, one original Bill of Lading, duly endorsed must be surrendered by the Merchant to the Carrier (together with any outstanding Freight) in exchange for the Goods or a Delivery Order or the pin codes for any applicable Electronic Release System. If this is a non-negotiable (straight) Bill of Lading, or where issued as a Sea Waybill, the Carrier shall deliver the Goods or issue a Delivery Order or the pin codes for any applicable Electronic Release System (after payment of outstanding Freight) to the named consignee against the surrender of one original Bill of Lading, or in the case of a Sea Waybill, on production of such reasonable proof of identity as may be required by the Carrier, or in accordance with the national law at the Port of Discharge or Place of Delivery as applicable. IN WITNESS WHEREOF the Carrier or their Agent has signed the number of Bills of Lading stated at the top, all of this tenor and date, and whenever one original Bill of Lading has been surrendered all other Bills of Lading shall be void.

PRE-CARRIAGE BY	PLACE OF RECEIPT	FINAL DESTINATION(for the Merchant's reference only)
	HO CHI MINH CITY	
OCEAN VESSEL VOYAGE NO. FLAG	PORT OF LOADING	
MOL PRESTIGE 063E	CAI MEP	
PORT OF DISCHARGE	PLACE OF DELIVERY	TYPE OF MOVEMENT(IF MIXED, USE DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS FIELD)
LOS ANGELES, CA	LOS ANGELES, CA	FCL / FCL CY / CY

(CHECK "HM" COLUMN IF HAZARDOUS MATERIAL) PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER BUT NOT ACKNOWLEDGED BY THE CARRIER

CNTR. NOS. W/SEAL NOS. MARKS & NUMBERS	QUANTITY (FOR CUSTOMS DECLARATION ONLY)	HM	DESCRIPTION OF GOODS	GROSS WEIGHT	GROSS MEASUREMENT
NYKU3678367 / VN056054A			/ 129 CARTONS /FCL / FCL/20GP//		
SAP NO. PURCHASE ORDER NUMBER LIFUNG COMPANY NUMBER CARTON NUMBER: PORT OF DISCHARGE: FINAL DESTINATION: COUNTRY OF ORIGIN: VIETNAM CARTON	129 CARTONS		MEN'S 100 PCT COTTON WOVEN DRESS SHIRT	917.400KGS	9.260CBM

OCEAN NETWORK EXPRESS (VIETNAM) CO., LTD.
39 Le Duan, mPlaza Saigon, Ben Nghe Ward, District 1. Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: 0084-28-44582600Fax: 0084-28-38270997
Tax code: 0314689260

DEBIT NOTE

VN0283798

Họ tên khách hàng (Customer's name) : TK LOGISTICS (VIETNAM) COMPANY LIMITED

Địa chỉ (Address) : 106 Nguyen Van Troi, Phuong 8, Phu Nhuan

Mã số thuế (Tax code) :

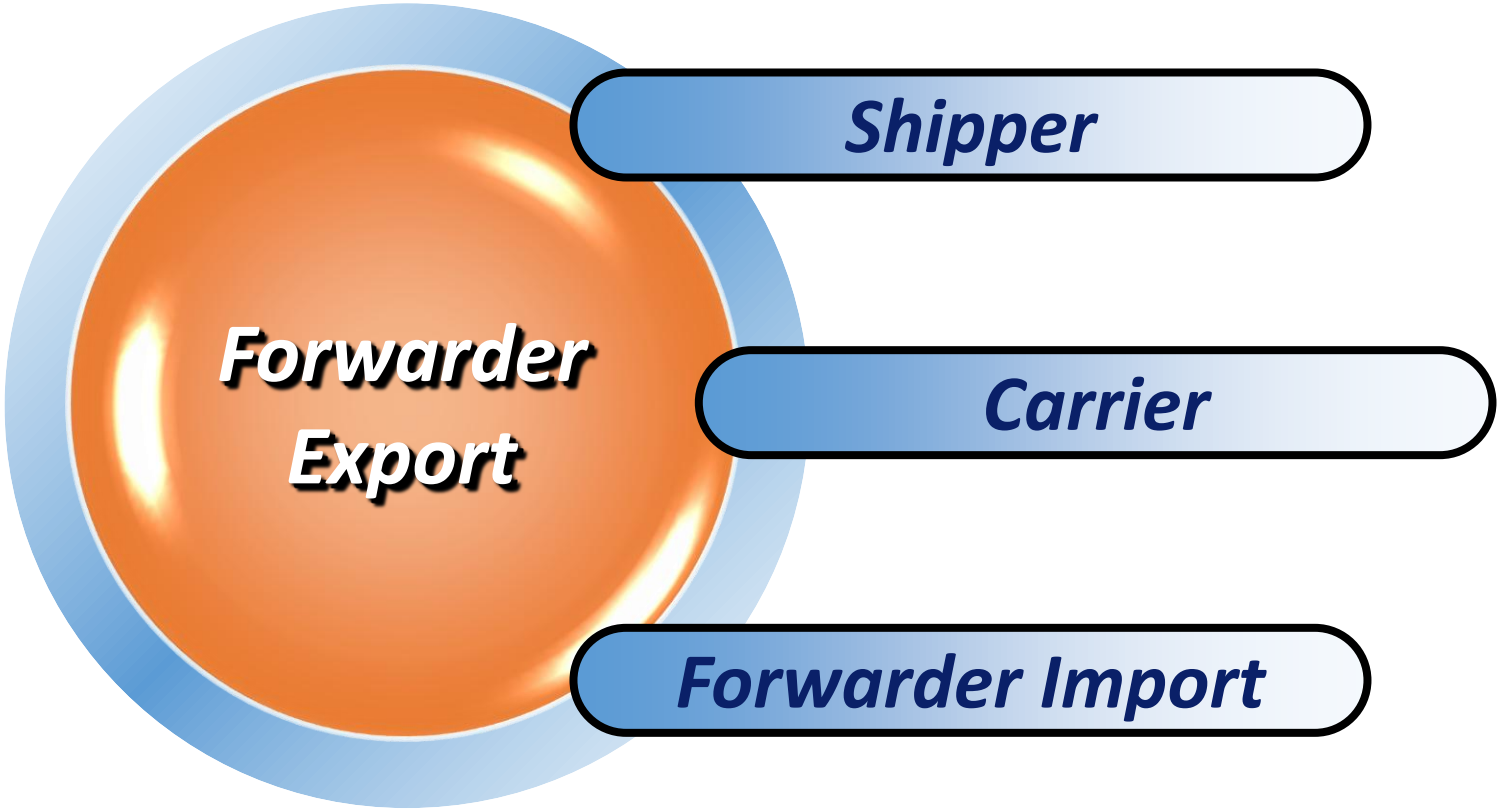
Tên tàu (Vessel) : MOL PRESTIGE

Số B/L (B/L No) : SGNA52014600

Hình thức thanh toán (Method of payment) :

Đơn vị tính (Currency) VND

STT (No)	Diễn giải (Description)		Số lượng (Quantity)	(Currency)	Đơn giá (Unit price)	Exchange Rate	VAT Rate	Thành tiền (Amount in VND)
	Thu hộ hãng tàu ONE							
1	CARGO DECLARATION CHARGE	(CDD)	1 x BL	USD	35.00	23,570.00	0	824,950
2	CY RECEIVING CHARGE	(CYR)	1 x 20	VND	2,300,000.00	1.00	5.263%	2,300,000

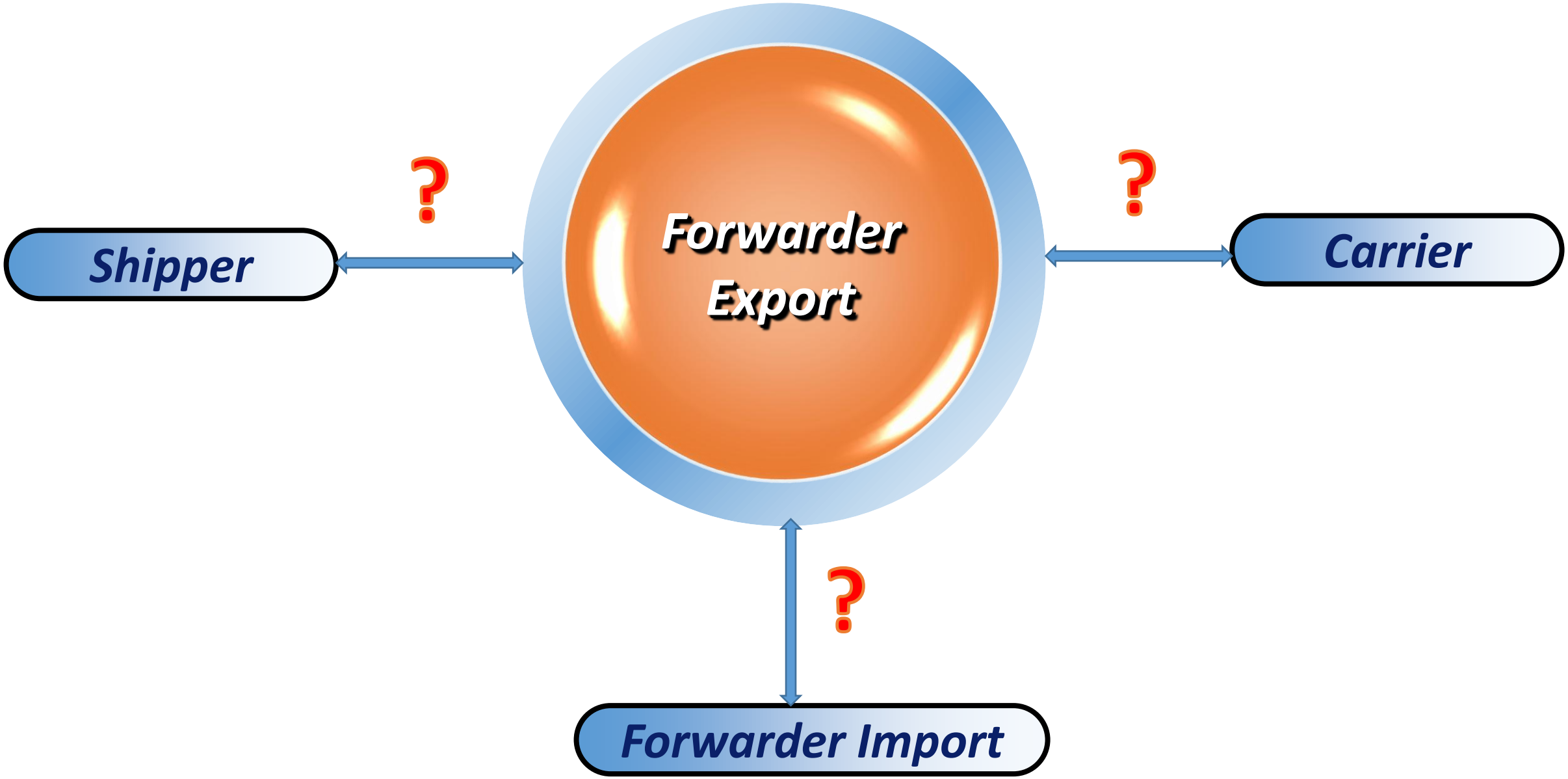

Forwarder
Export
Shipper
Carrier
Forwarder Import



- Gởi HBL, MBL cho forwarder import

Forwarder Import

- Gởi debit note / credit note cho forwader import (thu chi nội bộ)


Shipper
?
Forwarder
Export
?
Carrier
?
Forwarder Import

Forwarder Import



- Nhận mã phân quyền từ carrier/coloader

- Truy cập để khai Manifest https://vnsw.gov.vn/



E-MANIFEST LYDIA 049 S - MKB: 20065553 - DEADLINE: 12:00 - 20/07/2020

Reply | Reply All

quyen.to@oocl.com
To MANIFESTHCM@oocl.com

Dear customer,
Pls submit manifest as below info:
- MKB: 20065553
- Deadline: 12:00 - 20/07/2020

Xem hồ sơ tàu biển xuất nhập quá cảnh

Tên hồ sơ: 20065553 *(Document Name)*
Tên tàu: **LYDIA** *(Name of ship)*
Khu vực hàng hải: **CẢNG VỤ HH TP HCM** *(Port region)*
Cảng đến/rời: **CANG CAT LAI (HCM)** *(Port of arrival/departure)*
Cầu cảng đang neo đậu: **HCM.TC-C.LAI 3** *(Anchoring port wharf)*
Thời gian đến/rời: **21/07/2020 12:00** *(Date of arrival/departure)*
Loại hồ sơ: **Nhập cảnh** *(Type of document)*
Số chuyến đi: **049S** *(Voyage number)*

B/L #	Consignee	id
2642466990	Miboo Vina Co., Ltd.	4201129240
2642934300	Bach Viet Shipping	0101668065002
2642842770	Yusen Logistics (Vietnam) Co Ltd- Ho Chi Minh Branch	0101936701002
2643143370	Yusen Logistics (Vietnam) Co Ltd- Ho Chi Minh Branch	0101936701002
2641595190	PL Logistics Corporation-Hochiminh	0102741399001
2641724470	AT ASIA CO.,LTD	0105684477001
2642824080	LACCO INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS JOINT STOCK COMPANY	0105951958
2113976610	Pacific Logistics And Trading Company Limited	0201626622
2643219280	TRUONG GIANG INTL FREIGHT CO., LTD	0302081534
2641724680	Superstar Global Logistics Co., Ltd.	0302385187
2642052520	Cong Ty Tnhh Tm & Dv Vinh Thinh	0302574762
2642452550	Cong Ty Tnhh Tm & Dv Vinh Thinh	0302574762
2642634240	VTS Co., Ltd	0302574762
2643046670	CJ Korea Express Freight Vietnam Co Ltd	0302601014
2029724900	Vantage Logistics Corp	0302802063


1. Kiểm tra MBL, HBL
2. Trình manifest
3.Thanh toán chi phí
4. Gởi thông báo hàng đến
5. Phát hành /chuyển D/O
6. Thu tiền,giao chứng từ
FI

- Nhận Arrival Notice từ carrier/coloader

- Thanh toán tất cả các phí local charge cho carrier / coloader



OOCL
We take it personally

ARRIVAL NOTICE

Type of B/L: Sea WayBill
B/L Number: OOLU2640752200
B/L Vessel/Voyage:
CIMBRIA 047S
Issued Date: 15 Jun 2020

SHIPPER
ITOCHU LOGISTICS FORWARDING
(SHANGHAI)CORPORATION
ROOM 2008 SHANGHAI
INTERNATIONAL TRADE
CENTRE,2201 YANAN*

CONSIGNEE
AITC LOGISTICS (VIET NAM) CO.,
LTD
08th Floor, Phuoc Thanh Tower,
199 Dien Bien Phu Str., Ward
15 Ho Chi Minh Vietnam

NOTIFY PARTY
TAX ID:0314350975
AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO.,
LTD.
08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER,
199 DIEN BIEN PHU STR., **

ALSO NOTIFY PARTY
*ROAD(W.),SHANGHAI,200336
TEL:021-62092184
FAX:021-62701891
USCI+91310000671170991W

PAYMENT INFORMATION
Remit to/Cheque payable to : OOCL (VIETNAM) Co., LTD
Remarks : Payment of B/L and tax invoice number

Bank Name	Bank Branch	Account No.	Curr.
HSBC Ho Chi Minh	Ho Chi Minh	001-007731-101	USD
Vietcombank Hanoi	Hanoi	002.100.1441113	VND
Asia Commercial Bank	Hai Phong	70549569	VND

VESSEL/VOYAGE ARRIVING AT POD
CIMBRIA
047S

ETA AT POD: Ho Chi Minh (Cat Lai)
ON: Wednesday, 16 Jun, 2020 1:30 AM

CARGO PICKUP LOCATION
Cat Lai Terminal
Inter-Provincial Road
25 Cat Lai Ward - District 2
Ho Chi Minh City. Vietnam.
Contact: Nguyen Tien Hoa
Tel : 84 8 37420177

PLACE OF RECEIPT
Shanghai, China

PORT OF LOADING
Shanghai

PORT OF DISCHARGE
Ho Chi Minh (Cat Lai)

PLACE OF DELIVERY
Ho Chi Minh, Vietnam

CNTR SIZE/ TYPE	CONTAINER GROSS WEIGHT	CNTR PIECE COUNT	CONTAINER NO. / SEAL NO.	FCL / LCL	RF	H A Z	CARGO PIECE COUNT	WEIGHT / MEASUREMENT	BRIEF DESCRIPTION
40HQ	17496 KG	16 Case	OOCU8028474 OOLGAF3490	FCL			16 Case	17496 KG 53.84 CBM	ISUZU LIGHT DUTY TRUCKS IN CKD CONDITION WITH ED PAINTED FRA
40HQ	17496 KG	16 Case	OOCU6963631 OOLGAB7490	FCL			16 Case	17496 KG 53.84 CBM	ISUZU LIGHT DUTY TRUCKS IN CKD CONDITION WITH ED PAINTED FRA
40HQ	19872 KG	16 Case	OOLU9416629 OOLGAF6891	FCL			16 Case	19872 KG 59.2 CBM	ISUZU LIGHT DUTY TRUCKS IN CKD CONDITION WITH ED PAINTED FRA

	KG	Case							
20GP	4968 KG	4 Case	LYGU0022105 OOLFGX9240	FCL			4 Case	4968 KG 14.91 CBM	ISUZU LIGHT DUTY TRUCKS IN CKD CONDITION WITH ED PAINTED FRA
					Total:		100 Case	98460 KG 343.31 CBM	

Remarks
Late Collection Fee: 1% of collect outstanding charge amount or USD25, whichever is higher, per B/L per week applicable when the collect charges have not been fully settled within 10 days after vessel arrival (for non-credit customer) or within credit period (for credit customer)

MKB: - DEADLINE:
IB DOC: MANIFESTHCM@OOCL.COM
TAX INV + EDO: IBCOUNTERHCM@OOCL.COM

CONTACT OFFICE
OOCL (Vietnam) Co., Ltd
Unit 1301-1305, 13rd Floor,
Saigon Trade Center,
37 Ton Duc Thang St., District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel :84 28 39116006

FREIGHT CHARGES	P/C	BASE CCY	AMOUNT	EXCHANGE RATE	PAYMENT CCY	PAYMENT AMOUNT
Equipment Cleaning	C	VND	120,000.00	1.000000	VND	120,000.00
Equipment Cleaning	C	VND	1,440,000.00	1.000000	VND	1,440,000.00
Equipment Imbalance Surcharge	C	USD	40.00	23,350.000000	VND	934,000.00
Equipment Imbalance Surcharge	C	USD	480.00	23,350.000000	VND	11,208,000.00
Inbound Documentation Fee	C	VND	850,000.00	1.000000	VND	850,000.00
Terminal Handling Charge at Destination	C	USD	113.00	23,350.000000	VND	2,638,550.00
Terminal Handling Charge at Destination	C	USD	1,050.00	23,350.000000	VND	24,517,500.00
			Total:		VND	41,708,050.00

Release of cargo can only be given against payment of the freight and charges shown in Total Payment Amount and the presentation of original bill of lading duly endorsed. Other charges which are not included hereof have to be paid upon exchange for release order. All cheques should be sent with remittance advice showing vessel voyage and bill of lading number and made cheque payable to:
ORIENT OVERSEAS CONTAINER LINE LIMITED

- Gửi thông báo hàng đến, debit/invoice nháp cho khách hàng trước 1 ngày tàu đến.
- Trước ngày tàu đến 1 ngày, giao thông báo hàng đến và thông tin khách hàng cược cont cho công ty dịch vụ để đi lấy D/O.



AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.
08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER, 199 DIEN BIEN PHU STR, WARD 15, BINH THANH DIST, HCMC
Tel :84 - 28 - 3 8408225 Fax :84 - 28 - 3 8408228

ARRIVAL NOTICE

Consignee :
ISUZU VIETNAM CO.,LTD
695 QUANG TRUNG STREET, WARD 8,
GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY
VIETNAM

B/L No. :ILGJ132L0146001
Date :2020/06/12
Job No. :SII2006-00027
Master B/L :OOLU2640752200

Notify Party : SAME AS CONSIGNEE

Warehouse :

Vessel / Voyage :CIMBRIA V.047S
Port of loading :SHANGHAI,CHINA
ETA DATE :2020/06/16
Port of discharge :CAT LAI, VIETNAM

MARKS & NOS	PKGS TYPE	GOODS DESCRIPTION	WEIGHT (KGS)	MEASMT (CBM)
OOLU9522560/OOLGAC8835/40'HQ/CY/CY/		16CAS/11952.000KGS/53.840CBM		
OOCU6515220/OOLGAB7407/40'HQ/CY/CY/		16CAS/11952.000KGS/53.840CBM		
OOCU7375099/OOLGAB7257/40'HQ/CY/CY/		16CAS/14724.000KGS/53.840CBM		
OOCU6963631/OOLGAB7490/40'HQ/CY/CY/		16CAS/17496.000KGS/53.840CBM		
OOCU8028474/OOLGAF3490/40'HQ/CY/CY/		16CAS/17496.000KGS/53.840CBM		
OOLU9416629/OOLGAF6891/40'HQ/CY/CY/		16CAS/19872.000KGS/59.200CBM		
LYGU0022105/OOLFGX9240/20'/CY/CY/		4CAS/4968.000KGS/14.910CBM		
		MARKS & NOS. & DESCRIPTION OF GOODS AS PER LIST ATTACHED.		
	100 CASE(S)		98460.000	343.310

AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.
08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER, 199 DIEN BIEN PHU STR, WARD 15, BINH THANH DIST, HCMC
Tel :84 - 28 - 3 8408225 Fax :84 - 28 - 3 8408228

Invoice

To : ISUZU VIETNAM CO.,LTD (HCM)
695 QUANG TRUNG STREET, WARD 8,
GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY
VIETNAM

Invoice No. : INI20-01955
Date : 2020/06/11
Job No. : SII2006-00027
Pay. Term : C.O.D.

ORIGINAL

Vessel / Voyage : CINBRIA V.047S ETA Date : 2020/06/14
Loading port : SHANGHAI, CHINA
Discharge port : CAT LAI, VIETNAM
B/L No. : ILGJ132L0146001 / 100 CASE(S) / 343.310 CBM/ 98460.000 KGS
Container : OOLU9522560 /40' HQ, OOCU6515220 /40' HQ, OOCU7375099 /40' HQ
OOCU6963631 /40' HQ, OOCU8028474 /40' HQ, OOLU9416629 /40' HQ
LYGU0022105 /20'

Charge Description					Amount VND (NON-VAT)
CLEANING CHARGE	:	6 X VND	240000.000/40'		1,440,000.00
EQIUPMENT INBALANCE	:	6 X USD	80.000/40'	@23320.0	11,193,600.00
THC 40'HQ (VN)	:	6 X USD	175.000/40'	@23320.0	24,486,000.00
DELIVERY ORDER	:	1 X USD	40.000/SHPT	@23320.0	932,800.00
HANDLING CHARGE	:	1 X USD	40.000/SHPT	@23320.0	932,800.00
CLEANING CHARGE	:	1 X VND	120000.000/20'		120,000.00
THC 20' (VN)	:	1 X USD	113.000/20'	@23320.0	2,635,160.00
EQIUPMENT INBALANCE	:	1 X USD	40.000/20'	@23320.0	932,800.00



- **FCL:**

  Dùng eD/O của carrier

- **LCL:**

  Phát hành D/O

OOCL
We take it personally

DELIVERY ORDER

Version 2
DO ISSUE DATE:
Jun 15 2020
BILL OF LADING NO.:
OOLU2640752200

AGENT	CONSIGNEE	NOTIFY PARTY
OOCL (Vietnam) Co., Ltd Unit 1301-1305, 13rd Floor, Saigon Trade Center, 37 Ton Duc Thang St., District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.	AITC LOGISTICS (VIET NAM) CO., LTD 08th Floor, Phuoc Thanh Tower, 199 Dien Bien Phu Str., Ward 15 Ho Chi Minh Vietnam	TAX ID:0314350975 AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD. 08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER, 199 DIEN BIEN PHU STR., **

VESSEL / VOYAGE		PORT OF LOADING	DEPARTURE	PORT OF DISCHARGE	ETA
CIMBRIA 047S		Shanghai	Jun 07 2020	Ho Chi Minh (Cat Lai)	Jun 16 2020
VESSEL CALL SIGN	**REGISTRATION NO.**	**PLACE OF DELIVERY**		**ESTIMATED CARGO ARRIVAL DATE**	
A8HJ4		Ho Chi Minh, Vietnam		Jun 16 2020	

DELIVERY ORDER (PIN) **52880756**

MARKS	PACKAGE	DESCRIPTION OF GOODS	WEIGHT	MEASUREMENT
I V C HO CHI MINH CITY MODEL: QKR77H LOT NO.: 655-674 CASE NO.: 80-81,84-86 ISUZU CHINA	16 Cases	ISUZU LIGHT DUTY TRUCKS IN CKD CONDITION WITH ED PAINTED FRAME MODEL:QKR77HE4 HS CODE: 8708 9401	17496 KG	53.84 CBM
	16 Cases		17496 KG	53.84 CBM
	16 Cases		19872 KG	59.2 CBM
	16 Cases		11952 KG	53.84 CBM
	16 Cases		14724 KG	53.84 CBM
	16 Cases		11952 KG	53.84 CBM
	4 Cases		4968 KG	14.91 CBM

CONTAINER NO.	SEAL NO.	SIZE/TYPE	PIECE COUNT	TRAFFIC TERMS	DEMURRAGE FREE TIME END
OOCU8028474	OOLGAF3490	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020
OOCU6963631	OOLGAB7490	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020
OOLU9416629	OOLGAF6891	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020
OOLU9522560	OOLGAC8835	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020
OOCU7375099	OOLGAB7257	40HQ	16 Cases	FCL / FCL	29/06/2020

CARGO PICKUP LOCATION	REMARKS	EMPTY RETURN LOCATION	TARIFF FREE TIME (FROM AVAILABILITY DATE) BEFORE DEMURRAGE
Cat Lai Terminal Inter-Provincial Road		G-Fortune Dong An Depot	14 Calendar Day(s)

AITC LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.
08TH FLOOR, PHUOC THANH TOWER, 199 DIEN BIEN PHU STR, WARD 15, BINH THANH DIST, HCMC
Tel :84 - 28 - 3 8408225 Fax :84 - 28 - 3 8408228

DELIVERY ORDER

MESSRS : CAT LAI PORT
PLEASE DELIVER TO :

Consignee :
KYN CO.,LTD
40 STREET NO.14 WARD 05, GO VAP
DISTRICT, HO CHI MINH CITY,
VIET NAM
(84) 28 362 05 077

B/L No. :OSASGN20080054
Date :2020/08/19
Job No. :SIA2008-00029
Master B/L :EGLV022000130240

Warehouse : *

Vessel / Voyage :TOKYO TOWER V.0072-026S
ETA DATE :2020/08/19
Port of loading :OSAKA
Port of discharge :CAT LAI, VIETNAM

MARKS & NOS	PKGS TYPE	GOODS DESCRIPTION	WEIGHT (KGS)	MEASMT (CBM)
EISU1878829/EMCHSU5839/40'DC/CY/CY				
		SAID TO CONTAIN : -		
	440 CARTON(S)	GENERAL MERCHANDISE	4498.210	30.622



- Nhận giấy giới thiệu
- Thu hồi HBL gốc nếu HBL không phải là seaway bill hay surrendered bill.

  * *Cnee trên HBL = 'to order'*

    → HBL có ký hậu của shipper

  * *Cnee là 'to order of < a bank>'*

    → HBL có ký hậu của NH

  * *Cnee là 'to order of'*

    → HBL có ký hậu của cty đó



Customs procedures for import and export goods must be coordinated between 4 subjects: import and export goods owners, customs offices, port authorities and shipping companies.

Nhà NK VN : Sri Trang Indochina (VietNam) Co., LTD

- Liên lạc tổ chức nào?
- Làm những hoạt động gì?
- Nếu hàng hóa có rủi ro, ai chịu? Claim ở đâu?

để nhận được lô hàng trên?

Hãng tàu Evergreen (Việt Nam):

- Làm những hoạt động gì?

để phóng thích lô hàng trên cho nhà NK?


Thank You


@MR. TÍT H HẢI PHÒNG
TỪ ĐIỂN TỪ VIẾT TẮT
TRONG HỢP ĐỒNG
THUÊ TÀU

A

AA	Always Afloat
AAAA	Always Accessible Always Afloat
AARA	Amsterdam-Antwerp-Rotterdam Area
ABT	About
ADCOM	Address Commission
AFSPS	Arrival First Sea Pilot Station (Norway)
AFFREIGHTMENT	The hiring of a ship in whole or part
AFT	At or towards the stern or rear of a ship
AGW	All Going Well
AHL	Australian Hold Ladders
ANTHAM	Antwerp-Hamburg Range
APS	Arrival Pilot Station

B

BAF	Bunker Adjustment Factor. A Fuel Surcharge expressed as a percentage added or subtracted from the freight amount reflecting the movement in the market place price for bunkers.
BALLAST	Heavy weight, often sea water, necessary for the stability and safety of a ship which is not carrying cargo.
BAREBOAT	Bareboat Charter Owners lease a specific ship and control its technical management and commercial operations only.
BBB	Before Breaking Bulk
BDI	Both Dates Inclusive
BENDS	Both Ends (Load & Discharge Ports)
BI	Both Inclusive
BIMCO	The Baltic and International Maritime Council
BL	Bale
BL	(Bill of Lading) A document signed by the carrier which acts as a receipt and evidence of title to the cargo.

C

CBM	Cubic Meter
CBFT	Cubic Feet
CFR	Cost and Freight
CHOPT	Charterers Option
CHTRS	Charterers
CIF	Cost, Insurance & Freight. Seller pays all these costs to a nominated port or place of discharge.
COA	Contract of Affreightment Owners agree to accept a cost per revenue ton for cargo carried on a specific number of voyages.
COACP	Contract of Affreightment Charter Party
COB	Close of Business
COD	Cash On Delivery
COGSA	Carriage of Goods by Sea Act
CONS	Consumption
COP	Custom Of Port
CP	Charter Party
CROB	Cargo Remaining on Board

D

DAPS	Days all Purposes (Total days for loading & discharging)
DDU	Delivered Duty unpaid.
DDP	Delivered Duty Paid.
DEM	Demurrage
DESP	Dispatch
DET	Detention
DHDATSBE	Dispatch Half Demurrage on Working Time Saved Both Ends
DISCH	Discharge
DK	Deck
DLOSP	Dropping Last Outwards Sea Pilot (Norway)
DO	Diesel Oil
DOLSP	Dropping Off Last Sea Pilot (Norway)
DOP	Dropping Outward Pilot
DOT	Department of Transport
DNRSAOCLONL	Discountless and Non-Returnable Ship and/or Cargo Lost or Not Lost

E

EC	East Coast
EIU	Even if Used
ELVENT	Electric Ventilation
ETA	Estimated Time of Arrival
ETC	Estimated Time of Completion
ETD	Estimated Time of Departure
ETS	Estimated Time of Sailing
EXW	Ex Works

TỪ ĐIỂN TỪ VIẾT TẮT TRONG HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

FAS	FREE ALONGSIDE SHIP. SELLER DELIVERS GOODS TO APPROPRIATE DOCK OR TERMINAL AT PORT OF EMBARKATION AND BUYER COVERS COSTS AND RISKS OF LOADING.
FD	FREE OF DISPATCH
FDD	FREIGHT DEMURRAGE DEADFREIGHT
FDIS	FREE DISCHARGE
FEU	FORTY FOOT CONTAINER EQUIVALENCY UNIT STANDARD 40′ CONTAINER
FHEX	FRIDAYS/HOLIDAYS EXCLUDED
FHINC	FRIDAYS/HOLIDAYS INCLUDED
FILO	FREE IN LINE OUT
FIO	FREE IN/OUT. FREIGHT BOOKED FIO INCLUDES THE SEA FREIGHT, BUT NO LOADING/DISCHARGING COSTS, I.E. THE CHARTERER PAYS FOR COST OF LOADING AND DISCHARGING CARGO.
FIOS	FREE IN/OUT STOWED. AS PER FIO, BUT INCLUDES STOWAGE COSTS.
FIOT	FREE IN/OUT AND TRIMMED. AS PER FIOS BUT INCLUDES TRIMMING THE LEVELING OF BULK CARGOES.

TỪ ĐIỂN TỪ VIẾT TẮT TRONG HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

GA	GENERAL AVERAGE
GLS	GEARLESS
GNCN	GENCON A STANDARD BIMCO CHARTER PARTY FORM
GN	GRAIN (CAPACITY)
GO	GAS OIL
GRD	GEARED
GRT	GROSS REGISTERED TONNAGE
GSB	GOOD SAFE BERTH
GSP	GOOD SAFE PORT
GTEE	GUARANTEE

TỪ ĐIỂN TỪ VIẾT TẮT TRONG HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

2H	SECOND HALF
HA	HATCH
HDWTS	HALF DISPATCH WORKING TIME SAVED
HMS	HEAVY METAL SCRAP
HO	HOLD
HW	HIGH WATER

TỪ ĐIỂN TỪ VIẾT TẮT TRONG HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

IMDG	INTERNATIONAL MARITIME DANGEROUS GOODS CODE
IMO	INTERNATIONAL MARITIME ORGANIZATION
IND	INDICATION
INTERMODAL	CARRIAGE OF A COMMODITY BY DIFFERENT MODES OF TRANSPORT, I.E. SEA, ROAD, RAIL AND AIR WITHIN A SINGLE JOURNEY.
ITF	INTERNATIONAL TRANSPORT FEDERATION INTERNATIONAL BODY THAT REGULATES CREWING OF SHIPS
IU	IF USED
IUATUTC	IF USED, ACTUAL TIME USED TO COUNT
IUHATUTC	IF USED, HALF ACTUAL TIME USED TO COUNT
IWL	INSTITUTE WARRANTY LIMITS

TỪ ĐIỂN TỪ VIẾT TẮT TRONG HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

LANE	A METHOD OF MEASURING THE SPACE CAPACITY OF RO/RO SHIPS WHEREBY EACH UNIT OF SPACE (LINEAR METER) IS REPRESENTED BY AN AREA OF DECK 1.0 METER IN LENGTH X 2.0 METERS IN WIDTH.
LASH	TO HOLD GOODS IN POSITION BY USE OF ROPES, WIRES, CHAINS OR STRAPS ETC.
LASH	LIGHTER ABOARD SHIP A VESSEL THAT LOADS SMALL BARGES DIRECT FROM THE WATER
LAT	LATITUDE
LOA	LENGTH OVERALL OF THE VESSEL
LOW	LAST OPEN WATER
LS	LUMPSUM
LSD	LASHED SECURED DUNNAGED
LT	LINER TERMS
LW	LOW WATER
LYCN	LAYCAN (LAYDAY CANCELING DATE)

TỪ ĐIỂN TỪ VIẾT TẮT TRONG HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

MB	MERCHANT BROKER
MDO	MARINE DIESEL OIL
MIN/ MAX	MINIMUM/MAXIMUM (CARGO QUANTITY)
MOLCHOPT	MORE OR LESS CHARTERERS OPTION
MOLOO	MORE OR LESS OWNERS OPTION
MT	METRIC TON (I.E. 1,000 KILOS / 2204.6LBS)
M/V	MOTOR VESSEL

TỪ ĐIỂN TỪ VIẾT TẮT TRONG HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

NAABSA	NOT ALWAYS AFLOAT BUT SAFELY AGROUND
NCB	NATIONAL CARGO BUREAU
NESTING	IMPLIES THAT CARGO IS PRESENTED STACKED IN THE CONTOUR OF SIMILARLY SHAPED CARGO, IT MAY BE LIKENED TO A STACK OF PLATES.
NON-REVERSIBLE	(DETENTION). IF LOADING COMPLETED SOONER THAN EXPECTED, THEN SAVED DAYS WILL NOT BE ADDED TO DISCHARGE TIME ALLOWED.
NOR	NOTICE OF READINESS
NRT	NET REGISTERED TONNAGE
NYPE	NEW YORK PRODUCE EXCHANGE

Amerasian Shipping Logistics

Your True Logistics Partner

DIỄN ĐÀN LOGISTICS VỚI KHU VỰC CHÂU ÂU-CHÂU MỸ NĂM 2022

Ho Chi Minh City, 20th December, 2022

Trình bày: Th.s Võ Thị Phương Lan
Phó chủ tịch Hiệp hội Logistics Tp Hồ Chí Minh (HLA)
Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công Ty ASL Logistics

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU

Your True Logistics Partner

Trị giá xuất/nhập khẩu theo thị trường chính năm 2021 & 2022



- Theo số liệu thống kê, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2022 đã vượt mốc 500 tỷ USD, ước đạt 558,52 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm 2021
- Xuất khẩu tăng 17,3%
- Nhập khẩu tăng 13%

Thị trường	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Trị giá (Tỷ USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (Tỷ USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng (%)
Châu Á	**161,94**	**15,5**	**48,2**	**271,46**	**27,6**	**81,7**
- ASEAN	*28,77*	*24,8*	*8,6*	*41,13*	*35,0*	*12,4*
- Trung Quốc	*55,95*	*14,5*	*16,6*	*109,87*	*30,5*	*33,1*
- Hàn Quốc	*21,95*	*14,9*	*6,5*	*56,16*	*19,7*	*16,9*
- Nhật Bản	*20,13*	*4,4*	*6,0*	*22,65*	*11,3*	*6,8*
Châu Mỹ	**114,19**	**26,6**	**34,0**	**25,02**	**14,5**	**7,5**
- Hoa Kỳ	*96,29*	*24,9*	*28,6*	*15,27*	*11,4*	*4,6*
Châu Âu	**51,04**	**14,2**	**15,2**	**22,36**	**16,8**	**6,7**
- EU(27)	*40,06*	*14,1*	*11,9*	*16,89*	*15,3*	*5,1*
Châu Đại Dương	**5,52**	**23,9**	**1,6**	**8,69**	**63,1**	**2,6**
Châu Phi	**3,61**	**18,1**	**1,1**	**4,71**	**28,6**	**1,4**
Tổng	**336,31**	**19,0**	**100,0**	**332,23**	**26,5**	**100,0**

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU

Amerasian Shipping Logistics
Your True Logistics Partner

Về thị trường xuất khẩu:

- Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 86,3 tỷ USD, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm
- *Trung Quốc với kim ngạch XK ước đạt 40 tỷ USD tăng 3,2% so với cùng kỳ*
- Xuất khẩu sang thị trường EU ước đạt 35,7 tỷ USD, tăng 23,8%
- *Xuất khẩu sang ASEAN ước đạt 26 tỷ USD, tăng 25,7%*
- Xuất khẩu sang Hàn Quốc ước đạt 18,9 tỷ USD, tăng 18,3%

Top các nước xuất khẩu HH sang Hoa Kỳ bằng container năm 2021

Country of Origin	2020		2021		Volume Change	
	Teus	%	Teus	%	Teus	%
CHINA	9,817,530.42	39.98	11,706,460.77	40.44	1,888,930.36	19.25
VIETNAM	1,863,328.63	7.59	2,277,678.40	7.87	414,349.78	22.24
INDIA	807,576.16	3.29	1,127,772.01	3.90	320,195.85	39.65
SOUTH KOREA	905,892.36	3.69	1,037,184.89	3.59	131,292.53	14.50
TAIWAN	801,129.77	3.27	942,414.76	3.26	141,284.99	17.64
THAILAND	729,274.78	2.97	856,239.37	2.96	126,964.59	17.41
HONG KONG	697,137.16	2.84	819,921.00	2.84	122,783.84	17.62
GERMANY	727,376.45	2.97	788,628.55	2.73	61,252.11	8.43
ITALY	563,463.65	2.30	658,867.21	2.28	95,403.57	16.94
JAPAN	550,197.67	2.25	607,068.92	2.10	56,871.25	10.34
INDONESIA	436,304.31	1.78	519,583.71	1.80	83,279.41	19.09
Total	24,559,739.27	100.00	28,954,190.09	100.00	4,394,450.82	17.90

Nguồn: Datamyne (Tổng hợp bởi Hanx Nguyen)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU

Amerasian Shipping Logistics
Your True Logistics Partner

Top các mặt hàng nhập khẩu vào Hoa Kỳ bằng container

DESCARTES Datamyne HS 2

	2020		2021		Volume Change	
	Teus	%	Teus	%	Teus	%
94 - FURNITURE; BEDDING ETC; LAMPS NESOI ETC; PREFAB BD	815,074.04	43.75	934,957.25	41.05	119,883.22	14.71
85 - ELECTRIC MACHINERY ETC; SOUND EQUIP; TV EQUIP; PTS	145,414.53	7.81	156,252.97	6.87	10,838.45	7.46
64 - FOOTWEAR, GAITERS AND THE LIKE; PARTS OF SUCH ARTICLES	116,608.44	6.26	134,030.92	5.89	17,422.48	14.95
61 - APPAREL ARTICLES AND ACCESSORIES, KNIT OR CROCHET	112,106.46	6.02	104,508.33	4.59	-7,598.13	-6.78
39 - PLASTICS AND ARTICLES THEREOF	59,741.57	3.21	87,629.77	3.85	27,888.20	46.69
84 - NUCLEAR REACTORS, BOILERS, MACHINERY ETC.; PARTS	67,202.33	3.61	73,994.94	3.25	6,792.61	10.11
62 - APPAREL ARTICLES AND ACCESSORIES, NOT KNIT ETC.	67,112.18	3.61	64,876.70	2.85	-2,235.48	-3.34
40 - RUBBER AND ARTICLES THEREOF	35,869.21	1.93	47,501.44	2.09	11,632.23	32.43
95 - TOYS, GAMES & SPORT EQUIPMENT; PARTS & ACCESSORIES	33,734.59	1.82	44,434.67	1.96	10,700.09	31.72
73 - ARTICLES OF IRON OR STEEL	35,780.01	1.93	40,949.54	1.80	5,169.54	14.45
44 - WOOD AND ARTICLES OF WOOD; WOOD CHARCOAL	35,370.81	1.90	39,704.55	1.75	4,333.74	12.26
03 - FISH, CRUSTACEANS & AQUATIC INVERTEBRATES	29,509.56	1.59	31,056.58	1.37	1,547.03	5.25
42 - LEATHER ART; SADDLERY ETC; HANDBAGS ETC; GUT ART	21,648.53	1.17	30,012.25	1.32	8,363.73	38.64
87 - VEHICLES, EXCEPT RAILWAY OR TRAMWAY, AND PARTS ETC	18,637.70	1.01	28,620.64	1.26	9,982.94	53.57

II. CHIA SẺ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN XUẤT KHẨU HÀNG VIỆT NAM ĐI CHÂU ÂU – CHÂU MỸ

Your True Logistics Partner

1) Lịch và thời gian vận chuyển hàng:

- ❑ Có đa dạng tuyến vận chuyển đường biển và đường hàng không trực tiếp/chuyển tải đi đến các cảng biển/sân bay tại nước Châu Mỹ & Châu Âu.
- ❑ **Năm 2020-2021 :** Thời gian vận chuyển lâu hơn dự kiến, có những lô hàng nằm tại cảng chuyển tải 2-3 tháng trước khi đến cảng đích.
- ❑ Các chuyến bay luôn đầy và nằm tại sân bay chuyển tải từ 5-10 ngày.

Cảng	Tuyến	Thời gian đi
USWC (LAX/OAK/LBG	Trực tiếp	18-22
USEC (NYC/ORF/SAV)	Trực tiếp	27-30
Europre (HAM/AWT/RTD)	Trực tiếp	20-25

Các nguyên nhân ảnh hưởng:

- ❑ Tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021 làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu..
- ❑ Cảng biển và sân bay trên thế giờ đều bị kẹt nghiêm trọng trong thời gian dài.
- ❑ Nhu cầu mua hàng dự trữ trong dịch làm cho các đơn hàng xuất/nhập khẩu tăng cao, các hãng vận chuyển và cảng biển/sân bay lâm vào tình trạng hoạt động quá tải.

II. CHIA SẺ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN XUẤT KHẨU HÀNG VIỆT NAM ĐI CHÂU ÂU – CHÂU MỸ

Your True Logistics Partner

2) Giá cước vận chuyển quốc tế:

- ❑ Cước vận tải QT tăng mạnh từ năm 2021 với tỉ lệ tăng từ 8-10 lần so với thời kỳ trước Covid (2019-2020)
- ❑ Các lô hàng bán theo điều kiện FOB thì bị ngưng đơn hàng vì người mua không thể trả cước chênh lệch quá cao.
- ❑ Các lô hàng bán theo điều kiện CIF bị hủy do các DN XNK không thể trả cước vận chuyển quá caodo giá cước vận chuyển cao hơn giá trị hàng hóa.

Các nguyên nhân ảnh hưởng:

- ❑ Tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021 làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.
- ❑ Cảng biển và sân bay trên thế giới đều bị kẹt nghiêm trọng trong thời gian dài.
- ❑ Tình trạng thiếu container rỗng trầm trọng, vòng xoay tàu giảm làm cho CẦU lớn hơn CUNG lớn dẫn đến cước vận tải quốc tế tăng kỷ lục.
- ❑ Các chuyến bay bị cắt giảm làm cho tình trạng chỗ ngày càng khan hiếm.

Từ tháng 7/2022 cước VT quốc tế đã giảm nhiều so với năm 2021 và đến quý 4/2022 cước vận tải QT đang có xu hướng trở về trạng thái bình thường như giai đoạn 2019-2020 khi mà tình trạng tắt nghẽn cảng đã được cải thiện nhiều tại các cảng trên thế giới, tình trạng khan hiếm container rỗng đã được giải quyết. Tình trạng khan hiếm chỗ nay đã không còn, các khách hàng có thể lựa chọn nhiều hãng vận chuyển phù hợp

II. CHIA SẺ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN XUẤT KHẨU HÀNG VIỆT NAM ĐI CHÂU ÂU – CHÂU MỸ

Amerasian Shipping Logistics
Your True Logistics Partner

Giá cước vận chuyển quốc tế bằng đường biển năm 2022:

- Giá cước vận tải đường biển trung bình cuối năm 2022 đi các cảng chính của Bắc Mỹ khoảng $1.500/40'HC (bờ Tây), $3,000/40'HC (bờ Đông) . Các cảng chính Châu Âu như Rotterdam, Hamburg, Antwerp ($1,100/40'HC)
- Các cảng đi vào sâu bên trong (Chicago, IL, Dallas, TX) tầm 4.200-5,000/container 40'HC

Giá cước vận chuyển quốc tế bằng đường biển năm 2021:

- Giá cước vận tải đường biển trung bình cuối năm 2021 đi các cảng chính của Bắc Mỹ khoảng $11.500/40'HC (bờ Tây), $18,000/40'HC (bờ Đông) . Các cảng chính Châu Âu như Rotterdam, Hamburg, Antwerp ($11.00/40'HC)
- Các cảng đi vào sâu bên trong (Chicago, IL, Dallas, TX) tầm 14.000-15,000/container 40'HC

Cước quốc tế đường biển giảm khoảng 70-80% so với cùng kỳ năm 2021

III. CÁC GIẢI PHÁP VỀ LOGISTICS NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH

Amerasian Shipping Logistics
Your True Logistics Partner

1/ Giải pháp logistics:

Chi phí logistics của Việt Nam chiếm khoảng 17% giá trị hàng hoá, cao gấp đôi so với các nền kinh tế phát triển, trong đó chi phí vận tải chiếm tới 60%.

1) DN XNk nên thay đổi điều kiện bán hàng/mua hàng sang CIF thay vì FOB nhằm mục đích chủ động hơn trong việc sử dụng các lịch vận chuyển phù hợp, tìm kiếm NCC cạnh tranh uy tín nhằm tiết kiệm chi phí cước tàu và các rủi ro trong quá trình vận chuyển.

2) Swap container giữa hàng xuất – nhập.

Các nhà xuất – nhập khẩu nên thỏa thuận với các hãng vận chuyển cho phép áp dụng chính sách swap container hàng xuất – nhập nhằm giảm thiểu chi phí vận tải khi mà giá dầu liên tục biến động tăng do ảnh hưởng cuộc chiến tranh Nga - Ucraina.

3) Kiểm soát các phụ phí hàng xuất/nhập thu theo định mức tiêu chuẩn tránh thu phí tràn lan.

Ví dụ phụ phí 1 container hàng xuất theo giá thị trường tầm USD 350/40'HC, USD 280/20'dc, tuy nhiên có những khách hàng vẫn phải trả mức giá cao hơn USD 75-150 cho 1 container hàng. Nếu nhà XNK có 100 container/tháng thì sẽ tiết kiệm được từ USD 7,000-15,000/tháng..

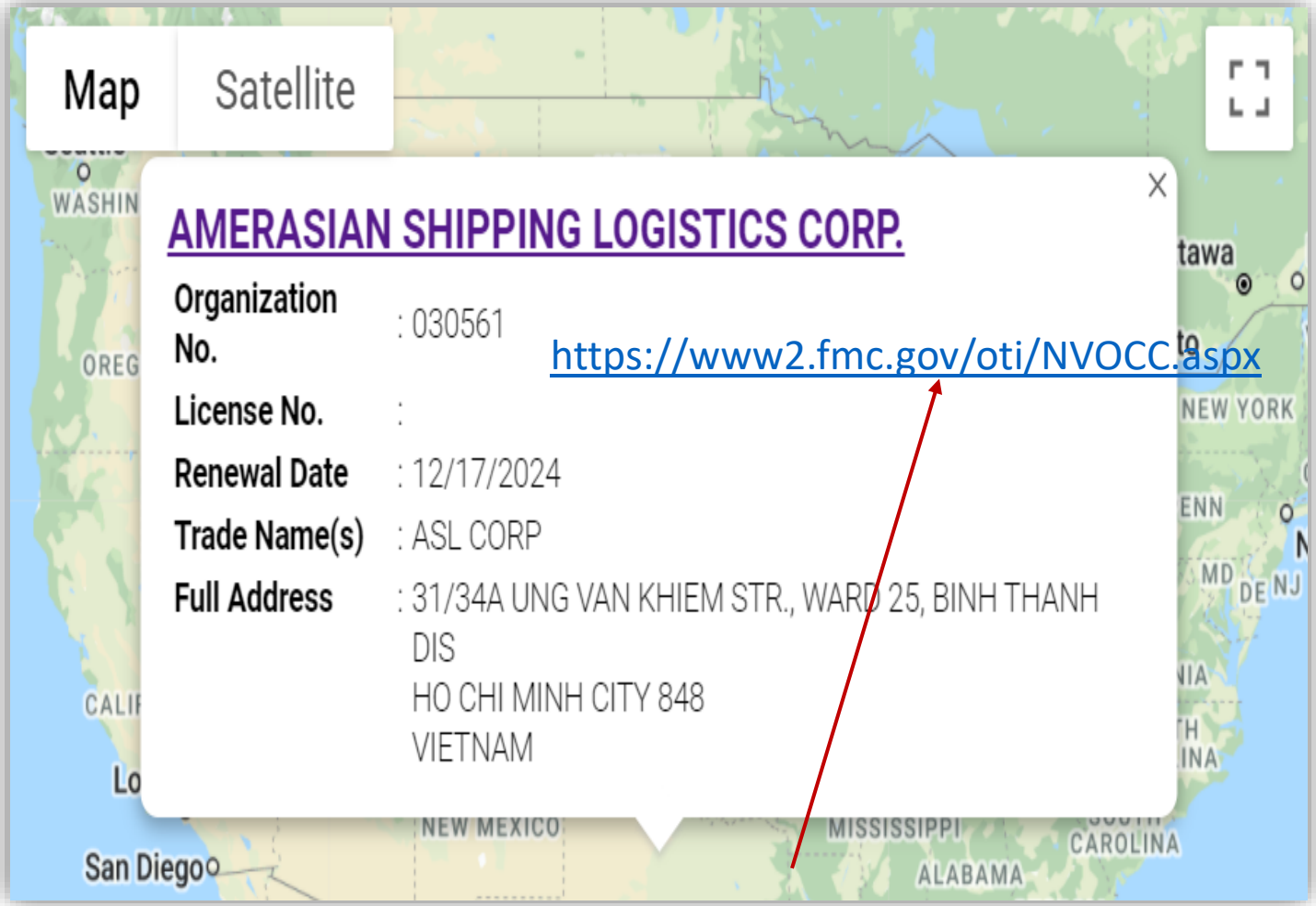
4) Tối ưu hóa chi phí logistics bằng cách sử dụng tích hợp chuỗi dịch vụ khai báo hải quan + vận chuyển nội địa.

Nếu các DN XNK sử dụng tích hợp các dịch vụ sẽ tiết kiệm chi phí logistics từ 500,000/ container so với việc sử dụng dịch vụ đơn lẻ.

Your True Logistics Partner

Các nhà cung cấp cước vận chuyển quốc tế có GCN từ cục hàng hải liên bang Hoa Kỳ (FMC)





III. CÁC GIẢI PHÁP VỀ LOGISTICS NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH

Amerasian Shipping Logistics
Your True Logistics Partner

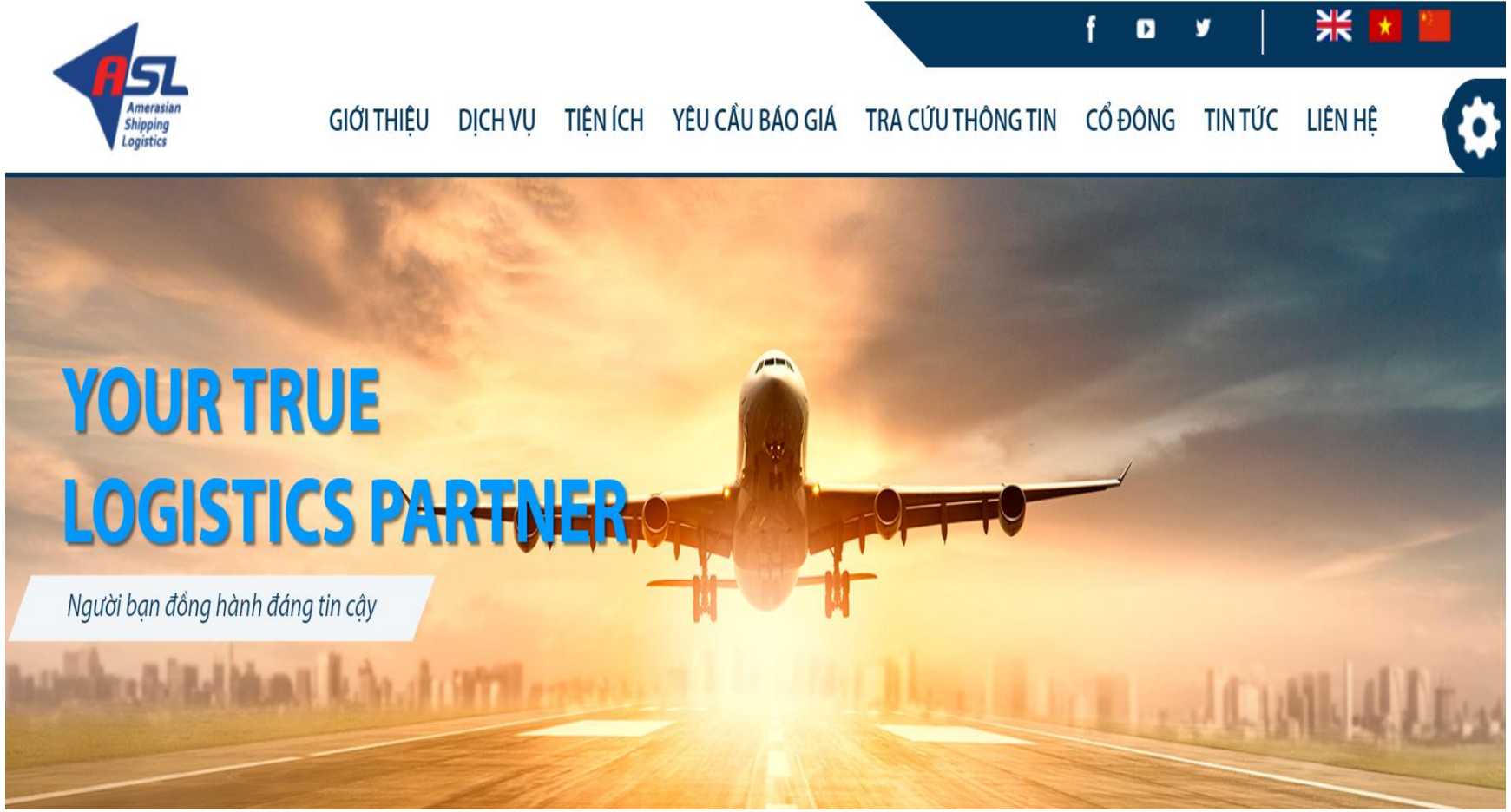
2/ Giải pháp toàn diện

Các DN XK cần tìm hiểu, nghiên cứu và tận dụng cơ hội của các hiệp định song phương và đa phương giữa VN và các nước trong Châu Âu, Châu Mỹ. Mục đích nhằm tận dụng những ưu thế về các loại thuế nhằm giảm chi phí nhập nguyên vật liệu (đầu vào) và tạo sự cạnh tranh cho đầu ra so với các nước khác:

- ❑ Hiệp định CPTTP. trong đó có các nước như Canada, Mỹ Latinh gồm Mexico, Chile, Peru là thành viên. Hiệp định CPTPP đã đi vào thực thi gần 3 năm qua đối với Mexico, Chile và bắt đầu có hiệu lực từ tháng 9 năm 2021 đối với thị trường Peru
- ❑ Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Châu âu EU (EVFTA) hiệu lực ngày 01/8/2020

- ❑ Với CPTPP, Mexico cam kết xóa bỏ 77% số dòng thuế ngay, tương đương 36,5% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 98% số dòng thuế vào năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Chile cam kết cắt giảm 95,1%. Peru cam kết xóa bỏ 81%

- ❑ Với EVFTA, EU sẽ giảm hơn 70% thuế quan đối với hàng hoá Việt Nam ngay sau khi hiệp định có hiệu lực, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu. Phần còn lại sẽ được xoá thuế trong 7 năm tiếp theo tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam


GIỚI THIỆU
DỊCH VỤ
TIỆN ÍCH
YÊU CẦU BÁO GIÁ
TRA CỨU THÔNG TIN
CỔ ĐÔNG
TIN TỨC
LIÊN HỆ
YOUR TRUE
LOGISTICS PARTNER
Người bạn đồng hành đáng tin cậy


Head Office
ASL Hồ Chí Minh
Số 31/34A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Amerasian Shipping Logistics Corp.
(+84)28 3512 9759
(+84)28 3512 9758
pricing@asl-corp.com.vn
mdirector@asl-corp.com.vn
www.asl-corp.com.vn
Chat

Thank you

Tâm sự thực tập ngành Xuất nhập khẩu
12 Tháng 12, 2022 ·

💻💻💻 **HD Khai E-manifest cho hàng nhập** - trên cổng thông tin một cửa quốc gia
👉👉👉 Tổng hợp các bước làm:
> B1: Điền thông tin vào file Excel (khai manifest)
> B2: Truy cập vào trang web: https://vnsw.gov.vn/
> B3: Chọn Bộ giao thông vận tải và tìm kiếm lô hàng theo mã hồ sơ
> B4: Chọn Khai điện tử > Vận đ... **Xem thêm**



ELEMATEC TAIWAN CORPORATION
13F,No.36-10,Sec.1,Fu-Hsing S.R.D.,Taipei,10452 Taiwan

B/L No.
NNR221200074
S/O:1457

NNR GLOBAL LOGISTICS TAIWAN INC.

BILL OF LADING

ELEMATEC VIETNAM CO., LTD.
SUITE 505, 5TH FLOOR, V-TOWER BUILDING, 649 KIM MA STREET, BA DINH DISTRICT, HA NOI CITY, VIETNAM
ATTN:Ms. Dung TEL:8404376664208 FAX:8404376664207
TAX ID:0103014205

Notify Party
SAME AS CONSIGNEE

NNR GLOBAL LOGISTICS (VIETNAM)CO.,LTD.
3D PHAN THUC DUYEN STREET WARD 4 TAN BINH DISTRICT HO CHI MINH CITY VN
ATTN:MS.HANG
TEL:84839480204 FAX:84839480095

Pre-carriage by | Place of Receipt: KEELUNG,TAIWAN
Vessel: EVER OPUS 017B | Voy. No. | Port of Loading: TAICHUNG, TAIWAN
Port of Discharge: CAT LAI, VIETNAM | Place of Delivery: CAT LAI, VIETNAM

Container No. / Seal No. / Marks and Numbers	No. of Containers or pkgs.	Kind of Packages; Description of Goods	Gross Weight	Measurement
/1 PLT/1008KGS/1.840CBM ELEMATEC TO Vietnam PLT/NO.1 MADE IN TAIWAN	1PLT VVVV	AG154B BLACK RESIN 1008KG M73-780647 ** SURRENDERED ** INVOICE NO: MS221204	1,009.00 (KGS)	1.840 (CBM)

"FREIGHT COLLECT" SVC TYPE : CFSICFS
SAY TOTAL ONE (1) PLT ONLY.

COPY NON-NEGOTIABLE

Total number of Containers or other Packages or Units (In words)

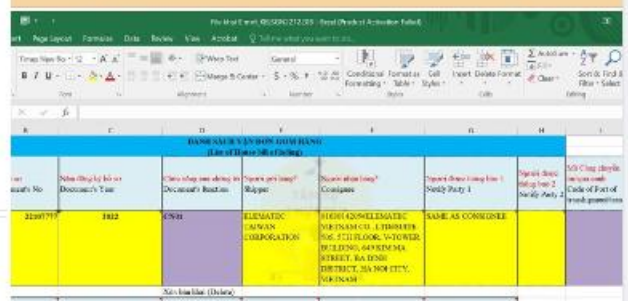
Member's Declared Value (See Clauses 14 & 23)

Note: The Merchant's attention is called to the fact that according to Clauses 21 & 23 of this Bill of Lading the liability of the Carrier in certain cases, limited in respect of loss of or damage to the Goods.

Freight and Charges	Revenue Tons	Rate	Per	Prepaid	Collect
OCEAN FREIGHT					AS ARRANGED

Kiểm tra email phân quyền của hãng tàu

Mã hồ sơ : *Document Name :*	22107777
Thời hạn khai báo : *Deadline manifest :*	17:00 NGÀY 08/12/2022
Tên tàu / Số chuyến : *Vessel / Voyage :*	EVER OPUS 017B
CONT/SEAL :	OOLU8720827/OOLHCU5383
Mã Cảng đích : *Final Destination:*	VNFEA
Mã Cảng xếp hàng : *Port of Loading :*	AS PER B/L
Mã Cảng dỡ hàng : *Port of Discharge :*	VNCLI
Nơi giao hàng : *Place of Delivery:*	CFS TNHH NGỌC KHANH



CÁC CASE STUDY


BIGROLL BEAUFORT
BIGROLL


BIGROLL BEAUFORT
BIGROLL



https://kietdg.vn/quy-trinh-lam-hang-xuat-khau-flc/

B8



https://

Mai Dang giàn khoan, cần cẩu, modules, các cấu kiện STST khác và cánh quạt điện gió...

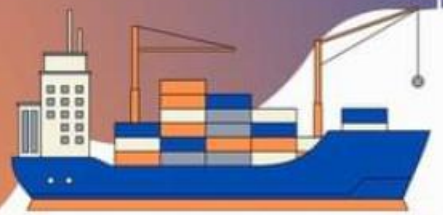


https:/

NỘI DUNG ÔN THI

MÔN : NGHIỆP VỤ GIAO NHẬN VÀ KHAI BÁO HẢI QUAN

BÀI 1	Chứng từ hàng hóa	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	
	Chứng từ vận tải	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	
BÀI 2	AIR - Cước và chi phí xuất, nhập	(DẠNG BÀI TẬP TÍNH)	6Đ
	SEA - Cước và chi phí xuất, nhập	(DẠNG BÀI TẬP TÍNH)	
BÀI 3	SEA - FCL - qui trình giao hàng xuất Cát Lái	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	
	SEA - LCL - các vấn đề liên quan đến eWMS	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	
	AIR - các vấn đề liên quan giao hàng xuất	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	
BÀI 4	SEA - FCL - qui trình nhận hàng nhập Cát Lái	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	
	SEA - LCL - các vấn đề liên quan đến eWMS	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	
	AIR - các vấn đề liên quan nhận hàng nhập	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	
BÀI 5	HẢI QUAN - Các vấn đề liên quan	(DẠNG TRẮC NGHIỆM)	



QUY TRÌNH GOM CONT ĐƯỜNG BIỂN QUẢNG CHÂU - HÀ NỘI





1

1/2 NGÀY

KH lên đơn đặt hàng: tên hàng, số lượng, đơn giá, kích thước, model



2

2-3 NGÀY

Khách hàng gửi hàng về kho Fin



3

1 NGÀY

Kho Fin kiểm tra hàng hoá, tem mác, gia cố lại kiện



4

4 NGÀY

Fin book tàu, làm chứng từ: Invoice, PL, Bill,CO. Vận chuyển về HP



5

1/2 NGÀY

Fin mở tờ khai thông quan tại cảng HP, nộp thuế, kéo hàng về An Khánh, Hoài Đức



6

1H KỂ TỪ KHI NHẬP KHO

Fin thông báo cho KH hàng về, xuất hoá đơn nhập gửi KH



7

1-2 NGÀY

Fin giao hàng cho khách, thanh lý hợp đồng, kết thúc đơn hàng

fpn LOGISTICS

www.finlogs.vn